

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

PHAN VĂN THÁM

SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN
CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA
LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

PHAN VĂN THÁM

SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN
CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA
LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

Mã số: 9229002

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS, TS. ĐẶNG QUANG ĐỊNH

2. TS. LÊ THỊ CHIÊN

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



Phan Văn Thám

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	7
1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến những vấn đề lý luận chung về nhân sinh quan, nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống	7
1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống	12
1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến quan điểm và giải pháp phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống	23
1.4. Khái quát các công trình khoa học đã tổng quan và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	28
Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG	33
2.1. Nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống	33
2.2. Sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống - Quan niệm và nội dung chủ yếu	55
2.3. Những nhân tố tác động đến sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống	64
Chương 3: SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG - THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA	80
3.1. Thực trạng sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống	80
3.2. Vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống	123

Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT HUY NHỮNG BIẾN ĐỔI TÍCH CỰC, HẠN CHẾ NHỮNG BIẾN ĐỔI TIÊU CỰC TRONG NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG	133
4.1. Quan điểm phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống	133
4.2. Một số giải pháp chủ yếu phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống	140
KẾT LUẬN	166
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	168
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	169
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Thống kê lễ hội ở Việt Nam	44
Bảng 3.1: Số lượng khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam (2022-2023)	81
Bảng 3.2: Số lượt khách về dự lễ Giỗ Tổ Hùng Vương (2016-2024)	82
Bảng 3.3: Tỷ lệ hộ nghèo của cả nước (2019-2023)	86
Bảng 3.4: Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành cả nước và phân theo vùng (2019 - 2023)	87
Bảng 3.5: Hệ số chênh lệch về thu nhập bình quân 1 người/1 tháng giữa nhóm hộ giàu nhất và nhóm hộ nghèo nhất lần lượt tăng lên qua 11 lần khảo sát mức sống (2002, 2004, 2006, 2008, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2020, 2022)	108

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nhân sinh quan là hệ thống quan niệm về ý nghĩa, mục đích cuộc sống con người, phản ánh điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt của mỗi con người, mỗi cộng đồng người ở những giai đoạn lịch sử nhất định. Mỗi cá nhân hay cộng đồng người có nhân sinh quan khác nhau, do sự khác nhau về tri thức, kinh nghiệm và môi trường sống, ... do đó, nhân sinh quan cũng biến đổi trong những điều kiện lịch sử nhất định. Sự biến đổi nhân sinh quan của mỗi người hay cộng đồng người được thể hiện qua nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có đời sống tinh thần của xã hội.

Nhân sinh quan của người Việt Nam là hệ thống những quan niệm về ý nghĩa, mục đích cuộc sống, phản ánh điều kiện sống, văn hoá, điều kiện sinh hoạt của người Việt Nam. Trải qua các giai đoạn lịch sử, nhân sinh quan của người Việt Nam được hình thành, biến đổi, phát triển rất phong phú, đa dạng, nhất là trong lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội, trong đó có lễ hội truyền thống. Nhân sinh quan của người Việt Nam biểu hiện qua lễ hội truyền thống đó là hệ thống những quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, những giá trị tốt đẹp ấy đã định hướng cho sự phát triển tốt đẹp của con người, là cơ sở cho sự vững bền của dân tộc Việt Nam qua suốt hàng ngàn năm lịch sử.

Nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống cũng có nhiều biến đổi qua sự thay đổi bởi điều kiện kinh tế - xã hội và yếu tố lịch sử, văn hoá. Sự biến đổi được thể hiện trên cả hai phương diện, đó là biến đổi tích cực và biến đổi tiêu cực. Ở phương diện biến đổi tích cực, lễ hội truyền thống đã hun đúc, bồi đắp thêm lòng yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, cố kết cộng đồng, tình đoàn kết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau, sống có nghĩa, có tình, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đối với tiền nhân, đặc biệt là những người có công xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, sống có ước mơ, hoài bão, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để thực hiện được khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Ở phương diện biến đổi tiêu cực, trong quan niệm của một bộ phận cá nhân đã xuất hiện tư

tường xem nhẹ sự tương nhớ, lòng biết ơn, xem nhẹ những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp, chạy theo lối sống thực dụng, vị kỷ, vật chất tầm thường, ... hiện tượng lợi dụng lễ hội để tiến hành các hoạt động mê tín, dị đoan, trục lợi làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống văn hoá, tinh thần của người Việt Nam. Sự biến đổi đó đã tác động mạnh mẽ đến thái độ, hành vi, cách ứng xử của con người, ảnh hưởng tiêu cực tới việc xây dựng con người mới Việt Nam hiện nay, làm cản trở quá trình xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Đạo đức, lối sống trong gia đình, học đường, xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, gây bức xúc cho xã hội”[17; T.2, tr.72]; “Có hiện tượng thương mại hoá các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở một số nơi”[17; T.2, tr.73].

Sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống đang đặt ra nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cần được nghiên cứu sâu sắc hơn. Từ đó đưa ra quan điểm định hướng và giải pháp phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống, góp phần xây dựng, phát triển đời sống tinh thần của người Việt Nam hiện nay. Đây là vấn đề vừa có ý nghĩa lý luận lâu dài và ý nghĩa thực tiễn cấp thiết. Xuất phát từ yêu cầu đó, nghiên cứu sinh chọn đề tài: “***Sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống***” để nghiên cứu trong luận án tiến sĩ triết học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận và thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, luận án đề xuất một số quan điểm và giải pháp phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống, góp phần xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh, tiến bộ, vì mục tiêu xây dựng xã hội văn minh, hạnh phúc, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu tổng quan những vấn đề liên quan đến đề tài luận án; chỉ rõ những kết quả chính mà các tác giả đi trước đã thực hiện, xác định những nội dung luận án tiếp tục nghiên cứu.

- Phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống.

- Phân tích, đánh giá thực trạng, chỉ ra nguyên nhân và những vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống.

- Đề xuất quan điểm và giải pháp phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là: sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về thời gian*: luận án nghiên cứu sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống từ khi đất nước đổi mới, năm 1986 đến nay.

- *Về không gian*: lễ hội là một chủ đề nghiên cứu rất rộng lớn, đòi hỏi phải có nhiều cách tiếp cận và nghiên cứu dưới nhiều lát cắt khác nhau. Ở đây luận án chỉ tập trung nghiên cứu một số lễ hội truyền thống tiêu biểu mang tính biểu trưng lớn, bao chứa những ý nghĩa chi phối nhiều lễ hội khác, có sức ảnh hưởng to lớn đối với đời sống xã hội như: *lễ hội đền Hùng; lễ hội đền Gióng; lễ hội đền Trần; lễ hội Phủ Dầy; lễ hội đền Bà Chúa Kho; lễ hội Vía Bà Chúa xứ Núi Sam; lễ hội Trò Trám; lễ hội Cầu Ngự*. Việc nghiên cứu sinh chọn các lễ hội trên để nghiên cứu với lý do đây là những lễ hội lớn có tính đại diện cao cho lễ hội truyền thống cả 3 miền Bắc, Trung, Nam, có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hoá tinh thần, tâm linh, tín ngưỡng cũng như nhân sinh quan của người Việt Nam, phản ánh đậm nét nhân sinh, tư tưởng, quan niệm của cư dân ở vùng (miền) nghiên cứu. Trong quá trình nghiên

cứu, luận án sẽ luận giải thêm về tính phổ biến và tính đặc thù ở cùng một loại hình lễ hội mà luận án giới hạn, nghiên cứu.

- *Về nội dung nghiên cứu:* luận án cũng chỉ tập trung nghiên cứu sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu trên một số khía cạnh: 1) Quan niệm về cuộc sống (ý nghĩa, mục đích của cuộc sống; sống ở đời và làm người); 2) Quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn (sự tôn thờ đáng sinh thành, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, ông tổ làng, tổ nghề); 3) Ước mong, hy vọng (về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc).

Luận án đề cập đến đối tượng nghiên cứu được chọn mẫu là người dân Việt Nam độ tuổi từ 30 - 75 tuổi. Đây là độ tuổi đã có vốn sống, sự trải nghiệm, nhân sinh quan, tư tưởng ổn định, có lối sống, thường xuyên quan tâm và tham gia các lễ hội truyền thống. Những đối tượng dưới 30 tuổi, chủ yếu là học sinh, sinh viên, chưa có đầy đủ và tính ổn định của các yếu tố trên, nên luận án không tập trung nghiên cứu. Luận án cũng không tập trung nghiên cứu các đối tượng người cao tuổi trên 75, mặc dù lứa tuổi này, người cao tuổi giàu vốn sống, sự trải nghiệm, có tư tưởng, lối sống ổn định, nhưng lại ít tham gia các lễ hội hơn so với đối tượng được chọn mẫu.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đời sống tinh thần, văn hoá, đạo đức, tôn giáo, tín ngưỡng, mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Về phương pháp luận:* luận án dựa trên cơ sở phương pháp luận của triết học Mác - Lênin, tập trung là phương pháp biện chứng duy vật lịch sử để phân tích sự biến đổi của đời sống tinh thần xã hội, của nhân sinh quan.

- *Về phương pháp nghiên cứu:* luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu của sử học, văn hóa học, dân tộc học, nhân học, tôn giáo học, ... Bên cạnh đó, luận án sử dụng các phương pháp khác như: phương pháp hệ thống hoá; phương

pháp phân tích - tổng hợp; phương pháp lịch sử - lôgic; phương pháp thống kê; phương pháp so sánh; phương pháp văn bản học để phân tích, đánh giá sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống từ khi đổi mới (1986) đến nay.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

- Đưa ra cách nhìn mới về nhân sinh quan của người Việt Nam dưới góc độ tiếp cận nghiên cứu về sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống.

- Đóng góp thêm cho hệ thống tư liệu về lý luận nhân sinh quan của người Việt Nam nói chung và nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

- Luận án góp phần bổ sung, phát triển những vấn đề lý luận về nhân sinh quan của người Việt Nam.

- Luận án góp phần làm rõ sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua các lễ hội truyền thống tiêu biểu.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Luận án góp phần cung cấp thêm những luận cứ khoa học cho các cơ quan quản lý trong việc hoạch định chính sách, đề xuất các giải pháp phù hợp để phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua các lễ hội truyền thống, nhằm xây dựng đời sống văn hoá, tinh thần của người Việt Nam ngày càng tiến bộ, tốt đẹp hơn.

- Luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và giảng dạy các chuyên ngành có liên quan.

7. Kết cấu của luận án

Phù hợp với mục đích và nhiệm vụ đã nêu trên, ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học của nghiên cứu sinh có liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án có kết cấu gồm 4 chương.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Một số vấn đề lý luận về sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống

Chương 3: Sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống - Thực trạng và vấn đề đặt ra

Chương 4: Quan điểm và giải pháp chủ yếu phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÂN SINH QUAN, NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

Liên quan đến vấn đề lý luận chung về nhân sinh quan nói chung và nhân sinh quan người Việt Nam nói riêng, trong khuôn khổ luận án này, nghiên cứu sinh tiếp cận khảo cứu các công trình nghiên cứu sau đây.

D.J. Kalupahana (2007), *Nhân quả - triết lý trung tâm Phật giáo* [7]. Trong cuốn sách, tác giả phân tích bản chất của thuyết nhân quả Phật giáo, vận dụng phương pháp phân tích, so sánh những điểm tương đồng và dị biệt giữa các học thuyết Phật giáo và các Triết học Ấn độ cổ đại trong kinh Vệ-đa và Upanisad. Thông qua đó, làm nổi bật điểm đặc sắc của nhân quả Phật giáo về phương diện trách nhiệm và giá trị đạo đức trong bối cảnh đời sống xã hội hiện tại và tương lai. Tác giả khẳng định, “bản chất của mọi sự vật theo Phật giáo không thể tự có mặt vô nhân, càng không thể là thụ tạo của một cái khác. Tất cả là tập hợp của nhân và duyên, tồn tại, phát triển và hoại diệt để tạo thành cái khác bằng một chuỗi tương thuộc của các nguyên nhân” [7; VIII]. Đây là những gợi ý có giá trị và là nguồn tài liệu quan trọng cho nghiên cứu sinh kế thừa để xây dựng và hoàn thiện lý luận về nhân sinh quan được thực hiện trong chương 2 của luận án.

Nguyễn Kim Dân (2007), *Triết lý nhân sinh trong cuộc sống* [6]. Trong cuốn sách, tác giả luận giải vấn đề nhân sinh quan xoay quanh các chủ đề như: thay đổi nhận thức, nghĩ một chút về người khác; để cho người khác một khoảng không gian riêng; quan trọng tình cảm của người khác và đáp lại bằng tình cảm chân thực của mình; biết nghĩ cho người khác; một nụ cười có thể xoá được mọi hiềm khích; một giọt nước ơn nghĩa, hãy báo đáp bằng nguồn nước không bao giờ cạn; tiêu chí đối nhân của con người là hiểu rõ chuẩn mực, tiêu chí xử thế là nắm vững chuẩn mực; không nên sống vì cái nhìn của người khác; có lòng độ lượng và khoan dung mới

tránh được đổ kỵ; chữ nhân chính là nâng đỡ lẫn nhau; giữ tròn chữ hiếu mới là đạo con; công ơn dưỡng dục của cha mẹ cần chúng ta báo đáp cả đời; lấy bất tranh để đạt vô sở bất tranh, lấy vô vi để đạt vô sở bất vi; đối nhân nhường một bước là cao, xử thế khoan dung một phần là phúc; được người khác tin tưởng là vinh dự của việc làm người, tin tưởng người khác là căn bản của việc làm người; lấy đức báo oán là cảnh giới cao nhất của đời người; lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ; muốn lấy, tất phải cho trước đã; học lễ nghĩa trước học xử thế sau; đời người cần biết cách vứt bỏ, ... thông qua các chủ đề, tác giả phân tích, luận giải và làm rõ triết lý nhân sinh của đời người, biểu hiện ra ở nhiều khía cạnh khác nhau như đạo làm người, lòng hiếu thảo của con người đối với các bậc sinh thành, lòng biết ơn đối với người khác, sự hy sinh, lòng trắc ẩn, vị tha, khoan dung, độ lượng, cách đối nhân xử thế, thái độ sống đúng đắn của con người trước nghịch cảnh, ... những quan niệm nêu ra trong cuốn sách này được nghiên cứu sinh kế thừa vận dụng trong nghiên cứu về nhân sinh quan của người Việt Nam qua một số lễ hội truyền thống, thể ở các nội dung: quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mong, hy vọng có một cuộc sống bình yên, phồn vinh và hạnh phúc được làm rõ ở chương 2.

Lê Kiến Cầu (Chu Quý dịch) (2008), *Triết lý nhân sinh* [3]. Trong cuốn sách, tác giả phân tích khá cụ thể các vấn đề nhân sinh trên ba phương diện: ý nghĩa nhân sinh, vấn đề nhân sinh và nhân sinh quan. Trong đó, về ý nghĩa nhân sinh là ý nghĩa, giá trị của sinh mệnh và lý tưởng làm sao thực hiện được tốt đẹp; về vấn đề nhân sinh, các vấn đề phải đối mặt trong nhân sinh, làm thế nào để có được những biện pháp giải quyết tốt; về nhân sinh quan là làm thế nào để đối mặt với các cách nghĩ khác nhau. Theo tác giả, “tất cả những vấn đề này đều nằm trong ý nghĩa và giá trị của nhân sinh, những vấn đề thường phải đối mặt và suy nghĩ, xem xét” [3; tr.5]. Qua đó, người đọc có thể rút ra những suy nghĩ, cách giải quyết hiệu quả các vấn đề của bản thân như: sự cô độc, thật và giả, thiện và ác, nghĩa và lợi, ... đây chính là những quan niệm sống của con người về cuộc đời, về mục đích và ý nghĩa của cuộc sống. Công trình này là nguồn tư liệu cho nghiên cứu sinh kế thừa xây dựng quan niệm về nhân sinh quan trong chương 2 của luận án.

Vương Mông (2009), *Triết học nhân sinh của tôi* [68], thông qua chiêm nghiệm từ cuộc đời mình, tác giả đưa ra quan điểm nhân sinh: “Đời người quan trọng nhất là gì? Một là sinh tồn, một nữa là học tập. Chúng ta cần phải biết trân trọng giá trị sinh mệnh cá thể, nhưng sinh tồn không có nghĩa là sống giản đơn. Việc bạn làm quyết định giá trị và chất lượng sinh tồn của bạn, nhưng ở đây học tập là quan trọng nhất”[68; tr.13].

Nguyễn Tất Thịnh (2011), *Hành trình nhân sinh quan: Phản tỉnh trên đường trải nghiệm* [93]. Cuốn sách tập hợp những bài viết đề cập đến nhiều vấn đề của cuộc sống nhằm chia sẻ những trải nghiệm sống, giúp người đọc tự tìm cho mình những bài học quý giá của nhân sinh, những kỹ năng sống, cách ứng xử Chân - Thiện - Mỹ để hướng đến một cuộc sống tốt đẹp hơn, luôn có cái nhìn lạc quan vào cuộc sống. Cuốn sách được kết cấu theo 4 phần chính, đó là: chuyện ở đời trong mỗi người (bao gồm những câu chuyện nhẹ nhàng, sâu sắc, tự nó ôm chứa nhiều thông điệp hữu ích); quan sát và chiêm nghiệm xã hội (gồm những khái quát của cuộc sống được nhìn nhận theo "nhân sinh quan hướng thượng"); những kiến thức cơ bản cho nhân sinh quan; Những bài thơ tản mạn về tình yêu, cuộc sống, về những triết lý nhân sinh. Tác giả tuy đề cập đến nhiều vấn đề của cuộc sống nhưng tựu chung lại đều toát lên một nội dung chính xuyên suốt đó là: tác giả muốn thông qua những chia sẻ, những trải nghiệm để cùng mỗi người dần thân đầy hào hứng vào cuộc sống, tìm thấy cho mình những bài học quý giá của nhân sinh, những kỹ năng sống, cách ứng xử Chân - Thiện - Mỹ để hướng tới một ý niệm về hạnh phúc rất thực. Đây là những gợi ý cho nghiên cứu sinh, trong nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về nhân sinh quan. Đặc biệt, là nghiên cứu khảo sát những vấn đề nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền tiêu biểu, đó là: quan niệm về cuộc sống (ý nghĩa, mục đích của cuộc sống, sống ở đời và làm người); về ước mong, hy vọng có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc, ...

Nguyễn Thị Thúy Hằng (2015), *Ảnh hưởng của nhân sinh quan Phật giáo đến đời sống tinh thần cư dân đồng bằng sông Hồng hiện nay* [26]. Trong công trình nghiên cứu của mình, tác giả đã hệ thống hóa một số vấn đề về nhân sinh quan Phật giáo nói chung và nhân sinh quan Phật giáo vùng đồng bằng sông Hồng nói riêng,

cùng với đời sống tinh thần của cư dân đồng bằng sông Hồng hiện nay, tác giả tiến hành phân tích thực trạng ảnh hưởng của nhân sinh quan Phật giáo đến đời sống tinh thần cư dân đồng bằng sông Hồng hiện nay và một số vấn đề đặt ra. Những kết luận này làm cơ sở cho nghiên cứu sinh xây dựng quan niệm về nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống.

Phùng Thị An Na (2015), *Nhân sinh quan của người Việt qua folklore Việt Nam* [69]. Trong công trình nghiên cứu của mình, tác giả đã đề cập đến vấn đề lý luận chung về nhân sinh quan và nhân sinh quan người Việt qua folklore, qua đó, tác giả phân tích sự phát triển của nhân sinh quan người Việt qua các giai đoạn của lịch sử dân tộc Việt Nam. Đó là những tư tưởng nhân sinh quan bản địa được hình thành trong quá trình sản xuất nông nghiệp cũng như lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của ông cha người Việt, đó là sự thâm nhập của các hệ tư tưởng từ bên ngoài vào như Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo đã bổ sung và làm hoàn thiện hơn nhân sinh quan của người Việt, rồi sau đó là sự truyền bá đạo Công giáo vào Việt Nam của các tu sĩ người Phương Tây, sự ảnh hưởng của tư tưởng Thiên Chúa giáo càng làm phong phú thêm quan niệm về nhân sinh của người Việt. Tác giả còn làm nổi bật sự ảnh hưởng tư tưởng Phương Tây trong thời kỳ hiện đại, khi thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược nước ta đã mang theo hệ tư tưởng của họ vào truyền bá nhằm thống trị người Việt Nam về mặt văn hoá tinh thần. Do đó, một số bộ phận người Việt Nam cũng đã ảnh hưởng tư tưởng, quan niệm nhân sinh của người Phương Tây. Tiếp đến, tác giả tiến hành khảo sát một số khía cạnh nhân sinh quan qua một số lễ hội truyền thống và tín ngưỡng dân gian. Đây là công trình có giá trị, được nghiên cứu sinh kế thừa trong xây dựng lý luận chung về nhân sinh quan và nhân sinh quan của người Việt Nam qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu được phân tích, làm rõ ở chương 2 của luận án.

Nguyễn Thế Phúc, Ngô Văn Trân (2016), *Triết học tôn giáo với những vấn đề nhân sinh quan: Lý luận và thực tiễn* [76]. Cuốn sách đã giới thiệu 26 chuyên luận, được kết cấu thành 2 phần. Phần 1: Lý luận chung triết học tôn giáo và nhân sinh quan. Trong phần này với 14 chuyên luận tập trung phân tích, luận giải làm rõ các vấn đề: triết học tôn giáo; mối quan hệ triết học - tôn giáo - nhân sinh quan; nội

dung triết lý và nhân sinh quan của các tôn giáo và tín ngưỡng. Phần 2: nhân sinh quan tôn giáo và một số vấn đề thực tiễn ở Việt Nam hiện nay. Ở phần này với 12 chuyên luận “đã tập trung làm rõ ảnh hưởng, tác động của nhân sinh quan các tôn giáo đến một số vấn đề thực tiễn ở Việt Nam hiện nay như bảo vệ môi trường, giao tiếp ứng xử, đạo đức và giáo dục đạo đức, đời sống văn hoá tinh thần và lối sống...”[76; tr.12]. Những tư tưởng quan trọng trong công trình này được nghiên cứu sinh kế thừa trong xây dựng quan niệm về cuộc sống; về sự tôn thờ, tưởng nhớ... với tư cách là những nội dung nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu.

Matsushita Kōnosuke (2017), *Mạn đàm nhân sinh* [63]. Cuốn sách đã đề cập về triết lý sống của Matsushita Kōnosuke, người sáng lập và gây dựng tên tuổi cho tập đoàn điện tử Panasonic, nền tảng triết lý sống của Matsushita: hạnh phúc chân chính hội tụ ba điều kiện: tự mình cảm thấy hạnh phúc, những người khác trong xã hội cũng tán đồng với niềm hạnh phúc chính đáng đó và con người khi sống giữa tự nhiên phải hành động và sống theo đúng nguyên lý của trời đất và tự nhiên. Đó là những đúc kết tưởng như giản đơn nhưng lại đưa người ta trở về căn cội sâu xa trong sự phát triển của nhân loại. Matsushita đã khái quát được đời người luôn ước mong, hy vọng có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc là rất chính đáng, và cuộc sống của con người muốn tồn tại và phát triển thì phải hành động và tuân theo quy luật của tự nhiên. Những khái quát này được nghiên cứu sinh kế thừa để xây dựng quan niệm về ước mong, hy vọng có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu.

Hoàng Thúc Lân (Chủ biên) (2017), *Triết lý nhân sinh trong tục ngữ, ca dao Việt Nam* [47]. Nội dung cuốn sách đã đề cập lý luận chung về triết lý nhân sinh trong tục ngữ, ca dao Việt Nam, tập trung ở các nội dung, đó là: quan niệm về đời người, ý nghĩa của cuộc đời con người. Quan niệm về cách ứng xử của con người với tự nhiên, biểu hiện dưới các khía cạnh như: con người sống không thể tách rời với tự nhiên; về lao động sản xuất cải tạo tự nhiên. Quan niệm về cách ứng xử giữa con người với con người trong xã hội, được thể hiện ra ở những mối quan hệ như: mối quan hệ vợ chồng ân tình, thủy chung, nhường nhịn, sẻ chia; mối quan hệ trong

gia đình trên dưới tôn kính, cha con chí hiếu: mối quan hệ anh em thuận hòa; mối quan hệ gắn bó ruột thịt, tương thân tương ái trong cộng đồng, quốc gia dân tộc. Các nội dung trong công trình này là cơ sở để nghiên cứu sinh xây dựng các nội dung lý luận chung về nhân sinh quan và nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống được trình bày trong luận án. Cụ thể như sau:

Quan niệm về đời người, ý nghĩa của cuộc đời con người được sử dụng trong việc nghiên cứu quan niệm về cuộc sống như: ý nghĩa, mục đích, sống ở đời và làm người thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu được làm rõ ở chương 2.

Quan niệm về cách ứng xử giữa con người với con người trong xã hội, được thể hiện ra ở những mối quan hệ như: mối quan hệ trong gia đình trên dưới tôn kính, cha con chí hiếu; mối quan hệ anh em thuận hòa; mối quan hệ gắn bó ruột thịt, tương thân tương ái trong cộng đồng, quốc gia dân tộc được sử dụng trong nghiên cứu quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn đối với những người có công dựng nước, giữ nước, tổ làng, tổ nghề, ... và quan niệm về tình yêu quê hương, đất nước thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu được phân tích ở chương 2.

Các công trình được khảo cứu ở trên với những nội dung có giá trị, chính là nguồn tư liệu hết sức phong phú giúp nghiên cứu sinh đi vào nghiên cứu các vấn đề lý luận về nhân sinh quan một cách đầy đủ, toàn diện và có hệ thống hơn ở chương 2 của luận án.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

Liên quan đến vấn đề thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, trong giới hạn của luận án này, nghiên cứu sinh tiến hành khảo cứu các công trình nghiên cứu sau đây:

Trần Bình Minh (2000), *Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á (so sánh với các lễ hội ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ)* [67]. Trong công trình này, tác giả đã nghiên cứu theo hướng chuyên sâu về những tương đồng trong các lễ hội cổ truyền ở Đông Nam Á. Trên cơ sở đó, phân tích những nét tương đồng cuộc sống của cư dân Đông Nam Á mà hàng số của nó là nông nghiệp lúa nước và

văn hóa xóm làng. Đó là những nét tương đồng trong đời sống thực, cơ sở cho những nét tương đồng trong đời sống ảo, đời sống tâm linh. Những nét tương đồng được chỉ ra tương đối rõ ràng như: tín ngưỡng hôn lúa, tục thờ nước, tín ngưỡng phồn thực, tục thờ mặt trời và thờ cúng tổ tiên. Tác giả cũng đã dành một phần nội dung cuốn sách khái quát về sự biến đổi đời sống tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo do sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội của các cư dân Đông Nam Á. Vấn đề tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo và sự biến đổi của nó được khái quát trong công trình này là cơ sở để nghiên cứu sinh xây dựng, nghiên cứu về sự trân trọng, lòng biết ơn, tôn thờ, tưởng nhớ người có công với đất nước, anh hùng dân tộc, Tổ làng, Tổ nghề... và sự biến đổi của nó với tư cách là những nội dung nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu được phân tích làm rõ ở chương 2 và chương 3 của luận án.

Vũ Ngọc Khánh (2007), *Nghiên cứu văn hoá cổ truyền Việt Nam* [44]. Cuốn sách dày 663 trang với bốn phần nghiên cứu về bốn khía cạnh của văn hoá. Phần một, nghiên cứu về văn hoá dân gian Việt Nam. Phần hai, nghiên cứu về văn hoá gia đình Việt Nam. Phần ba, nghiên cứu về văn hoá làng Việt Nam. Phần bốn, nghiên cứu về văn hoá cổ truyền Việt Nam nhìn từ hiện đại. Đặc biệt ở phần bốn, tác giả nhận định các giá trị văn hoá cổ truyền đang đứng trước sự thay đổi mạnh mẽ và nhanh chóng do những tác động của sự chuyển biến xã hội từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong đó, tác giả dành riêng một mục để khảo cứu, phân tích lễ hội cổ truyền trong đời sống xã hội hiện đại. Sau khi khái quát về lễ hội và so sánh lễ hội cổ truyền của Việt Nam với lễ hội cổ truyền của một số nước trong khu vực Đông Nam Á, tác giả chỉ ra một số đặc thù riêng của lễ hội cổ truyền Việt Nam và khẳng định sự biến đổi của lễ hội cổ truyền Việt Nam là một tất yếu mang tính quy luật do sự biến đổi của xã hội, của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế, giao lưu, tiếp biến văn hoá, ... do đó, cần phải chuẩn bị để có hướng thích nghi và phát triển những giá trị tích cực của lễ hội cổ truyền Việt Nam trong giai đoạn mới. Mặt khác, trong các phân tích, kết luận của tác giả cũng cho thấy rằng, lễ hội truyền thống chính là môi trường thể hiện rõ nét quan niệm sống của con người, khi điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi, thì quan niệm sống của con

người cũng thay đổi và được thể hiện rõ trong sinh hoạt lễ hội truyền thống của họ. Công trình này đã đưa ra những gợi ý có giá trị cho nghiên cứu sinh khảo sát thực trạng sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu được phân tích làm rõ ở chương 3 của luận án.

Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền* [9897]. Công trình là tập hợp nhiều bài nghiên cứu về tín ngưỡng và lễ hội. Nội dung của công trình tập trung vào ba cụm vấn đề: khái quát về tín ngưỡng dân gian các dân tộc Việt Nam và đi sâu nghiên cứu một số tín ngưỡng riêng lẻ như: tín ngưỡng thờ Tản Viên, Chử Đạo Tổ, Bà Chúa kho,...; đề cập đến các vấn đề Tín ngưỡng thờ Mẫu và nghi lễ Shaman (lên đồng) của người Việt; các vấn đề chung khác liên quan đến lễ hội và văn hóa tín ngưỡng. Đặc biệt, tác giả tập trung đi sâu nghiên cứu về sự biến đổi của một số tín ngưỡng cho phù hợp với sự thay đổi của thực tiễn cuộc sống. Chẳng hạn, nếu như trước đây người ta quan niệm Bà Chúa Kho chỉ là người giữ kho quân lương, người dạy cho dân chúng biết trồng lúa, thì hiện nay, trong quan niệm của rất nhiều người Bà Chúa Kho là bà chúa giữ tiền, kho tiền, vàng, bạc. Do đó, để làm ăn phát đạt người ta đến cúng bái, khẩn xin, vay tiền, vàng, bạc của Bà Chúa Kho để được bà phù hộ cho một năm may mắn, phát lộc, phát tài, ăn nên làm ra. Cuối năm lại đến đền Bà Chúa Kho trả khoản vay cả vốn lẫn lãi. Điều này đã làm thay đổi quan niệm, nhận thức của con người về đời sống tâm linh, tín ngưỡng. Những nội dung vừa được khái quát ở trên là cơ sở cho nghiên cứu sinh xây dựng và nghiên cứu quan niệm về cuộc sống và sự biến đổi của nó (ở cả hai phương diện tích cực và tiêu cực) với tư cách là một trong những nội dung nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu được làm rõ ở chương 2 và chương 3 của luận án.

Bá Trung Phụ (2009), *Lễ hội Rija - Tín ngưỡng phồn thực của người Chăm ở Trung Bộ* [75]. Theo tác giả, tín ngưỡng phồn thực của người Chăm ở Trung Bộ có nguồn gốc và chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng phồn thực đạo Bà La Môn của Ấn Độ giáo du nhập vào cộng đồng người Chăm trong lịch sử xa xưa, sùng bái thần Shiva để cầu xin sự may mắn, hạnh phúc và cầu sự bình an trong cõi nhân sinh đầy biến động và bất trắc. Do ảnh hưởng tín ngưỡng phồn thực của người Ấn Độ nên trong

tín ngưỡng phồn thực của người Chăm hai sinh thực khí là Linga và Yoni được tôn thờ rộng rãi như là vấn đề trung tâm trong đời sống tâm linh của người Chăm ở Trung Bộ. Linga và Yoni biểu tượng cho giống đực - cái hay âm - dương, sự kết hợp giữa Linga và Yoni tạo ra sự sống, tạo ra vạn vật sinh sôi nảy nở. Do đó, trong toàn bộ nghi lễ Rija của người Chăm ở Trung Bộ dù được thực hiện ở nhiều làng khác nhau với những nghi thức và vật tế có thể khác nhau, nhưng tất cả đều toát lên sự kết hợp, giao thoa giữa âm - dương, đực - cái, ... nguyên lý tạo nên sự sinh sôi nảy nở, cuộc sống phồn thịnh, ấm no, an yên và hạnh phúc. Tiếp đến, tác giả tập trung phân tích sự biến đổi trong đời sống tâm linh, tín ngưỡng của người Chăm ở Trung Bộ được thể hiện một cách rõ nét qua lễ hội Rija. Do sự thay đổi của điều kiện sống và hoàn cảnh xã hội tác động, làm cho quan niệm sống của người dân nơi đây cũng có sự biến đổi nhất định. Sự biến đổi đó trước hết biểu hiện ra trong sinh hoạt đời sống tâm linh, tín ngưỡng của họ thể hiện qua các nghi thức tế lễ và sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng trong lễ hội Rija hướng đến cuộc sống bình yên, phồn vinh, hạnh phúc. Nội dung của công trình này đã cung cấp cho nghiên cứu sinh nguồn tư liệu quan trọng trong việc xây dựng, nghiên cứu quan niệm về ước mong, hy vọng có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc và sự biến đổi của nó được làm rõ trong chương 2 và chương 3 của luận án.

Trung Thị Thu Thủy (2010), *Lễ hội truyền thống - Bức tranh đời sống tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên* [104]. Trong bài viết của mình, tác giả đã làm toát lên bức tranh đời sống tín ngưỡng của các dân tộc ít người ở Tây Nguyên khá đậm nét thông qua 2 loại hình lễ hội cơ bản đó là *lễ hội nông nghiệp* và *lễ hội gắn với vòng đời người*. Với lễ hội nông nghiệp thì việc tôn thờ, cúng rước thần lúa và hồn lúa mỗi dịp khai mùa và thu hoạch là quan trọng nhất gồm: thần lúa, hồn lúa, thần sấm, thần nước, thần lửa. Trong đó, thần lúa, hồn lúa là biểu tượng cho người phụ nữ, người mẹ của buôn làng và vì thế mỗi dịp lễ khai mùa thì người phụ nữ được chọn để lên nương rẫy gieo, tria những hạt giống đầu tiên thì mới mang lại cho buôn làng một mùa bội thu sắp tới. Lễ hội gắn với vòng đời người, là hệ thống lễ hội quan trọng trong đời sống tâm linh của các dân tộc ít người ở Tây Nguyên. Lễ hội vòng đời người dựa trên cơ sở niềm tin rằng, con người có linh hồn

và sau khi con người chết linh hồn vẫn tồn tại, “linh hồn gắn với thể xác, do vậy con người khi cất tiếng khóc chào đời đã phải thực hiện lễ khai tâm, lễ thổi tai. Lớn hơn nữa phải làm lễ trưởng thành, lễ cưới. Khi đau ốm, bệnh tật tức là lúc hồn đi lang thang hay bị các thần ác bắt mất phải làm lễ gọi hồn, lễ ăn trâu cầu sức khoẻ. Và cuối cùng là cuộc chia lìa tất yếu xảy ra giữa linh hồn và thể xác bằng những lễ thức tang ma, lễ bỏ mả[104; tr.43].

Từ sự khái quát, phân tích các lễ hội vừa nêu trên, tác giả làm rõ những *biến đổi* trong lễ hội truyền thống Tây Nguyên. Tác giả khẳng định, sự biến đổi các lễ thức của lễ hội truyền thống là do sự thay đổi, phát triển của điều kiện kinh tế - xã hội, phương thức canh tác, cây trồng, vật nuôi, ... dẫn đến sự biến đổi về khung thời gian của lễ hội, lời cúng trong thực hành nghi lễ của lễ hội, thức ăn của lễ hội, lễ vật của lễ hội, trang phục của lễ hội, ... nội dung của công trình này gợi ý cho nghiên cứu sinh khảo sát thực trạng biến đổi trong nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống được phân tích làm rõ trong chương 3 của luận án.

Nhiều tác giả (2014), *Lễ hội cộng đồng: Truyền thống và biến đổi* [73]. Cuốn sách là sự tổng hợp gồm 70 bài nghiên cứu của các tác giả trong nước và nước ngoài. Công trình được kết cấu thành ba phần, trong đó đặc biệt ở phần hai: lễ hội cộng đồng ở Việt Nam truyền thống và biến đổi. Ở phần này với 47 tham luận tập trung nghiên cứu, phân tích một số vấn đề như giá trị của lễ hội ảnh hưởng đến đời sống của người dân; những giá trị văn hoá của lễ hội cần được giữ gìn và phát huy; sự biến đổi của lễ hội truyền thống dưới tác động của các nhân tố như quá trình đô thị hoá, tác động của cơ chế thị trường, giao lưu và tiếp biến văn hoá trong quá trình phát triển, ... những nghiên cứu này có giá trị giúp nghiên cứu sinh trong việc xác định các nhân tố tác động đến sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam được trình bày ở chương 2 và khảo sát thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống được trình bày ở chương 3 của luận án.

Nguyễn Ngọc Hoà (Chủ biên) (2014), *Sự biến đổi những giá trị xã hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay* [34]. Trong cuốn sách, tập thể tác giả tập trung làm rõ các giá trị xã hội truyền thống và vai trò

của nó trong đời sống xã hội. Từ đó, phân tích thực trạng biến đổi những giá trị truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, trong đó chủ yếu là sự biến đổi những giá trị truyền thống qua các lễ hội và sinh hoạt lễ hội của các dân tộc thiểu số vùng này. Qua phân tích sự biến đổi các giá trị truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên cho thấy trong đó có nhiều giá trị thuộc về nhân sinh quan như: quan niệm về cuộc sống, lòng biết ơn, tình yêu buôn làng, yêu quê hương, đất nước, về đời sống tâm linh, tín ngưỡng, ... đây là những gợi ý quan trọng cho nghiên cứu sinh khảo sát thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu được làm rõ ở chương 3 của luận án.

Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2014), *Giá trị văn hóa Việt Nam - truyền thống và biến đổi*[10001]. Trong cuốn sách này, các tác giả không chỉ nhìn nhận văn hóa Việt Nam trong dòng chảy lịch sử dân tộc mà còn đặt trong bối cảnh không gian văn hóa thế giới. Đồng thời, bên cạnh việc thống kê và phân tích những giá trị văn hóa đặc trưng của cả dân tộc cũng như của mỗi vùng miền, cuốn sách cũng luận giải: bước vào thời kỳ đổi mới, hội nhập và toàn cầu hóa, hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam cũng có nhiều biến đổi để phù hợp với hoàn cảnh mới. Nhưng ở bất cứ giai đoạn lịch sử nào, các giá trị văn hóa yêu nước, đoàn kết vẫn giữ nguyên vị trí đứng đầu trong quan niệm của người dân bởi đó là những giá trị căn cốt, độc đáo, là tinh hoa của bản sắc dân tộc Việt Nam. Con người Việt Nam - chủ thể của quá trình biến đổi văn hóa không chỉ tiếp thu những giá trị ưu việt của văn hóa nhân loại mà còn gìn giữ, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời gạt bỏ những nhận thức lệch lạc, những yếu tố phản giá trị trong đời sống văn hóa để hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới. Công trình này là nguồn tài liệu cho nghiên cứu sinh kế thừa và phát triển trong nghiên cứu chương 2 và chương 3 của luận án.

Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý (2015), *Lễ hội Việt Nam* [11718]. Cuốn sách đã giới thiệu và đề cao các lễ hội truyền thống. Theo dõi trên 300 lễ hội trong công trình nghiên cứu này, có thể thấy ngay các lễ hội nông nghiệp chiếm một tỷ trọng lớn, bởi sức sống của nhân dân Việt Nam là sức sống của người dân trồng lúa, lúa nước hay lúa nương. Sách còn mang nội dung không kém phần quan trọng là lễ hội

về đề tài lịch sử. Đó là lễ hội tưởng niệm các anh hùng có công chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập cho dân tộc, Tổ quốc. Ngoài ra, lại có những lễ hội đặc biệt khác nói về sự bất tử, hoặc tín ngưỡng phồn thực, ... lễ hội Thăng Long Hà Nội chiếm một vị trí riêng, bởi Thăng Long - Hà Nội đã tích lũy gần 1000 năm kinh nghiệm sống cho người Việt Nam. Thông qua những mô tả sinh động của các bài khảo cứu trong sách, người đọc sẽ có được một nhận thức khá đầy đủ về lễ hội Việt Nam ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Đây có thể xem là công trình biên khảo lớn nhất hiện nay về chủ đề này. Ngoài ra, sách còn có thêm một phần phụ lục biên soạn về các lễ hội lớn ở vùng Đông Nam Á. Với công trình này, cung cấp nguồn tư liệu lớn và quan trọng cho nghiên cứu sinh xây dựng và phát triển lý luận nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu đó là: quan niệm về cuộc sống (ý nghĩa, mục đích, sống ở đời và làm người, về đời sống tâm linh, tín ngưỡng); quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn những người có công dựng nước và giữ nước, tôn thờ, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, người có công, tổ làng, tổ nghề, ...; quan niệm về ước mong, hy vọng có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc, ... được thực hiện ở chương 2. Từ đó, gợi ý cho nghiên cứu sinh trong việc khảo sát thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống ở chương 3 của luận án.

Phạm Cao Quý (2016), *Sự biến đổi trong lễ hội truyền thống* [79]. Trong công trình nghiên cứu của mình, tác giả xác định lễ hội truyền thống là sinh hoạt văn hoá truyền thống, thuộc phạm trù di sản văn hoá phi vật thể và có xu hướng biến đổi cùng với sự biến đổi của các điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học kỹ thuật, giao lưu văn hoá và hội nhập quốc tế, ... mặc dù có sự biến đổi nhất định nhưng lễ hội truyền thống vẫn giữ được cái lõi của bản sắc văn hoá, còn các hoạt động trong lễ hội có thể biến đổi để thích ứng với các yếu tố nội sinh và ngoại sinh của thực tế cuộc sống. Công trình này đã cung cấp cơ sở và tư liệu để nghiên cứu sinh thực hiện việc khảo sát thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu được trình bày ở chương 3 của luận án.

Đặng Quang Định (2017), *Sự biến đổi nhân sinh quan của cư dân đồng bằng Sông Hồng thể hiện qua các lễ hội truyền thống* [19]. Trong bài viết của mình, tác

giả đã nêu lên vai trò của lễ hội cũng như các triết lý nhân sinh trong đời sống tinh thần của cư dân đồng bằng Sông Hồng, từ đó phân tích thực trạng biến đổi nhân sinh quan của cư dân vùng này được thể hiện một cách đậm nét qua sinh hoạt lễ hội truyền thống trên hai phương diện biến đổi tích cực và biến đổi tiêu cực trên các khía cạnh: đời sống tâm linh, tín ngưỡng, lòng yêu nước, đời sống đạo đức, ... cụ thể là: những lễ hội mang tính chất lịch sử, phản ánh cuộc đấu tranh giữ nước, giữ làng tưởng nhớ đến các anh hùng, danh nhân, người có công như lễ hội làng Gióng, lễ hội Đền Trần, lễ hội đền Cổ Loa, lễ hội Hai Bà Trưng, hội đền vua Đinh, ... đã góp phần vào việc bảo tồn và xây dựng truyền thống "uống nước nhớ nguồn", giáo dục tư tưởng, đạo đức lối sống, lòng yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc với truyền thống lịch sử vẻ vang mà cha ông ta đã gây dựng với những sự hy sinh to lớn, góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết trong cộng đồng và xã hội. Qua đó cũng góp phần củng cố lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý thức tự lực, tự cường dân tộc, nâng cao tính chủ động, sáng tạo, tính tích cực xã hội. Làm thay đổi căn bản suy nghĩ, tư tưởng, đời sống tinh thần của người dân.

Hầu hết những lễ hội ở Việt Nam đều thể hiện rất rõ quan niệm của cư dân về đời sống tâm linh, tín ngưỡng. Các lễ nghi, văn tế, trò diễn đều hướng đến việc thể hiện sự ngưỡng vọng, tôn thờ, tưởng nhớ của những người đang sống với những người đã khuất. Đời sống tâm linh được coi trọng cũng đồng nghĩa với việc nền tảng đạo đức xã hội được coi trọng, góp phần giữ gìn, bảo lưu được các giá trị của văn hóa tinh thần của nhân dân. Lễ Vu Lan báo hiếu được người Việt Nam rất coi trọng và thể hiện chân thực những suy nghĩ, tư tưởng của mình, nhằm đem lại những điều tốt đẹp cho những người đang sống và tưởng nhớ đến người đang sống và người đã mất.

Thông qua lễ hội những khát vọng, mong muốn, sự tin tưởng con người vào cuộc sống được thể hiện, phát huy. Thái độ lạc quan, tin tưởng của người dân đã góp phần phát huy tinh thần hăng hái lao động, sản xuất làm giàu cho quê hương, đất nước. Những khát vọng, ý chí vươn lên làm giàu, lập thân, lập nghiệp, xây dựng quê hương, đất nước là hệ quả của những biến đổi tích cực ấy. Tín ngưỡng thờ Mẫu

cũng là biểu tượng của ước vọng phong đăng, phồn thực, đâm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái, là biểu tượng cho sự trường tồn của giống nòi, của vạn vật.

Bài viết cũng khẳng định, khi Việt Nam xây dựng và phát triển đất nước. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách về tự do tín ngưỡng, tôn giáo nhằm định hướng cho việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, tiến bộ. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực là chủ yếu thì nhiều mặt tiêu cực cũng xuất hiện trong các lễ hội, làm mất đi nhiều giá trị truyền thống cơ bản.

Ở một số lễ hội đã thần thánh hóa công trạng của những người được thờ cúng để nâng cấp quy mô lễ hội, thậm chí có nơi thay đổi vai trò lịch sử của những người được thờ cúng. Những hiện tượng phô trương, lãng phí trong tổ chức lễ hội vẫn tồn tại. Một số địa phương đua nhau xây dựng đền thờ, tượng đài, đúc tượng,... dẫn đến tâm lý kèn cựa, kích thích thói đồ kỵ, ghen ghét, ích kỷ, háo danh của con người ngay trong cả lĩnh vực linh thiêng.

Bên cạnh đó, do sự thay đổi nhanh chóng về cuộc sống vật chất của người dân Việt Nam nên nhiều lễ hội cũng có sự thay đổi theo hướng tiêu cực. Ở một số lễ hội người tham gia thể hiện sự xô bồ, bon chen của cuộc sống. Tục “cướp” lộc thánh, “cướp” hoa tre, “cướp” phết đã bị biến tướng, làm mất tính thiêng, lệch lạc trong sự tôn thờ, làm mất đi lòng thành kính, thể hiện lòng tham, sự cuồng vọng cá nhân, dẫn đến sự xuống cấp đạo đức xã hội. Tính thiêng, nghiêm trang của nơi thờ tự đã bị xem nhẹ, thay vào đó là những hành vi thiếu văn hóa, thiếu ý thức xuất hiện. Hiện tượng vật chất hóa, so kè về lễ cúng đã xuất hiện ở hầu hết các lễ hội, đình, chùa, di tích. Ở một số lễ hội, hòm công đức xuất hiện dày đặc gây phản cảm, thể hiện sự thương mại hóa. Ngoài ra hiện tượng quảng cáo cũng được thực hiện ngay cả những không gian tâm linh làm cho lễ hội truyền thống đang có xu hướng biến đổi cả về mục đích, chức năng và vai trò. Từ đây, những hiện tượng xuống cấp về mặt đạo đức, lối sống cũng xuất hiện. Thói háo danh, ganh đua, vợ vét, tham lam quyền chức, bổng lộc của đời sống xã hội đã “đổ bộ” vào chốn tâm linh. Đây là nguồn tài liệu để nghiên cứu sinh kế thừa trong việc khảo cứu thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu được trình bày ở chương 3 của luận án.

Ngô Đức Thịnh (2018), *Tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền Việt Nam* [10102]. Cuốn sách là sự tập hợp các bài nghiên cứu của tác giả về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền Việt Nam trong nhiều năm và được kết cấu thành 3 phần. Phần thứ nhất: tín ngưỡng dân gian mấy nét chấm phá. Trong phần này gồm 10 bài, tập trung giới thiệu khái quát về tín ngưỡng dân gian các dân tộc ở Việt Nam và đi sâu nghiên cứu một số tín ngưỡng thờ cúng Tản Viên, Chử Đạo Tổ, Bà Chúa Kho, thờ Tà Thần, ... giúp người đọc hiểu được các lớp văn hoá và biểu tượng tiềm ẩn trong mỗi hình thức thờ cúng. Phần thứ hai: Đạo Mẫu và Lên Đồng. Phần này gồm 8 bài đi sâu nghiên cứu tín ngưỡng Thờ Mẫu và nghi lễ Shaman (Lên Đồng) của người Việt, Chăm, Tày, Nùng. Phần thứ ba: lễ hội cổ truyền. Với 10 bài nghiên cứu đã đề cập đến các vấn đề chủ yếu của lễ hội và văn hoá tín ngưỡng. Đặc biệt, trong phần này tác giả luận giải, phân tích sự biến đổi của các lễ hội một cách khái quát và có tính hệ thống. Chẳng hạn, hàng ngàn lễ hội của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ có gốc tích ban đầu từ hội làng mang tính chất lễ hội nông nghiệp, nhưng trong quá trình phát triển lâu dài của lịch sử, lễ hội thu nạp vào trong mình những nội dung lịch sử, văn hoá, xã hội mới, tạo nên sự đan xen, hoà quyện giữa cái nguyên thủy vốn có của lễ hội và những cái mới du nhập sau này. Thậm chí về mặt thời gian của lễ hội cũng chuyển dịch, có xu hướng huyền thoại hoá, lịch sử hoá, địa phương hoá. Cùng một lễ hội nhưng mỗi nơi có mỗi tên gọi khác nhau cũng chi phối hình thức và nội dung của lễ hội. Tóm lại, “từ cội rễ là hội làng, mang tính chất hội mùa, lễ hội nông nghiệp, lễ hội ở đồng bằng Bắc Bộ đã “tắm mình” trong dòng chảy lịch sử, các chiến tích chống ngoại xâm hào hùng, dần dần tự làm phong phú mình bằng những nội dung lịch sử, xã hội, văn hoá, ..., tạo nên diện mạo lễ hội truyền thống như hiện nay”[10102; tr.329].

Đây là một công trình nghiên cứu hết sức công phu và nhiều tâm huyết, là tài liệu quý giá cho nghiên cứu sinh kế thừa để xây dựng lý luận nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống được trình bày ở chương 2, đồng thời là tài liệu quan trọng cho nghiên cứu sinh kế thừa để khảo sát thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu được trình bày ở chương 3 của luận án.

Trần Hữu Sơn, Trần Thuỳ Dương (2021), *Xu hướng biến đổi của lễ hội truyền thống hiện nay* [81]. Bài viết đã đề cập đến sự tác động của cơ chế thị trường, sự phát triển của thông tin truyền thông, nhu cầu du lịch văn hoá tâm linh, ... từ đó các tác giả khẳng định lễ hội truyền thống ở nước ta hiện nay có nhiều biến đổi trên tất cả các khía cạnh như: thời gian, không gian của lễ hội; mục đích của lễ hội; chủ thể của lễ hội; đối tượng tham gia lễ hội.

Về sự biến đổi thời gian của lễ hội. Các tác giả cho rằng nhiều lễ hội có sự rút ngắn về thời gian tổ chức lễ hội từ 3 đến 5 ngày xuống chỉ còn một ngày, nhưng cũng có những lễ hội kéo dài thêm ngày tổ chức lễ hội để phục vụ cho nhu cầu hành hương tìm về nguồn cội, nhu cầu du lịch tâm linh của du khách trong và ngoài nước.

Về sự biến đổi không gian của lễ hội. Nếu như trước đây các lễ hội chỉ diễn ra trong khuôn khổ một làng, một xã thì hiện nay lễ hội có thể diễn ra liên làng, xã thậm chí liên vùng, có những lễ hội diễn ra khắp cả nước (quốc lễ). Bên cạnh đó, do sự phát triển của thông tin truyền thông, mạng xã hội, người dân có thể quan sát, “tham dự” lễ hội thông qua tivi, qua mạng xã hội.

Về sự biến đổi mục đích của lễ hội. Mục đích của mọi người khi đến dự các lễ hội truyền thống là cầu mong “người yên vật thịnh” với niềm tin về “cái thiêng”. Quan niệm dân gian cho rằng, những vật thiêng này đem lại sự may mắn cho người dự hội. Nhưng hiện nay, một số du khách đến lễ hội với mục đích chỉ mong được cướp các vật thiêng. Bên cạnh đó, một số ban tổ chức lễ hội lại mong thu hút được nhiều du khách thì nguồn thu sẽ tăng lên nhờ sự tiêu dùng các dịch vụ của du khách. Từ đó cho thấy rằng, mục đích của một số lễ hội đã có những biến đổi nhất định.

Về sự biến đổi chủ thể của lễ hội. Trong truyền thống, người dân là chủ thể sáng tạo ra lễ hội và cũng là chủ thể thực hiện, gánh vác các công việc của lễ hội. Trong tổ chức điều hành lễ hội người chủ làng và hội đồng quản lý của làng thực hiện thì hiện nay do chính quyền các cấp điều hành, một số lễ hội còn thuê, khoán hẳn cho công ty tổ chức sự kiện và các đoàn nghệ thuật đứng ra dàn dựng chương trình, tổ chức.

Về sự biến đổi của đối tượng tham gia lễ hội. Trước đây đối tượng tham gia lễ hội chủ yếu là người dân trong làng, xã. Nhưng hiện nay do sự phát triển kinh tế xã hội, nhu cầu du lịch tham quan thắng cảnh, du lịch tâm linh ngày càng phát triển mạnh. Cho nên khi một địa phương nào đó tổ chức lễ hội thì du khách khắp nơi trong nước và nước ngoài kéo về tham dự lễ hội đông gấp nhiều lần so với dân số của làng, chẳng hạn như lễ hội Đền Hùng có hàng vạn người dân hành hương tham dự và đông đảo du khách tham gia lễ hội qua không gian ảo.

Lễ hội truyền thống là một trong những phương thức biểu hiện nhân sinh quan của con người. Do đó, sự biến đổi của lễ hội ở khía cạnh nào đi chăng nữa đều là biểu hiện sự biến đổi trong quan niệm sống của con người về mục đích, ý nghĩa, sống ở đời và làm người, ... vì vậy công trình này đã cung cấp cho nghiên cứu sinh nguồn tư liệu để có cái nhìn khái quát và hệ thống trong quá trình khảo sát thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu được trình bày ở chương 3 của luận án.

Các công trình vừa tổng quan ở trên là tài liệu quý giá cho nghiên cứu sinh kế thừa và phát triển trong quá trình thực hiện luận án. Đặc biệt, những kết quả nghiên cứu mà các công trình đã đạt được, nghiên cứu sinh kế thừa trong thực hiện nghiên cứu chương 2 và 3, nhất là quá trình khảo cứu, phân tích vấn đề nhân sinh quan và thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu.

1.3. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY NHỮNG BIẾN ĐỔI TÍCH CỰC, HẠN CHẾ NHỮNG BIẾN ĐỔI TIÊU CỰC NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

Liên quan đến vấn đề quan điểm và giải pháp phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, trong giới hạn nghiên cứu của luận án này, nghiên cứu sinh khảo cứu các công trình sau đây:

Trần Đăng Sinh (2002), *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ hiện nay* [80]. Trên cơ sở quán triệt

các nguyên tắc khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể, kế thừa và phát triển, tác giả phân tích làm rõ những quan niệm của người Việt Nam trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và khẳng định, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên không chỉ bó hẹp trong gia đình, dòng họ, họ tộc mà còn mở rộng ra ở phạm vi quốc gia. Chẳng hạn như: lễ hội Đền Hùng là biểu trưng cho hình thức tín ngưỡng quốc tổ. Thông qua việc phân tích thực trạng và xu hướng hoạt động thờ cúng tổ tiên, tác giả đề xuất giải pháp nhằm định hướng đúng đắn hoạt động thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ như: từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; xây dựng môi trường văn hoá - xã hội lành mạnh; kết hợp giữa tuyên truyền giáo dục với tăng cường các biện pháp tổ chức, quản lý hành chính. Theo tác giả, đây là những giải pháp mang tính khoa học và thực tiễn góp phần phát huy tốt hơn hoạt động thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam nói chung và ở đồng bằng Bắc Bộ nói riêng. Đây là nguồn tài liệu làm cơ sở cho nghiên cứu sinh trong việc xác định và quán triệt các quan điểm định hướng trong việc phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan người Việt Nam. Thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu, đó là: quan điểm khách quan, toàn diện, lịch sử cụ thể, kế thừa và phát triển. Và cũng là tài liệu làm cơ sở cho nghiên cứu sinh đề xuất một số giải pháp phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam được thực hiện ở chương 4 của luận án.

Phạm Thị Thanh Quy (2009), *Quản lý lễ hội cổ truyền hiện nay* [78]. Trên cơ sở quan điểm khách quan, lịch sử - cụ thể, tác giả dành chương một, để khái quát, giới thiệu về vùng đất Thủ đô Hà Nội (địa bàn tỉnh Hà Tây cũ), là một vùng đất cổ giàu truyền thống văn hoá với hơn 700 lễ hội cổ truyền, trong đó có những lễ hội nổi tiếng cả trong nước lẫn ngoài nước như hội làng Đình Đà, hội làng La, hội Vân Sa, Hội Giá, hội Chèo Tàu,... Chương hai, là sự khảo sát thực trạng hoạt động quản lý lễ hội ở vùng Thủ đô Hà Nội một cách công phu với nhiều tâm huyết đã làm rõ được những thuận lợi và khó khăn, hạn chế trong công tác hoạt động quản lý lễ hội ở vùng Thủ đô Hà Nội. Chương ba, trên cơ sở làm rõ được những hạn chế, khó khăn trong công tác hoạt động quản lý lễ hội ở vùng Thủ đô Hà Nội, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lễ hội cổ truyền

như: đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về giá trị văn hoá của lễ hội cổ truyền, về ý nghĩa, mục đích của hoạt động lễ hội; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý lễ hội; thực hiện tốt quy hoạch không gian lễ hội làm cho lễ hội trở thành điểm văn hoá du lịch, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; đẩy mạnh xã hội hoá trong hoạt động lễ hội, phát huy vai trò của nhân dân trong tổ chức lễ hội; thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về lễ hội; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm trong tổ chức lễ hội; kết hợp lễ hội cổ truyền với các yếu tố văn hoá mới và việc quảng bá hình ảnh lễ hội dưới nhiều hình thức. Các kết quả nghiên cứu trong công trình này là cơ sở để xác định và quán triệt quan điểm định hướng để phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan người Việt Nam như: quan điểm khách quan, quan điểm lịch sử - cụ thể. Bên cạnh đó, các giải pháp được nêu trong công trình này là nguồn tài liệu cho nghiên cứu sinh kế thừa trong việc đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống.

Vũ Anh Tú (2010), *Tín ngưỡng phồn thực trong lễ hội dân gian người Việt ở Châu thổ Bắc Bộ* [86]. Trên cơ sở khảo sát tín ngưỡng phồn thực thể hiện trong lễ hội dân gian của người Việt ở Châu thổ Bắc Bộ, tác giả đề xuất các biện pháp bảo tồn tín ngưỡng phồn thực trong đời sống xã hội đương đại như: sưu tầm và lưu giữ các tư liệu về tín ngưỡng (truyền thuyết, sự tích, các tục hèm, nghi lễ, lễ hội và trò chơi, trò diễn phong tục); truyền bá các tài liệu; truyền bá các kỹ năng truyền thống. Theo tác giả, thực hiện và quán triệt nhất quán các biện pháp trên sẽ góp phần lưu giữ và bảo tồn một cách hiệu quả tín ngưỡng phồn thực, góp phần làm phong phú thêm đời sống tâm linh, tín ngưỡng của người Việt Nam nói chung và ở Châu thổ Bắc Bộ nói riêng. Các giải pháp được tác giả nêu ra trong công trình gợi ý thêm cho nghiên cứu sinh đề xuất một số giải pháp phát huy những giá trị tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu được trình bày trong chương 4 của luận án.

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam (2012), *Bảo tồn và phát huy lễ hội cổ truyền trong xã hội Việt Nam đương đại (Trường hợp hội Gióng)* [11617]. Cuốn

sách là tập hợp 74 bài viết được chọn lọc từ Hội thảo khoa học quốc tế cùng tên của các nhà nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài. Cuốn sách dày 867 trang bao chứa nhiều nội dung xoay quanh các nhóm vấn đề lễ hội truyền thống như: giá trị di sản văn hoá của lễ hội ở các vùng, miền trong cả nước; bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá phi vật thể của lễ hội truyền thống; bảo tồn và phát huy lễ hội truyền thống trong đời sống đương đại; một số kinh nghiệm bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá của lễ hội truyền thống ở các nước Lào, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Ý....; bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá phi vật thể của hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc Sơn. Đặc biệt, liên quan đến vấn đề khảo cứu của luận án, tác giả Nguyễn Duy Hy với bài viết *Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội truyền thống*. Trong bài viết của mình, tác giả đưa ra sáu nhóm giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội truyền thống như: tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, phân loại lễ hội một cách có hệ thống; Thiết lập một hệ thống thông tin chuẩn về lễ hội nhằm phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân địa phương và khách tham quan du lịch trong và ngoài nước; củng cố và hoàn thiện hạ tầng liên quan đến lễ hội; việc tổ chức lễ hội phải đảm bảo tính kế thừa có chọn lọc những truyền thống tốt đẹp của thế hệ trước đồng thời tiếp thu, vận dụng sao cho phù hợp với điều kiện xã hội hiện đại. Có như vậy lễ hội truyền thống mới có sức sống bền lâu, nó khiến cho người dân háo hức, nhiệt tình tham gia lễ hội, vừa thoả mãn đời sống tâm linh vừa là điều kiện để đảm bảo cho sự tồn tại của lễ hội; Lược bỏ, điều chỉnh những cỗ lễ không còn phù hợp với tình hình địa phương và đất nước; Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các lễ hội để đảm bảo tính định hướng, giá trị đích thực của lễ hội. Những giải pháp nêu ra trong công trình nghiên cứu này là tư liệu cho nghiên cứu sinh tham khảo và đề xuất một số giải pháp phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống được trình bày ở chương 4 của luận án.

Nguyễn Ngọc Hoà (Chủ biên) (2014), *Sự biến đổi những giá trị xã hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay* [3434]. Trên cơ sở quan điểm của Đảng về xây dựng, phát triển văn hoá và con người, tập thể tác giả tập trung làm rõ các giá trị xã hội truyền thống và vai trò của nó trong đời sống xã

hội. Từ đó, phân tích thực trạng biến đổi những giá trị truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, trong đó chủ yếu là sự biến đổi những giá trị truyền thống qua các lễ hội và sinh hoạt lễ hội thể hiện quan niệm nhân sinh quan của các dân tộc thiểu số vùng này. Từ đó, tập thể tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm kế thừa và phát huy những giá trị xã hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên như: nhóm giải pháp về tác động kinh tế để nâng cao đời sống vật chất cho đồng bào các dân tộc thiểu số; nhóm giải pháp về tác động chính trị, xã hội, tôn giáo; nhóm giải pháp về bảo tồn, phát huy và phát triển văn hoá. Các quan điểm quán triệt trong công trình vừa nêu ở trên là cơ sở cho nghiên cứu sinh kế thừa để xây dựng các quan điểm và đề xuất một số giải pháp phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống được trình bày trong chương 4 của luận án.

Nguyễn Thị Thuý Hằng (2015), *Ảnh hưởng của nhân sinh quan Phật giáo đến đời sống tinh thần cư dân đồng bằng sông Hồng hiện nay* [26]. Tác giả khảo sát, đánh giá thực trạng ảnh hưởng của nhân sinh quan Phật giáo đến đời sống tinh thần cư dân đồng bằng sông Hồng hiện nay và một số vấn đề đặt ra. Từ đó, đưa ra quan điểm và một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của nhân sinh quan Phật giáo đến đời sống tinh thần cư dân đồng bằng sông Hồng hiện nay. Các giải pháp nêu ra trong công trình này được nghiên cứu sinh kế thừa để đề xuất một số giải pháp phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống trình bày trong chương 4 của luận án.

Trần Hữu Sơn, Trần Thuý Dương (2021), *Xu hướng biến đổi của lễ hội truyền thống hiện nay* [81]. Trên cơ sở chỉ ra các nguyên nhân tác động đến sự biến đổi của lễ hội truyền thống như: sự tác động của cơ chế thị trường; sự phát triển của thông tin truyền thông; nhu cầu du lịch văn hoá tâm linh, ... và khẳng định lễ hội truyền thống ở nước ta hiện nay có nhiều biến đổi, trên tất cả các khía cạnh như: thời gian, không gian của lễ hội; mục đích của lễ hội; chủ thể của lễ hội; đối tượng tham gia lễ hội. Từ đó các tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm quản lý tổ chức lễ hội có hiệu quả, giữ gìn và phát huy những giá trị vốn có của lễ hội truyền thống ở Việt Nam

trong giai đoạn hiện nay như: đề cao vai trò của cộng đồng trong tổ chức, quản lý các lễ hội truyền thống, xây dựng mô hình phù hợp với từng địa phương; xây dựng bộ quy tắc ứng xử văn hóa ở các lễ hội; tạo dựng dư luận nhằm phổ biến và bảo vệ quy tắc ứng xử. Đây là nguồn tài liệu tham khảo cho nghiên cứu sinh đề xuất các giải pháp nhằm phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống trình bày ở chương 4 của luận án.

Các công trình đã được khảo cứu ở phần này, là nguồn tài liệu quý giá cho nghiên cứu sinh kế thừa trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện chương 4 của luận án.

1.4. KHÁI QUÁT CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Khái quát các công trình khoa học liên quan đến luận án đã tổng quan

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu liên quan đến những vấn đề lý luận chung về nhân sinh quan, nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống đã giải quyết được các vấn đề sau:

Một là, một số công trình đã bước đầu bàn đến các khía cạnh của lý luận chung về nhân sinh quan, về vai trò và chức năng của nhân sinh quan đối với đời sống của con người...

Hai là, một số công trình ở những góc nhìn khác nhau đã đề cập đến nhiều khía cạnh của vấn đề nhân sinh quan người Việt Nam được biểu hiện qua lễ hội truyền thống. Đó là, các quan niệm về lòng yêu nước, đạo làm người, lòng biết ơn, đời sống tâm linh, tín ngưỡng, về đối nhân xử thế, về mối quan hệ giữa con người với con người, về những ước mong, hy vọng trong cuộc sống của con người...

Ba là, một số công trình đã nghiên cứu sự biến đổi, phát triển của nhân sinh quan người Việt qua các giai đoạn của lịch sử dân tộc Việt Nam. Đó là những tư tưởng nhân sinh quan bản địa được hình thành trong quá trình sản xuất nông nghiệp, cũng như lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của ông cha người Việt, đó là sự thâm nhập của các hệ tư tưởng từ bên ngoài vào như Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Công giáo, Tin lành làm phong phú thêm quan niệm về nhân sinh của người Việt. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đề cập đến sự ảnh hưởng của chủ nghĩa

Mác - Lênin đối với nhân sinh quan của người Việt Nam, nhất là nhân sinh quan cách mạng của người cộng sản. Đây là điều cần phải bổ sung để làm cơ sở lý luận phân tích sâu sắc thêm sự thay đổi căn bản trong nhân sinh quan của người Việt Nam trong đời sống xã hội và lễ hội, thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng biến đổi trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống.

Các công trình đã tổng quan đề cập đến sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, nhưng chỉ mới đề cập đến những biểu hiện của sự biến đổi nhân sinh quan ở một số khía cạnh cụ thể trong lễ hội truyền thống. Tuy nhiên, các nội dung chưa được đề cập một cách toàn diện.

Trong các công trình phân tích sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, một số công trình đã khẳng định lễ hội truyền thống là sinh hoạt văn hoá truyền thống thuộc phạm trù di sản văn hoá phi vật thể và có xu hướng biến đổi cùng với sự biến đổi của các điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học kỹ thuật, giao lưu văn hoá và hội nhập quốc tế. Mặc dù có sự biến đổi nhất định nhưng lễ hội truyền thống vẫn giữ được cái lõi của bản sắc văn hoá, còn các hoạt động trong lễ hội có thể biến đổi để thích ứng với các yếu tố nội sinh và ngoại sinh của thực tế cuộc sống. Đây là những đánh giá, nhận định quan trọng để nghiên cứu sinh kế thừa, tiếp thu, làm cơ sở cho việc khảo sát thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu trên hai phương diện tích cực và tiêu cực được trình bày trong chương 3 của luận án.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu liên quan đến quan điểm và giải pháp phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống. Các công trình đã tổng quan đề cập đến các quan điểm khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể, kế thừa, phát triển cũng như quan điểm của Đảng về xây dựng, phát triển văn hoá và đề xuất các giải pháp phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua các lễ hội truyền thống, nhưng mới chỉ đề cập đến các quan điểm và giải pháp ở một số khía cạnh, một số lễ hội mà chưa phản ánh tính hệ thống, đa dạng, xu hướng chung của các lễ hội một cách toàn diện. Một số

công trình khẳng định sự biến đổi của lễ hội cổ truyền Việt Nam là một tất yếu mang tính quy luật do sự biến đổi của xã hội, của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế, giao lưu, tiếp biến văn hoá, ... do đó cần phải chuẩn bị để có hướng thích nghi và phát triển những giá trị tích cực của lễ hội cổ truyền Việt Nam trong giai đoạn mới. Một số công trình đã nêu cách tiếp cận khi đề xuất quan điểm, giải pháp. Tuy nhiên, các công trình đó chưa đề cập đến tiêu chí đánh giá tính tiến bộ hay hạn chế trong sự biến đổi nhân sinh quan, cũng như những nội dung cần phải định hướng cho sự biến đổi tích cực của nhân sinh quan thông qua lễ hội truyền thống phải dựa vào phương pháp luận nào, nội dung cụ thể ra sao. Luận án đã dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, cũng như định hướng xã hội chủ nghĩa trong xây dựng đời sống tinh thần, ý thức xã hội lành mạnh, tiến bộ, làm cơ sở cho những quan điểm và cách tiếp cận đối với nhân sinh quan của người Việt Nam thông qua lễ hội truyền thống. Điều này sẽ được thể hiện ở chương 4 của luận án.

1.4.2. Những vấn đề đặt ra mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Các công trình đã được tổng quan là những nghiên cứu khoa học có giá trị tham khảo về mặt lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, qua tổng quan, nghiên cứu sinh nhận thấy, do cách tiếp cận khác nhau mà các công trình vẫn còn có những khoảng trống bỏ ngỏ nhất định. Đó là những vấn đề mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu:

Thứ nhất: làm rõ một số vấn đề lý luận về sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống qua việc làm rõ những quan niệm về nhân sinh quan, nhân sinh quan người Việt Nam, nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống. Làm rõ quan niệm về sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống. Sự biến đổi đó được biểu hiện trên hai phương diện tích cực và tiêu cực qua các nội dung: Quan niệm về cuộc sống (ý nghĩa, mục đích của cuộc sống; sống ở đời và làm người); Quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn (sự tôn thờ đáng sinh thành, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, ông tổ làng, tổ nghề); Ước mong, hy vọng (về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc). Làm rõ những nhân tố tác động đến sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống.

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống trên cả hai khía cạnh biến đổi tích cực và biến đổi tiêu cực được thể hiện qua ba nội dung của nhân sinh quan, đó là: quan niệm về cuộc sống; quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn; quan niệm về ước mong, hy vọng có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, có dẫn chứng một số trường hợp cụ thể, đồng thời, dự báo xu hướng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống trong thời gian tới và làm rõ những vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống.

Thứ ba, dựa trên những nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống và cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam, luận án đề xuất một số quan điểm định hướng phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống, đó là: quán triệt quan điểm khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể trong phát huy biến đổi tích cực và hạn chế biến đổi tiêu cực; quán triệt nguyên tắc kế thừa, phát triển trong phát huy biến đổi tích cực và hạn chế biến đổi tiêu cực; định hướng nhân sinh quan cho con người Việt Nam trên cơ sở quan điểm xây dựng, phát triển văn hoá, con người Việt Nam tiến bộ, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, đề xuất một số giải pháp chủ yếu phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống. Đó là: nghiên cứu, xác định rõ những biến đổi tích cực và những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống; xây dựng môi trường kinh tế, văn hoá, xã hội thuận lợi phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống; cần phải kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, truyền thống và hiện đại trong phát huy những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, luận án đã làm rõ các nội dung sau: *thứ nhất*, các công trình nghiên cứu liên quan đến những vấn đề lý luận chung về nhân sinh quan, nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống; *thứ hai*, các công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống; *thứ ba*, các công trình nghiên cứu liên quan đến quan điểm và giải pháp phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống; *thứ tư*, khái quát các công trình khoa học đã tổng quan và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.

Thông qua các công trình đã được khảo cứu, có thể thấy rằng, sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống được các tác giả trong và ngoài nước bàn đến khá nhiều. Dù rằng, ở mỗi công trình nghiên cứu, các tác giả bàn đến sự biến đổi đó theo những góc độ tiếp cận và mục đích khác nhau. Tuy nhiên, qua tổng quan các công trình nghiên cứu, có thể thấy rằng, cho đến nay, chưa có công trình nào lấy sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống làm đối tượng nghiên cứu độc lập, xuyên suốt ở cấp độ một luận án tiến sĩ triết học. Từ khoảng trống trong nghiên cứu của các công trình đã tổng quan và những vấn đề đặt ra thôi thúc nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề “Sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống” làm đề tài nghiên cứu của luận án. Các công trình được tổng quan ở chương 1 đã cung cấp những chất liệu quan trọng để trên cơ sở đó nghiên cứu sinh hệ thống hóa, tổng hợp, phân tích các vấn đề ở các chương tiếp theo của luận án.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

2.1. NHÂN SINH QUAN NGƯỜI VIỆT NAM QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

2.1.1. Nhân sinh quan và nhân sinh quan người Việt Nam

Thứ nhất, quan niệm về nhân sinh quan

Để hiểu đầy đủ về nhân sinh quan, trước hết, chúng ta cần làm rõ khái niệm về “nhân sinh”. Nhân sinh là khái niệm xoay quanh những vấn đề thuộc về cuộc sống của con người. Theo nghĩa từ Hán - Việt, “nhân” có nghĩa là người, còn “sinh” là sống, là sự sống hay cuộc sống. Do đó, nhân sinh chính là sự sống hay cuộc sống của con người; còn “quan” là quan niệm, cách nhìn của con người.

Cuốn *Đại từ điển tiếng Việt* quan niệm: “Nhân sinh quan là quan niệm về cuộc đời, thành hệ thống bao gồm lý tưởng, lẽ sống, lối sống...”[11920; tr.1239]. *Từ điển Tiếng Việt* cho rằng: “Nhân sinh quan là quan niệm thành hệ thống về cuộc đời, về ý nghĩa, mục đích sống của con người”[82; tr.947]. *Từ điển Bách khoa Việt Nam* quan niệm:

Nhân sinh quan là bộ phận của thế giới quan (hiểu theo nghĩa rộng), gồm những quan niệm về cuộc sống của con người: lẽ sống của con người là gì? Mục đích, ý nghĩa, giá trị của cuộc sống con người ra sao và sống như thế nào cho xứng đáng? Trả lời những câu hỏi đó là vấn đề nhân sinh quan. Khác với các loài cầm thú, bất kỳ người nào cũng có quan niệm của mình về cuộc sống. Nhân sinh quan phản ánh tồn tại xã hội của con người. Nội dung của nó biểu hiện những nhu cầu, lợi ích, khát vọng và hoài bão của con người trong mỗi chế độ xã hội cụ thể[335; tr.235-236].

Trong đời sống xã hội, mỗi con người, mỗi cộng đồng có một nhân sinh quan khác nhau. Sự thay đổi nhân sinh quan phụ thuộc vào sự thay đổi của điều kiện tồn tại của xã hội, trình độ phản ánh của con người. Thời kỳ cổ đại, nhân sinh quan của

con người mang tính chất tự phát, xã hội càng phát triển quan niệm của con người về cuộc sống, về xã hội ngày càng hoàn thiện, sâu sắc được thể hiện bằng hệ thống quan niệm mang tính khái quát, phản ánh ngày càng chính xác trình độ nhận thức và mối quan hệ của con người với thế giới xung quanh.

Như vậy, từ những quan niệm trên có thể thấy, nhân sinh quan có nhiều cách tiếp cận khác nhau, trong giới hạn nghiên cứu của luận án này, chúng tôi quan niệm *nhân sinh quan là hệ thống những quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mơ, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc của con người, phản ánh điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt của họ, với trình độ khác nhau, để điều chỉnh hành vi của con người trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.*

Nhân sinh quan được thể hiện ở những điểm cơ bản sau:

Một là, những quan niệm, thái độ của cá nhân hoặc của cộng đồng người về cuộc sống của mình và xã hội xung quanh. Chẳng hạn, thái độ yêu cuộc sống, yêu lao động, cống hiến hết mình cho cộng đồng xã hội. Đây là giá trị rất cơ bản của nhân sinh quan. Việc xác định đúng thái độ đối với cuộc sống, sẽ quyết định nhận thức, hành vi của mỗi cá nhân trong xã hội.

C.Mác viết:

Nếu con người chỉ lao động cho bản thân mình thì người đó có thể trở thành một nhà khoa học nổi tiếng, một triết gia vĩ đại, một nhà thơ tuyệt vời, nhưng không bao giờ người đó có thể trở thành một người thật sự hoàn thiện và vĩ đại. Lịch sử công nhận là những vĩ nhân chỉ những ai bằng lao động vì mục tiêu chung, tự bản thân mình trở nên cao đẹp hơn; kinh nghiệm ca ngợi những ai đem lại hạnh phúc cho một số lượng người nhiều nhất là người hạnh phúc nhất. Nếu chúng ta đã lựa chọn một nghề mà trong đó chúng ta có thể lao động nhiều nhất cho loài người thì chúng ta sẽ không cúi đầu vắn lưng dưới gánh nặng của nó, bởi gánh nặng ấy là sự hy sinh vì mọi người; khi ấy điều chúng ta cảm nhận được không phải là một niềm vui thảm hại, hạn hẹp, vị kỷ, mà niềm hạnh phúc của chúng ta sẽ thuộc về hàng triệu người, lúc đó sự nghiệp của chúng ta sẽ có một cuộc sống thắm lạng

nhưng có hiệu lực vĩnh hằng, và những con người cao thượng sẽ rơi những giọt lệ cháy bỏng trước thi hài của chúng ta[62, tr.18].

Hai là, những quan niệm về thái độ ứng xử của bản thân mình, của cộng đồng để xác định cách sống, ý nghĩa, giá trị cuộc sống. Chẳng hạn, sự trân trọng, tôn thờ, tưởng nhớ, biết ơn, ... đây là phương thức để mỗi con người trong xã hội hướng về cội nguồn, để định hướng nhận thức, lối sống theo những giá trị đã được xác định, góp phần lành mạnh hóa các quan hệ xã hội. Thông qua cuộc sống và hoạt động của mình, mỗi cá nhân, cộng đồng xã hội sẽ hình thành những giá trị mới trong cuộc sống, hình thành những chuẩn mực để định hướng, điều chỉnh hành vi của mỗi con người phù hợp với xu hướng tiến bộ, nhân văn.

Ba là, những mong muốn, khát vọng của cá nhân, cộng đồng người về cuộc sống tương lai, niềm tin, hy vọng, mong ước cuộc sống hạnh phúc, yên bình, an nhiên,... trong cuộc sống của con người. Ngoài ý nghĩa và giá trị đối với hiện tại, con người luôn mong muốn những điều tốt đẹp hơn, những giá trị mới cao hơn để làm cho cuộc sống của con người ngày càng trở nên có ý nghĩa hơn. Do vậy, trong nhận thức và hành vi của mỗi cá nhân, cộng đồng đối với cuộc sống đều thể hiện niềm tin, hy vọng, mong ước vào tương lai. Đó có thể là những điều bình dị trong cuộc sống, nhưng cũng có thể là những điều lớn lao, thể hiện khát vọng của con người.

Nhân sinh quan có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của con người. Vai trò đó được biểu hiện thông qua các chức năng của nó.

Chức năng nhận thức, đánh giá.

Nhận thức, đánh giá là quá trình con người phản ánh các điều kiện sống của mình và đưa ra những quan niệm đối với cuộc sống xung quanh. Nhận thức, đánh giá là quá trình vừa hướng nội vừa hướng ngoại. Hướng nội là quá trình tự nhận thức hướng vào chính mình, chính chủ thể. Đó là sự tự nhận thức, lấy bản thân mình làm đối tượng nhận thức, là quá trình tự đánh giá, tự thẩm định, tự đối chiếu những nhận thức, hành vi, quan niệm, khát vọng, mục đích sống, vai trò của mình trong cuộc sống với nội dung nhân sinh quan của cộng đồng và của xã hội. Hướng ngoại là lấy những chuẩn mực, giá trị của mình phản ánh đời sống xã hội, đời sống con

người, qua đó đánh giá, xây dựng thành những chuẩn mực, định hướng hành vi hoạt động của mình với xã hội.

Nhận thức, đánh giá là vấn đề quan trọng của một cá nhân hay một cộng đồng người. Bởi lẽ, nhận thức, đánh giá đúng là cơ sở hình thành chuẩn mực, hành vi đúng, tích cực, phù hợp với cuộc sống. Con người muốn thành ý, chính tâm thì phải phản ánh đúng bản chất của sự vật, hiện tượng, con người. Nếu nhận thức, đánh giá không đúng thì những chuẩn mực mà con người xác lập đối với cuộc sống không đầy đủ, phiến diện, làm hạn chế tính chủ động, tích cực của con người.

Khi con người nhận thức được quy luật và vận dụng đúng quy luật của cuộc sống thì con người được tự do. Tự do là khi con người nhận thức được cái tất yếu, hành động tuân theo quy luật khách quan của giới tự nhiên. C.Mác viết:

Tự do không phải là ở sự độc lập tương đối với các quy luật của tự nhiên, mà là ở sự nhận thức được những quy luật đó và ở cái khả năng có được nhờ sự nhận thức này buộc những quy luật đó tác động một cách có kế hoạch nhằm những mục đích nhất định. Do đó, sự phán đoán của một người về một vấn đề nhất định, càng tự do bao nhiêu thì nội dung của sự phán đoán đó sẽ được quyết định với một tính tất yếu càng lớn bấy nhiêu; còn sự không quả quyết, do không hiểu biết mà ra, thì có vẻ là chọn lựa một cách tùy tiện trong nhiều khả năng quyết định khác nhau và trái ngược nhau, song chính do đó mà chúng tỏ rằng nó không có tự do, nó bị chi phối bởi đối tượng mà lẽ ra nó phải chi phối. Vì vậy, tự do là ở sự chi phối được chính bản thân và tự nhiên bên ngoài, một sự chi phối dựa trên sự nhận thức được những tất yếu của tự nhiên; do đó, tự do là sản phẩm tất yếu của sự phát triển lịch sử[60; tr.163-164].

Vì thế, nhân sinh quan khoa học đúng đắn sẽ giúp cá nhân hay cộng đồng hiểu và vận dụng đúng quy luật tự nhiên trong cuộc sống. Từ đó, xác lập được các giá trị, chuẩn mực đạo đức, các nguyên tắc đối nhân xử thế phù hợp với cuộc sống, nâng cao tính tích cực chủ động sáng tạo của các cá nhân hoặc cộng đồng người. Điều này có vai trò rất quan trọng trong việc xác lập kế hoạch, định hướng, điều chỉnh hành vi của con người hướng đến xây dựng cuộc sống lành mạnh, tiến bộ, văn minh.

Tóm lại, nhân sinh quan cung cấp một khung tham chiếu giúp con người hiểu về bản thân mình và giải thích thế giới xung quanh, giúp xác định cách con người nhìn nhận sự vật, hiện tượng và các mối quan hệ trong cuộc sống, xác định điều gì là quan trọng và cần thiết, từ đó ảnh hưởng đến nhận thức và quyết định của con người. Mặt khác, nhân sinh quan cung cấp các tiêu chuẩn và giá trị giúp con người đánh giá các hành vi, sự kiện và tình huống, giúp con người phân biệt giữa đúng và sai, tốt và xấu, từ đó đưa ra các quyết định phù hợp. Bên cạnh đó, nhân sinh quan giúp con người tự đánh giá hành vi và kết quả của mình, trên cơ sở đó, điều chỉnh hành vi cho phù hợp với mục tiêu và giá trị đã đặt ra, giúp con người xác định ý nghĩa của các sự kiện và trải nghiệm trong cuộc sống. Điều này giúp họ có cái nhìn sâu sắc hơn về bản chất của cuộc sống và tìm ra mục tiêu sống rõ ràng.

Nhờ có chức năng nhận thức và đánh giá, nhân sinh quan giúp con người không chỉ hiểu rõ hơn về bản thân và thế giới xung quanh mà còn giúp họ đưa ra các quyết định và hành động hợp lý, góp phần vào sự phát triển cá nhân và xã hội.

Chức năng định hướng, điều chỉnh hành vi.

Nhân sinh quan tích cực, tiến bộ sẽ có vai trò hết sức quan trọng định hướng đúng đắn cho hoạt động của mỗi cá nhân hoặc cộng đồng người trong việc xây dựng cuộc sống tốt đẹp. Bởi lẽ, tất cả mọi hành động của con người trong cuộc sống đều xuất phát từ ý thức, tư tưởng, tình cảm, quan niệm về đời sống của họ. Do đó, nếu quan niệm sống đúng đắn, tích cực, tiến bộ thì sẽ định hướng, điều chỉnh hành động của con người hướng đến mục đích tốt đẹp, tiến bộ, và ngược lại, sẽ là lạc hậu, tiêu cực, phản tiến bộ, thậm chí là phá hoại cuộc sống của con người và xã hội.

Vì thế, nhân sinh quan đúng đắn sẽ định hướng, điều chỉnh hành vi của con người hướng đến những giá trị tốt đẹp, tích cực, góp phần xây dựng xã hội nhân văn tiến bộ, Chân - Thiện - Mỹ, và ngược lại thì sẽ là bi quan, yếm thế gây ra những hậu quả khôn lường cho đời sống xã hội. Do đó, “nếu phản ánh đúng khuynh hướng khách quan của lịch sử thì nhân sinh quan là nhân tố mạnh mẽ để cải tạo xã hội một cách hợp lý; nếu phản ánh không đúng thì nó có tác động ngược lại, cản trở xã hội tiến lên”[335; tr.236].

Mặt khác, xuất phát từ nhận thức, đánh giá và định hướng xác lập được những giá trị cốt lõi trong đời sống, từ đó mỗi cá nhân hoặc cộng đồng tự ý thức về hành động sống của mình cho phù hợp với luân thường đạo lý ở đời. Chẳng hạn, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên thể hiện nhân sinh quan tích cực, tiến bộ của người Việt Nam. Đó là hướng về cội nguồn, trân quý, tôn trọng quá khứ, giữ gìn và tiếp nối truyền thống, bảo lưu và truyền dạy cách sống cho các thế hệ sau.

Tóm lại, nhân sinh quan giúp con người xác định mục tiêu sống, giá trị và lý tưởng mà họ muốn theo đuổi. Nhân sinh quan ảnh hưởng đến cách con người đánh giá và phản ứng trước các tình huống khác nhau, giúp họ phân biệt giữa đúng và sai, từ đó điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với các giá trị và nguyên tắc mà họ đã xác định. Nhân sinh quan có thể cung cấp động lực mạnh mẽ cho con người, giúp họ vượt qua khó khăn và thử thách trong cuộc sống. Khi có một nhân sinh quan tích cực và rõ ràng, con người dễ dàng duy trì sự kiên trì và quyết tâm trong việc đạt được mục tiêu. Nhân sinh quan, vì vậy không chỉ ảnh hưởng đến hành vi cá nhân mà còn góp phần vào việc xây dựng xã hội và cộng đồng tốt đẹp hơn.

Chức năng giáo dục

Với hệ thống quan niệm của con người về cuộc đời, về ý nghĩa, mục đích sống của con người nhân sinh quan có chức năng giáo dục con người về tính mục đích, tính trách nhiệm của mỗi cá nhân trong cộng đồng xã hội. Hệ thống những quan niệm này có thể thực hiện chức năng giáo dục thông qua tính trường quy và có tính không trường quy. Tính trường quy là giáo dục nhân sinh quan thông qua nhà trường, các trung tâm giáo dục. Tính không trường quy, thì có thể là thông qua sự giáo dục trong môi trường gia đình, thông qua các thiết chế xã hội, qua đồng nghiệp, bạn bè, ...

Thông qua chức năng giáo dục, nhân sinh quan giúp cá nhân và cộng đồng xác định các giá trị và lý tưởng sống như tinh thần trách nhiệm, lòng nhân ái và tinh thần cầu tiến, sự sáng tạo; góp phần xây dựng lòng tự tin và tự trọng; tin tưởng vào khả năng của bản thân và sẵn sàng đối mặt với thử thách; tôn trọng sự đa dạng, khuyến khích sự khác biệt và phát triển cá nhân; giáo dục đạo đức và các giá trị sống; phát triển nhân cách, biết sống có trách nhiệm, biết yêu thương và tôn trọng

người khác; hình thành thái độ sống tích cực, lạc quan và hướng thiện. Nhờ có chức năng giáo dục, nhân sinh quan góp phần giúp con người phát triển toàn diện, trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Sự phân chia các chức năng của nhân sinh quan cũng chỉ có ý nghĩa tương đối. Bởi lẽ, các chức năng nhận thức, đánh giá; định hướng, điều chỉnh hành vi; giáo dục có mối quan hệ biện chứng với nhau không thể tách rời, chúng bổ sung cho nhau tạo thành một hệ thống chặt chẽ, đồng bộ trong nhân sinh quan của con người.

Thứ hai, nhân sinh quan người Việt Nam

Nghiên cứu quan niệm nhân sinh quan và các chức năng của nó là cơ sở để nghiên cứu sinh tiếp cận nghiên cứu nhân sinh quan của người Việt Nam.

Về khái niệm con người Việt Nam trong luận án chỉ toàn thể cộng đồng dân tộc Việt Nam (gồm 54 dân tộc, với nghĩa là dân tộc quốc gia), chứ không phải chỉ cộng đồng người Việt (người Kinh). Do đó, nhân sinh quan người Việt Nam ở đây là nhân sinh quan của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Nhân sinh quan người Việt Nam ra đời đồng hành và gắn bó chặt chẽ với sự phát triển của dòng chảy lịch sử dân tộc Việt Nam, với các giai đoạn chủ yếu như: giai đoạn khởi thủy của lịch sử dân tộc, từ thời kỳ Hùng Vương dựng nước đến cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Tư tưởng dân tộc thời kỳ này mang sắc thái bản địa, chưa có sự thâm nhập tư tưởng từ bên ngoài vào; giai đoạn Bắc thuộc với chính sách Hán hoá, ý thức dân tộc trỗi dậy để chống lại xu hướng Hán hóa; giai đoạn các triều đại: Lý, Trần, Lê, Nguyễn, nhân sinh quan người Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều từ các học thuyết Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo đến từ Trung Hoa và Ấn Độ; giai đoạn ảnh hưởng của văn hóa phương Tây (Pháp, Mỹ) và thời đại Hồ Chí Minh gắn với phong trào giải phóng dân tộc, nhân sinh quan người Việt Nam chịu ảnh hưởng của ý thức hệ mác xít và các trào lưu tư tưởng phương Tây.

Nhân sinh quan người Việt Nam gắn bó chặt chẽ với vận mệnh của dân tộc, giải đáp những vấn nạn mà người Việt Nam gặp phải trên hành trình dựng nước và giữ nước của họ. Ví dụ, khi đất nước có giặc ngoại xâm, tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết, lòng tự hào, tự tôn dân tộc nổi lên tạo nên sức mạnh to lớn đấu tranh chiến thắng mọi kẻ thù. Do đó, yêu nước, đoàn kết, tự hào, tự tôn dân tộc trở thành giá trị cốt lõi trong nhân sinh quan người Việt Nam, trường tồn với lịch sử dân tộc.

Tâm thức Việt về một hệ thống thần kỳ sông núi, khí thiêng non nước luôn ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chống phương Bắc ngày càng hoàn thiện và phổ biến đã trở thành một sức mạnh tinh thần mãnh liệt nuôi dưỡng ý chí đấu tranh giành độc lập tự chủ của người Việt qua cả nghìn năm. Tất cả những khía cạnh tinh thần đó đã làm hình thành một nét đặc trưng cho tư duy Việt, cho thể sinh Việt trong suốt thời kỳ chống Bắc thuộc kéo dài hơn 10 thế kỷ [6; tr. 79].

Lòng biết ơn, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau, trọng nghĩa tình là những biểu hiện đậm nét trong nhân sinh quan người Việt Nam. Trong đời nhân xử thế, người Việt Nam luôn nêu cao quan niệm “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*Ăn quả nhớ người trồng cây*”, “*Bầu ơi thương lấy Bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*”.

Nhân sinh quan người Việt Nam phản ánh các điều kiện sống của họ, đó là nền nông nghiệp chủ yếu lúa nước với thiết chế làng, xã nông thôn. Cuộc sống phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, vào lao động sản xuất nông nghiệp. Do đó, ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, bình yên, hạnh phúc là một trong những biểu hiện rõ nét trong nhân sinh quan người Việt Nam, trở thành quan niệm sống, khát vọng vươn lên của con người trong suốt chiều dài của lịch sử tư tưởng dân tộc Việt Nam.

Khi nói đến nhân sinh quan của người Việt Nam là nói đến các triết lý nhân sinh giải đáp những vấn nạn mà người Việt Nam gặp phải trên con đường dựng nước và giữ nước; gắn với các điều kiện sinh tồn của họ, đó là nông nghiệp, môi trường tự nhiên, làng xã, gia đình, dòng tộc, họ hàng...; nhân sinh quan người Việt Nam là mẫu số chung của sự thống nhất trong đa dạng các triết lý nhân sinh của các tộc người trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Từ cách tiếp cận nhân sinh quan ở trên, trong luận án này, chúng tôi quan niệm *nhân sinh quan của người Việt Nam là hệ thống những quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc của con người, phản ánh điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt của họ trong những giai đoạn lịch sử nhất định với trình độ khác nhau, để điều chỉnh hành vi của con người trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.*

2.1.2. Lễ hội truyền thống - quan niệm, đặc trưng, loại hình, giá trị cơ bản

Quan niệm về lễ hội truyền thống

Lễ hội là một khái niệm mà cho đến nay giới nghiên cứu vẫn còn nhiều cách tiếp cận và lý giải khác nhau. Trong cuốn *Từ điển Bách khoa Việt Nam* viết: “Lễ hội là hoạt động của một tập thể người, liên quan đến tín ngưỡng và tôn giáo”. Còn trong *Từ điển Tiếng Việt* của Hoàng Phê (chủ biên) thì hiểu “Lễ hội là cuộc vui chung có tổ chức, có các hoạt động nghi lễ mang tính văn hoá truyền thống”.

Một trong những quan điểm lý thuyết nhận được sự đồng thuận cao về hai thành tố cấu trúc nên lễ hội (phần lễ tức là nghi lễ, là mặt thứ nhất: tinh thần, tôn giáo, tín ngưỡng, tính thiêng; phần hội tức là các hoạt động lễ nghi, trò diễn, là mặt thứ hai: vật chất, văn hóa, nghệ thuật). Lễ hội có lịch sử lâu đời, là hoạt động cộng đồng của người dân Việt Nam. Tác giả Nguyễn Chí Bền cho rằng:

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng, ra đời và phát triển trong xã hội loài người. Ở Việt Nam, lễ hội gắn bó với làng xã như một thành tố không thể thiếu vắng trong đời sống cộng đồng. Là những cư dân nông nghiệp sống với nghề trồng lúa nước, vòng quay của thiên nhiên và mùa vụ tạo ra trong con người những nhu cầu tâm linh mà lễ hội chính là nơi, là cơ hội thỏa mãn nhu cầu tâm linh ấy của họ[1; tr.68-77].

Lễ hội là một phần không thể thiếu trong đời sống của người nông dân Việt Nam. Sau một thời gian làm việc vất vả thì tham gia lễ hội là cách để họ cảm thấy cân bằng cuộc sống. Lễ hội gắn gũi với con người và thường được diễn ra ở nơi thiêng liêng như đình, chùa, ... để thể hiện sự tôn kính. Lễ hội là nơi người dân được thể hiện sự tín ngưỡng và tham gia vào các trò vui chơi. Lễ và hội hòa quyện với nhau để cùng nhau biểu hiện một giá trị nào đó của một cộng đồng. Trong lễ cũng có hội và trong hội cũng có lễ.

Yếu tố tín ngưỡng, tâm linh là nội dung quan trọng trong các lễ hội truyền thống. Ở đó luôn có các nhân vật được thờ phụng, tôn vinh những hình tượng thiêng, được định danh là “Thần” - những người có thật trong lịch sử dân tộc hoặc huyền thoại, hình tượng các vị thần linh (anh hùng chống giặc ngoại xâm, những người khai

phá vùng đất mới, tạo dựng nghề nghiệp, những người chống chọi với thiên tai, trừ ác thú, những người chữa bệnh cứu người...) với những phẩm chất cao đẹp.

Tác giả, Nguyễn Quang Lê cho rằng:

Bất kỳ một lễ hội nào cũng bao gồm hai hệ thống đan quyện và giao thoa với nhau: Hệ thống lễ bao gồm các nghi lễ của tín ngưỡng dân gian và tôn giáo cùng với các lễ vật được sử dụng làm đồ lễ mang tính linh thiêng, được chuẩn bị rất chu đáo và nghiêm túc. Thông qua các nghi lễ này con người được giao cảm với thế giới siêu nhiên là các thần thánh (nhiên thần và nhân thần), do chính họ tưởng tượng ra và mong các thần thánh bảo trợ và có tác động tốt đẹp đến tương lai cuộc sống tốt đẹp của mình. Hệ thống hội bao gồm các trò vui, trò diễn và các kiểu diễn xướng dân gian, cụ thể là các trò vui chơi giải trí, các đám rước và ca múa dân gian... Chúng đều mang tính vui nhộn, hài hước, song đôi khi chưa thể tách ra khỏi việc thờ cúng[4847; tr.68].

Theo tác giả Ngô Đức Thịnh:

Tính tổng thể của lễ hội không phải là thực thể “chia đôi” như người ta quan niệm mà nó hình thành trên cơ sở một cốt lõi nghi lễ, tín ngưỡng nào đó (thường là tôn thờ một vị thần linh - lịch sử hay một thần linh nghề nghiệp nào đó) rồi từ đó nảy sinh và tích hợp các hiện tượng văn hóa phái sinh để tạo nên một tổng thể lễ hội cho nên trong một lễ hội phần lễ là phần gốc rễ chủ đạo, phần hội là phần phát sinh tích hợp[95; tr.34-37].

Về quan niệm lễ hội truyền thống, Quy chế tổ chức lễ hội ban hành kèm theo Quyết định số 39/2001/QĐ-BVHTT ngày 23/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá thể thao và Du lịch đã đưa ra 4 loại lễ hội ở Việt Nam thuộc đối tượng cần điều chỉnh là: Lễ hội dân gian, lễ hội lịch sử cách mạng, lễ hội tôn giáo, lễ hội du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 110/2018/NĐ-CP về quản lý và tổ chức lễ hội thì lễ hội truyền thống được định nghĩa như sau: *Lễ hội truyền thống là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng được tổ chức theo nghi lễ truyền thống, nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân, (bao gồm cả lễ hội tại các di tích lịch sử - văn hóa, lễ hội dân gian).*

Từ các quan niệm trên, có thể hiểu *lễ hội truyền thống là một loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian tổng hợp, vừa độc đáo, vừa phong phú, đa dạng của dân tộc Việt Nam có nguồn gốc từ rất lâu đời, theo nghi lễ truyền thống*. Có thể coi lễ hội truyền thống là hình ảnh thu nhỏ của nền văn hóa dân gian. Lễ hội truyền thống bao hàm hầu như đầy đủ các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian như: truyền thuyết, thần thoại, thần tích, thần phả, văn tế, văn bia, hoành phi câu đối, ca dao, hò vè, ... (văn học dân gian); diễn xướng, sân khấu dân gian, các làn điệu dân ca, dân vũ, dân nhạc, ... (nghệ thuật biểu diễn dân gian); các nghi lễ, nghi thức, trò chơi, trò diễn, trò chơi dân gian, tục lệ, đối tượng thờ cúng, đức tin, ... (tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán dân gian). Do vậy, lễ hội truyền thống không chỉ là hiện tượng văn hóa dân gian mà còn là một hiện tượng mang tính lịch sử xã hội. Nhiều yếu tố văn hóa tinh thần được lễ hội truyền thống bảo lưu và truyền tụng từ đời này sang đời khác thực sự trở thành di sản văn hóa truyền thống vô giá.

Việt Nam là một quốc gia giàu truyền thống văn hoá, trong kho tàng văn hoá ấy, sinh hoạt lễ hội truyền thống là vùng văn hoá đặc sắc và tiêu biểu nhất. Như đã nói ở trên, lễ hội truyền thống là một loại hình sinh hoạt văn hoá dân gian tổng hợp, vừa độc đáo, vừa phong phú về hình thức, đa dạng về chủng loại, qua lễ hội biểu hiện đầy đủ các mặt tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo, văn hoá nghệ thuật, vừa tâm linh, vừa đời thường, vừa linh thiêng, vừa trần tục... Do đó, lễ hội truyền thống là một sinh hoạt văn hoá tinh thần có sức hút lớn trong đời sống xã hội.

Các loại hình của lễ hội truyền thống

Lễ hội truyền thống có các đặc trưng sau đây:

Thứ nhất, lễ hội truyền thống gắn với đời sống tâm linh, tôn giáo, tín ngưỡng, là sự hoà quyện giữa tính thiêng và đời sống hiện thực. Có nhiều sinh hoạt, trò diễn, diễn xướng trong các lễ hội thể hiện đậm nét tín ngưỡng, tư duy của con người, như tôn sùng sinh thực khí mà hội Trò Trám (Phú Thọ), lễ hội cầu mùa ở nhiều nơi.

Thứ hai, lễ hội truyền thống là một sinh hoạt văn hoá mang tính hệ thống, tính phức hợp, một hiện tượng văn hoá dân gian tổng thể, bao gồm gần như tất cả các phương diện khác nhau của đời sống xã hội của con người: nghi lễ, phong tục,

giao tiếp và gắn kết xã hội, các sinh hoạt diễn xướng dân gian (hát, múa, trò chơi, sân khấu, ...), các cuộc thi tài, vui chơi, giải trí, ẩm thực, mua bán, ... ví dụ: diễn xướng ba trận đánh giặc Ân trong Hội Gióng, diễn xướng cờ lau tập trận trong lễ hội Hoa Lư, diễn xướng rước Chúa gái (Mỹ Nương) trong Hội Tản Viên, ...

Thứ ba, chủ thể của lễ hội truyền thống là cộng đồng, đó là cộng đồng làng, cộng đồng nghề nghiệp, cộng đồng tôn giáo, tín ngưỡng, cộng đồng thị dân và lớn hơn cả là cộng đồng quốc gia dân tộc. Nói cách khác, không có lễ hội nào lại không thuộc về một cộng đồng nhất định. Cộng đồng chính là chủ thể sáng tạo, hoạt động và hưởng thụ các giá trị văn hoá của lễ hội.

Ba đặc trưng trên nó quy định tính chất, sắc thái văn hoá, truyền thống, lối sống, tư duy, suy nghĩ, tình cảm, thái độ những người tham gia lễ hội truyền thống, phân biệt với các loại hình lễ hội khác như lễ hội sự kiện, các loại Festival hiện đại.

Các loại hình lễ hội truyền thống

Theo số liệu thống kê của Cục văn hoá cơ sở thuộc Bộ Văn hoá, thể thao và Du lịch, hiện cả nước có 11.124 lễ hội, trong đó có 10.354 lễ hội truyền thống (chiếm 93,07%), 687 lễ hội văn hoá (chiếm 6,2%), 79 lễ hội làng nghề (chiếm 0,7%), 4 lễ hội du nhập từ nước ngoài (chiếm 0,03%), [126].

Bảng 2.1: Thống kê lễ hội ở Việt Nam

Đơn vị: nghìn

Lễ hội	11.124	100%
Lễ hội truyền thống	10.354	93,07%
Lễ hội văn hoá	687	6,2%
Lễ hội làng nghề	79	0,7%
Lễ hội du nhập từ nước ngoài	4	0,03%

Nguồn: <https://lehoi.com.vn/trang-chu> [126].

Theo số liệu thống kê cho thấy, lễ hội truyền thống có tỷ lệ lớn nhất và bao trùm hầu hết các làng xã Việt Nam. Điều đó cho thấy, lễ hội truyền thống chiếm một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống văn hoá tinh thần của người Việt Nam.

Các lễ hội truyền thống ở Việt Nam có thể chia ra thành:

Thứ nhất, những lễ hội tưởng nhớ các anh hùng có công với đất nước. Đây là các lễ hội mang tính chất lịch sử, gắn bó với lịch sử dựng nước và giữ nước, phản ánh các cuộc đấu tranh giữ nước, giữ làng, tưởng nhớ đến các nhân vật anh hùng, các vị vua của các triều đại, như: lễ hội đền Hùng (đây là lễ hội truyền thống lớn nhất nước ta, được vinh danh lên hàng quốc lễ. Lễ hội đền Hùng được tổ chức vào ngày mùng mười tháng ba (âm lịch) hàng năm tại xã Hi Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ); lễ hội đền Gióng (là lễ hội truyền thống được tổ chức để tưởng nhớ và ca ngợi chiến công của người anh hùng Thánh Gióng, một trong tứ bất tử của tín ngưỡng dân gian Việt Nam - người có công đánh thắng giặc Ân, mở đầu trang sử vàng son chống ngoại xâm của dân tộc); lễ hội đền Trần (lễ hội nhớ về cội nguồn của các bậc đế vương triều Trần trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm cùng dân tộc); lễ hội Hai Bà Trưng (lễ tưởng nhớ công lao của Hai Bà Trưng xưng vương, lập đô sau khi đã đánh tan giặc ngoại xâm, bảo vệ giang sơn, bờ cõi), ... Những lễ hội này không chỉ tưởng nhớ những người có công, những nhân vật anh hùng, mà còn để giáo dục lòng yêu nước, lòng tự tôn, tự hào dân tộc, ý thức tự lực, tự cường của mỗi người dân Việt Nam. Qua đó, nêu cao tinh thần cách mạng, khí phách kiên cường để bảo vệ giang sơn, xã tắc.

Thứ hai, những lễ hội phản ánh đời sống tâm linh, tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân, như: lễ hội Phủ Dầy Nam Định (lễ hội Phủ Dầy gắn liền với sự tích về Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một biểu tượng trong “tứ bất tử” (Sơn Tinh, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử và Mẫu Liễu Hạnh của dân gian Việt Nam); lễ hội Điện Hòn Chén ở Thừa Thiên - Huế, lễ hội Tháp bà Po Nagar ở Nha Trang tỉnh Khánh Hoà (đây là lễ hội thờ Thiên Y A Na Thánh mẫu, nguyên xưa là nữ thần của người Chăm tên là Pô Yang Inô Nagar, là nữ thần sáng tạo ra đất đai, cây cối, rừng gỗ quý, lúa, bắp, ... và dạy dân chúng trồng trọt); lễ hội Tản Viên Sơn Thánh tại huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội để tưởng nhớ công lao của Sơn Tinh - người có công diệt giặc ngoại xâm, trị thủy thiên nhiên và dạy nghề cho dân chúng, ... những lễ hội này thể hiện lòng thành kính, tôn thờ của người Việt Nam đối với những đấng sáng tạo, che chở cuộc sống cho con người. Đây cũng là một sinh hoạt văn hóa đặc sắc của các cộng đồng

cur dân Việt Nam. Dù có sự khác nhau về lễ nghi, đối tượng tôn thờ, nhưng tính thiêng trong các hoạt động của nghi lễ, trò diễn đều thể hiện được chiều sâu suy nghĩ, tư duy của người Việt Nam cũng như quá trình tiếp nối, trân trọng những giá trị truyền thống.

Thứ ba, những lễ hội phản ánh ước mong, hy vọng trong cuộc sống lao động, sản xuất (lễ hội săn bắt, trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán, ...), như: lễ hội Chử Đồng Tử (đền Đa Hoà (xã Bình Minh) và đền Hoá (xã Dạ Trạch), thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên). Trong đó rước nước là nghi lễ đặc trưng của lễ hội. Rước nước là một nghi lễ trang trọng mang ý nghĩa cầu mong mưa thuận gió hòa, làm ăn sung túc, tưởng nhớ về Thánh Chử Đồng Tử với nghề đánh cá xuôi ngược trên sông; lễ hội Nghinh Ông cầu phúc, cầu lành của ngư dân miền biển, trải dài từ Trung Bộ đến tỉnh Bến Tre; lễ hội Lồng Tồng của dân tộc Tày (đây là lễ hội xuống đồng của các dân tộc Tày - Nùng ở Việt Bắc. Lễ hội tôn thờ người có công khai phá ruộng nương, xây dựng và bảo vệ bản Mường. Lễ hội Lồng Tồng cầu cho mùa màng ở cánh đồng Bản Mạc được tươi tốt); lễ hội Tịch Điền ở Hà Nam (lễ hội Tịch điền Đọi Sơn là một lễ hội truyền thống xuống đồng cày ruộng và cầu cho một năm mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Lễ hội Tịch điền nhằm khuyến khích nông trang; lễ hội mừng com mới của các dân tộc ở Tây Nguyên (đối với các dân tộc ít người ở Tây Nguyên hàng năm sau khi thu hoạch mùa màng, người ta tổ chức Lễ ăn mừng com mới, vừa để tạ ơn thần, vừa vui mừng chung hưởng kết quả của một quá trình lao động nhọc nhằn vất vả; lễ OK OM BOK của người Khơ - mer Nam Bộ (còn gọi là lễ Cúng Trăng (tổ chức vào đúng hôm rằm và bắt đầu từ khi trăng lên) của người Khơ - mer Nam Bộ sống ở các tỉnh Sóc Trăng, Cần Thơ, Cà Mau, Kiên Giang. Lễ OK OM BOK để tỏ lòng biết ơn vị thần đã làm cho mùa màng tươi tốt, mang lại lương thực dồi dào cho con người).

Sự phân chia lễ hội truyền thống theo các hình thức đã nêu ở trên cũng chỉ có ý nghĩa tương đối dựa trên tính chất, đặc điểm riêng cũng như ý nghĩa của từng lễ hội. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, tất cả mọi lễ hội truyền thống đều phản ánh đời sống phong phú, đa dạng về văn hóa, tín ngưỡng, sự tôn thờ, tưởng nhớ, thành kính của một cộng đồng cư dân nhất định, tạo nên những giá trị tinh thần, văn hoá tốt

đẹp của dân tộc Việt Nam. Ẩn chứa sau những nghi thức tế lễ, hội hè của lễ hội truyền thống là cả một hệ thống quan niệm về cách ứng xử của con người với tự nhiên, với cộng đồng, với chính mình và với thần linh, mong ước của con người về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, thể hiện khát vọng của con người vươn lên làm cho cuộc sống phồn vinh, thịnh vượng. Nói cách khác, đó chính là nhân sinh quan của con người, hàm nghĩa sâu xa nhất của lễ hội truyền thống Việt Nam.

Trong tất cả các lễ hội truyền thống đề cập, nghiên cứu sinh chọn một số lễ hội tiêu biểu như: lễ hội đền Hùng; lễ hội đền Gióng; lễ hội đền Trần; lễ hội Phủ Dầy; lễ hội đền Bà Chúa Kho; lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam; lễ hội Trò Trám, lễ hội Cầu Ngư để thực hiện những vấn đề đặt ra mà luận án nghiên cứu. Vì đây là những lễ hội mang tính đại diện, có ý nghĩa biểu trưng lớn cho tất cả các lễ hội truyền thống theo sự phân chia các loại hình lễ hội ở trên.

Những nét biểu trưng và giá trị của lễ hội truyền thống

Lễ hội truyền thống Việt Nam có nhiều giá trị cơ bản, bao gồm:

Một là, giá trị cố kết và biểu dương sức mạnh cộng đồng.

Lễ hội nào cũng thuộc về một cộng đồng người nhất định, đó có thể là cộng đồng làng, xã (hội làng), cộng đồng nghề nghiệp (hội nghề), cộng đồng tôn giáo (hội chùa, hội đền, hội nhà thờ), cộng đồng dân tộc (Lễ hội Đền Hùng) đến cộng đồng nhỏ hẹp hơn như gia tộc, dòng họ, ... lễ hội là dịp biểu dương sức mạnh của cộng đồng và là chất kết dính tạo nên sự cố kết cộng đồng.

Mỗi cộng đồng hình thành và tồn tại trên cơ sở của những nền tảng gắn kết, như gắn kết do cùng cư trú trên một lãnh thổ (cộng cư), gắn kết về sở hữu tài nguyên và lợi ích kinh tế (công hữu), gắn kết bởi số mệnh chịu sự chi phối của một lực lượng siêu nhiên nào đó (cộng mệnh), gắn kết bởi nhu cầu sự đồng cảm trong các hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hoá (cộng cảm), ... lễ hội là môi trường góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh cộng đồng.

Hai là, giá trị hướng về cội nguồn.

Hướng về cội nguồn là một giá trị đặc trưng cho văn hóa Việt Nam nói chung. Đó là hướng về tổ tiên, xóm làng, đất nước, quốc gia dân tộc. Hướng về cội nguồn để trân trọng quá khứ, tiếp nối, phát huy những giá trị đó làm bệ đỡ tinh thần,

lối sống của con người hiện tại. Hướng về nguồn đã trở thành tâm thức của con người Việt Nam - “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”. Chính vì thế, lễ hội truyền thống cũng phản ánh dòng chảy, suy nghĩ, tâm thức đó.

Ba là, giá trị cân bằng đời sống tâm linh.

Bên cạnh đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tư tưởng còn hiện hữu đời sống tâm linh. Đó là đời sống của con người hướng về cái cao cả, thiêng liêng, tôn thờ những vị thần, gắn với tín ngưỡng, tôn giáo. Các nghi lễ trong lễ hội là phương thức để con người thể hiện đời sống tâm linh của mình, tạo nên trạng thái tinh thần an yên, thăng hoa, bình tâm, tự tại của con người trong đời sống hiện thực.

Bốn là, giá trị sáng tạo và hưởng thụ văn hoá.

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt tín ngưỡng - văn hoá cộng đồng của nhân dân. Trong các lễ hội đó, nhân dân tự tổ chức, tự sáng tạo và tái hiện các sinh hoạt văn hoá cộng đồng và hưởng thụ các giá trị văn hoá do chính mình tạo ra. Tính đa dạng, phong phú của các hình thức lễ hội, lễ nghi, trò diễn đã phản ánh năng lực sáng tạo của các cộng đồng người. Nó phản ánh đời sống vật chất ngày càng phong phú của con người, qua đó làm giàu thêm đời sống tinh thần của con người trong một cộng đồng xã hội nhất định.

Năm là, giá trị bảo tồn và trao truyền văn hoá.

Lễ hội không chỉ là phương thức thể hiện, biểu đạt các giá trị văn hoá dân tộc, mà còn là nơi để các cộng đồng người bảo tồn, lưu giữ, phát huy những giá trị truyền thống văn hóa, đồng thời bồi đắp thêm những giá trị tinh thần độc đáo trong đời sống văn hoá của các cộng đồng xã hội. Lễ hội còn là nơi để trao truyền những giá trị độc đáo, tạo thành dòng chảy liên tục của bản sắc văn hóa, của đời sống tinh thần các cộng đồng xã hội.

2.1.3. Nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống

Trong giới hạn nghiên cứu của luận án này, chúng tôi quan niệm, *nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống là hệ thống những quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc của con người được thể hiện qua các lễ nghi, trò diễn trong lễ hội truyền thống, có vai trò định hướng, điều chỉnh hành vi trong hoạt động sống của con người.*

Nhân sinh quan người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu ở các khía cạnh cơ bản sau đây:

Một là, quan niệm về cuộc sống (ý nghĩa, mục đích của cuộc sống; sống ở đời và làm người; lòng tự trọng, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý).

Đối với người Việt Nam, quan niệm về ý nghĩa, mục đích của cuộc sống, sống ở đời và làm người được thể hiện trên nhiều khía cạnh. Trước hết, đó là tình yêu thương con người, tình nghĩa đồng bào, tinh thần đoàn kết, tinh thần yêu nước, tinh thần cố kết cộng đồng, sự chở che, đùm bọc, bao dung, nhân nghĩa, ... trong lễ hội truyền thống, điều này được thể hiện rất rõ qua các lễ nghi, trò diễn, các hoạt động cộng đồng trong lễ hội, tạo ra một nét độc đáo thể hiện quan niệm về cuộc sống của người Việt Nam, trong đó, tinh thần yêu nước đóng một vai trò hết sức quan trọng trong tâm thức của người Việt Nam trở thành giá trị cốt lõi trong dòng chảy lịch sử văn hoá dân tộc, đúng như nhà nghiên cứu Trần Văn Giàu nhận định:

Chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại. Ở đây, bản chất Việt Nam biểu lộ rõ ràng, đầy đủ, tập trung nhất, hơn bất cứ chỗ nào khác. Yêu nước thành một triết lý xã hội và nhân sinh của người Việt Nam, và nếu dùng từ “đạo” với nguyên nghĩa của nó là “đường”, là hướng đi, thì chủ nghĩa yêu nước đích thật là đạo Việt Nam [23; tr.101].

Tín ngưỡng thờ Mẫu (lễ hội Phủ Dầy, Nam Định) nêu cao tinh thần đoàn kết dân tộc, lòng khoan dung, bình đẳng, ái ái yêu thương, thể hiện rất rõ tình yêu thương, sự đùm bọc chở che con người hướng con người tới sự an yên, sum vầy, hòa thuận. Xuất phát từ người Mẹ là đáng sinh thành, đáng chở che, các lễ hội thờ Mẫu đều hướng con người tới những giá trị tư tưởng tiến bộ, tin vào cuộc sống tốt đẹp, khuyên răn con người, uốn nắn chuẩn mực hành vi của con người phù hợp với đạo và đời. Tín ngưỡng thờ Mẫu còn thể hiện quan niệm sống tôn trọng, hoà hợp, gắn bó chặt chẽ với tự nhiên, bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ cuộc sống của con người.

Hai là, quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn (sự tôn thờ đáng sinh thành, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, ông tổ làng, tổ nghề).

Cuộc sống của con người luôn phải gắn với sự trân trọng và lòng biết ơn đối với người khác, nhất là trân trọng và biết ơn những người đi trước, đó là các thế hệ

ông, cha, người có công trong việc xây dựng, bảo vệ và phát triển làng, xã, quê hương, đất nước. Sự trân trọng và lòng biết ơn là một phẩm chất cao đẹp trong quan niệm về con người Việt Nam đã được lưu giữ và trao truyền qua bao thế hệ.

Sự trân trọng và lòng biết ơn thể hiện qua sự tôn thờ đáng sinh thành, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, người có công với làng, xã, đất nước được thể hiện rõ nét và hết sức sinh động qua một số lễ hội truyền thống mang tính chất lịch sử, phản ánh cuộc đấu tranh giữ làng, giữ nước, tưởng nhớ đến các anh hùng, danh nhân, người có công như lễ hội đền Gióng, lễ giỗ Tổ Hùng Vương, lễ hội đền Trần... Các lễ nghi, văn tế, trò diễn đều hướng đến việc thể hiện sự ngưỡng vọng, tôn thờ, tưởng nhớ những người có công với dân, với nước. Đồng thời lễ hội là dịp để biểu dương sức mạnh, tinh thần cố kết, sức mạnh cộng đồng, lòng tự hào dân tộc với truyền thống lịch sử vẻ vang của mỗi người dân Việt Nam.

Lễ hội đền Gióng được tổ chức hàng năm tại xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, từ ngày mùng 6 đến ngày 12 tháng 4 âm lịch, trong đó, ngày mùng 9 tháng 4 là ngày chính hội, cử hành các nghi thức cúng tế, rước hoa tre, rước nước, ..., cũng như các trò diễn tái hiện lại một cách sinh động và hào hùng những trận đánh của Thánh Gióng và nhân dân Văn Lang chống giặc Ân trong quá khứ. Đây là lễ hội tưởng nhớ và ca ngợi chiến công người anh hùng Thánh Gióng, một trong “Tứ bất tử” (Tản Viên Thánh Sơn (Sơn Tinh), Phù Đổng Thiên Vương (Thánh Gióng), Chử Đạo Tổ (Chử Đồng Tử), Công Chúa Liễu Hạnh (Mẫu Liễu Hạnh) trong tín ngưỡng dân gian của người Việt Nam. Thánh Gióng là một huyền thoại, một biểu tượng đẹp đẽ của chủ nghĩa anh hùng dân tộc, thể hiện tinh thần yêu nước và sức mạnh quật cường trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Câu chuyện đã ẩn chứa một khát vọng của ông cha ta về một sức mạnh phi thường để đánh bại giặc ngoại xâm, sức mạnh đó chỉ có được khi mọi người một lòng đoàn kết với nhau. Tinh thần đoàn kết này đã tạo thành một sức mạnh to lớn có thể đánh bại bất cứ mọi kẻ thù hung bạo nhất và lớn mạnh hơn chúng ta gấp nhiều lần. Tinh thần đoàn kết này đã được chứng minh trong thực tế lịch sử dân tộc Việt Nam từ trong quá khứ cho đến thời kỳ hiện đại. Thánh Gióng là biểu trưng cho sức mạnh quật khởi, của tinh thần dân tộc, có sức lan toả mạnh mẽ và thấm thấu vào

tâm thức của mỗi người dân Việt Nam qua bao thế hệ, tạo thành ý thức về lòng tự tôn dân tộc, tinh thần yêu nước kiên cường bất khuất với khát vọng có một cuộc sống hoà bình của dân tộc Việt Nam. Yêu nước, khát vọng hoà bình đã trở thành động lực mạnh mẽ thôi thúc bên trong tâm thức của mỗi người dân Việt Nam chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù để bảo vệ cuộc sống bình yên, hạnh phúc. Điều này đã được chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát như sau: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”[65; tr.171].

Thông qua các lễ hội truyền thống, sự trân trọng, lòng biết ơn được phát huy cao độ và sự biểu hiện sống động quan niệm “uống nước nhớ nguồn” là giá trị cốt lõi của văn hóa Việt Nam, đó là sự thể hiện lòng biết ơn và tri ân đối với tổ tiên, những người đã có công xây dựng và bảo vệ đất nước.

Dumoutier một học giả nước ngoài đến Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX khi tham gia vào dòng người đi lễ Hội Gióng của người Việt Nam, ông đã có nhận xét như sau:

Cái điều đập ngay vào nhận thức của người quan sát phương Tây, giữa các nghi thức thành tín hoàn toàn có tính chất dân sự là vẻ cao cả của cuộc hành lễ, thái độ xúc động của người hành lễ. Chắc hẳn như thế, chưa bao giờ buổi lễ của Giáo hoàng La Mã lại được tiến hành trước một đám người dự lễ chân thành hơn và với những người trợ lễ có ý thức hơn về sự cao quý trong chức trách của mình, về sự thần thánh của hành vi đang được thực hiện. Không phải là một sự kinh ngạc nhỏ khi thấy rằng bộ mặt tẻ nhạt của người nông dân Bắc Kỳ vốn vô vị như thế lại có thể biến đổi đến mức độ nào dưới ấn tượng của ý thức tôn giáo cho đến mức thấm đượm tính cách cao quý thực sự, khi thấy rằng cử chỉ vốn rụt rè của anh ta trở nên rộng lớn biết bao, khi thấy rằng toàn bộ dáng điệu của anh ta trở nên cao quý trong việc thi hành sự thờ phụng, hoàn toàn phi tôn giáo, được tạo lập do sự nhớ ơn, gắn với lòng yêu nước và sự kính sợ thiêng liêng[80; tr.160-161].

Cái nhìn của người ngoài cuộc đến từ Phương Tây không cùng lập trường, quan điểm, tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo thì chắc chắn là cái nhìn trung thực, khách quan, sâu sắc nhưng cũng hết sức tinh tế đã lột tả được hết sự tôn kính, lòng biết ơn thần thánh, những người có công với quê hương, đất nước của người nông dân Việt Nam khi tham gia lễ hội.

Bên cạnh sự trân trọng và lòng biết ơn đối với những người có công với đất nước, các lễ hội truyền thống còn là dịp để người dân thể hiện tinh thần đoàn kết, sức mạnh cộng đồng và lòng tự hào dân tộc. Qua các nghi lễ, trò chơi dân gian, và các hoạt động văn hóa, mọi người cùng nhau chia sẻ, tôn vinh những giá trị văn hóa, lịch sử của dân tộc. Những lễ hội này cũng giúp củng cố mối quan hệ xã hội, gắn kết các thế hệ, và truyền đạt những giá trị đạo đức, tinh thần từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Các lễ hội truyền thống vừa phân tích ở trên là biểu hiện sống động và phong phú quan niệm về đạo lý "uống nước nhớ nguồn". Những lễ hội này không chỉ là dịp để người dân thể hiện sự tưởng nhớ và tri ân những người có công mà còn là cơ hội để giáo dục và truyền đạt những giá trị truyền thống tốt đẹp cho thế hệ sau, củng cố và phát huy lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết dân tộc.

Ba là, ước mong, hy vọng (về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc).

Đối với cư dân nông nghiệp truyền thống Việt Nam, cuộc sống của họ gắn bó chặt chẽ với tự nhiên. Tự nhiên là không gian đang sinh sống, là những yếu tố chi phối trực tiếp đến quá trình sản xuất nông nghiệp của họ. Đó là đất, nước, cây, các hiện tượng thời tiết. Trong quan niệm của họ, trời là không gian sinh sống của các thần linh, đất là Mẹ - Mẫu địa, nước là yếu tố mang tính âm, là gốc của mọi sự sinh sôi nảy nở của các loại cây trồng vật nuôi và kể cả con người. Do đó, những ước muốn, khát vọng về sự sinh sôi nảy nở, cầu mong cho mưa thuận, gió hoà, mùa màng tươi tốt, cuộc sống no đủ, ... là cơ sở cho hệ thống tín ngưỡng nông nghiệp ra đời và được lưu giữ trong các lễ hội truyền thống, nổi bật hơn cả đó là tín ngưỡng phồn thực.

Có thể thấy rằng, trong hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo hết sức phong phú, đa dạng của người Việt Nam, thì tín ngưỡng thờ Mẫu luôn có một sức sống mãnh liệt

và ngày càng phát triển lớn mạnh, giữ một vị trí quan trọng trong đời sống văn hoá tinh thần của người Việt Nam. Đây là tín ngưỡng có nguồn gốc bản địa đích thực. Đa số người dân Việt Nam thờ Mẫu đều tin rằng, Thánh Mẫu là đấng bảo trì cho vũ trụ, con người, là nơi con người ký thác những mong ước, khát vọng về đời sống trần thế của mình, đạt tới sức khoẻ và tài lộc. Do đó, mỗi dịp lễ hội tại các đền thờ Thánh Mẫu lớn như lễ hội Phủ Dầy Nam Định (thờ Mẫu Liễu Hạnh); lễ hội đền Bà Chúa Kho, tại khu Cô Mễ, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Miền Bắc); lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam đều thu hút rất lớn người tham gia lễ hội, thực hiện nghiêm cẩn các lễ nghi, trò diễn để thể hiện mong ước, khát vọng, niềm tin của con người.

Bên cạnh tín ngưỡng thờ mẫu, người Việt Nam còn quan niệm “vạn vật hữu linh”, nên trong cuộc sống, họ trân trọng, đề cao, tôn vinh, gửi gắm mong muốn, khát vọng sống của mình thông qua các linh vật, sinh thực khí thông qua tín ngưỡng phồn thực. Lễ hội Trò Trám, hay còn gọi là lễ hội “Linh tinh tình phộc” là một trong những lễ hội độc đáo tôn vinh tín ngưỡng phồn thực, phản ánh nét văn hóa đặc trưng của dân cư nông nghiệp. Trong lễ hội Trò Trám, hai sinh thực khí được thờ trong miếu Trò là công cụ để thực hiện hành vi sinh đẻ, biểu tượng cho cơ quan sinh dục nam và nữ mà người Việt Nam gọi là Nỗ, Nường. Lễ hội này để cầu mong cho sự sinh sôi, nảy nở và phát triển, mùa màng bội thu, cuộc sống no đủ sung túc, đôi nam nữ dùng sinh thực khí thực hiện các thao tác tượng trưng cho hành vi giao phối giữa đực - cái được coi là

biểu tượng thiêng liêng của sự sinh sản, người xưa đã “thần thiêng hoá” hành vi đó vì cho nó là cội nguồn của mọi sự sinh sản. Họ cũng quan niệm rằng, hành vi giao phối của người và vật sẽ là nguồn cảm hoá cho đất trời, thiên nhiên cây cỏ cùng sinh sôi, nảy nở. Do đó, họ tôn thờ hành vi này, tạc tượng nó, mô hình hoá nó và thờ cúng ở những nơi trang nghiêm[523; tr.168-169].

Tín ngưỡng phồn thực trong lễ hội Trò Trám có tính biểu trưng lớn đại diện cho các lễ hội nông nghiệp trên khắp cả nước. Hay nói cách khác, các lễ hội nông nghiệp trên phạm vi cả nước có đặc điểm chung là luôn mang đậm dấu ấn tín

ngưỡng phồn thực. Xuất phát từ quan niệm, phong tục, tập quán vùng miền khác nhau, nhưng các lễ hội nông nghiệp có những điểm chung căn bản trong nghi thức thờ cúng và trò diễn. Những nghi thức thờ cúng đó là “các nghi lễ thờ cúng thần nông nghiệp, các ma thuật phục vụ mùa màng, các hình thức khác nhau của tục lệ, kiêng cấm trong trồng trọt, những dị đoan về mối liên hệ giữa tình dục con người với sự mắn đẻ và sinh sôi của vật nuôi, cây trồng đều gắn liền với tín ngưỡng phồn thực”[8584; tr.66]. Các trò diễn trong các nghi lễ nông nghiệp trên phạm vi khắp cả nước diễn ra trong những thời gian, không gian khác nhau, với rất nhiều biểu hiện thông qua các nghi thức, các tục lệ khác nhau, nhưng điểm chung mà chúng ta dễ nhìn thấy là sự giao phối, hoà hợp giữa các yếu tố biểu trưng cho sự sinh sôi, nảy nở.

Thực hiện các trò diễn, phong tục trong một không khí dân dã nhưng không kém phần linh thiêng, người ta tin rằng lễ thiêng đó sẽ tác động tới mùa màng, cây trồng, vật nuôi để có được vụ mùa bội thu. Sâu xa hơn, các trò diễn, phong tục ấy còn là sự thể hiện ước mơ, khao khát đậm chất “dục”, để thỏa mãn những nhu cầu bản năng của con người, với mong muốn duy trì nòi giống, con cái đẻ huê, phúc lộc đầy nhà theo quan niệm của người Việt cổ[6968; tr.92].

Lễ hội nông nghiệp với những nghi lễ và trò diễn, diễn ra ở mọi công đoạn của quá trình sản xuất, từ lúc gieo cấy cho đến lúc thu hoạch. Người nông dân tin rằng, việc tế lễ, cúng bái cũng như thực hành các trò diễn trong lễ hội được thần linh phù hộ cho cây trồng, vật nuôi, kể cả con người được sinh sôi, nảy nở, phát triển dồi dào. Do đó, “lễ hội chính là phương tiện để truyền tải ước vọng của người nông dân, là biểu tượng nhằm hiện thực hóa thế giới ý niệm về đời sống tâm linh bằng những nghi thức, những hoạt động để con người giao tiếp với thần linh”[85; tr.66].

Các lễ nghi, trò diễn trong tín ngưỡng phồn thực thể hiện sự giao phối, hoà hợp giữa con người với tự nhiên. Thực hiện các lễ nghi, trò diễn trong một không gian lễ hội dân dã nhưng không kém phần linh thiêng, người ta tin rằng lễ thiêng đó sẽ tác động tới mùa màng, cây trồng, vật nuôi để có được vụ mùa bội thu. Sâu xa hơn, các trò diễn, phong tục ấy còn là sự thể hiện ước mơ, khao khát, với mong muốn duy trì nòi giống, con cái đẻ huê, phúc lộc đầy nhà.

Từ sự phân tích trên, chúng ta thấy rằng, thông qua lễ hội, những khát vọng, mong muốn, sự tin tưởng con người vào cuộc sống được thể hiện, phát huy. Thái độ lạc quan, trông đợi, tin tưởng của con người đã góp phần phát huy tinh thần hăng hái lao động, sản xuất, đồng thời là biểu tượng cho sự trường tồn của giống nòi, của vạn vật.

2.2. SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG - QUAN NIỆM VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU

2.2.1. Quan niệm về sự biến đổi nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống

Theo Từ điển Triết học của Nhà xuất bản Tiến Bộ, Mátxcova, *biến đổi bao hàm mọi sự vận động và sự tác động qua lại, sự chuyển hoá từ trạng thái này sang trạng thái khác*[88; tr.39]. Từ điển Tiếng Việt định nghĩa, *biến đổi là động từ dùng để chỉ sự thay đổi thành khác trước*[115114; tr.64]. Điều này có nghĩa là sự thay đổi của sự vật, hiện tượng trong quá trình vận động, phát triển, chuyển hoá từ trạng thái này sang trạng thái khác có thêm những dấu hiệu, đặc trưng mới được bổ sung so với thời điểm trước đó.

Tuy nhiên, trong quá trình biến đổi, sự vật vận động theo hai xu hướng. Đó là vận động đi lên, hình thành cái mới tiến bộ hơn, hoàn thiện hơn so với cái ban đầu. Sự vật mới ra đời trên cơ sở kế thừa những mặt tích cực, những giá trị cốt lõi, tốt đẹp vốn có của sự vật cũ và được bổ sung thêm những mặt, những yếu tố mới phù hợp với điều kiện hiện thực đang tồn tại, làm cho sự vật mới ra đời có một trình độ phát triển cao hơn, hoàn thiện hơn và tiến bộ hơn so với sự vật ban đầu. Vận động đi xuống là sự vật có xu hướng biến đổi thành cái xấu hơn, lạc hậu hơn so với cái ban đầu. Ở chiều hướng này, sự vật không kế thừa được những mặt, những yếu tố tốt đẹp của cái cũ mà còn làm biến dạng cái cũ theo chiều hướng lạc hậu, tiêu cực.

Trong luận án này, chúng tôi quan niệm, sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống biểu hiện ra ở *sự biến đổi quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người Việt Nam trên hai phương diện biến đổi tích cực và biến đổi tiêu cực.*

Từ quan niệm trên, chúng ta có thể hiểu, biến đổi tích cực và tiêu cực trong nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống ở các khía cạnh như sau:

Thứ nhất, biến đổi tích cực là sự biến đổi theo chiều hướng tiến bộ đi lên, những giá trị trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống được lưu giữ, kế thừa và phát huy, phát triển lên một trình độ mới để phù hợp với sự biến đổi của đời sống hiện đại, hun đúc thành những giá trị nhân sinh quan mới, tiến bộ có khả năng giúp con người nhận thức, đánh giá đúng hiện thực đời sống xã hội và con người, để từ đó hình thành nên lối sống, thái độ sống đúng đắn, lành mạnh, tiến bộ, nhằm điều chỉnh hành vi, hoạt động sống của con người hướng tới các giá trị tối cao đó là: Chân - Thiện - Mỹ. Điều này được thể hiện qua quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc được bổ sung thêm nhiều nội dung và hình thức mới, phong phú đa dạng, làm cho cuộc sống của con người có ý nghĩa hơn, niềm tin của con người vào cuộc sống tăng lên, xây dựng tình đoàn kết, bác ái, yêu thương, sống có tình, có nghĩa, có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, phát huy cao độ tinh thần yêu nước thông qua nhiều việc làm thiết thực trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo thành động lực, sức mạnh nội sinh cho phát triển đất nước.

Thứ hai, biến đổi tiêu cực là những biến đổi có xu hướng lệch chuẩn với những giá trị truyền thống tốt đẹp vốn có, hoặc nhân danh những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp vì lợi ích, tham vọng, toan tính của cá nhân hoặc nhóm người, làm tha hóa nhân cách, đạo đức, lối sống, giá trị, chuẩn mực đạo đức của con người trong đời sống xã hội. Từ đó, hình thành nên những lối suy nghĩ, lối sống tiêu cực, đi ngược lại với thuần phong mỹ tục làm đảo lộn các giá trị, chuẩn mực đạo đức trong đời sống xã hội.

Biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống được hiểu là sự thay đổi theo chiều hướng xấu, làm “tha hóa” các quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc mất đi tính thiện, tính thiêng, xói mòn lòng tin của con người, mất đi ý nghĩa cuộc sống, làm biến dạng những quan niệm nhân sinh quan tốt đẹp trong lễ hội truyền thống.

Cũng như bất kỳ mọi sự vật, hiện tượng khác, lễ hội là một hiện tượng xã hội đặc biệt cũng mang tính lịch sử. Do vậy sự biến đổi nhân sinh quan của con người thông qua lễ hội truyền thống cũng phải được nhìn nhận, đánh giá trên quan điểm lịch sử - cụ thể. Tất nhiên mọi xu hướng biến đổi tiêu cực cần phải được nhận diện, phân tích, qua đó tìm ra phương thức để tác động nhằm hạn chế những tác động tiêu cực đối với đời sống xã hội. Đồng thời chỉ ra cách thức để phát huy những biến đổi tích cực. Đây là hai mặt của một quá trình biến đổi. Do vậy cần phải quán triệt những nguyên tắc phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, làm căn cứ để đưa ra những nhận định, đánh giá chính xác, phù hợp.

2.2.2. Những nội dung biến đổi chủ yếu của nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống

Nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống phản ánh điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt vật chất của cộng đồng người dân Việt Nam ở những giai đoạn lịch sử nhất định. Vì vậy sự ra đời, vận động, biến đổi và phát triển nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống gắn liền với sự vận động, biến đổi và phát triển của điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt vật chất của cộng đồng người Việt Nam ở những giai đoạn nhất định của lịch sử.

C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng:

Sự sản xuất ra những ý niệm, những quan niệm và ý thức thì lúc đầu là trực tiếp gắn liền mật thiết với hoạt động vật chất và với sự giao tiếp vật chất của con người... Ở đây, những quan niệm, tư duy, sự giao tiếp tinh thần của con người xuất hiện ra còn là sản phẩm trực tiếp của các quan hệ vật chất của họ. Đối với sự sản xuất tinh thần, đúng như nó biểu hiện trong ngôn ngữ của chính trị, của luật pháp, của đạo đức, của tôn giáo, của siêu hình học, v.v..., trong một dân tộc cũng thế. Chính con người là kẻ sản xuất ra những quan niệm, ý niệm, v.v... Ý thức không bao giờ có thể là cái gì khác hơn là sự tồn tại được ý thức, và tồn tại của con người là quá trình đời sống hiện thực của con người[5655; tr.37].

Chính “Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung. Không phải ý thức con người quyết

định tồn tại của họ; trái lại, chính tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ”[5857; tr.25].

Trong những năm qua, nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống có những biến đổi trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực. Sự biến đổi này được thể hiện ở các nội dung chủ yếu sau đây:

2.2.2.1. Sự biến đổi tích cực trong nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống

Thứ nhất, sự biến đổi tích cực trong quan niệm về cuộc sống (ý nghĩa, mục đích của cuộc sống; sống ở đời và làm người).

Trước hết, sự biến đổi tích cực trong quan niệm về cuộc sống qua lễ hội truyền thống được thể hiện cụ thể: con người Việt Nam ngày càng yêu thương, gắn bó, sẻ chia, những phong trào, hành động tích cực vì cộng đồng, cùng nhau phát triển kinh tế, xây dựng quê hương, đất nước, tạo dựng nền văn hóa, con người nhân văn, nhân bản “giàu lòng nhân ái, khoan dung, chân thành, tín nghĩa, trọng đạo lý”[16; T1, tr.263] đang ngày càng trở thành một xu hướng chủ đạo trong đời sống xã hội. Trong những năm qua tinh thần đoàn kết, sẻ chia, đồng cảm giữa con người với con người được thể hiện thông qua nhiều hình thức phong phú, như giúp đỡ đồng bào khó khăn, lũ lụt, thiên tai, đói kém, ra sức làm nhiều việc tốt cho cộng đồng và xã hội. Điều này được thể hiện trước hết thông qua hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động từ thiện xã hội như: Nghị định số 64/2008/NĐ-CP ngày 14/5/2008 của Chính phủ (sau đó được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo). Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội... Các văn bản pháp luật này đã tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức như: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ, Quỹ tình thương và các cá nhân hoạt động từ thiện, thúc đẩy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của người dân. Các hoạt động từ

thiện xã hội ở Việt Nam hiện nay được thực hiện với đa dạng các hình thức, như: quyên góp từ thiện, quán cơm từ thiện, cửa hàng từ thiện, khám bệnh từ thiện..., đã mang lại những giá trị vô cùng thiết thực cho cộng đồng, giúp đỡ những người gặp hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong cuộc sống.

Thông qua lễ hội truyền thống tình yêu quê hương, đất nước trở thành quan niệm sống cốt lõi của người dân Việt Nam ngày càng được củng cố, phát huy và được bổ sung thêm nhiều hình thức và nội dung mới phù hợp với thực tiễn phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới. Qua đó “Phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tự hào dân tộc, tính cộng đồng và khơi dậy khát vọng vươn lên” [16; T1, tr.262]. Chẳng hạn, yêu nước hiện nay không chỉ đánh đuổi kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc mà còn phải phấn đấu lao động, học tập, làm ăn kinh doanh phát triển kinh tế với mục đích là “kinh bang tế thế” làm cho dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh nhằm nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, rộng khắp trong toàn quân, toàn dân, từ các Bộ, Ban, Ngành đến địa phương cơ sở. Tổ chức các lễ hội, sự kiện du lịch, văn hoá tâm linh để giới thiệu hình ảnh đất nước và con người Việt Nam giàu truyền thống văn hoá tốt đẹp đến với bạn bè trên thế giới, phát huy lòng tự hào, tự tôn dân tộc... “tổ chức tốt công tác thông tin đối ngoại tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hoá Việt Nam ra thế giới”[17; T2, tr.49].

Thứ hai, sự biến đổi tích cực trong quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn (sự tôn thờ đáng sinh thành, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, ông tổ làng, tổ nghề).

Sự biến đổi tích cực trong quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn qua lễ hội truyền thống thể hiện ở chỗ: nếu như ngày xưa biết ơn vua, các anh hùng chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước, biết ơn các tổ làng, tổ nghề thì ngày nay, ngoài những ý nghĩa trên, còn biết ơn các bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh liệt sĩ, những người hy sinh cả cuộc đời, thậm chí cả mạng sống để có được nền độc lập ngày hôm nay. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt quan tâm tới hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, chăm sóc người có công với cách mạng, Người căn dặn: “Thương binh, bệnh binh, gia đình quân nhân và gia đình liệt sĩ là những người có công với Tổ quốc, với nhân dân. Cho nên bổn phận của chúng ta là phải biết ơn, phải thương yêu

và giúp đỡ họ”[66; tr. 372]. Sự biến đổi đó thể hiện qua các phong trào “đền ơn đáp nghĩa” đối với những người có công thông qua những việc làm cụ thể và thiết thực như: phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hỗ trợ xây dựng "Nhà tình nghĩa"; thăm, tặng quà đối tượng chính sách và người có công với cách mạng nhân dịp lễ, Tết; tặng sổ tiết kiệm; thăm viếng, tu sửa, tôn tạo nghĩa trang liệt sĩ; khám, chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí, quy tập hài cốt liệt sĩ hy sinh trong chiến tranh về nghĩa trang quốc gia và các địa phương, nhiều phong trào về nguồn được nhân dân khắp mọi miền đất nước tham gia...đã thể hiện rất rõ đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây” của người Việt Nam. “Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công; đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa. Tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công; bảo đảm chế độ ưu đãi người và gia đình người có công phù hợp với xu hướng tăng trưởng kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội”[16; T1, tr.270].

Qua đó, thể hiện tinh thần trách nhiệm, lòng biết ơn, đền ơn đáp nghĩa, hướng về cội nguồn, trân trọng quá khứ, truyền thống để sống tốt hơn, có ý nghĩa hơn cũng ngày càng được thể hiện rõ trong đời sống xã hội. Thông qua lễ hội truyền thống để mọi người nhắc nhở mình về sự trân trọng, lòng biết ơn những người có công với đất nước, anh hùng dân tộc, qua đó nhắc nhở bản thân phải sống thật xứng đáng với sự hy sinh của ông cha để cho mình và mọi người có cuộc sống bình yên, hạnh phúc như hôm nay. Do đó, phải “tiếp tục thực hiện việc nâng mức trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, giải quyết căn bản chính sách đối với người có công; nâng cấp các công trình đền ơn đáp nghĩa”[16; T1, tr.149].

Thứ ba, sự biến đổi tích cực quan niệm về ước mong, hy vọng (về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc).

Sự biến đổi tích cực quan niệm về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống cho thấy, những năm qua khát vọng làm giàu, khát vọng cống hiến, mơ ước về một cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc được thể hiện rõ trong nhận thức và hành động của mỗi cá nhân con người. Niềm tin vào Đảng, vào con đường cách mạng đã trở thành động lực thôi thúc các hành động cách mạng tiến bộ, vì hạnh phúc của nhân dân.

Sự biến đổi này được thể hiện cụ thể qua các phong trào thi đua sản xuất phát triển kinh tế trong toàn quân, toàn dân và các Bộ, Ban, Ngành rộng khắp trong cả nước, phong trào xây dựng nông thôn mới thiết thực và hiệu quả, các phong trào thi đua yêu nước rộng khắp trên các lĩnh vực thể hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của con người Việt Nam hiện nay. Điều này được thể hiện rõ trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: “...khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”[16; T1, tr.116].

Sự biến đổi tích cực nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống thể hiện ở quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc vừa phân tích ở trên được khái quát trong Nghị quyết số 33 Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI: “Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã có chuyển biến tích cực, đạt kết quả quan trọng... Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành”.

2.2.2.2. Sự biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống

Thứ nhất, sự biến đổi tiêu cực trong quan niệm về cuộc sống qua lễ hội truyền thống

Ở một số lễ hội người tham gia thể hiện sự xô bồ, bon chen của cuộc sống, làm mất đi lòng thành kính, thể hiện lòng tham, sự cuồng vọng cá nhân, dẫn đến sự xuống cấp đạo đức xã hội. Điều này đã được Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ: “Đạo đức, lối sống trong gia đình, học đường, xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, gây bức xúc cho xã hội”[17; T2, tr.72]. Tính thiêng, nghiêm trang của nơi thờ tự đã bị xem nhẹ, thay vào đó là những hành vi thiếu văn hóa, thiếu ý thức. Thói háo danh, ganh đua, đố kỵ, vơ vét, tham lam xuất hiện ngay ở cõi linh thiêng. Suy nghĩ ấy, quan hệ ấy đã dẫn đến lối sống phù phiếm, giả tạo, tạo ra niềm tin mộng tưởng về cuộc sống, dễ đến đến tâm lý ỷ lại, trông chờ vào may rủi, mê tín, dị đoan, bói toán, di cung hoán số..., mà không chịu lao động sản

xuất để cố gắng vươn lên, thậm chí có những hành vi tiêu cực cho bản thân và cho xã hội. Do đó, cần phải “Phê phán và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan”[16; T1, tr.144], thể hiện thông qua sinh hoạt lễ hội truyền thống.

Bên cạnh đó, từ việc tổ chức lễ hội trang nghiêm, thành kính, có tính văn hoá cao ...chuyển sang lợi dụng việc tổ chức sinh hoạt lễ hội thể thoả mãn lòng tham thu vén được nhiều lợi ích cho cá nhân và phe nhóm dẫn đến các hành vi ban phát lộc thánh để thu lợi bất chính, lợi dụng lòng tin của những người cuồng tín, buôn thần bán thánh ngay trong chốn linh thiêng, thương mại hoá quá mức các giá trị văn hoá lễ hội, “Có hiện tượng thương mại hoá hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở một số nơi”[17; T2, tr.73], đã thể hiện rõ quan niệm sống tiêu cực ngay trong sinh hoạt lễ hội truyền thống.

Sự biến đổi tiêu cực quan niệm về cuộc sống còn thể hiện ở chỗ từ việc xem tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, đặt lợi ích của quốc gia lên trên hết, hy sinh, cống hiến hết mình cho Tổ quốc là giá trị cao nhất chuyển sang xem trọng lợi ích cá nhân, phe nhóm là trên hết, thậm chí hy sinh lợi ích quốc gia để đạt được lợi ích cá nhân. Từ lối sống trọng nghĩa tình, đoàn kết, khoan dung, bác ái, yêu thương, hy sinh, quan tâm, chia sẻ, chuyển sang lối sống không tình, không nghĩa, thờ ơ, lạnh lùng, vô cảm, thiếu trách nhiệm, ích kỷ, vụ lợi cá nhân, thực dụng, xem trọng đồng tiền hơn các giá trị đạo đức, xem lợi ích vật chất cao hơn danh dự, phẩm giá con người.

Thứ hai, sự biến đổi tiêu cực quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn qua lễ hội truyền thống

Sự biến đổi tiêu cực quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn qua lễ hội truyền thống biểu hiện qua việc không ít người, kể cả cán bộ, đảng viên lợi dụng lòng tin, lòng thành kính của người khác đối với những người có công để kêu gọi quyên góp tiền của để xây chùa, cúng tế..., nhằm thực hiện mục đích vụ lợi cho cá nhân hoặc phe nhóm. Bên cạnh đó, còn xuất hiện quan niệm sống thực dụng, dẫn đến việc thương mại hoá các hoạt động lễ hội, với quan niệm nhân vật được thờ cúng có công trạng càng to thì cung tiền lễ vật phải càng lớn, lấy vật chất làm thước đo cho

lòng thành kính đã làm tha hoá sự trân trọng, lòng biết ơn - một giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Sự biến đổi tiêu cực quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn còn thể hiện ở việc không ít người thần thánh hoá công trạng, hoặc cố tìm ra công trạng của người có công để nâng cấp lễ hội, xin kinh phí đầu tư hoặc quyên góp phục vụ cho hoạt động tu bổ các di tích tôn thờ, tưởng nhớ nhằm mục đích trục lợi đã làm sai lệch, biến tướng quan niệm về sự tôn thờ, tưởng nhớ những người có công với đất nước. Mặt khác, nếu như trước đây con người khi tham gia lễ hội với lòng thành kính, biết ơn các anh hùng dân tộc, những người có công với đất nước để tự nhủ với lòng mình phải sống cho xứng đáng với sự hy sinh của các bậc tiền bối, thì hiện nay, không ít người đến lễ hội với tâm niệm những người có công được tôn thờ, tưởng nhớ phải có trách nhiệm với thế hệ con cháu mai sau, do đó trong lời khấn của họ là sự mặc cả, phó thác cuộc đời, sự nghiệp của mình cho thần linh. Điều này thể hiện sự xuống cấp đạo đức của con người trong đời sống xã hội, trong đó có không ít cán bộ, đảng viên đến với lễ hội cầu xin thần linh cho mình được thăng quan, tiến chức, lập bè, kết cánh, mất đoàn kết, cơ hội, thực dụng để trục lợi cá nhân hoặc phe nhóm, khi nắm quyền lực trong tay đã độc đoán chuyên quyền, quan liêu, xa dân, tham ô, hối lộ, sống xa hoa trụy lạc gây tổn hại cho đất nước và nhân dân. Do đó, phải ngăn chặn, “đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội và thực dụng”[16; T1, tr.144].

Thứ ba, sự biến đổi tiêu cực quan niệm về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống

Sự biến đổi tiêu cực quan niệm về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc thể hiện qua lối sống thực dụng khiến nhiều người đến lễ hội chỉ với mong muốn cầu xin thần thánh để hiện thực hoá được nhiều lợi ích của cá nhân hoặc phe nhóm, dẫn đến những việc làm trái với thuần phong mỹ tục ngay trong việc thực hiện các nghi thức tế lễ và sinh hoạt văn hoá trong lễ hội truyền thống.

Con người đến với lễ hội chỉ vì mục đích cầu mong cho được nhiều lợi ích, có cuộc sống giàu sang phú quý mà không chịu khó chăm chỉ lao động sản xuất. Điều này đã dẫn đến tâm lý cầu may, phó thác, trông chờ, ỷ lại, thích hưởng thụ,

lười lao động, vì lợi ích của mình mà sẵn sàng hy sinh lợi ích của người khác, kể cả lợi ích của quốc gia dân tộc. Từ đó, sinh ra nhiều hiện tượng tiêu cực như: tham ô, hối lộ, móc ngoặc, buôn lậu, làm hàng giả, thực dụng chủ nghĩa..., ảnh hưởng đến đời sống văn hoá, đạo đức của xã hội mà hiện nay chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả.

Từ phân tích trên cho thấy, sự biến đổi tiêu cực nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống thể hiện qua quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc được thể hiện khá rõ nét trong Nghị quyết số 33 Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã nhận định: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng". Những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan người Việt Nam là hết sức nghiêm trọng, trong thực tế đã gây ra không ít hệ lụy cho xã hội. Do đó, cần phải được nhận diện đầy đủ, kịp thời để có biện pháp khắc phục hiệu quả làm cho đời sống văn hoá tinh thần xã hội lành mạnh, tiến bộ, văn minh.

Quan niệm về sự biến đổi tích cực và tiêu cực trong nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống là cơ sở cho nghiên cứu sinh khảo sát và phân tích thực trạng sự biến đổi tích cực và tiêu cực trong nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống được trình bày ở chương 3 của luận án.

2.3. NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

2.3.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

Như chúng ta đã biết, ý thức xã hội là sản phẩm của sự phản ánh tồn tại xã hội, do tồn tại xã hội quyết định, khi tồn tại xã hội thay đổi thì ý thức xã hội sớm muộn cũng phải thay đổi theo. Do đó, ý thức, tư tưởng, quan niệm của con người là sản phẩm, kết quả của sự phản ánh hiện thực điều kiện kinh tế - xã hội mà họ đang sống, khi hoàn cảnh kinh tế - xã hội thay đổi thì ý thức, tư tưởng của họ cũng sẽ thay đổi theo. Mặc dù sự thay đổi này diễn ra có lúc nhanh, lúc chậm, có yếu tố sẽ thay đổi nhanh cùng với sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội, có những yếu tố trở thành giá trị phổ biến của đời sống xã hội thì không dễ thay đổi, nhưng

sẽ có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoàn cảnh hiện thực đã đổi khác của xã hội.

Xã hội Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ từ một xã hội với nền nông nghiệp truyền thống sang nền kinh tế nhiều thành phần, tuân theo các quy luật của thị trường mà chúng ta thường gọi là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự thay đổi này đã phá vỡ mạnh mẽ cấu trúc xã hội nông nghiệp truyền thống, chính thực tiễn này đã tác động mạnh mẽ đến ý thức, tư tưởng, tình cảm, đến quan niệm về đời sống của con người Việt Nam.

Nếu như trong xã hội nông nghiệp truyền thống với nền sản xuất lúa nước đặc trưng, cùng thiết chế xã hội là công xã nông thôn, cuộc sống của con người ít thay đổi hoặc thay đổi chậm, tạo nên mối liên kết chặt chẽ giữa các cá nhân trong cộng đồng làng, xã. Nhu cầu vật chất đối với cuộc sống cũng không cao, vì vậy con người không ganh đua, bon chen, tạo nên cuộc sống hài hoà, yên ổn.

Khi đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phương thức sản xuất vật chất thay đổi đã làm thay đổi cách làm, cách nghĩ, không gian sinh sống của những cư dân nông nghiệp trước đây. Cùng với đó là các điều kiện tồn tại xã hội thay đổi dẫn đến sự thay đổi căn bản trong đời sống tinh thần, trong đó có các sinh hoạt lễ nghi trong các lễ hội truyền thống.

Đặc biệt, từ khi đất nước phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã làm thay đổi căn bản lối sống, tư duy, suy nghĩ, quan niệm của con người theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực.

Kinh tế thị trường đã thúc đẩy tinh thần dám nghĩ, dám làm, năng động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, cống hiến vì cộng đồng, thúc đẩy khát vọng làm giàu cho bản thân, gia đình, cộng đồng và đất nước.

Sự phát triển của kinh tế thị trường mang lại nguồn lực tài chính dồi dào hơn cho nhà nước và xã hội. Điều này tạo điều kiện để có thể dành nhiều nguồn lực hơn cho các chính sách hỗ trợ, chăm sóc đời sống của những người có công với quê hương, đất nước như các cựu chiến binh, thương binh, gia đình liệt sĩ. Các chương trình hỗ trợ tài chính, y tế, nhà ở,... có thể được triển khai hiệu quả hơn, thể hiện lòng biết ơn của xã hội đối với những đóng góp của họ. Bên cạnh đó, trong môi

trường kinh tế thị trường, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có điều kiện tham gia vào các hoạt động từ thiện, tài trợ, xây dựng quỹ hỗ trợ cho những người có công. Những hoạt động này không chỉ giúp đỡ về mặt vật chất mà còn có giá trị tinh thần, thể hiện lòng biết ơn đối với những người đã góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước. Mặt khác sự phát triển của các phương tiện truyền thông, công nghệ thông tin trong kinh tế thị trường giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của việc ghi nhớ và tri ân những người có công. Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về lịch sử, về công lao của các thế hệ đi trước có thể được thực hiện rộng rãi và hiệu quả hơn. Điều này được thể hiện trong thực tế đã có không ít người cung tiến rất nhiều tiền để xây dựng đền, chùa, làm tượng đài, tôn thờ những người có công với quê hương, đất nước, anh hùng dân tộc, tổ làng, tổ nghề. Chính điều này đã không ngừng củng cố và làm giàu thêm quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn của con người hôm nay luôn hướng về cội nguồn với tinh thần tôn kính nhất, nhắc nhở mọi người sống là phải “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”. Tinh thần này luôn được trao truyền, lưu giữ và thể hiện rõ nét qua sinh hoạt lễ hội truyền thống, là sợi dây kết nối cộng đồng dân tộc Việt Nam thành một khối bền vững, tạo nên sức mạnh trường tồn của dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh những thay đổi tích cực về điều kiện vật chất, đạo đức, lối sống, nhân sinh quan, thì kinh tế thị trường cũng tác động tiêu cực tới nhiều mặt của đời sống xã hội:

Thứ nhất, kinh tế thị trường là cơ chế kinh tế dựa trên cơ sở tự do cạnh tranh, trao đổi ngang giá, sòng phẳng trong thanh toán nên nó đã tạo ra quan hệ xã hội “*lạnh lùng, trả tiền ngay*”. Khi nói về những khuyết tật của kinh tế thị trường, C.Mác viết đó là một thứ mậu dịch không có lương tâm, nó làm cho quan hệ giữa con người “chìm ngập trong băng giá của sự tính toán vị kỷ, bởi vì ngoài quan hệ lợi hại trần trụi, ngoài sự giao dịch tiền mặt lạnh lùng vô tình sẽ chẳng còn có mối liên hệ nào khác. *Thứ hai*, kinh tế thị trường quá đề cao lợi nhuận, đề cao đồng tiền, coi trọng các giá trị vật chất, kinh tế nên dễ dẫn đến xu hướng chạy theo đồng tiền, xem nhẹ giá trị tinh thần, coi thường các giá trị đạo đức truyền thống của các dân tộc, tạo ra sự tha hoá về đạo đức lối sống, xuất hiện lối sống hưởng thụ, “sống gấp”.

Thứ ba, kinh tế thị trường quá đề cao cá nhân và lợi ích cá nhân làm xuất hiện chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, coi thường lợi ích tập thể, lợi ích xã hội. *Thứ tư*, kinh tế thị trường tạo ra sự bất bình đẳng về thu nhập, địa vị xã hội gây nên sự phân hoá giàu nghèo, chênh lệch mức sống, dẫn đến sự phân hoá giai cấp sâu sắc trong xã hội, dễ gây mất ổn định chính trị.

Chính điều này tác động đã làm thay đổi quan niệm sống của con người. Từ quan niệm lấy con người tập thể, con người xã hội làm chuẩn mực, hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích của tập thể, của cộng đồng, chuyển sang tuyệt đối hoá lợi ích cá nhân, xem nhẹ lợi ích tập thể, cộng đồng và xã hội. Từ quan niệm lấy đạo đức làm tiêu chuẩn mẫu mực của cuộc sống chuyển sang coi thường đạo đức, phẩm giá; tuyệt đối hoá lối sống thực dụng tầm thường, tôn sùng tiện nghi vật chất, sùng bái đồng tiền, lấy đồng tiền làm mục đích sống, làm thước đo giá trị của con người. Những hiện tượng tham ô, hối lộ, móc ngoặc, buôn lậu, lừa đảo, làm hàng giả, mua quan, bán tước, chạy chức, chạy quyền làm băng hoại đạo đức xã hội là hệ quả tất yếu từ những diễn biến đó. Mặt khác, nền kinh tế thị trường cũng tạo ra nhiều rủi ro trong làm ăn, kinh doanh, buôn bán. Điều này cũng gây ra tâm lý lo lắng, hoang mang, hy vọng trông đợi vào sự che chở từ sự thờ cúng, cầu mong trong các hoạt động lễ hội.

Trong kinh tế thị trường, khi lợi nhuận và lợi ích kinh tế được ưu tiên thì sự trân trọng, lòng biết ơn của con người đối với những người có công với đất nước có thể bị xem nhẹ. Việc thương mại hóa các hoạt động tri ân biến chúng thành các cơ hội kinh doanh hoặc quảng bá thương hiệu, có thể làm suy giảm ý nghĩa thực sự của lòng biết ơn. Mặt khác, nền kinh tế thị trường phát triển dẫn đến sự chênh lệch giàu nghèo trong xã hội. Khi khoảng cách giàu nghèo lớn, những người có công với đất nước nhưng có hoàn cảnh khó khăn có thể cảm thấy bị bỏ rơi hoặc không được quan tâm đúng mức. Điều này có thể làm giảm lòng biết ơn và sự tôn trọng từ các thế hệ sau đối với những người đã đóng góp cho đất nước. Thêm vào đó, trong một xã hội chạy theo lợi ích vật chất và công nghệ, có nguy cơ rằng các giá trị lịch sử và truyền thống, bao gồm cả lòng biết ơn đối với những người có công, có thể bị lãng quên.

Kinh tế thị trường cũng tạo ra nhiều rủi ro không thể lường biết trước, nhất là đối với những người làm ăn, kinh doanh, buôn bán và tầng lớp thị dân. Sự biến động thất thường của thị trường và các rủi ro khác có thể khiến cho họ hôm nay đang là tỉ phú, ngày mai có thể trắng tay, số phận con người thật bấp bênh, làm cho con người ta hoang mang, tin vào sự may rủi, tin vào số phận, định mệnh, ... điều này đã tác động đến tâm tư, tình cảm, suy nghĩ của con người hình thành quan niệm sống cầu may, trông đợi, mê tín dị đoan, dâng sao giải hạn, ... được thể hiện khá sinh động trong sinh hoạt lễ hội truyền thống của người Việt Nam hiện nay.

Trong nền kinh tế thị trường, đời sống vật chất của con người đầy đủ, nhưng với guồng quay liên tục của cuộc sống hối hả, sống nhanh, sống gấp, bon chen, cạnh tranh lẫn nhau, ít có thời gian nghỉ ngơi. Việc theo đuổi những tiện nghi của đời sống vật chất đơn thuần khiến con người cảm thấy mệt mỏi, cô đơn, khủng hoảng về mặt tinh thần, không ít người đã tìm đến cái chết như một sự giải thoát khỏi áp lực của cuộc sống. Chính C.Mác đã sớm nhận ra hậu quả tệ hại này

Những thắng lợi của kỹ thuật dường như đã được mua bằng cái giá của sự suy đồi về mặt tinh thần... Tất cả những phát minh của chúng ta và tất cả sự tiến bộ của chúng ta tựa hồ như đang dẫn tới chỗ là những lực lượng vật chất thì được ban cho một đời sống tinh thần, còn đời sống của con người vốn đã bị tước mất cái mặt tinh thần rồi thì nay lại bị hạ thấp xuống trình độ những lực lượng vật chất đơn thuần[58; tr.10].

Khi con người chỉ là một “lực lượng vật chất đơn thuần” thì cuộc sống không còn nhiều ý nghĩa, chính những áp lực mà đời sống vật chất tạo ra đã khiến con người bất an, lo lắng quay vào bên trong tâm hồn mình để tìm kiếm sự bình an, hạnh phúc đích thực của cuộc sống và lễ hội truyền thống chính là môi trường, là phương thức để con người thể hiện quan niệm về ước mong, hy vọng có được cuộc sống bình yên, hạnh phúc.

Từ sự phân tích trên cho thấy, điều kiện kinh tế - xã hội tác động sâu rộng đến quan niệm về đời sống, về sự trân trọng, lòng biết ơn, về ước mong hy vọng có cuộc sống bình yên, hạnh phúc là những biểu hiện nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống. Đây là cơ sở cho nghiên cứu sinh khảo sát thực

trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống được trình bày ở chương 3.

2.3.2. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước là công cụ có vai trò đặc biệt quan trọng trong lãnh đạo, quản lý, điều hành sự phát triển của đất nước, trong đó có quản lý lễ hội, đời sống văn hóa tinh thần. Nói cách khác chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước có tác động mạnh mẽ đến sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống. Điều này, được thể hiện rất rõ trong quan điểm của Đảng ta về xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người trong các Văn kiện Đại hội, Nghị Quyết của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Trong các văn kiện Đại hội Đảng đã chỉ rõ về hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam. Từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII *“Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”*, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI *“Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”*, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII về xây dựng, phát triển văn hóa, con người, đặc biệt trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ: *“Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”*[16; T1, tr.143]. Do đó, xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam thời đại mới là vấn đề tất yếu để bảo đảm sự đoàn kết, đồng thuận của dân tộc, của đất nước trong tiến trình hội nhập và phát triển bền vững, đồng thời là nhu cầu khách quan trong quá trình thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước vì mục tiêu *“dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh”*. Đại hội XIII của Đảng cũng đã định hướng phát triển văn hóa, xây dựng con người đặt lên hàng đầu là xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người gắn với việc phát huy, gìn giữ giá trị gia đình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ cơ bản trong phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam thời kỳ mới.

Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 có nhiều điểm mới, tiến bộ, thể hiện tính công khai, dân chủ, minh bạch, nhà nước pháp quyền, phù hợp với tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Các quy định của Luật cũng bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành như Bộ luật dân sự, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật đất đai, Luật xây dựng, Luật di sản văn hóa, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật giáo dục, ... việc ban hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo có ý nghĩa quan trọng cả về đối nội và đối ngoại, khắc phục kịp thời những bất cập của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, thể chế hóa các quy định mới của Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho mọi người, phù hợp với chủ trương cải cách thể chế, đơn giản hóa thủ tục hành chính hiện nay ở nước ta, phục vụ đắc lực hơn nữa cho yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam, đảm bảo lợi ích của đất nước.

Việc ban hành Luật có mục đích và ý nghĩa như: (1) thể chế hóa các quan điểm của Đảng và Hiến pháp 2013 nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; (2) khắc phục những bất cập, tồn tại của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hiện hành. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo để đảm bảo hơn nữa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; (3) đổi mới cơ chế quản lý nhà nước nhằm tạo sự thông thoáng, minh bạch, tạo cơ chế pháp lý nhằm tôn trọng, bảo hộ, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; hạn chế sự can thiệp hành chính của Nhà nước vào các công việc nội bộ của tổ chức tôn giáo; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, cải cách hành chính đối với lĩnh vực này; (4) củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tạo điều kiện để quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và các giá trị dân chủ, văn minh của loài người và chủ nghĩa xã hội được phát huy; giữ vững niềm tin của người có tín ngưỡng, tôn giáo vào chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; (5) góp phần thực hiện tốt chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đấu tranh chống hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo chống Đảng và Nhà nước. Đặc biệt Luật tín ngưỡng, tôn giáo góp phần định hướng xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh, tiến bộ nhất là trong lĩnh vực văn hóa, lễ hội, đời sống tinh thần. Luật cũng nghiêm cấm mọi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo xâm hại đạo đức xã hội; lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

Nghị định quy định về quản lý và tổ chức lễ hội của Chính phủ, ngày 29 tháng 8 năm 2018 đã nêu ra các nguyên tắc về quản lý và tổ chức lễ hội, bao gồm: 1. Việc tổ chức lễ hội nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, tôn vinh công lao các bậc tiền nhân, nhân vật lịch sử, những người có nhiều đóng góp trong quá trình hình thành, phát triển đất nước; tuyên truyền giá trị về lịch sử, văn hóa, kiến trúc của di tích, truyền thống tốt đẹp của lễ hội. 2. Lễ hội phải được tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả; phù hợp với quy mô, nội dung của lễ hội; tổ chức lễ hội truyền thống theo đúng bản chất, ý nghĩa lịch sử văn hóa; giảm tần suất, thời gian tổ chức lễ hội văn hóa. 3. Nghi lễ của lễ hội phải trang nghiêm, bảo đảm truyền thống; không thực hiện nghi lễ có tính bạo lực, phản cảm, trái với truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo của dân tộc Việt Nam. 4. Giáo dục, định hướng con người hình thành các hành vi, thái độ, nhận thức cao đẹp; loại bỏ xu hướng chạy theo lợi ích vật chất, lòng tham và các lợi ích cá nhân. 5. Phải thực hiện các biện pháp bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường. 6. Không lợi dụng việc tổ chức lễ hội nhằm mục đích trục lợi cá nhân, phục vụ lợi ích nhóm; không ép buộc tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp kinh phí tổ chức lễ hội. 7. Hạn chế sử dụng ngân sách nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn lực trong việc tổ chức lễ hội; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng làm cho việc quản lý và tổ chức lễ hội đảm bảo lành mạnh, tiến bộ, văn minh, góp phần định hướng cho những giá trị tốt đẹp của con người.

Điều đó cho thấy nhân sinh quan lành mạnh, tiến bộ chỉ có thể được đảm bảo và thực hiện được trong môi trường xã hội lành mạnh; hệ thống pháp luật chặt chẽ, đồng bộ và nghiêm minh; mọi người trong xã hội đều có ý thức tôn trọng, sống và làm việc theo pháp luật. Do vậy, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân sẽ là phương thức để thực hiện dân chủ hoá đời sống xã hội, tạo môi trường lành mạnh cho sự hình thành cũng như thực hiện nhân sinh quan lành mạnh, tiến bộ phù hợp với chuẩn mực đạo đức mới. Đồng thời ngăn chặn nhân sinh quan tiêu cực, phản văn hoá trong đời sống xã hội. Điều này được thể hiện qua các nội dung sau đây:

Thứ nhất, thực tế trong những năm qua, sự tác động của chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định quy định về quản lý và tổ chức lễ hội của Chính phủ mà người dân ý thức được việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc đó là tình yêu quê hương, đất nước; lòng tự hào dân tộc; tình đoàn kết, bác ái yêu thương; đạo lý “uống nước, nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”, ... Qua đó hình thành nhân sinh quan tích cực, tiến bộ, chủ động, sáng tạo trong lao động sản xuất, có ý chí vươn lên xây dựng cuộc sống tốt đẹp. Mặt khác cũng thông qua đó mà hạn chế, khắc phục được những biểu hiện của nhân sinh quan tiêu cực, đó là lối sống thực dụng, tôn sùng vật chất, chạy theo đồng tiền mà bất chấp đạo lý, thói háo danh, tham lam, ích kỷ được thể hiện qua những vấn nạn tiêu cực trong sinh hoạt lễ hội truyền thống như: mê tín dị đoan, bói toán, xin quẻ, tử vi, lá số, dâng sao giải hạn, đồng bóng, tung tiền, tranh cướp lộc, buôn thần bán thánh, lợi dụng quyền được ban phát lộc thánh của một số người có chức trách trong điều hành, quản lý lễ hội để thu tiền bất chính, trục lợi cho cá nhân, tình trạng phô trương, lãng phí trong tổ chức lễ hội, ...

Thứ hai, xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm minh chính là môi trường thuận lợi cho việc củng cố và thực hiện nhân sinh quan tích cực và tiến bộ của con người. Bởi lẽ chính pháp luật là công cụ hữu hiệu đảm bảo cho con người tự do thực hiện những giá trị văn hoá tinh thần tốt đẹp phù hợp với đạo đức, thuần phong mỹ tục hướng đến xây dựng cuộc sống tốt đẹp. Đồng thời pháp luật nghiêm minh cũng là biện pháp hiệu quả trong việc ngăn chặn, kiểm soát chặt chẽ những biểu hiện sai lệch của nhân sinh quan tiêu cực ảnh hưởng đến đời sống văn hoá, đạo đức của con người.

Thứ ba, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện dân chủ hoá đời sống xã hội, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật nghiêm minh, sống và làm việc theo pháp luật là điều kiện thuận lợi để phát huy mạnh mẽ những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp, phù hợp với chuẩn mực đạo đức trong đời sống xã hội, đồng thời có ý thức tự giác ngăn chặn lối sống tiêu cực đi ngược lại với thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và xã hội. Xây dựng Nhà nước pháp quyền thượng tôn

pháp luật trong đời sống xã hội sẽ đảm bảo cho việc củng cố và thực hiện nhân sinh quan lành mạnh, tiến bộ, đồng thời khắc phục, hạn chế hiệu quả sự hình thành nhân sinh quan tiêu cực của con người trong tiến trình xây dựng đời sống mới hiện nay.

Thứ tư, quan điểm của Đảng về xây dựng hệ giá trị văn hóa cho con người cũng góp phần quan trọng trong việc hình thành và củng cố nhân sinh quan tích cực, tiến bộ cho người Việt Nam hiện nay. Đó là: *một*, lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc. Yêu nước là giá trị cốt lõi trong truyền thống của người Việt Nam, là động lực thúc đẩy sự đoàn kết và cống hiến cho Tổ quốc. Tinh thần tự hào dân tộc giúp củng cố lòng tin vào sức mạnh và tương lai của đất nước. Qua đó giáo dục lòng yêu nước từ sớm, thông qua việc tìm hiểu lịch sử, văn hóa dân tộc, và tham gia các hoạt động cộng đồng. *Hai*, tình đoàn kết cộng đồng, đoàn kết là sức mạnh truyền thống của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tinh thần cộng đồng giúp xây dựng một xã hội công bằng, không để ai bị bỏ lại phía sau. Vì vậy, cần thúc đẩy các hoạt động xã hội, từ thiện, phát triển cộng đồng, và các phong trào thi đua yêu nước. *Ba*, tôn trọng và gìn giữ bản sắc văn hóa. Bản sắc văn hóa là yếu tố quan trọng trong việc duy trì sự đa dạng và độc đáo của dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Việc tôn trọng và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống là nền tảng để phát triển bền vững. Do đó cần phải khuyến khích bảo tồn các di sản văn hóa, nghệ thuật truyền thống, đồng thời thích ứng với những yếu tố văn hóa mới mẻ từ bên ngoài mà không làm mất đi bản sắc dân tộc. *Bốn*, tinh thần hiếu học và sáng tạo. Hiếu học là truyền thống quý báu của người Việt Nam, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao tri thức, thúc đẩy phát triển xã hội. Tinh thần sáng tạo giúp người Việt Nam thích ứng nhanh chóng với những thay đổi của thời đại công nghệ. Cho nên cần thiết phải đầu tư vào giáo dục, khuyến khích học tập suốt đời, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. *Năm*, trách nhiệm và đạo đức xã hội. Trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng và xã hội là giá trị quan trọng giúp xây dựng một xã hội có trật tự và nhân văn. Đạo đức xã hội là nền tảng để xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp, bền vững. Vì vậy, xây dựng các chuẩn mực đạo đức trong xã hội, khuyến khích trách nhiệm cá nhân và tinh thần phục vụ cộng đồng. *Sáu*, sự hòa nhập và hợp tác quốc tế. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, khả năng hòa nhập và hợp tác với các quốc gia khác là một giá trị cần thiết để Việt Nam phát

triển. Tuy nhiên, sự hòa nhập không đồng nghĩa với việc đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. *Bấy*, tôn trọng thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Việc tôn trọng thiên nhiên và bảo vệ môi trường là một phần quan trọng của phát triển bền vững. Đây cũng là một giá trị cần thiết trong bối cảnh biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường toàn cầu. *Tám*, tự do và nhân quyền. Tôn trọng quyền con người, tự do cá nhân là giá trị cơ bản trong xã hội hiện đại. Đây là yếu tố cần thiết để xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ. *Chín*, tính kỷ luật và trách nhiệm cá nhân. Tính kỷ luật và trách nhiệm cá nhân là những giá trị cần thiết để xây dựng một xã hội văn minh, trật tự. Mỗi cá nhân cần phải nhận thức và thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với gia đình, xã hội và đất nước.

Xây dựng hệ giá trị văn hóa cho người Việt Nam hiện nay là quá trình kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa bản sắc dân tộc và sự tiếp thu có chọn lọc các giá trị toàn cầu. Hệ giá trị này không chỉ giúp định hướng sự phát triển của xã hội mà còn góp phần củng cố và phát huy những giá trị nhân sinh quan tích cực, tiến bộ của con người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Từ phân tích trên cho thấy, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có tác động sâu rộng đến việc hình thành, biến đổi, củng cố và phát triển nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống.

2.3.3. Hội nhập quốc tế và giao lưu văn hoá

Trong xu thế chung của thời đại, các dân tộc, các quốc gia trên thế giới chuyển từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác cùng phát triển. Với chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động tích cực hội nhập quốc tế, là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Việt Nam đã trở thành địa điểm gặp gỡ, giao lưu văn hóa, kinh tế, đối thoại an ninh chính trị an toàn của tất cả các nước và các tổ chức quốc tế lớn trên thế giới. Cho đến nay Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 192 quốc gia, đã vươn lên trở thành một nền kinh tế năng động hàng đầu ở châu Á - Thái Bình Dương, một mắt xích quan trọng trong nhiều liên kết kinh tế, hiệp định thương mại tự do, chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu. Có thể khẳng định, chưa bao giờ hình ảnh về đất nước và con người Việt Nam độc lập tự chủ phát triển năng động mến khách, thủy chung, chân thành, là đối tác tin cậy của bạn bè quốc tế lại nổi bật như hiện nay. Việt Nam

đã trở thành tâm điểm trong những chủ đề về phát triển, tinh thần trách nhiệm, tích cực vì những nỗ lực toàn cầu của tất cả các nước trên thế giới.

Trong quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam đã mở cửa hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Điều này tạo ra sự tác động theo cả hai chiều tích cực và tiêu cực đối với sự phát triển đất nước, cũng như bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam trong đó có các giá trị văn hóa, đời sống tinh thần của người Việt Nam thông qua lễ hội truyền thống.

Thứ nhất, hội nhập quốc tế và giao lưu văn hoá đã tạo điều kiện cho sự du nhập các yếu tố tri thức khoa học, các yếu tố văn hoá của các nước trên thế giới vào trong đời sống của con người và xã hội Việt Nam. Sự thâm nhập và tiếp nhận các giá trị tri thức, văn hoá, lối sống tiến bộ từ bên ngoài vào đã góp phần làm chuyển biến tích cực tư duy, nhận thức của người Việt Nam. Điều này cũng góp phần làm thay đổi quan niệm về cuộc sống của con người Việt Nam tạo nên sự cởi mở, năng động, sáng tạo, tinh thần hợp tác, sẻ chia rộng rãi. Sự thay đổi này trong nhân sinh quan của người Việt Nam cũng được phản ánh thông qua các hình thức lễ hội, và các hoạt động liên quan đến lễ hội truyền thống. Bản thân văn hóa Việt Nam có khả năng tiếp nhận, làm thay đổi nhiều giá trị mới theo hướng tích cực, tiến bộ phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Do vậy nhân sinh quan của người Việt Nam trong lễ hội truyền thống cũng được thay đổi thông qua sự thay đổi của xã hội hiện đại. Tình yêu đối với cuộc sống được phát huy, nâng tầm, tạo ra sự giao lưu, lan tỏa, chia sẻ và sự đồng cảm với các quốc gia trên thế giới. Điều này không chỉ góp phần làm thay đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam mà còn thúc đẩy cho sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của đất nước.

Thứ hai, bên cạnh những thay đổi tích cực, thì hội nhập quốc tế cũng chịu sự tác động của lối sống thực dụng, coi trọng đồng tiền, đề cao lợi ích cá nhân, bất chấp mọi đạo lý, thuần phong mỹ tục, cổ xúy cho “lối sống mới” vô nguyên tắc, buông thả, sống gấp, hưởng thụ, truy lạc. Biểu hiện của lối sống này là xem giá trị của một con người được định giá bởi số tiền bạc, tài sản mà người đó sở hữu, từ đó tìm các quan hệ đem lại lợi ích cho cá nhân mình, hướng mọi quan hệ giữa người với người trong đời sống xã hội vào quan hệ lợi ích vật chất tầm thường, “thương mại hoá” trong mọi công việc và mọi mối quan hệ giữa người với người trong đời

sống xã hội (việc gì có tiền, có lợi ích cho cá nhân thì mới làm, việc gì không có tiền, không có lợi ích thì không làm, mặc dù đó là việc làm cần thiết, có ích cho cộng đồng và xã hội), lối sống theo kiểu “tiền trao cháo múc”, lạnh lùng, thờ ơ, vô trách nhiệm, ... làm phai nhạt đạo đức truyền thống trong đời sống của từng cá nhân, từng gia đình và ngoài xã hội. Điều này làm cho một bộ phận người dân Việt Nam bị mất phương hướng, khủng hoảng niềm tin, cản trở những xu hướng tiến bộ, tích cực, văn minh. Suy nghĩ, tư tưởng, tình cảm của con người về cuộc sống đã được thể hiện thông qua nhiều hình thức lễ nghi của các lễ hội truyền thống, làm thay đổi các lễ nghi theo hướng tiêu cực. Sự thương mại hóa, vật chất hóa, thực dụng đã trở thành một biểu hiện tiêu cực trong các lễ hội truyền thống hiện nay.

Thứ ba, quá trình hội nhập quốc tế và giao lưu văn hoá cũng tạo ra những thay đổi trong quan niệm đạo đức theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực. Hướng tích cực là lòng tự tôn, tự hào dân tộc, ý thức tự lực, tự cường được phát huy. Theo đó sự trân trọng, lòng biết ơn sự tưởng nhớ sẽ được đề cao, tôn vinh, tạo cơ sở để kết nối, duy trì sự cố kết giữa các thế hệ, tạo động lực cho sự phát triển đất nước. Tuy nhiên bên cạnh đó, xu hướng tiêu cực đó chính là sự suy thoái về đạo đức xã hội, xem nhẹ những giá trị đạo đức truyền thống như đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”, sự trân trọng, lòng biết ơn đối với những người có công với đất nước, anh hùng dân tộc, tinh thần đoàn kết cộng đồng. Điều này làm cho các hoạt động của một số lễ hội không còn thu hút được sự tham gia của nhiều người, đến lễ hội chỉ là chỗ để phô trương, quảng bá, tạo sự ảnh hưởng mà không hề biết đến ý nghĩa của những tục lệ thờ cúng, lễ nghi trong lễ hội.

Có thể nói, hội nhập quốc tế không chỉ mang lại những tác động tích cực thay đổi tư duy, nhận thức, lối sống, nhân sinh quan của con người Việt Nam. Mà nó cũng đặt ra nhiều thách thức trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, bảo tồn, phát huy những quan niệm tốt đẹp trong nhân sinh quan của người Việt Nam, để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa có tình yêu đối với cuộc sống, sống có lý tưởng, sống có ý nghĩa. Nhiệm vụ đặt ra cho chúng ta là phải nhận diện một cách kịp thời, chính xác sự biến đổi đó, để một mặt phát huy mạnh mẽ những biến đổi tích cực, đồng thời hạn chế hiệu quả những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống, góp

phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đời sống tinh thần, văn hoá, xã hội Việt Nam ngày càng tiến bộ, văn minh, hiện đại.

2.3.4. Truyền thống nhân văn, nhân nghĩa Việt Nam

Có thể khẳng định, tinh thần nhân văn, nhân đạo, trọng nghĩa tình, đạo lý, trọng lễ phải, chính nghĩa, luôn yêu chuộng hòa bình, yêu cuộc sống, hòa hiếu, ghét chiến tranh, ... là giá trị nổi bật trong văn hóa truyền thống Việt Nam. Đây là yếu tố cơ bản quy định nhân sinh quan của người Việt Nam nói chung, nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện trong lễ hội truyền thống nói riêng.

Nhận định về con người và dân tộc Việt Nam, học giả người Pháp là Đơ Puphuốcvin viết:

Chúng ta thấy ở đây cả một nền văn minh, mọi thứ đều xây dựng từ lâu. Nghệ thuật, khoa học, kể cả khoa học quản lý nhà nước đều đã phát triển mạnh mẽ. Luật pháp, cổ phong, tôn giáo, văn học, tất cả đều đã hoàn chỉnh và hoà hợp với nhau, trải qua bao nhiêu thế kỷ, đã được điều hoà và ngày càng hoàn hảo thêm. Những vết tích man rợ đã mất đi từ lâu, dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thực có tổ chức trong khi những người phương Tây còn ở tình trạng bán khai. Yêu mến quê hương, quyền luyến gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng công lý, tôn trọng chính nghĩa, ham thích khoa học, coi trọng lời nói thánh hiền, thương yêu nòi giống, tôn kính lễ phải; ghét xa hoa, không háo tiền tài, khinh ghét vũ lực, không sợ gian khổ, hy sinh; đó là những đức tính răn dạy trong sách thánh hiền, lưu lại trong cổ phong và ghi thành luật pháp; hiện nay đó cũng là những đặc điểm về bản tính của người An Nam hình thành từ bao thế hệ, những thế hệ luôn luôn cố gắng thực hiện đạo đức ấy một cách thành kính; người An Nam bình thường mà người ta gặp bất cứ ở đâu cũng đều như vậy cả...[64; tr.450-451].

Tinh thần ấy được thể hiện trong chiều dài lịch sử của dân tộc, nhất là trong bối cảnh đất nước bị xâm lược, chiến tranh thì càng được thể hiện rõ. Trong bài Bình ngô đại cáo, Nguyễn Trãi đã lên án sâu sắc tội lỗi của quân xâm lược đối với dân tộc Việt Nam. Ông viết: “Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội/Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi!”. Mặc dù vậy, người Việt Nam vẫn “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn/Lấy trí nhân để thầy cường bạo”; vẫn cấp ngựa,

cấp thuyền cho quân địch về nước. Tinh thần ấy đã lan tỏa giá trị, văn hóa con người Việt Nam, với lòng yêu chuộng hòa bình, yêu chính nghĩa, vì lương tri và phẩm giá con người.

Trong thời đại Hồ Chí Minh, tinh thần nhân văn, nhân đạo theo lý tưởng cộng sản đã được Hồ Chí Minh truyền bá, xây dựng tạo nên sự thay đổi căn bản trong văn hóa truyền thống Việt Nam, nhằm góp phần chấm dứt bạo lực, cường quyền, chấm dứt áp bức bóc lột, để mọi con người trong thế giới đều có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Điều đó được thể hiện sinh động ở tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết, ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức. Phải làm sao đóng góp làm cho nước được độc lập, dân được tự do, hạnh phúc, nhân loại khỏi đau khổ. Người cũng xem đạo làm người là một phần không thể thiếu của đạo đức con người Việt Nam.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá VIII) đã chỉ ra những đặc điểm cơ bản tạo nên bản sắc dân tộc Việt Nam đồng thời cũng là của con người Việt Nam, “Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống...”[10; tr.56]. Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, hệ giá trị văn hóa ấy đã làm nên sức mạnh của con người, của dân tộc Việt Nam, góp phần hình thành lòng tự tôn, tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, tạo nên sức mạnh quật khởi để dân tộc Việt Nam chiến thắng chống giặc ngoại xâm, bảo vệ giang sơn bờ cõi, giữ vững độc lập dân tộc, cũng như tạo nên nhân cách, lối sống của người Việt Nam.

Trong dòng chảy chung của lịch sử dân tộc, lễ hội truyền thống cũng phản ánh hệ giá trị của văn hóa, con người Việt Nam, chịu sự quy định của hệ giá trị văn hóa ấy. Do vậy, nhân sinh quan của người Việt Nam trong lễ hội truyền thống cũng thể hiện tinh thần nhân văn, nhân nghĩa, yêu chuộng hòa bình, yêu chuộng lẽ phải, công lý, ... vì thế nghiên cứu về nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống nhất định phải thấy rõ được những giá trị của văn hóa, con người Việt Nam, tập trung là tinh thần nhân văn, nhân nghĩa. Nói cách khác, chính yếu tố này là nhân tố tác động tới nhân sinh quan của người Việt Nam thông qua lễ hội truyền thống.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2 đã giải quyết được những khái niệm công cụ, những tiền đề lý luận cơ bản làm cơ sở nền tảng cho những nội dung nghiên cứu ở chương 3, gồm các dung sau:

Thứ nhất, làm rõ một số vấn đề lý luận chung về sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống như: quan niệm nhân sinh quan, nhân sinh quan người Việt Nam, nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, lễ hội truyền thống, đặc trưng và giá trị.

Thứ hai, làm quan niệm về sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống và các nội dung của sự biến đổi nhân sinh quan, đó là: quan niệm về cuộc sống (ý nghĩa, mục đích của cuộc sống; sống ở đời và làm người); quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn (sự tôn thờ đáng sinh thành, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, ông tổ làng, tổ nghề); về ước mong, hy vọng (về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc). Đây là khái niệm trung tâm của luận án, làm cơ sở để nghiên cứu sinh phân tích, đánh giá thực trạng sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống được trình bày ở chương 3.

Thứ ba, phân tích, làm rõ những nhân tố tác động đến sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống: Điều kiện kinh tế - xã hội; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Hội nhập quốc tế và giao lưu văn hoá; Truyền thống nhân văn, nhân nghĩa Việt Nam

Những nội dung được phân tích làm rõ trong chương 2 sẽ là khung lý thuyết và là những căn cứ quan trọng giúp nghiên cứu sinh tiếp tục tiến hành khảo sát cũng như phân tích thực trạng sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống trong chương tiếp theo của luận án.

Chương 3

SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG - THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. THỰC TRẠNG SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

3.1.1. Thực trạng sự biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống

3.1.1.1. *Thực trạng sự biến đổi tích cực trong quan niệm về cuộc sống*

Thứ nhất, từ xa xưa người Việt Nam đã luôn quan niệm, sống là phải yêu quê hương, đất nước, yêu dân tộc, yêu quốc gia, yêu đồng bào, yêu nhân loại. Thông qua việc tái hiện lại những trận đánh của Thánh Gióng tại lễ hội đền Gióng đã giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mọi người dân Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lễ hội truyền thống thể hiện tình đoàn kết, thương yêu con người, chính điều này tạo ra sự gắn bó keo sơn giữa các cộng đồng người, tạo nên sức mạnh để họ chống chọi với thiên tai, trị thủy, chống giặc ngoại xâm. Tinh thần đoàn kết cộng đồng dân tộc trải qua các giai đoạn lịch sử phát triển đất nước luôn được củng cố vững chắc, hun đúc, bồi đắp và làm giàu thêm cả về hình thức và nội dung mới.

Tình yêu quê hương, đất nước thể hiện qua lễ hội truyền thống đã trở thành quan niệm sống cốt lõi của người dân Việt Nam được chuyển hoá vào trong thực tế cuộc sống bằng những hành động và việc làm cụ thể, thiết thực với nhiều hình thức, nội dung phong phú đa dạng, độc đáo và là sức mạnh mềm góp phần vào xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới. Điều này thể hiện ở việc thông qua tổ chức các lễ hội du lịch, văn hoá, tâm linh để quảng bá, giới thiệu hình ảnh đất nước và con người Việt Nam giàu truyền thống văn hoá tốt đẹp đến với nhân dân các nước trên thế giới. Qua đó lan toả tình yêu quê hương, đất nước đến mọi người, thu hút ngày càng đông khách du lịch quốc tế, thu hút vốn đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đất nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh. Theo thống kê cho thấy,

trong năm 2023 số lượng khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam là 12602,4 nghìn lượt người tăng gấp hơn 3,4 lần so với năm 2022 (3661,2 nghìn lượt người). Trong đó, số lượng khách du lịch đến từ Châu Á là 9.781,2 nghìn lượt người, (con số này 2022 là 2307 nghìn lượt người); khách đến từ Châu Âu: 1.459,2 nghìn lượt người (năm 2022: 427,8 nghìn lượt người); khách đến từ Châu Mỹ; 903,8 nghìn lượt người (năm 2022: 369,3 nghìn lượt người); khách đến từ Châu Úc: 428,1 nghìn lượt người (2022: 156,1 nghìn lượt người); khách đến từ Châu Phi: 30,1 nghìn lượt người (2022: 401 nghìn lượt người)[84; tr.750].

Bảng 3.1: Số lượng khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam (2022-2023)

Đơn vị: Nghìn lượt người

Phân theo vùng lãnh thổ	2022	2023
	3661,2	12602,4
Châu Á	2307	9.781,2
Châu Âu	427,8	1.459,2
Châu Mỹ	369,3	903,8
Châu Úc	156,1	428,1
Châu Phi	401	30,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê (84; tr.750)

Trong năm 2023 thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cao nhất từ trước đến nay. Cụ thể: tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 39,4 tỷ USD, tăng 34,5% so với năm 2022. Trong đó có 3.314 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt gần 21,4 tỷ USD, tăng 52,8% về số dự án và tăng 64,4% về số vốn đăng ký so với năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2023 ước tính đạt gần 23,2 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm 2022[84; tr.14].

Bước vào thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế, các lễ hội truyền thống đã tạo môi trường, không gian thuận lợi cho sự củng cố và phát triển quan niệm về tình đoàn kết cộng đồng dân tộc một cách mạnh mẽ hơn với nhiều hình thức đa dạng và

phong phú về nội dung. Sự biến đổi quan niệm về tình đoàn kết cộng đồng dân tộc đã đáp ứng nhu cầu thực tiễn đất nước trong giai đoạn phát triển mới. Điều này thể hiện rõ nét qua lễ hội đền Hùng. Vào dịp 10 tháng 3 (âm lịch) hàng năm, người dân ở khắp mọi vùng miền trong cả nước về dự lễ hội đền Hùng tại tỉnh Phú Thọ. Theo thống kê, số lượt người về dự lễ Giỗ Tổ Hùng Vương qua các năm gần đây như sau: năm 2016 có khoảng 7 triệu lượt khách[134]; năm 2017, có khoảng 8 triệu lượt khách[129]; năm 2018 có khoảng 3 triệu lượt khách; năm 2019, có 4,5 triệu lượt khách; năm 2022, có khoảng 1 triệu lượt khách[136]; năm 2023, có khoảng 8 triệu lượt khách[135]; năm 2024, có khoảng 3 triệu lượt khách[122], (năm 2020, 2021 do ảnh hưởng của đại dịch Covid19 nên lễ hội không có thống kê người tham dự lễ hội). Từ thống kê số lượt người về dự lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương qua các năm ở trên cho thấy người Việt Nam luôn hướng về cội nguồn thể hiện rõ quan niệm sống “Uống nước nhớ nguồn”, từ đó thắt chặt tình đoàn kết cộng đồng, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, tạo nên sức mạnh Việt Nam.

Bảng 3.2: Số lượt khách về dự lễ Giỗ Tổ Hùng Vương (2016-2024)

Đơn vị: triệu lượt khách

Năm	2016	2017	2018	2019	2022	2023	2024
Lượt khách	7	8	3	4,5	1	8	3

Nguồn: [134;129;136;135;122]

Quan sát dòng người đi dự lễ hội dễ nhận thấy ở họ ngoài việc thể hiện sự tôn kính các Vua Hùng có công lập nước còn là sự thể hiện tình đoàn kết, yêu thương, gắn bó keo sơn bền chặt với nhau, hướng về Tổ nước cũng là hướng về nhau. Trong không khí linh thiêng của lễ hội tạo nguồn cảm hứng và gia tăng sự gắn kết mọi người dân Việt Nam với nhau, thắt chặt tình thân hữu giữa mọi người trong gia tộc, cộng đồng, tạo ra một không khí đoàn kết, phát huy cao độ lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tinh thần đoàn kết, bác ái, yêu thương. Do đó lễ hội đền Hùng chính là môi trường thể hiện và nuôi dưỡng tình đoàn kết dân tộc, lòng tự hào dân tộc, lòng khoan dung, bác ái, yêu thương con người.

Trong thực tế quan niệm về tình đoàn kết dân tộc, lòng tự hào dân tộc, lòng khoan dung, bác ái, yêu thương con người thể hiện qua lễ hội truyền thống đã trở thành quan niệm sống căn bản của người Việt Nam và được chuyển hoá thành những việc làm cụ thể góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhìn vào thực tế hiện nay, chúng ta thấy rằng, nhờ tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc đã tập hợp người dân Việt Nam thành một sức mạnh vô địch, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá của kẻ thù nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, “diễn biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ” bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, nơi nào gặp khó khăn, hoạn nạn thì tinh thần đoàn kết, bác ái, yêu thương của nhân dân Việt Nam nổi lên tạo thành sức mạnh giúp đỡ người dân ở nơi đó vượt qua mọi khó khăn thử thách của cuộc sống. Điều này thể hiện rất rõ trong việc cứu trợ và khắc phục hậu quả do thiên tai, lũ lụt gây ra ở một số địa phương trong những năm qua.

Theo thống kê số tiền và hiện vật ủng hộ để cứu trợ, khắc phục hậu quả trong đợt lũ lụt ở Miền Trung năm 2020 là 265 tỉ đồng[127], mới đây số tiền ủng hộ đồng bào Miền Bắc bị thiệt hại do cơn bão số 3 gây ra lên đến hơn 1.628 tỉ đồng, đã được Ban Vận động Cứu trợ Trung ương phân bổ hỗ trợ đến các địa phương hai đợt với tổng số tiền là 1.035 tỷ đồng. Trong đó, Ban Vận động Cứu trợ Trung ương đã phân bổ hỗ trợ tỉnh Lào Cai 180 tỷ đồng; tỉnh Yên Bái 130 tỷ đồng; tỉnh Cao Bằng 80 tỷ đồng; tỉnh Lạng Sơn 80 tỷ đồng; tỉnh Tuyên Quang 55 tỷ đồng; tỉnh Phú Thọ 55 tỷ đồng; tỉnh Bắc Giang 50 tỷ đồng; tỉnh Quảng Ninh 50 tỷ đồng; thành phố Hải Phòng 50 tỷ đồng; tỉnh Sơn La 40 tỷ đồng; tỉnh Bắc Kạn 40 tỷ đồng; tỉnh Thái Nguyên 30 tỷ đồng; tỉnh Hòa Bình 30 tỷ đồng; tỉnh Hưng Yên 25 tỷ đồng; tỉnh Hà Giang 25 tỷ đồng; tỉnh Điện Biên 20 tỷ đồng; tỉnh Thái Bình 20 tỷ đồng; tỉnh Hải Dương 20 tỷ đồng; tỉnh Lai Châu 15 tỷ đồng; thành phố Hà Nội 10 tỷ đồng; các tỉnh Vĩnh Phúc, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Bắc Ninh mỗi tỉnh 5 tỷ đồng[128].

Đến nay, tinh thần đoàn kết toàn dân tộc đã được phát huy cao độ, là cơ sở để tạo nên sức mạnh nội sinh của dân tộc Việt Nam. Đoàn kết đã trở thành giá trị vững bền, là “chất keo” kết dính tự nhiên, là mạch nguồn, là nhân tố quyết định sự tồn

vong của dân tộc Việt Nam qua suốt chiều dài lịch sử và sự thành công của sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới. Ngày nay, lòng yêu nước là tinh thần phấn đấu, hy sinh vì dân, vì nước; vượt qua khó khăn, thử thách; có tinh thần hợp tác trong lao động, sản xuất; có thái độ lạc quan, dám nghĩ, dám làm; có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng đạo lý; có sự sáng tạo trong tư duy, hăng say học tập, không ngừng nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, vì sự phát triển của đất nước. Tinh thần yêu nước của người lao động là tinh thần xung kích trong phát triển kinh tế; năng động, nhạy bén, sáng tạo trong nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, đem lại năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Yêu nước còn thể hiện ở ý chí quyết tâm chiến thắng đói nghèo, lạc hậu, xây dựng và phát triển đất nước.

Các phong trào thi đua yêu nước từ thời kỳ phong ba bão táp đến thời kỳ hòa bình đang phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước ấy. Phong trào thi đua yêu nước đang khơi dậy, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường trong mỗi người dân trước vận mệnh của đất nước. Mỗi người đều có ý thức trách nhiệm cao tham gia phong trào thi đua yêu nước, phát huy mọi nguồn lực để vượt qua mọi khó khăn, thử thách; đem hết tài năng, trí tuệ, sức lực góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Phong trào thi đua yêu nước đã góp phần cổ vũ, thổi bùng phong trào tự giác cách mạng, phát huy tài năng, sáng tạo, trí tuệ, sức mạnh của quần chúng; phát huy nhân tố con người để tạo nên sức mạnh tổng hợp xây dựng và phát triển đất nước.

Những phong trào thi đua như: “cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; “toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; “lao động giỏi, lao động sáng tạo” (công nhân); “nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; “nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới”; “nông dân tham gia bảo đảm quốc phòng - an ninh” (nông dân); “trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu” (cán bộ, công chức); “thi đua dạy tốt, học tốt” (giáo dục); “phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng

gia đình hạnh phúc” (phụ nữ); “cựu chiến binh gương mẫu” (cựu chiến binh); “xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”; “đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”; “sinh viên tình nguyện” (thanh niên); “thi đua quyết thắng” (quân đội); “công an nhân dân học tập, thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy”, ... đang phát huy cao độ lòng yêu nước của con người Việt Nam. Những phong trào đó không chỉ có ý nghĩa đối với phát triển kinh tế - xã hội mà còn góp phần định hình những giá trị mới, lối sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa với lòng yêu nước mới.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế, không chỉ người Việt Nam trong nước mà cả người Việt Nam ở nước ngoài đã phát huy tốt truyền thống đoàn kết tốt đẹp của dân tộc, cùng chung tay góp sức hướng về xây dựng và phát triển đất nước. Những năm qua, kiều bào ta ở nước ngoài, đang ngày càng về quê hương tham gia các lễ hội truyền thống để thể hiện lòng yêu nước, yêu con người, hướng về nguồn cội, hoặc bằng những hành động thiết thực đã hướng về xây dựng quê hương, đất nước. Trong điều kiện của thời đại mới, tinh thần đoàn kết của Việt Nam được thể hiện thông qua lễ hội truyền thống đã thu hút sự quan tâm rất lớn của bạn bè quốc tế, tạo nên sức hút đặc biệt của văn hóa, truyền thống Việt Nam. Điều này góp phần tạo dựng cốt cách văn hóa, con người Việt Nam. Đã có rất nhiều nhà nghiên cứu văn hóa thế giới đến nghiên cứu về văn hóa, lễ hội truyền thống Việt Nam, qua đó đã lan tỏa những giá trị văn hóa, con người Việt Nam đối với quốc tế. Đây là yếu tố rất quan trọng mà lễ hội truyền thống mang lại, tạo nên sức mạnh mềm cho dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế.

Thứ hai, nếu như trước đây con người đến với lễ hội cầu mong thần linh bảo trợ, che chở cho cuộc sống được bình an, thì hiện nay mọi người đến với lễ hội để được hoà mình trong không khí vui tươi lành mạnh và tiến bộ, cầu cho quốc thái dân an. Có sự thay đổi căn bản trong nhân sinh quan của con người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống là do sự thay đổi của điều kiện kinh tế xã hội của đất nước. Qua gần 40 năm đổi mới đất nước đã có những chuyển biến rõ rệt, hết sức sâu sắc và tích cực ở Việt Nam: kinh tế phát triển, lực lượng sản xuất được tăng cường; nghèo đói giảm nhanh, liên tục. Theo số liệu thống kê, tỷ lệ hộ nghèo của

cả nước liên tục giảm qua các năm. Cụ thể: năm 2019 là 5,7%; năm 2020 giảm xuống 4,8%; năm 2021 là 4,4%; năm 2022 là 4,2%; năm 2023 giảm xuống còn 3,4 % [84; tr.1025].

Bảng 3.3: Tỷ lệ hộ nghèo của cả nước (2019-2023)

Đơn vị: %

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Hộ nghèo	5,7	4,8	4,4	4,2	3,4

Nguồn: Tổng cục Thống kê [84; tr. 1025].

Bên cạnh đó, đời sống nhân dân được cải thiện. Theo số liệu thống kê, thu nhập bình quân đầu người một tháng của cả nước qua các năm: năm 2019 là 4.295 nghìn đồng; năm 2020: 4.250 nghìn đồng; năm 2021: 4.205 nghìn đồng; năm 2022: 4.673 nghìn đồng; năm 2023: 4.962 nghìn đồng. Trong khi đó, thu nhập bình quân đầu người một tháng phân theo vùng. Cụ thể, Đồng bằng sông Hồng: năm 2019 là 5.191 nghìn đồng; năm 2020: 5.084 nghìn đồng; năm 2021: 5.026 nghìn đồng; năm 2022: 5.586 nghìn đồng; năm 2023: 5.981 nghìn đồng. Trung du và miền núi phía Bắc năm 2019 là 2.640 nghìn đồng; năm 2020: 2.745 nghìn đồng; năm 2021: 2.838 nghìn đồng; năm 2022: 3.170 nghìn đồng; năm 2023: 3.438 nghìn đồng. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung: năm 2019: 3.331 nghìn đồng; năm 2020: 3.405 nghìn đồng; năm 2021: 3.493 nghìn đồng; năm: 3.967 nghìn đồng; năm 2023: 4.264 nghìn đồng. Tây Nguyên: năm 2019 là 3.095 nghìn đồng; năm 2020: 2.817 nghìn đồng; năm 2021: 2.856 nghìn đồng; năm 2022: 3.282 nghìn đồng; năm 2023: 3.566 nghìn đồng. Đông Nam Bộ: năm 2019: 6.280 nghìn đồng; năm 2020: 6.024 nghìn đồng; năm 2021: 5.794 nghìn đồng; năm 2022: 6.334 nghìn đồng; năm 2023: 6.520 nghìn đồng. Đồng bằng sông Cửu Long: năm 2019: 3.886 nghìn đồng; năm 2020: 3.874 nghìn đồng; năm 2021: 3.713 nghìn đồng; năm 2022: 4.077 nghìn đồng; năm 2023: 4.371 nghìn đồng[84; tr. 995].

Bảng 3.4: Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành cả nước và phân theo vùng (2019 - 2023)

Đơn vị: nghìn đồng

Thu nhập bình quân 1 người/1 tháng	2019	2020	2021	2022	2023
Cả nước	4.295	4.250	4.205	4.673	4.962
Đồng bằng sông Hồng	5.191	5.084	5.026	5.586	5.981
Trung du và miền núi phía Bắc	2.640	2.745	2.838	3.170	3.438
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	3.331	3.405	3.493	3.967	4.264
Tây Nguyên	3.095	2.817	2.856	3.282	3.566
Đông Nam Bộ	6.280	6.024	5.794	6.334	6.520
Đồng bằng sông Cửu Long	3.886	3.874	3.713	4.077	4.371

Nguồn: Tổng cục Thống kê [84; tr.995].

Từ số liệu thống kê qua các năm ở trên cho thấy, thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá cả hiện hành cả nước và phân theo vùng nhìn chung năm sau luôn cao hơn năm trước, mặc dù năm 2020, 2021 do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid 19 nhưng thu nhập sụt giảm không đáng kể so với năm 2019 khi chưa

xuất hiện dịch Covid, đặc biệt năm 2022, 2023 khi dịch bệnh đi qua, nền kinh tế dần phục hồi thì thu nhập bình quân đầu người trên một tháng tăng nhanh. Điều này cho thấy đời sống vật chất của người dân ngày càng được nâng cao.

Mặt khác, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng; thế và lực của quốc gia được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Đây là yếu tố căn bản làm thay đổi nhân sinh quan của người Việt Nam theo hướng tích cực thông qua lễ hội truyền thống.

Những biến đổi tích cực nhân sinh quan qua lễ hội truyền thống được thể hiện rất nhiều thông qua các hoạt động của con người trong đời sống xã hội. Hàng năm chính quyền và nhân dân trên khắp mọi miền đất nước, cùng các tầng ni, phật tử tổ chức các đại lễ cầu cho quốc thái, dân an tại các di tích lịch sử cách mạng và các đền, chùa nơi diễn ra các lễ hội truyền thống cũng như các khu du lịch văn hoá tâm linh, thể hiện rất rõ quan niệm sống có trách nhiệm với Tổ quốc, với con người, với nhân dân. Từ đó giáo dục và bồi dưỡng thêm ý thức, trách nhiệm của mỗi công dân đối với quê hương, đất nước. Điều này đã tác động làm chuyển biến nhận thức của con người, là nguồn cảm hứng tích cực với tinh thần hướng thiện, con người tự thấy mình phải sống đạo đức lương thiện, có lòng từ bi, bác ái, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, có trách nhiệm với mọi người, xã hội và đất nước. Từ đó điều chỉnh suy nghĩ và hành động của mình theo hướng tích cực, tiến bộ, thấp sáng niềm tin và hy vọng vào một cuộc sống tốt đẹp.

Thứ ba, sự biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam thông qua lễ hội truyền thống được thể hiện qua sự thay đổi những giá trị của lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý. Phẩm chất này giúp cho người lao động biết yêu quý, tôn trọng lẫn nhau, biết giúp đỡ nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống hàng ngày, biết quý trọng của công, biết quan tâm đến nỗi bất hạnh của người khác, biết ngăn chặn cái ác, phát huy cái thiện. Tinh thần nhân ái, khoan dung của người Việt Nam được thể hiện ở sự đùm bọc, sẻ chia, yêu thương, cảm thông với những người gặp khó khăn, hoạn nạn. Đó là đạo làm người và truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.

Tinh thần nhân nghĩa, bao dung của người Việt Nam cũng được thể hiện ngay trong những ngày chống dịch Covid-19. Với tinh thần “không bỏ lại ai ở phía sau” nên ai cũng được quan tâm, chăm sóc. Theo thống kê, tổng số tiền ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19 lên tới hơn 21.188,8 tỷ đồng[130]. Những lúc hoạn nạn mới thấy hai tiếng “đồng bào” mang ý nghĩa thiêng liêng và lớn lao đến thế. Những người con ở xa Tổ quốc vẫn muốn về với đất mẹ để được che chở, bao dung, để được sẻ chia, đùm bọc. Chính phủ Việt Nam luôn quan tâm, luôn coi sinh mạng, sức khỏe và cuộc sống của nhân dân lên trên hết.

Tinh thần nhân nghĩa, bao dung của người Việt Nam không chỉ được thể hiện ở trong nước mà còn lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng người Việt Nam trên khắp thế giới. Nhiều cơ quan truyền thông và báo chí tại Cộng hòa Séc đã đồng loạt đưa tin ca ngợi tấm lòng và tinh thần tương thân tương ái của cộng đồng người Việt tại Séc dành cho chính quyền và người dân sở tại trong cuộc chiến chống dịch bệnh COVID-19. Hãng Thông tấn của Cộng hòa Séc ngày 25/3/2021, dẫn lời ông Marcel Winter, Chủ tịch danh dự Hội hữu nghị Séc-Việt đánh giá, cộng đồng người Việt là cộng đồng người nước ngoài duy nhất tại Séc đã hỗ trợ các bệnh viện, lực lượng ứng cứu và người dân Séc bằng cả vật chất và tài chính trong công cuộc phòng chống dịch bệnh COVID-19. Đó là lý do tại sao nhiều hãng truyền thông quốc gia và địa phương cũng như nhiều tờ báo ở Séc như Mlada fronta dnes, Lidove noviny, ... đưa tin đậm nét về tình đoàn kết của cộng đồng người Việt tại Séc đối với người dân sở tại trong công cuộc phòng chống dịch COVID-19. Trước đó, trong bài diễn văn tối 23/3/2021, Thủ tướng Séc Andrej Babis đã ca ngợi tinh thần đoàn kết của người dân trong công cuộc phòng chống đại dịch COVID-19. Đó là những minh chứng rõ nét về tinh thần bao dung, nhân ái của người Việt Nam.

Những đạo lý, lòng nhân ái, bao dung ấy của người Việt Nam không chỉ được phát huy cao độ trong nước mà còn góp phần xác lập các quan hệ quốc tế với giá trị mới mang tinh thần quốc tế trong sáng, vì nhân dân lao động thế giới, vì một thế giới tự do, hạnh phúc. Với giá trị ấy, Việt Nam được thế giới đánh giá rất cao trong cuộc chiến tranh chính nghĩa bảo vệ độc lập dân tộc, và còn được đánh

giá cao hơn bởi những giá trị tiến bộ, vì con người mà chế độ xã hội chủ nghĩa đang tạo dựng ở Việt Nam. Đó là biểu tượng sáng ngời của tinh thần quốc tế, của tình đồng chí của những con người Việt Nam.

Sự biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống thực sự là những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc, là động lực nội sinh trong phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ: “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”[16; T1, tr.262]. Đây là cơ sở để

xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”[112; tr.47].

Ngày nay, trong các yếu tố tạo cơ sở, nền tảng cho sự phát triển như vốn, tài nguyên, khoa học - công nghệ và con người thì con người (với toàn giá trị văn hóa và bản chất sáng tạo) vẫn là nhân tố có vai trò quyết định. Con người với trí tuệ và tiềm năng sáng tạo đặc biệt có khả năng lựa chọn và tiếp thu một cách chọn lọc những giá trị văn hoá vật chất và tinh thần phục vụ cho sự phát triển. Con người với khả năng của mình biết kết hợp các nguồn lực khác để tạo ra sự thay đổi to lớn cho sự phát triển xã hội. Con người cũng là nguồn lực vô tận, càng được khai thác đúng cách lại càng trở nên giàu có. Khi trí tuệ, tinh thần của con người được phát huy, được vật chất hóa thì nó sẽ thúc đẩy sự phát triển vô cùng mạnh mẽ.

Con người Việt Nam mang trong mình những giá trị truyền thống hoàn toàn có khả năng tiếp thu và vận dụng sáng tạo những thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ tiên tiến, những tri thức hiện đại trên thế giới vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nước ta khi nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất cho sự phát triển còn hạn

hẹp, trong khi nguồn lực con người lại vô cùng phong phú, đất nước đang ở thời kỳ dân số vàng, nếu biết phát huy sẽ là nguồn sức mạnh to lớn thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ.

Sự biến đổi quan niệm về cuộc sống của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống thể hiện rõ trong đánh giá tổng kết 15 năm (1998-2013) thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về “*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch ngày 08 tháng 08 năm 2013. Đánh giá tổng kết nêu rõ: Tư tưởng, đạo đức và lối sống của con người Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, quan trọng. Các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc được đề cao, kế thừa, phát triển; đồng thời nhiều giá trị văn hoá và chuẩn mực đạo đức mới từng bước được hình thành phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

Qua sinh hoạt lễ hội truyền thống tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam có những chuyển biến tích cực đó là vừa phát huy, sáng tạo, vừa xác lập những giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức mới, vừa khơi dậy, làm lan tỏa những giá trị tốt đẹp của văn hóa, tinh thần và ý chí quyết tâm của con người Việt Nam, tạo động lực thúc đẩy đất nước phát triển bền vững, dân tộc cường thịnh, trường tồn. Mặt khác, lễ hội truyền thống là môi trường thuận lợi để bảo tồn giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống tốt đẹp, coi trọng xây dựng và phát huy niềm tự hào dân tộc, ý chí tự cường, sức sáng tạo, tinh thần cống hiến vì đất nước, khát vọng phát triển thịnh vượng, lòng nhân ái, sự đồng thuận xã hội, tạo sức mạnh tổng hợp thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững. Qua đó, củng cố vững chắc quan niệm về tình yêu quê hương, đất nước, giá trị nhân văn, tinh cố kết cộng đồng, ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách để hướng tới: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”[16; T1, tr. 115-116].

Qua phân tích ở trên có thể thấy rằng, bước vào thời kỳ đổi mới phát triển đất nước, quan niệm về cuộc sống trong nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện

qua lễ hội truyền thống đã có những biến đổi tích cực, tiến bộ có vai trò giáo dục, định hướng cho con người phát huy những giá trị văn hoá tinh thần truyền thống tốt đẹp đó là tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết, bác ái, yêu thương con người, ... góp phần quan trọng vào xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3.1.1.2. Thực trạng sự biến đổi tích cực quan niệm sự trân trọng, lòng biết ơn

Việt Nam là một quốc gia có lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước rất đỗi hào hùng, trải qua hàng ngàn năm lịch sử ấy đã kết tinh thành một truyền thống văn hoá với nhiều giá trị tốt đẹp đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người dân Việt Nam qua biết bao thế hệ. Truyền thống lịch sử - văn hoá ấy được các thế hệ người Việt Nam gửi gắm và trao truyền qua các lễ hội truyền thống, phản ánh lịch sử đấu tranh dựng nước, giữ nước và giữ làng như: lễ hội đền Hùng; lễ hội đền Gióng; lễ hội đền Trần, ... Đây là những lễ hội mà phần lễ cũng như phần hội đều nói lên sự tưởng nhớ, biết ơn của con người đang sống với tiên nhân, tiên tổ; những người đã dành cả sự nghiệp, cả cuộc đời của mình đi khai mở bờ cõi, gây dựng cơ đồ, gìn giữ và bảo vệ non sông đất nước. Sự tôn thờ, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, người có công qua các lễ hội truyền thống vừa nêu ở trên, đã bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp đó là: quan niệm “uống nước nhớ nguồn”; lòng yêu quê hương, đất nước; lòng tự hào dân tộc. Từ đó góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết trong cộng đồng và xã hội, gia tăng ý thức trách nhiệm giữa cá nhân với cộng đồng, với quốc gia dân tộc, củng cố và làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương, đất nước.

Nếu như trong truyền thống, quan niệm “uống nước nhớ nguồn” là biết ơn, tôn thờ, tưởng nhớ đến Vua, những người anh hùng có công xây dựng và bảo vệ đất nước, thì ngày nay qua các lễ hội truyền thống quan niệm “uống nước nhớ nguồn” càng được phát huy mạnh mẽ và bổ sung thêm nhiều nội dung và hình thức mới phù hợp với nhu cầu thực tiễn đời sống của người Việt Nam trong thời kỳ mới. Quan sát những người đi lễ hội đền Hùng, chúng ta đều cảm nhận được sự nghiêm túc, lòng thành kính của mỗi người dân Việt Nam đối với các Vua Hùng đã có công khai phá, xây dựng, mở mang bờ cõi. Đây là một nét đẹp văn hóa đã in dấu trong tâm thức của mỗi người dân Việt Nam. Nó định hướng cho suy nghĩ, tư tưởng và hành động

của mỗi con người, từ đó xác định ý thức trách nhiệm với quê hương, với đất nước, với dân tộc.

Ngày 6/12/2012, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ đã được Ủy ban Liên chính phủ theo Công ước năm 2003 của UNESCO chính thức công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Như vậy, từ truyền thống của dân tộc, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã vượt ranh giới quốc gia để trở thành di sản tinh thần của nhân loại.

Người Việt Nam có truyền thống thờ phụng tổ tiên, thờ phụng những người có công lao đối với Tổ quốc, với nhân dân, trong đó các Vua Hùng được suy tôn là những vị Thủy tổ của cả dân tộc, mở ra Nhà nước Văn Lang, khẳng định bờ cõi chủ quyền và chăm lo đời sống muôn dân, trăm họ. Ý thức thờ phụng các Vua Hùng cũng chính là ý thức về cội nguồn dân tộc, đất nước từ đó hình thành tinh thần tự cường dân tộc, ý thức độc lập tự chủ. Dân tộc ta trải qua thăng trầm của bao cuộc chiến tranh nhưng lòng yêu nước, ý thức độc lập tự chủ được các thế hệ người Việt Nam tiếp nối nhau chưa bao giờ tắt, tạo nên một giá trị đặc trưng nổi bật trong hệ thống giá trị đạo đức của người Việt Nam.

Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”, “chim có tổ, người có tông”, ... Người dân Việt Nam vẫn truyền tụng câu ca: *Dù ai đi ngược về xuôi/ Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng mười tháng Ba*. Từ lòng biết ơn các Vua Hùng khai sáng dân tộc, người dân Việt Nam biết ơn các thế hệ tiền nhân đã khai sơn phá thạch, biết ơn những người tạo dựng nền văn hiến Việt Nam. Vì vậy, sự thờ phụng các Vua Hùng được gìn giữ, trao truyền hàng nghìn năm qua.

Tín ngưỡng thờ cúng các Vua Hùng còn là cội nguồn, là điểm tựa của tinh thần đoàn kết dân tộc. Bắt nguồn từ truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ, với 100 người con tỏa đi bốn phương, người Việt tự hào vì mình là con Rồng, cháu Tiên và cả nước cùng là anh em, sinh cùng một bọc, hình thành nghĩa “đồng bào” thiêng liêng, sâu nặng. Tinh thần tương thân, tương ái, đùm bọc lẫn nhau, chia sẻ, gắn kết ấy củng cố sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc trước những thách thức

trong lịch sử như chống giặc ngoại xâm, vượt qua những thử thách trước thiên tai và những hoàn cảnh ngặt nghèo để đất nước trường tồn.

Những lễ nghi, trò chơi trong lễ hội đền Hùng cũng rất phong phú, sinh động. Tất cả những hoạt động đều mang ý nghĩa về sự trân trọng, tưởng nhớ, lòng biết ơn (bánh chưng, bánh giày), sự giao hòa giữa trời với đất, giữa âm và dương, giữa quá khứ và hiện tại, giữa vật chất và tinh thần, tạo nên sự giao hòa trong không gian linh thiêng và đời thực. Tất cả những lễ nghi, trò diễn trong lễ hội đền Hùng cũng đã được hình thành qua hàng ngàn năm lịch sử, thể hiện sâu sắc nhân sinh quan của người Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.

Trong nhiều câu chuyện truyền thuyết của Việt Nam, yếu tố huyền sử trở thành nội dung không thể thiếu được. Yếu tố huyền sử làm cho yếu tố chính sử được bay bổng, hóa thân, tạo nên những điểm nhấn mạnh mẽ và sâu sắc trong trí nhớ, tâm khảm của mỗi con người Việt Nam. Thông qua đó muốn nhấn mạnh đến sự ghi nhận, tình cảm sâu đậm, lòng tri ân tưởng nhớ đối với những người có công với dân tộc. Chẳng hạn truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh phản ánh sự trân trọng, ghi ơn đối với các vua Hùng đã có công đã bảo vệ nhân dân, dựng nước và giữ nước. Qua đó cũng phản ánh những khát vọng, mong ước về lẽ sống, luân thường đạo lý công bằng, những điều tốt đẹp, tinh thần cố kết cộng đồng, tinh thần tương thân, tương ái của người dân Việt Nam.

Ý nghĩa của truyện truyền thuyết Thánh Gióng cũng mang hàm nghĩa như thế. Đây là câu chuyện ca ngợi lòng yêu nước của người anh hùng và tinh thần đoàn kết cộng đồng. Ý nghĩa ấy luôn luôn hiện hữu và cần thiết với dân tộc ta, một dân tộc đã từng chịu nhiều ách xâm lăng, đô hộ. Và, ngay cả trong thời bình, chúng ta vẫn cần nhớ về cội nguồn truyền thống anh hùng của cha ông, phát huy lòng yêu nước và tự hào dân tộc. Truyện Thánh Gióng cũng thể hiện lòng đoàn kết và tình yêu đối với quê hương, đất nước. Khi đất nước gặp nguy hiểm, Thánh Gióng đã xuất hiện để bảo vệ nó. Bức tranh này thể hiện tình yêu sâu đậm của người Việt Nam đối với đất nước và lòng đoàn kết mạnh mẽ giữa nhân dân. Thánh Gióng không chỉ là một người anh hùng, mà là biểu tượng của sức mạnh dũng cảm, lòng trung hiếu, lòng đoàn kết, tình yêu quê hương vững mạnh của cả một dân tộc. Sức

mạnh của Thánh Gióng là do nhân dân tạo nên, đó là sự chung đúc sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần, giữa ý chí với quyết tâm, giữa đồng sức và đồng lòng, với lòng yêu quê hương, đất nước được phát huy cao độ phải được tập trung lại. Đó như là biểu tượng của sức mạnh văn hóa, con người Việt Nam.

Truyền thuyết Thánh Gióng là một phần quan trọng của văn hóa dân gian Việt Nam, nó kể về những phẩm chất đáng quý của người Việt, như lòng dũng cảm, tinh thần vượt qua khó khăn, lòng đoàn kết và tình yêu đất nước. Đây là những giá trị quý báu được truyền tụng và truyền dạy qua các thế hệ, giúp làm cho dân tộc Việt Nam mạnh mẽ và tự hào. Vì thế lễ hội đền Gióng thể hiện sự mô tả, nhắc nhở những giá trị và truyền thống quý báu, nhằm cố kết cộng đồng, lan tỏa tình thương yêu con người, yêu quê hương đất nước của người dân Việt Nam.

Trong văn hóa Việt Nam, lòng biết ơn cũng trở thành nét đẹp văn hóa ăn sâu trong tiềm thức của mỗi con người. Lòng biết ơn là biểu hiện cao nhất của lối sống tình nghĩa, nhân ái, là khởi nguồn cho mọi đức tính tốt đẹp. Lòng biết ơn trở thành chuẩn mực nền tảng của đạo đức con người. Sống có lòng biết ơn là lối sống lành mạnh, tích cực, mẫu mực trong đời sống của chúng ta. Người sống có lòng biết ơn luôn được người khác yêu mến, trân trọng và giúp đỡ trong cuộc sống. Lòng biết ơn là một trong những phẩm chất đạo đức quý giá của dân tộc Việt Nam. Lòng biết ơn là điểm khởi đầu để ta trở thành một con người tốt, luôn có những hành động tốt đẹp, đem lại niềm vui cho người khác. Nó cũng là cơ sở bền vững cho những tình cảm tốt đẹp như tình yêu nước, thương nòi.

Quan niệm sự trân trọng, lòng biết ơn, sự tôn thờ, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, người có công xây dựng và bảo vệ đất nước từ trong lễ hội truyền thống đã được chuyển hoá thành quan niệm sống cốt lõi của người dân Việt Nam hiện nay bằng những hành động và việc làm cụ thể. Điều này được thể hiện rất rõ qua lòng biết ơn sâu sắc, tri ân qua các phong trào đền ơn, đáp nghĩa của dân tộc Việt Nam.

Tháng 6/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có chỉ thị chọn ngày 27/7 là "Ngày thương binh toàn quốc". Cũng trong năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 20/SL (ngày 16/8/1947) Quy định chế độ hưu bổng thương tật và tiền tuất tử sĩ. Đây là văn bản pháp quy đầu tiên khẳng định vị trí quan trọng của công tác

thương binh liệt sĩ đối với cuộc chiến tranh bảo vệ nền độc lập của dân tộc Việt Nam. Kể từ đó, năm nào Người cũng gửi thư, quà thăm hỏi, động viên, nhắc mọi người phải biết ơn, hết lòng giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, nhằm ghi nhận cuộc chiến khốc liệt, sự hy sinh của quân và dân ta trong cuộc chiến vô cùng to lớn, từ tháng 7/1955, Đảng và Nhà nước ta đã quyết định đổi "Ngày thương binh toàn quốc" thành "Ngày thương binh, liệt sĩ". Sau ngày giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975, theo Chỉ thị 223/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 27/7 hằng năm chính thức trở thành "Ngày thương binh, liệt sĩ" của cả nước.

Các hoạt động tri ân, tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ, biết ơn mẹ Việt Nam anh hùng, người có công và gia đình người có công với đất nước, mang nhiều ý nghĩa nhân văn, nhân đạo tích cực củng cố thêm lòng biết ơn, sự tưởng nhớ của con người Việt Nam hôm nay. Báo cáo tổng kết 15 năm (1998-2013) thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch ngày 08 tháng 08 năm 2013. Đánh giá tổng kết nêu rõ: Đạo lý "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây" được đề cao; các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa", “hướng về cội nguồn”, tưởng nhớ các Anh hùng dân tộc... là những hoạt động văn hoá tốt đẹp, thấm đượm tinh thần nhân văn ngày càng nở rộ.

Sự trân trọng, lòng biết ơn được thể hiện rõ nét qua phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” được triển khai rộng khắp cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương cơ sở, trong toàn quân, toàn dân. Trước hết, được thể hiện thông qua các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước như: Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng; Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14, ngày 09/12/2020 về Ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 75/2021/NĐ-CP, ngày 24/7/2021; Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, ngày 30/12/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Quán triệt và thực hiện các chủ trương, chính sách đối với người có công trong thực tiễn đến nay, cả nước có hơn 4,6 triệu người được hưởng

trợ cấp một lần và hàng tháng, với số tiền trên 15.000 tỉ đồng... Từ năm 2012 đến tháng 12/2021, cả nước đã tìm kiếm, quy tập được 17.781 hài cốt liệt sĩ; trong đó, xác định danh tính được 4.277 hài cốt liệt sĩ... [131].

Theo Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Đào Ngọc Dung, từ năm 2023, kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng tăng thêm 2.728 tỷ đồng. Cả nước đã vận động được trên 13.000 tỷ đồng hỗ trợ hộ gia đình người có công xây dựng mới trên 84.000 căn nhà và sửa chữa trên 69.000 căn nhà tình nghĩa; tặng gần 126.000 sổ tiết kiệm cho các gia đình chính sách với tổng số tiền trên 1.000 tỷ đồng; 2.988 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các tổ chức, cá nhân nhận chăm sóc, phụng dưỡng. Đến nay, 99% hộ người có công với cách mạng cả nước có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú, 99% xã phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ [139].

Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong năm 2023 hỗ trợ cho người có công, thân nhân người có công là gần 4,9 nghìn tỷ đồng (trong đó dịp 27/7 là gần 1,65 nghìn tỷ đồng) [84; tr.19]. Đến nay, đời sống của người có công và gia đình người có công với cách mạng không ngừng được nâng lên cả về vật chất và tinh thần, 99% hộ người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú. Đặc biệt, ngày 1.7.2024 vừa qua, Chính phủ đã ban hành Nghị định 77/2024/NĐ-CP điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng từ 2.055.000 đồng lên mức 2.789.000 đồng (tăng 35,7%). Đây là mức tăng cao nhất trong các lần điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng trong 20 năm qua, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng [125].

Qua sự tôn thờ, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, người có công với quê hương, đất nước giáo dục ý thức về cội nguồn, lòng biết ơn, ý thức trách nhiệm của con người đối với tiền nhân. Quan niệm sống trân trọng, biết ơn, yêu thương, trách nhiệm, tương thân, tương ái, yêu nước, thương nòi, ... là những giá trị tinh thần nền tảng, là động lực, sức mạnh nội sinh để dân tộc Việt Nam vượt qua mọi gian nan thử thách trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước.

Với những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua quan niệm sự trân trọng, lòng biết ơn, sự tôn thờ, tưởng nhớ người có công, các anh hùng dân tộc được thể hiện qua lễ hội truyền thống mà chúng ta vừa phân tích ở trên là những phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam vận động và phát triển xuyên suốt quá trình lịch sử phát triển của dân tộc,

góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào công cuộc xây dựng đất nước, tham gia tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát huy tính tích cực, tự giác của nhân dân tham gia vào các hoạt động văn hóa để văn hóa trở thành động lực phát huy sức mạnh, sức sáng tạo của con người Việt Nam vào quá trình phát triển đất nước[19; tr.87].

3.1.1.3. Thực trạng sự biến đổi tích cực quan niệm ước mong, hy vọng có cuộc sống no ấm, hạnh phúc

Lễ hội truyền thống luôn chuyển tải những mong ước tốt lành của con người trong cuộc sống. Do đó tất cả các lễ hội truyền thống đều thể hiện quan niệm của con người về những khát vọng, ước mong cho một cuộc sống no đủ, thịnh vượng. Thông qua lễ hội truyền thống với các nghi thức tế lễ, cúng bái và sinh hoạt các trò diễn, xướng, ... người dân Việt Nam biểu hiện rõ nét quan niệm của họ về khát vọng, mong muốn với nhiều hy vọng và niềm tin vào một cuộc sống đủ đầy, sung túc. Tinh thần đó từ trong lễ hội đã được chuyển tải vào trong cuộc sống lao động sản xuất của con người, thấp bùng ngọn lửa khát vọng vươn lên làm giàu cho cá nhân, gia đình, cộng đồng xã hội và quê hương, đất nước.

Đối với cư dân nông nghiệp, việc phụ thuộc vào thiên nhiên như mưa, nắng, gió, khí hậu, thời tiết, đất đai..., đã làm cho cuộc sống của họ thêm phần khó khăn, vất vả. Vì vậy trong cuộc sống và lao động sản xuất, họ luôn cầu mong về một cuộc sống tốt đẹp, mưa thuận gió hòa, con người bình an, Khang thái. Với quan niệm, vạn vật hữu linh, nên cư dân nông nghiệp nói riêng, người dân nói chung đều thờ tất cả những thứ gắn bó với cuộc sống hằng ngày, mà họ cho là linh thiêng trong cuộc sống. Chẳng hạn tục thờ đá, thờ cây, thờ sinh thực khí, thờ thần sông, thần núi, thần biển, thần gió, ... phản ánh ước mơ, hy vọng của họ.

Trong các lễ hội truyền thống, lễ hội Trò Trám là hoạt động văn hóa tinh thần của người Việt cổ. Đây là lễ hội dân gian mang đậm tính phồn thực của vùng trung du, đồng bằng châu thổ sông Hồng, phản ánh ước nguyện sinh tồn, cầu mong con người cùng muôn vàn cỏ cây được sinh sôi, phát triển, xã hội phồn thịnh, đời sống no ấm, hạnh phúc, ... Lễ hội Trò Trám gắn với tín ngưỡng phồn thực tôn thờ sinh thực khí (bộ phận sinh dục nam và nữ), cùng với hành vi giao phối được cái được thể hiện rõ nét trong nghi thức tế lễ và các trò diễn, là sự biểu hiện khát vọng phong đăng, ước muốn cho mưa thuận gió hoà, cho con người và vạn vật luôn sinh sôi nảy nở, cho mùa màng tươi tốt và bội thu, ... Lễ hội gồm các trò đi cày, đi cấy, câu cá, đánh cờ, dệt lụa, cung bông, thợ mộc, mua Xuân - bán Xuân và dạy học được trình diễn tại sân miếu Trò. Ngoài ra, người dân Tứ Xã còn tham gia diễn trò "Tứ dân chi nghiệp", còn gọi là "bách nghệ khôi hài" - một màn kịch dân gian vui nhộn khắc họa bốn nghề chính trong đời sống là sĩ, nông, công, thương, cũng như sinh kế của người dân nông nghiệp.

Lễ hội Trò Trám là biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực của cư dân nông nghiệp. Lễ "Rước lúa thần" trong lễ hội Trò Trám để cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tốt tươi. Tất cả các trò diễn xướng này đều có những lời hát, câu vè ẩn dụ với câu chuyện "tế nhị" về khả năng tạo hóa của con người. Họ mong vạn vật sinh sôi nảy nở, nên tôn thờ sinh thực khí. Với nét độc đáo, lễ hội Trò Trám đã được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Đây là cơ sở để bảo tồn phát huy những giá trị của văn hóa Việt Nam, khởi nguồn cho những điều tốt đẹp trong cuộc sống của con người.

Sự biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người dân qua lễ hội Trò Trám thể hiện ở chỗ, trong không gian lễ hội, mọi người đều thể hiện thái độ, tình cảm, suy nghĩ, sự hòa đồng với các nghi lễ, lúc thì trang nghiêm, linh thiêng, khi thì hòa đồng, gần gũi. Trong thời khắc giao hòa của lễ hội, mọi suy nghĩ về cuộc sống, về niềm tin, hy vọng của những người tham gia lễ hội được tạo thành một dòng chảy tư tưởng, thôi thúc những ý nghĩ tốt đẹp về cuộc sống tương lai. Chính sự mong muốn, hy vọng ấy đã tạo ra nguồn sinh lực mạnh mẽ trong việc kết nối sức mạnh để tạo ra sự biến đổi, sự sinh sôi nảy nở, sự kết trái đơm hoa trong cuộc sống mới. Từ đó,

mọi người sẽ hình thành một quan niệm sống, thái độ, ý chí sống mới với niềm tin hy vọng mới. Đây chính là những nét tích cực trong nhân sinh quan của người dân Việt Nam được thể hiện thông qua lễ hội truyền thống hiện nay.

Lễ hội Phủ Dầy (xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) có lịch sử lâu đời gắn liền với tín ngưỡng thờ Thánh mẫu Liễu Hạnh, mang nhiều giá trị lịch sử, văn hóa tín ngưỡng thờ Nữ thần (Mẫu) và văn hóa dân gian của cư dân nông nghiệp lúa nước vùng Đồng bằng Bắc bộ, mang đặc trưng tín ngưỡng bản địa của người Việt. Điểm đặc trưng của lễ hội là các hình thức sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh phong phú, độc đáo như nghi lễ châu văn hầu đồng, rước đuốc, rước thỉnh kinh, hội hoa trạng, ... phản ánh phong tục tập quán, nghệ thuật trình diễn dân gian và thẩm mỹ của cộng đồng. Châu văn hầu đồng là một nghi lễ đặc trưng và quan trọng nhất của đạo Mẫu, diễn ra trong không gian thiêng của hệ thống điện thờ thánh Mẫu và các đức Thánh Trần. Đây là di sản văn hóa phi vật thể tổng hợp nhiều giá trị của các loại hình văn hóa dân gian như tín ngưỡng truyền khẩu, nghề thủ công truyền thống, trình diễn (diễn xướng) dân gian, ...

Nghi lễ châu văn do cộng đồng người Việt sáng tạo trước hết là để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tinh thần, là sản phẩm của tư duy, nhận thức về tự nhiên xã hội của các cư dân nông nghiệp lúa nước, phản ánh quan niệm, tâm tư tình cảm, ứng xử với điều kiện sống và môi trường tự nhiên xung quanh. Đó còn là sự tích hợp, tổng hợp các hình thức văn hóa dân gian bản địa khác như âm nhạc, ngôn ngữ, tri thức dân gian, ca hát, nhảy múa, nghề thủ công truyền thống, trang phục truyền thống cùng với nghệ thuật trang trí, kiến trúc, ẩm thực, ... tạo nên một hình thức sân khấu tâm linh, thiêng liêng.

Trong lễ hội Phủ Dầy còn diễn ra một nghi thức đặc biệt khác là nghi lễ rước đuốc vào tối 5/3 âm lịch. Lửa trong quan niệm dân gian là yếu tố cầu may, mang lại sự ấm no, hạnh phúc. Theo người dân nơi đây, ngọn lửa thiêng được rước từ nơi thờ Thánh Mẫu trong những ngày lễ hội sẽ xua tan đi những gì đen tối, đem lại sự may mắn sinh sôi, nảy nở cho vạn vật và con người. Nghi thức rước đuốc được tổ chức vào buổi tối giữa không gian làng quê Bắc bộ tạo thành một hình ảnh đẹp biểu tượng cho niềm tin, hy vọng vào những điều tốt lành sẽ đến trong cuộc sống của cư

dân. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, các nghi thức và phong tục dân gian mang đậm giá trị truyền thống trong lễ hội Phủ Dầy đã được bồi đắp, lưu giữ, kết tinh, hội tụ và lan tỏa rộng khắp.

Có thể coi nghi lễ châu văn hầu đồng và rước đuốc là biểu trưng cơ bản của lễ hội Phủ Dầy nói riêng, của cư dân nông nghiệp nói chung. Những nghi lễ này phản ánh sự cầu mong của con người đối với những thần (Mẫu) về những điều may mắn đối với cuộc sống và ước mơ, hy vọng về sự sinh sôi, nảy nở, may mắn. Tất cả các hoạt động hành lễ và chiêm bái của mọi người dân cả nước đối với lễ hội Phủ Dầy đã chứng minh rằng sự mong ước, hy vọng về cuộc sống may mắn, hạnh phúc, an lành là mẫu số chung của mọi người dân Việt Nam. Điều này sẽ tạo nên sự đồng tâm, hiệp lực, sự đùm bọc, chở che lẫn nhau trong cuộc sống. Cùng với đó là sự tham gia và thụ hưởng những thành quả chung từ những điều may mắn mang lại. Trong lễ hội truyền thống nói chung, lễ hội Phủ Dầy nói riêng không có sự phân biệt đẳng cấp, sang hèn, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, vùng miền. Trong điện thần Tứ phủ, từ Thánh Mẫu đến các hàng quan, làng châu, ông Hoàng và các Cô, các Cậu đều là các vị thần linh có nguồn gốc từ các dân tộc khác nhau như: Kinh, Mường, Tày, Nùng, Dao, ... thể hiện mối quan hệ bình đẳng, gắn bó mật thiết giữa các dân tộc anh em. Đây là điều rất quan trọng thể hiện nhân sinh quan tiến bộ của người Việt Nam nói chung.

Thông qua lễ hội, những quan niệm sống tích cực đã được lan tỏa trong cộng đồng cư dân nông nghiệp nói riêng, người dân Việt Nam nói chung. Từ đó họ chung tay xây dựng nông thôn mới, xây dựng cuộc sống ấm no thanh bình, tạo dựng những mối quan hệ hòa hiếu, thân thiện, xây dựng xã hội tiến bộ, công bằng, văn minh. Có thể thấy, việc xây dựng nông thôn mới trên phạm vi cả nước đã trở thành cuộc vận động sâu rộng trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, được đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, tích cực tham gia khiến diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc. Tính đến hết năm 2023, cả nước có khoảng 6.370/8.167 (78%) xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 1.612 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 256 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Có 270 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới. Trong tổng

số 20 tỉnh, thành phố có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới có 05 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai, Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới[132]. Riêng quê hương Nam Định, nơi phủ chính diễn ra lễ hội Phủ Dầy, là quê hương có nhiều đổi thay trong xây dựng nông thôn mới.

Nam Định luôn tự hào là vùng đất văn hiến với lịch sử phát triển lâu đời, là nơi hội tụ của truyền thống đoàn kết, yêu nước, kiên cường, bất khuất; truyền thống lao động cần cù, thông minh, sáng tạo; truyền thống hiếu học, vượt khó vươn lên, ... Nam Định cũng là một trong những tỉnh được mệnh danh là mảnh đất trăm nghề với nhiều làng nghề truyền thống, có sản phẩm đa dạng và tinh xảo, được người tiêu dùng ưa chuộng. Đó là nền tảng, là điều kiện thuận lợi để Nam Định đẩy mạnh công tác xây dựng nông thôn mới.

Sau hơn 12 năm triển khai xây dựng nông thôn mới, nông thôn Nam Định có diện mạo ngày càng khang trang, hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng nâng cao. Đến tháng 12-2018, toàn tỉnh có 209/209 xã, thị trấn (đạt 100%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành trước kế hoạch 1,5 năm. Theo đó, tỉnh Nam Định đã có 100% số xã, thị trấn và 10/10 huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; là một trong hai tỉnh đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ công nhận Tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba; huyện Hải Hậu là một trong bốn huyện của cả nước được Trung ương chọn thực hiện Đề án xây dựng thí điểm mô hình huyện Nông thôn mới kiểu mẫu “Sáng, Xanh, Sạch, Đẹp để phát triển bền vững”. Đến tháng 12/2022, tỉnh Nam Định đã có 182 xã, thị trấn (bằng 89% xã, thị trấn) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, theo Bộ tiêu chí của Tỉnh. Đặc biệt, để thực hiện được những mục tiêu xây dựng nông thôn mới, tỉnh Nam Định đã huy động được nguồn lực to lớn từ nhân dân. Các hộ gia đình và nhân dân đã tự nguyện góp 2.897 ha đất nông nghiệp và hiến 206 ha đất thổ cư (tổng trị giá khoảng 7.000 tỷ đồng) làm đường giao thông, thủy lợi nội đồng, các công trình phúc lợi. Việc vận động nhân dân tự nguyện hiến đất, góp đất, tháo dỡ công trình, bàn giao mặt bằng để thi công các công trình kết

cầu hạ tầng đã mang lại rất nhiều lợi ích, vừa tiết kiệm được chi phí giải phóng mặt bằng, giảm giá thành đầu tư, vừa đẩy nhanh được tiến độ thi công và đặc biệt là không có khiếu kiện. Với 96,86% số người dân được lấy ý kiến hài lòng về kết quả xây dựng nông thôn mới cho thấy, chương trình xây dựng nông thôn mới đã thực sự là chương trình của người dân, vì cuộc sống của người dân ở khu vực nông thôn.

Điều đó cho thấy, ước mơ, hy vọng, mong muốn của con người được thể hiện trong nhân sinh quan từ lễ hội truyền thống đã được hiện thực hóa thông qua hành động, quyết tâm trong lao động sản xuất, góp sức mình xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh. Chính người dân đã tạo dựng hạnh phúc thực sự trên cơ sở bệ đỡ tinh thần, niềm tin và tinh thần cộng đồng mạnh mẽ, thể hiện sự chuyển biến tích cực trong nhân sinh quan của người dân Việt Nam mà lễ hội truyền thống đem lại. Đây chính là vốn xã hội để tạo ra sự đoàn kết (cố kết), niềm tin, tinh thần hợp tác lẫn nhau, tạo lập sự đồng thuận xã hội, để thực hiện những mục tiêu lớn, vì sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong các lễ hội thể hiện sự mong ước, niềm tin hy vọng của người dân, lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam gắn với tín ngưỡng thờ Mẫu - Nữ Thần - Mẹ sinh ra muôn loài và có công dưỡng dục, luôn chăm sóc, che chở cho con dân Việt Nam cũng thể hiện ước mơ của người dân về sự sinh sôi nảy nở, ước vọng phong đăng, mùa màng tươi tốt, đâm chồi, nảy lộc, đơm hoa, kết trái, là biểu tượng cho sự trường tồn của giống nòi, của vạn vật đem lại cuộc sống ấm no cho họ. Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam cũng mang ý nghĩa tôn kính và tri ân vị nữ thần đã che chở và phù hộ cho người dân vùng đất này. Lễ hội cũng là dịp để người dân thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó và truyền bá văn hóa tâm linh độc đáo của vùng đất Tây Nam Bộ. Lễ hội vía Bà Chúa Xứ núi Sam không chỉ là một sự kiện văn hóa tâm linh cầu bình an, may mắn, mà còn là lời nhắc nhở về lòng dũng cảm, đức tin và sự đoàn kết của người dân trong vùng. Lễ hội vừa là dịp để người dân địa phương thể hiện lòng biết ơn đối với những giá trị tinh thần vừa là cơ hội để các thế hệ hiểu hơn về lịch sử, truyền thống của mình. Mỗi năm, hàng ngàn người tham gia vào lễ hội, tạo nên một không gian giao lưu văn hóa đa dạng, phản ánh sự kết hợp hài hòa giữa các dân tộc Kinh, Hoa, Khmer, Chăm tại đây. Từ khi được UNESCO công nhận là Di sản văn

hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2016, lễ hội này đã khẳng định được giá trị to lớn trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Lễ hội vía Bà Chúa Xứ núi Sam ngày càng thu hút đông du khách về hành hương tại đây, kể từ năm 2015, lễ hội được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Đặc biệt, năm 2016 được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, số lượng khách hành hương đến miếu Bà Chúa Xứ núi Sam tăng nhanh và đã trên 4 triệu khách mỗi năm (chiếm hơn 60% khách DL của tỉnh An Giang), kể từ năm 2020, đặc là sau đại dịch Covid 19 số lượng khách hành hương về đền Bà Chúa Xứ núi Sam đạt trên 6 triệu lượt người mỗi năm [121].

Có thể khẳng định, cùng với các lễ hội truyền thống trong cả nước, những lễ hội được nghiên cứu ở đây đã cho thấy những nét biểu trưng trong nhân sinh quan của người dân Việt Nam được thể hiện qua nhiều khía cạnh, trong đó có tình yêu quê hương, đất nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, yêu cuộc sống, yêu con người, yêu thương đồng loại, giống nòi, sự đùm bọc che chở, giúp đỡ lẫn nhau; đó còn là sự tri ân, tưởng nhớ, biết ơn với những người che chở, đùm bọc, mang lại hạnh phúc, tạo ra sự sinh sôi nảy nở, cũng như những mơ ước và hy vọng của con người trong cuộc sống, vượt lên những khó khăn hiện tại và hướng tới tương lai tốt đẹp. Từ đó tạo ra sự cố kết, sẻ chia, hỗ trợ, hợp tác lẫn nhau trong cuộc sống, tạo dựng một tương lai tốt đẹp cho mình và cho cộng đồng dân tộc.

Nhân sinh quan của người Việt Nam thông qua lễ hội truyền thống có ý nghĩa tích cực ở chỗ nó hướng đến cuộc sống hiện thực, thực tế của con người. Nhân sinh quan ấy đã định hướng cho lý tưởng, mục đích, lối sống, thái độ sống, cũng như các chuẩn tắc xử thế đem lại lợi ích cho cuộc sống thực tại của con người. “Thậm chí nó hướng con người đến sự trải nghiệm, sự thực hành những triết lý ấy. Vì vậy, nó đã tác động tích cực tới suy nghĩ, tư tưởng, tình cảm, thái độ, hành vi của con người thực tại và làm biến đổi đời sống thực tại theo hướng tiến bộ”[19; tr.88].

Ở những chiều cạnh khác nhau, có thể thấy sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua quan niệm về những ước mong của con người trong cuộc sống, lao động, sản xuất, khát vọng về sự sinh sôi nảy nở, sự cầu mong cho

mưa thuận, gió hòa, cuộc sống đầy đủ, sung túc, đã được chuyển hoá đi vào trong thực tế cuộc sống của con người Việt Nam hiện nay. Nhìn lại quá trình đổi mới chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra điều đó. Trước năm 1986, Việt Nam là một đất nước nghèo kém phát triển, chịu hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại, nền kinh tế khủng hoảng trầm trọng, lạm phát có lúc lên tới 774,7%, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, khoảng 3/4 dân số sống ở mức nghèo khổ, thiếu lương thực triền miên.

Nhờ thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế bắt đầu phát triển và phát triển liên tục với tốc độ tương đối cao trong suốt 35 năm qua với mức tăng trưởng trung bình khoảng 7% mỗi năm. Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020 đạt 342,7 tỉ đôla Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD; Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008. Từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay, Việt Nam không những đã bảo đảm được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đầu thế giới [108; tr.31].

Chính những khát vọng về tương lai tốt đẹp đã thôi thúc con người Việt Nam vượt qua khó khăn thử thách để đưa đất nước ta ngày càng phát triển phồn vinh và thịnh vượng. Ngày nay niềm tự hào dân tộc, khát vọng phát triển cường thịnh cùng với tài năng, trí tuệ phẩm chất của con người Việt Nam đang trở thành sức mạnh nội sinh, động lực cho sự phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Qua phân tích ở trên cho thấy, sự biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống thể hiện qua quan niệm về cuộc sống, về sự trân trọng, lòng biết ơn, về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc thực sự là những giá trị văn hoá tinh thần cốt lõi định hướng đúng đắn cho cuộc sống của người Việt nam hôm nay và có ý nghĩa giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm cho các thế hệ người Việt Nam trong hành trình xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

Từ thực trạng biến đổi tích cực trong nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống vừa phân tích ở trên, có thể khái quát một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự biến đổi đó.

Do đời sống vật chất của nhân dân không ngừng được nâng cao. Như đã đề cập ở trên, thành quả của công cuộc đổi mới đã đưa nền kinh tế của đất nước ngày càng phát triển, với mức tăng trưởng trung bình 7% mỗi năm, thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, riêng trong năm 2023 thu nhập bình quân đầu người ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022, tăng gấp hơn 20 lần so với những năm đầu đổi mới. Điều này cho thấy, đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được nâng cao, khi đời sống vật chất no đủ, cơm áo gạo tiền không còn là nỗi lo lắng trường trực thì con người mới có điều kiện chăm lo cho đời sống tinh thần, văn hoá, đạo đức “phú quý sinh ra lễ nghĩa”. Lúc này, các giá trị truyền thống như tình yêu quê hương, đất nước, tình đoàn kết dân tộc, lòng yêu thương con người, sẻ chia, giúp đỡ, đùm bọc lẫn nhau... có điều kiện được phát huy mạnh mẽ với nhiều hình thức và nội dung mới hết sức phong phú đa dạng. Bên cạnh đó, sự giàu có về mặt kinh tế cũng tạo điều kiện thuận lợi cho con người hôm nay thể hiện sự trân trọng, lòng biết ơn đối với những người có công với quê hương, đất nước và lễ hội truyền thống là một phương thức để con người thể hiện sự biến đổi tích cực quan niệm về cuộc sống, về sự trân trọng, lòng biết ơn của con người hôm nay với các thế hệ tiền nhân đã có công xây dựng quê hương, đất nước. Từ sự phân tích trên cho thấy, khi đời sống vật chất được nâng cao là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống đã được phân tích ở trên.

Một trong những nguyên nhân không thể thiếu dẫn đến sự biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống đó là do cơ chế, chính sách. Bước vào thời kỳ đổi mới, với cơ chế mới, chính sách thông thoáng tạo điều kiện thuận lợi cho con người phát huy hết mọi khả năng vốn có của mình, thể hiện được khát vọng vươn lên làm giàu cho bản thân và quê hương, đất nước, cùng với các chủ trương, chính sách khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trong đó có lễ hội truyền thống chính là môi trường và phương thức để con người thể hiện quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc được lưu giữ và phát huy mạnh mẽ trong thực tiễn đời sống xã hội hôm nay.

Mặt khác, sự nhận thức đúng đắn của nhân dân về vai trò quan trọng của tình yêu quê hương, đất nước, tình đoàn kết dân tộc, tình yêu thương con người, sẻ chia, đùm bọc, tương thân, tương ái, nghĩa đồng bào, lòng biết ơn, khát vọng sống vươn lên trong đời sống ý thức xã hội cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam được thể hiện qua lễ hội truyền thống.

3.1.2. Thực trạng sự biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống

Dưới tác động tiêu cực bởi mặt trái của kinh tế thị trường, nhiều vấn đề xã hội phức tạp nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tình trạng tha hóa đạo đức, lối sống trong xã hội đã xuất hiện ngày càng phức tạp, nhiều chuẩn mực giá trị đạo đức, quan niệm sống đã đổi thay đổi căn bản. Điều này đã tác động xấu tới sự phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Kinh tế thị trường coi trọng lợi nhuận, đề cao lợi ích vật chất, kinh tế. Vì vậy nhiều quan hệ xã hội đã bị tác động tiêu cực. Những chuẩn mực đạo đức ứng xử trong các quan hệ xã hội đã bị vật chất hóa, “tiền tệ hóa”, luân thường đạo lý của xã hội bị xem nhẹ, tình trạng vi phạm đạo đức, lối sống, lệch chuẩn trong xã hội xuất hiện ngày càng nhiều. Điều này làm tha hóa nhân cách, đạo đức của con người trong đời sống xã hội. Đặc biệt tệ nạn quan liêu, tham nhũng suy thoái về phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm tha hóa quyền lực chính trị, làm suy yếu lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ, đối với tương lai và tiền đồ của đất nước.

Kinh tế thị trường xuất hiện chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, hẹp hòi. Điều này cản trở những nỗ lực xây dựng quan hệ xã hội lành mạnh tiến bộ, tạo môi trường cho phát triển và hoàn thiện mọi cá nhân và xã hội. Từ chỗ đề cao các giá trị tinh thần, đề cao tinh thần tập thể chuyển sang coi trọng các giá trị kinh tế vật chất, đề cao quá mức cá nhân. Từ chỗ coi trọng cả *đức* và *tài* thì nay chuyển sang coi nhẹ đạo đức. Con người trước đây sống vì lý tưởng, sống vì mọi người nay lại sống quá thực dụng, sùng bái đồng tiền, chỉ chăm lo thoả mãn sở thích cá nhân, sống xa hoa, nhiều

truyền thống tốt đẹp trước đây bị xem thường, một số thuần phong mỹ tục bị xâm phạm. Cùng với đó là hiện tượng phân hóa giàu nghèo, phân cực xã hội tạo ra sự cạnh tranh thiếu lành mạnh, bất chấp pháp luật, bất chấp kỷ cương phép nước, xâm phạm đến lợi ích của người khác, của tập thể của xã hội. Những hiện tượng xã hội như thao túng, cấu kết, xâm phạm lợi ích xã hội, lợi ích cá nhân xuất hiện ngày càng nhiều. Từ đó làm xuất hiện lối sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, may rủi, hơn thua, ... xuất hiện ngày càng nhiều trong cuộc sống.

Theo kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy, bức tranh tổng quan về phân hóa giàu nghèo trong thời kỳ đổi mới cho thấy khoảng cách giữa các nhóm hộ gia đình từ giàu đến nghèo đang có khoảng cách còn khá lớn. Cụ thể, qua 11 cuộc khảo sát Mức sống dân cư Việt Nam đã cho biết hệ số chênh lệch về thu nhập bình quân 1 người/1 tháng giữa nhóm hộ giàu nhất và nhóm hộ nghèo nhất lần lượt tăng lên như sau: năm 2002 tăng 8,1 lần, đến năm 2004 tăng lên 8,3 lần, năm 2006 tiếp tục tăng lên 8,4 lần, đến năm 2008 tăng lên 8,9 lần, con số này năm 2010 là 9,2 lần, năm 2012 tăng 9,4 lần, năm 2014 tiếp tục tăng mạnh lên đến 9,7 lần, năm 2016 tăng lên 9,8 lần, năm 2018 tăng lên đến 10,0 lần, năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch con số này giảm xuống hơn 8 lần và năm 2022 giảm còn 7,6 lần. Các nghiên cứu cho thấy, sự phân hóa giàu nghèo diễn ra và thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống: từ mức sống kinh tế đến đời sống văn hóa tinh thần; từ cơ hội tham gia thị trường lao động, việc làm đến các tiếp cận giáo dục, y tế... và đặc biệt nhất chính là sự phân hóa giữa các tầng lớp xã hội trong sở hữu tài sản về chỗ ở. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, xu hướng chung là các nhóm giàu và khá giả thường được hưởng lợi nhiều hơn và nhanh hơn so với các nhóm nghèo và gần nghèo[22].

Bảng 3.5: Hệ số chênh lệch về thu nhập bình quân 1 người/1 tháng giữa nhóm hộ giàu nhất và nhóm hộ nghèo nhất lần lượt tăng lên qua 11 lần khảo sát mức sống (2002, 2004, 2006, 2008, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2020, 2022)

Đơn vị: lần

Năm	2002	2004	2006	2008	2010	2012	2014	2016	2018	2020	2022
Lần	8,1	8,3	8,4	8,9	9,2	9,4	9,7	9,8	10,0	8,0	7,6

Nguồn: Nguyễn Tất Giáp, Đỗ Văn Quân (2022)[22].

Từ số liệu của nghiên cứu trên cho thấy, tình trạng phân hóa giàu - nghèo đã và đang trở thành một trong những mối đe dọa lớn nhất, trực tiếp nhất đến sự ổn định, bền vững của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mặt khác, tình trạng móc ngoặc giữa các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kinh tế với những người người có quyền cao, chức trọng trong hệ thống chính trị, nhưng đã thoái hóa, biến chất dẫn đến “nạn tham nhũng”, “lợi ích nhóm”, “kinh tế ngầm”, vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế. Các vụ đại án thời gian qua như: Việt Á, FLC, Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát..... đang là một vấn đề nhức nhối ở nước ta hiện nay.

Tất cả những điều đó đã tác động tiêu cực tới nhân sinh quan của người Việt Nam trong các lễ hội, trong đó có lễ hội truyền thống. Điều này được thể hiện trên những khía cạnh chủ yếu sau:

3.1.2.1. Thực trạng sự biến đổi tiêu cực quan niệm về cuộc sống

Nhân sinh quan có vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc sống của con người. Vì vậy, nếu nhân sinh quan tiêu cực sẽ cản trở những suy nghĩ tích cực, tiến bộ, cản trở những nỗ lực của cá nhân và cộng đồng đối với việc định hướng, xây dựng cuộc sống mới, tương lai mới. Trong những năm qua, bên cạnh những biến đổi tích cực về nhân sinh quan trong quan niệm về cuộc sống, thì những biến đổi tiêu cực về nhân sinh quan trong quan niệm về cuộc sống của người dân Việt Nam cũng được thể hiện qua các nghi thức tế lễ, trò diễn trong sinh hoạt lễ hội truyền thống. Điều này được thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, nhiều người đến với lễ hội thể hiện sự xô bồ, bon chen, toan tính, vụ lợi. Họ tham gia lễ hội vì mục đích cầu mong vật chất, sự phù hộ của thánh thần, của những người được thờ tự đối với những mong muốn, suy nghĩ hạn hẹp, vật chất tầm thường của họ. Tục “cướp” lộc thánh, “cướp” hoa tre, “cướp” phết đã bị biến tướng, làm mất tính thiêng, lệch lạc trong sự tôn thờ, làm mất đi lòng thành kính, thể hiện lòng tham, sự cuồng vọng cá nhân, dẫn đến sự xuống cấp đạo đức xã hội. Chẳng hạn, Án Đền Trần (tỉnh Nam Định) ban đầu chỉ là ấn cầu an, trừ tà, trấn yểm, nhưng hiện nay nó biến thành ấn để cầu quan, để “thăng quan tiến chức”. Đền Bà Chúa Kho (ở tỉnh Bắc Ninh) cũng đã được huyền thoại hóa thành Bà chúa giữ tiền,

kim ngân để mọi người đến vay, mượn, cầu lộc. Từ đó hình thành những suy nghĩ, quan niệm lệch lạc khác nhau, làm mất đi ý nghĩa thực sự của việc thờ cúng, lễ hội.

Thứ hai, cùng với đó là tư tưởng đố kỵ, ghen ghét, hơn thua, vì những danh vọng, toan tính hão huyền cũng được thể hiện thông qua các hoạt động của lễ hội. Chẳng hạn, lễ hội làng này phải tổ chức to hơn, oai hơn lễ hội làng kia, tạo nên cuộc chạy đua về kỷ lục, thành tích, ... ở một số lễ hội đã thần thánh hóa công trạng của những người được thờ cúng để nâng cấp quy mô lễ hội, thậm chí có nơi thay đổi vai trò lịch sử của những người được thờ cúng. Những hiện tượng phô trương, lãng phí trong tổ chức lễ hội vẫn tồn tại. Một số địa phương đua nhau xây dựng đền thờ, tượng đài, đúc tượng..., dẫn đến tâm lý kèn cựa, kích thích thói ích kỷ, háo danh của con người ngay trong cả lĩnh vực linh thiêng. Điều này cản trở việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, tiến bộ cho sự phát triển con người Việt Nam.

Hiện tượng vật chất hóa, so kè về lễ cúng đã xuất hiện ở hầu hết các lễ hội, đình, chùa, di tích. Ở một số lễ hội, hòm công đức xuất hiện dày đặc gây phản cảm, thể hiện sự thương mại hóa. Ngoài ra hiện tượng quảng cáo cũng được thực hiện ngay cả những không gian tâm linh, làm cho lễ hội truyền thống đang có xu hướng biến đổi cả về mục đích, chức năng và vai trò. Từ đây những hiện tượng xuống cấp đạo đức, lối sống cũng xuất hiện. Thói háo danh, ganh đua, vợ vét, tham lam quyền chức, bổng lộc của đời sống xã hội đã “đổ bộ” vào chốn tâm linh. Ở ngay tại những nơi được coi là cõi linh thiêng đã bị vấy bẩn bởi sự u mê của cõi trần thế. Tâm lý cầu, xin thần thánh che giấu lỗi lầm, khuất tất trong cuộc sống cũng xuất hiện. Vì vậy, hành động của họ trở nên cuồng tín, tâm lý phò thác, gửi gắm, trông mong xuất hiện. Những tư tưởng trên đây đã dẫn đến lối sống phù phiếm, giả tạo, tạo ra niềm tin mộng tưởng về cuộc sống, dễ đến đến tâm lý ỷ lại, trông chờ vào may rủi mà không chịu lao động, sản xuất để phát triển kinh tế. Có nhiều người không lao động mà chỉ lo đi cầu may, tìm lộc thánh nên khi gặp những khó khăn trong cuộc sống họ bị bế tắc, không lối thoát và có những hành vi tiêu cực cho bản thân và cho xã hội.

Thứ ba, lợi dụng lòng tin của những người cuồng tín, những hiện tượng “buôn thần bán thánh” cũng xuất hiện với muôn màu, muôn vẻ. Hiện tượng “đặt lễ thuê”,

“khán vái thuê” cũng xuất hiện. Ngoài ra những hiện tượng bói toán, lên đồng, cờ bạc trá hình, rút thẻ, bán sách, tướng số, tử vi, lời kéo khách hành hương, tranh giành thu tiền bán vé dịch vụ, ... ở một số lễ hội vẫn còn tồn tại, đã làm giảm đi tính tôn nghiêm và những nét đẹp văn hóa trong hoạt động lễ hội. Những hành vi này đi ngược lại tính linh thiêng, văn hoá của lễ hội, biến lễ hội thành sự tha hóa của đời sống trần tục. Hiện tượng đốt vàng mã trong tín ngưỡng dân gian đã bị đẩy lên mức thái quá, bị lạm dụng. Quan niệm “trần sao, âm vậy” nên hiện tượng đốt vàng mã ngày càng lan rộng với số lượng rất lớn, hàng năm tiêu tốn hàng trăm tỷ đồng. Theo nghiên cứu của Tiến sĩ Nguyễn Việt Cường, giảng viên Trường Đại học Kinh tế quốc dân, khảo sát được thực hiện vào 5 tháng trong năm, không bao gồm tháng Tết. Kết quả cho thấy, bình quân một hộ gia đình nước ta chi 574.000 đồng cho cúng lễ vào năm 2012 và con số này tăng lên 654.000 đồng vào năm 2016. Kết quả cho thấy, tổng mức chi tiêu cho cúng lễ là khoảng 13.000 tỉ đồng năm 2012 và tăng lên 16.000 tỉ đồng năm 2016 (gấp gần 8 lần chi tiêu cho đồ chơi và sách truyện cho trẻ em)[124].

Ở một số lễ hội, vẫn lan tràn với nhiều nội dung mê tín, dị đoan, bùa chú, lưu hành một số tài liệu về tướng, số, tử vi, phong thủy, ... gây ảnh hưởng lớn đến suy nghĩ, nhận thức của nhiều người trong xã hội. Một số tài liệu giới thiệu về lễ hội, di tích lịch sử nhưng lại chưa được thẩm định nên sai về nội dung, ý nghĩa để tạo ra tính thiêng, gây ra tâm lý cuồng tín cho du khách vẫn xuất hiện. Những hiện tượng mê tín, dị đoan, “buôn thần bán thánh” tồn tại ở một số lễ hội đã làm mất đi ý nghĩa tốt đẹp của lễ hội truyền thống. Không gian ở một số lễ hội đã bị các hoạt động phản văn hóa, phản đạo đức xâm lấn. Đó không còn là nơi nuôi dưỡng tâm hồn, tư tưởng tích cực của con người nữa mà đã bị vấy bẩn bởi sự u mê, bon chen, xô bồ của cuộc sống.

Thứ tư, ở nhiều nơi, lễ hội hiện nay không còn là hoạt động chung với sự tham gia của cả cộng đồng như trước kia nên tâm lý thờ ơ, vô cảm cũng xuất hiện, vì thế lễ hội cũng trở nên sự nghèo nàn, đơn điệu. Một số lễ hội không còn là nơi nuôi dưỡng tâm hồn, tư tưởng tích cực của con người như trước đây. Những điều đó đã phản ánh lối sống thực dụng, ích kỷ của một bộ phận người dân trong xã hội và nó

cũng tác động không nhỏ tới đời sống tinh thần của xã hội nói chung, làm lệch chuẩn những quan niệm, giá trị truyền thống tích cực của lễ hội nói riêng và đời sống văn hóa tinh thần nói chung của xã hội.

Một số lễ hội đã trở thành gánh nặng của nhân dân nơi tổ chức vì phải đón tiếp khách về dự với nhiều các mối quan hệ xã hội phức tạp. Thậm chí nhiều người đã lợi dụng việc này để mời gọi, lôi kéo, tranh thủ sự ảnh hưởng của người khác hòng toan tính những vụ lợi cá nhân.

Từ quan niệm về cuộc sống như vậy, dẫn đến tư tưởng cục bộ địa phương, kèn cựa, đố kỵ, lối suy nghĩ thiển cận, hạn hẹp. Điều này đi ngược lại với những giá trị mà lễ hội truyền thống tạo nên. Đặc biệt trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, những tư tưởng này cản trở việc hội nhập và phát triển, cản trở sự tham gia và lan tỏa các giá trị văn hóa cộng đồng Việt Nam đến với bạn bè quốc tế, cản trở những nỗ lực xây dựng, tạo lập giá trị mới cho dân tộc Việt Nam.

Những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của con người trong lễ hội truyền thống không chỉ làm giảm ý nghĩa tốt đẹp mà lễ hội mang lại, mà còn tác động tiêu cực tới các mối quan hệ xã hội, cản trở sự lành mạnh hóa, cản trở sự phát triển con người theo hướng hoàn thiện, tiến bộ theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực trạng này xuất phát từ những nguyên nhân như: *Trước hết*, sự suy thoái đạo đức, lối sống thực dụng và tâm lý vụ lợi của một bộ phận người dân trong đời sống xã hội đã làm mất đi ý nghĩa thiêng liêng vốn có của các lễ hội. Hành vi lợi dụng tín ngưỡng để mưu cầu lợi ích cá nhân, như "cướp lộc", cầu quan, hoặc vay mượn lộc thánh, đã dẫn đến những quan niệm sai lệch, hạ thấp giá trị tinh thần. *Thứ hai*, sự thương mại hóa và chạy đua hình thức trong tổ chức lễ hội đã làm biến chất các nghi thức, khiến lễ hội trở thành công cụ giao dịch vật chất và phô trương thay vì không gian nuôi dưỡng tâm hồn. Sự thiếu quản lý hiệu quả từ cơ quan chức năng cũng tạo điều kiện cho các hiện tượng tiêu cực như mê tín dị đoan, "buôn thần bán thánh", và các hành vi phản văn hóa nảy sinh. *Ngoài ra*, trong việc tổ chức lễ hội đã làm gia tăng tâm lý ích kỷ, thực dụng. Những nguyên nhân này không chỉ làm lệch chuẩn giá trị truyền thống mà còn cản trở sự phát triển văn hóa lành mạnh, tiến bộ.

3.1.2.2. Thực trạng sự biến đổi tiêu cực quan niệm sự trân trọng, lòng biết ơn

Quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn thông qua sự tôn thờ, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, những người có công trong việc xây dựng và phát triển đất nước,... ngoài những biến đổi tích cực vừa phân tích ở trên thì vẫn còn đó những biến đổi tiêu cực.

Thứ nhất, do những toan tính vụ lợi, vì vậy nhiều người đến với lễ hội, chỉ để lợi dụng lòng tin, lòng thành kính của người khác để thực hiện những mục đích khác nhau. Qua đó họ kêu gọi tiến cúng để xây chùa, để thực hiện các nghi lễ tốn kém, gây lãng phí tiền bạc của nhân dân. Sự trân trọng, lòng biết ơn của con người đã bị lợi dụng, chi phối bởi những toan tính và lợi ích tầm thường, làm mất đi giá trị tốt đẹp của sự trân trọng, tưởng nhớ, biết ơn đối với những người có công, những anh hùng dân tộc. Đây chính là sự xuống cấp ý thức đạo đức của con người trong xã hội.

Có thể nhận thấy sự xuống cấp của ý thức đạo đức xã hội những năm qua thông qua sự thay đổi của nhiều giá trị, quan niệm về đạo đức theo chiều hướng tiêu cực, cản trở sự tiến bộ xã hội. Các giá trị đạo đức như lương tâm, trách nhiệm, đạo nghĩa, nhân văn, nhân đạo, trung thực, tình nghĩa, thủy chung, khiêm tốn, giản dị của người Việt Nam dần bị xem nhẹ, thay vào đó là thói đạo đức giả, vô lương tâm, vô trách nhiệm, thờ ơ, vô cảm, nhạt nhẽo, lạnh lùng, ... xuất hiện ngày càng nhiều, đang làm lệch lạc các chuẩn mực đạo đức truyền thống tốt đẹp và làm xói mòn cấu trúc đạo đức xã hội. Có thể nhận thấy, trong những năm qua các chuẩn mực, giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp bị xem nhẹ, bị lu mờ. Những giá trị trong truyền thống đạo đức của dân tộc ta bao gồm: lòng yêu nước; truyền thống đoàn kết; lao động cần cù, tiết kiệm và sáng tạo; tinh thần nhân đạo, lòng yêu thương và quý trọng con người, trong đó yêu nước là bậc thang cao nhất trong hệ thống giá trị đạo đức của dân tộc đang có xu hướng bị mai một, thậm chí là mất đi lập của đạo đức truyền thống. Nó xa lạ với đạo đức truyền thống Việt Nam, xa lạ với lối sống trung thực, tình nghĩa, thủy chung, khiêm tốn, giản dị của người Việt Nam. Ngày nay những phạm trù như ý nghĩa cuộc sống; hạnh phúc; nghĩa vụ; lương tâm; thiện - ác, ... đã có sự thay đổi nhất định về quan niệm, sự biểu trưng và ý nghĩa. Sự xuống cấp của ý thức đạo đức xã hội đã được Nghị quyết số 33 Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành

Trung ương Đảng khóa XI chỉ rõ: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng".

Theo nhà nghiên cứu Từ Thị Loan sự xuống cấp đạo đức xã hội ở nước ta được thể hiện vô cùng đa dạng ở mọi lĩnh vực, mọi hình thức:

Đó là lối sống buông thả, hưởng lạc, sa đọa hoặc vị kỷ, vô cảm, thiếu trách nhiệm; thói dối trá, đạo đức giả; thói làm ăn phi pháp, bất chính; thói gian lận trong học hành, bằng cấp; các thủ đoạn chạy chức, chạy quyền, chạy danh, chạy lợi, chạy tội... len lỏi vào các cơ quan công quyền, thậm chí ở cả những cơ quan quyền lực cao nhất. Đạo đức nghề nghiệp sa sút ngay cả trong những lĩnh vực được xã hội tôn vinh như: y tế, giáo dục, luật pháp, báo chí... Các tệ nạn xã hội từ bạo lực, tống tiền, giết người, cướp của đến cờ bạc, nghiện hút, mại dâm... có chiều hướng lan rộng. Một bộ phận người dân dù bị xã hội lên án vẫn sử dụng hóa chất, phụ gia độc hại vào lương thực, thực phẩm. Vì danh lợi người ta sẵn sàng chà đạp tình nghĩa, đạo lý, nhân phẩm. Đạo đức học đường cũng có nhiều biểu hiện đáng lo ngại, từ bạo lực học đường, hành xử thiếu văn hóa đến gian lận, dối trá trong thi cử, bệnh thành tích, lối sống thiếu lý tưởng, hoài bão, thiếu ý chí phấn đấu. Trong gia đình thì bạo lực gia đình có chiều hướng gia tăng, tỷ lệ ly hôn ngày càng cao, cha mẹ ít quan tâm giáo dục đạo đức cho con cái, chỉ chăm lo phát triển vật chất và trí tuệ, nhiều gia đình không còn là tổ ấm, tế bào lành mạnh của xã hội. Đặc biệt, sự suy thoái về đạo đức, tha hóa về nhân cách của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, qua tổng kết của các kỳ Đại hội Đảng ngày càng phát triển với ba cái hơn: "phổ biến hơn", "tinh vi hơn", "nghiêm trọng hơn". Các phương tiện thông tin đại chúng đã phải dùng nhiều "hắc từ" để chỉ hiện tượng đó như: "quốc nạn", "vấn nạn", "giặc nội xâm", "bệnh làm nghèo" đất nước...[133].

Thứ hai, tình trạng thương mại hóa trong các lễ nghi, cúng tế đã không còn hiếm gặp ở các lễ hội, đền, chùa, nơi vốn là chốn thờ tự linh thiêng. Không chỉ bị lợi dụng, những người hành lễ còn cho rằng đối với những người có công càng to,

đức càng lớn thì càng phải cúng nhiều lễ vật mới mong có được sự phù hộ độ trì, mới được hưởng lộc. Vì vậy tình trạng chạy đua, so kè được thực hiện ngay cả những lễ vật, nghi thức trong lễ hội. Bao nhiêu toan tính của cuộc sống, bao nhiêu ước mong, chờ đợi đều phải được thể hiện thông qua lễ vật ấy. Tính trách nhiệm của lương tâm, đạo đức bị xem nhẹ, coi thường. Những người đến lễ hội với nhận thức rằng sự trân trọng, tưởng nhớ chỉ cần thông qua lễ vật là có thể “trả” được. Đây chính là biểu hiện xuống cấp về quan hệ đạo đức trong xã hội.

Thời gian qua, sự xuống cấp đạo đức đã làm tha hóa các quan hệ xã hội, làm nảy sinh nhiều tệ nạn xã hội phức tạp và ngày càng khó giải quyết. Sự xuống cấp đạo đức đã làm nảy sinh sự suy thoái về đạo đức lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Tình trạng tham nhũng, kèn cựa địa vị, lợi dụng chức quyền trục lợi, tha hóa về lối sống, tham ô, hối lộ, hủ hóa, đặc quyền, đặc lợi, lãng phí của công, công thân địa vị, kéo bè, kéo cánh, tự do vô tổ chức vô kỷ luật, cơ hội, xu nịnh, bợ đỡ, quan liêu, với rất nhiều biểu hiện xấu xa tệ hại như mệnh lệnh, giấy tờ, quan cách, hách dịch, gia trưởng, độc đoán chuyên quyền, ức hiếp quần chúng, đả đấp, xa quần chúng, xa thực tế, vô trách nhiệm, ... có thể nhận thấy sự suy thoái về đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên trong đó có cả cán bộ có chức quyền. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn...”[14; tr.185]. Nạn tham nhũng dùng tiền của Nhà nước tiêu xài phung phí, ăn chơi sa đọa không được ngăn chặn có hiệu quả. Hiện tượng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân, kèn cựa địa vị, cục bộ địa phương, bè phái mất đoàn kết khá phổ biến. Hiện nay một số cán bộ có lối sống trụy lạc, coi thường quần chúng, thậm chí thách thức quần chúng. Họ lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, tiêu xài lãng phí của công, lối sống buông thả, thiếu tình nghĩa, thờ ơ trước nỗi khổ của nhân dân và những tiêu cực xã hội. Một số cán bộ đảng viên còn mang nặng cá nhân chủ nghĩa; cục bộ địa phương, gia trưởng, độc đoán, thiếu dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ, chia bè, kéo cánh ở một số ngành, địa phương xảy ra rất nghiêm trọng và kéo dài. Để mưu lợi ích cá nhân, họ còn làm sai

trái xuyên tạc các đường lối chính sách của Đảng; lợi dụng chức quyền để trao đổi quyền lực, mua chức, bán quyền, tề chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy lợi, chạy tội, chạy bằng cấp, đặc biệt hiện tượng tham nhũng đang là vấn nạn ảnh hưởng nặng nề nhất đối với nước ta, cản trở sự phát triển xã hội, là nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa, sự tồn vong của chế độ.

Sự xuống cấp đạo đức trong gia đình được thể hiện qua tính vị kỷ, sự chia sẻ, tính trách nhiệm, ... trong gia đình ngày nay thiếu đi sự chia sẻ, tính trách nhiệm giữa cha mẹ và con cái, tính gương mẫu, lòng đạo hiếu, công ơn sinh thành; quá coi trọng vấn đề nghĩa vụ và quan hệ lợi ích kinh tế; xuất hiện lối sống buông thả, tình trạng ngược đãi, gia trưởng, chuyên quyền, độc đoán, ... vẫn tồn tại. Hiện nay, sự xuống cấp đạo đức trong gia đình đang trở thành vấn đề đáng báo động, vi phạm nghiêm trọng các giá trị đạo đức truyền thống trong gia đình, bạo lực gia đình ngày càng tăng, con cháu thiếu trách nhiệm với cha mẹ, ông bà, cha mẹ, thậm chí con ngược đãi cha mẹ, cháu ngược đãi với ông bà. Hiện nay cả nước có khoảng 11,5 triệu người cao tuổi, chiếm 12% dân số. Theo kết quả khảo sát thì có 50,3% hộ gia đình có người cao tuổi đã xảy ra bạo lực gia đình, 3,0% người cao tuổi bị con cái đánh đập, 8,0% bị đe dọa, nhốt trong và và 15,0% bị bỏ rơi không chăm sóc; có 45,7% người già cho rằng họ thường bị con cái làm mất lòng dẫn tới buồn phiền, 3,9% thường xuyên bị nhieéc móc, 10,7% bị bỏ bê về kinh tế[123]. Tình trạng người thân trong gia đình giết nhau do mâu thuẫn kéo dài trong tranh chấp đất đai, tài sản, nợ nần, kinh tế, mâu thuẫn ghen tuông tình ái... cũng đáng báo động. Theo số liệu thống kê của Bộ công an, trong 6 năm từ năm 2014 đến năm 2019, cả nước xảy ra 6.850 vụ án giết người, trong đó có 1.200 vụ án giết người thân như: con giết cha mẹ, cha mẹ giết con; vợ, chồng, anh, chị, em giết nhau... chiếm khoảng 18%[138]. Từ số liệu trên cho thấy, sự xuống cấp đạo đức trong gia đình ở nước ta hiện nay thực sự rất nghiêm trọng cần có biện pháp khắc phục kịp thời và hiệu quả để xây dựng gia đình thực sự là tế bào của xã hội tiến bộ, văn minh.

Thứ ba, ở một số nơi người ta thần thánh hoá công trạng của những người có công, hay cố tìm ra công trạng của những người được tôn vinh, thờ cúng để nâng cấp lễ hội nhằm trục lợi cho cá nhân hoặc một nhóm lợi ích. Điều này đã làm sai

lệch, biến tướng quan niệm về sự tôn thờ, tưởng nhớ những người có công với làng, xã, với quê hương, đất nước. Bên cạnh đó, “hiện tượng phô trương, lãng phí trong tổ chức lễ hội, xây dựng đền thờ, tượng đài, đúc tượng... nảy sinh từ nhân sinh quan tiêu cực, lệch lạc đã dẫn đến tâm lý kèn cựa, kích thích thói đồ kỵ, ghen ghét, ích kỷ, háo danh của con người ngay trong cả lĩnh vực linh thiêng”[19; tr.88-89].

Thứ tư, nếu như trước đây quan niệm của con người đến tham dự lễ hội là để tỏ lòng thành kính, biết ơn, tưởng nhớ công lao to lớn của các vị anh hùng, người có công, để từ đó nuôi dưỡng tình cảm tốt đẹp, lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự nhủ với lòng mình phải cố gắng phấn đấu vươn lên, sống thật tốt, có trách nhiệm với mọi người, cố gắng làm việc thật tốt để phát triển quê hương, đất nước không phụ lòng với tiền nhân, những người đã hy sinh bản thân để mình có được cuộc sống tốt đẹp. Thì hiện nay họ coi những người được tôn thờ, tưởng nhớ cũng phải có trách nhiệm đối với thế hệ hôm nay, họ phó thác sinh mạng, cuộc sống của mình vào những lời khấn lễ. Điều này đã hạn chế tính chủ động của con người trong cuộc sống, sinh ra tâm lý trông chờ, ỷ lại, không chịu cố gắng học tập, lao động phấn đấu vươn lên. Đáng buồn hơn, trong đó có một bộ phận cán bộ, đảng viên đến với lễ hội chỉ với mục đích cầu xin thần linh phù hộ, độ trì cho đường quan lộ được thuận lợi, mau thăng quan tiến chức để thu vén lợi ích cá nhân. Khi đã trở thành quan chức, nắm quyền lực trong tay lại có lối sống lệch lạc, tha hóa, đi ngược lại với thuần phong mỹ tục, hại dân, hại nước. Thực trạng này được thể hiện rõ qua công cuộc chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước ta với nhiều vụ đại án kinh tế, tham nhũng, chuyển bay giải cứu, vụ Việt Á....

Theo báo cáo tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012-2022. Trong 10 năm qua, các cơ quan tiến hành tố tụng cả nước đã khởi tố, điều tra 19.546 vụ/33.868 bị can, truy tố 16.699 vụ/33.037 bị can, xét xử sơ thẩm 15.857 vụ/30.355 bị cáo về các tội tham nhũng, chức vụ, kinh tế; trong đó tội phạm về tham nhũng đã khởi tố, điều tra 2.657 vụ/5.841 bị can, truy tố 2.628 vụ/6.199 bị can, xét xử sơ thẩm 2.439 vụ/5.647 bị cáo. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến nay, đã khởi tố, điều tra gần 4.200 vụ/7.572 bị can về các tội tham nhũng, chức vụ, kinh tế (trong đó, các tội về tham nhũng đã

khởi tố, điều tra 455 vụ/1.054 bị can). Riêng Ban Chỉ đạo đã đưa 977 vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm vào diện theo dõi, chỉ đạo ở 3 cấp độ; trong đó Ban Chỉ đạo trực tiếp theo dõi, chỉ đạo 180 vụ án, 133 vụ việc; các cơ quan chức năng đã kết thúc điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm 120 vụ án/1083 bị cáo, có 37 bị cáo nguyên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý. Đặc biệt thời gian gần đây, đã tập trung điều tra, xử lý nghiêm nhiều vụ án tham nhũng, tiêu cực đặc biệt nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn, xảy ra trong lĩnh vực y tế, quản lý, sử dụng đất đai, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp,...[137]. Thực trạng trên đã phản ánh rõ sự xuống cấp nghiêm trọng về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên có quyền cao, chức trọng ở nước ta hiện nay.

Nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm giá trị trân trọng và lòng biết ơn trong các lễ hội truyền thống của người Việt Nam có nhiều nguyên nhân. Trước tiên, sự suy thoái đạo đức trong một bộ phận xã hội, đặc biệt là cán bộ và đảng viên, đã tạo ra những tấm gương xấu. Nhiều hành vi lợi dụng tín ngưỡng để trục lợi làm mất đi tính thiêng liêng và giá trị nguyên bản của lễ hội.

Thêm vào đó, áp lực từ nền kinh tế thị trường và xu hướng thương mại hóa đã biến các nghi lễ trở thành công cụ giao dịch vật chất thay vì không gian tôn vinh tinh thần. Nhiều người tham gia lễ hội với tâm lý cầu lợi, thiếu sự thành kính, mong chờ phù hộ thay vì tự nỗ lực vươn lên.

Ngoài ra, sự quản lý lỏng lẻo của cơ quan chức năng đối với việc tổ chức lễ hội và các hành vi lệch chuẩn đã dẫn đến sự lạm dụng, phô trương, gây lãng phí nguồn lực. Những nguyên nhân này không chỉ làm biến dạng ý nghĩa tốt đẹp của lễ hội mà còn tác động tiêu cực đến quan niệm truyền thống và giá trị sống của người Việt Nam.

3.1.2.3. Thực trạng sự biến đổi tiêu cực quan niệm ước mong, hy vọng có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc

Như đã nói ở phần trên, tất cả các lễ hội truyền thống đều chuyển tải những mong ước, khát vọng của con người trong cuộc sống. Khi điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi, thì nhu cầu, mong muốn, khát vọng của con người cũng thay đổi theo cho phù hợp với thực tế cuộc sống. Trong giai đoạn hiện nay, khi mà nền kinh tế thị

trường ngày càng vận động và phát triển nhanh chóng, con người cũng gia nhập vào guồng quay của cơ chế thị trường, cuộc sống có nhiều thay đổi, con người vồn vã chạy theo những áp lực về đời sống vật chất, các quan hệ lợi ích có xu hướng thay thế các quan hệ đạo đức, tình cảm giữa người với người trong xã hội, chính mong muốn đạt được lợi ích vật chất đã thôi thúc con người tìm ra những phương thức hành động để đạt được hiệu quả nhanh nhất. Điều này đã tạo ra động lực thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển. Nhưng khi con người đặt lợi ích vật chất lên trên hết, là mục đích mà cuộc đời cần phải tìm cách đạt được, thì con người sẽ sử dụng các phương tiện bất chấp đạo lý để đạt được lợi ích vật chất bằng mọi giá, thì nó lại tác động tiêu cực đến đời sống con người và xã hội.

Nếu như trước đây, khi tham gia lễ hội qua việc thực hành những nghi thức, tế lễ, cúng bái cũng như các trò diễn, xướng, múa, hát, ... có ý nghĩa biểu trưng kích lệ tinh thần tạo niềm tin và khát vọng nội tại khiến con người có động lực mạnh mẽ để quyết tâm thực hiện bằng được mong muốn, khát vọng của mình, thì ngày nay, với lối sống thực dụng chạy theo lợi ích vật chất, nên nhiều người đến với lễ hội truyền thống mong được thoả mãn tham vọng lợi ích vật chất. Do đó họ có thể làm bất cứ điều gì có thể làm để nhanh hiện thực hoá được mục đích của mình, dẫn đến những hành vi lệch chuẩn được đưa vào trong sinh hoạt lễ hội. Họ chen nhau vào chón linh thiêng, nơi cung cấm để được gửi gắm, thể hiện những lời thỉnh cầu đối với người được thờ cúng. Thậm chí, họ bất chấp những quy tắc, lễ nghi của đời sống tâm linh, làm hoen ố cả những nơi thuần phong mỹ tục.

Trước đây con người đến với lễ hội truyền thống vì mục đích hướng thiện, cầu cho quốc thái dân an, nhân khang vật thịnh, thì hiện nay ngoài những ý nghĩa trên, trong quan niệm không ít người đến với lễ hội chỉ vì mục đích vụ lợi: được thăng quan tiến chức; nhanh được giàu có; mong được thoát tội, ... từ đó, họ biến những nghi thức tế lễ linh thiêng, biểu trưng cho sinh hoạt văn hoá tốt đẹp của lễ hội truyền thống trở thành các hành vi trần tục, thô thiển, phản văn hoá phục vụ cho tham vọng cá nhân của mình. Từ đây hình thành nên quan niệm sống phó thác, cầu may, trông chờ, ỷ lại, xin cho, thích hưởng thụ mà lười lao động, trông chờ xuất hiện may mắn mà không cố gắng vươn lên trong cuộc sống của một bộ phận người dân.

Ngày nay quan niệm sống thực dụng đã làm tha hoá đạo đức, lối sống của con người. Quan niệm sống thực dụng có khuynh hướng chạy theo lợi ích vị kỷ của cá nhân, chạy theo những ham muốn và tham vọng bất chính, xem lợi ích cá nhân mình là mục đích, còn các thứ khác chỉ là phương tiện để đạt được mục đích tối cao đó, vì lợi ích cá nhân của mình mà xem nhẹ, thậm chí hy sinh lợi ích của người khác, lợi ích của quốc gia, dân tộc, bất chấp mọi đạo lý, thuần phong, mỹ tục, quan hệ đạo đức nhường chỗ cho quan hệ lợi ích, hình thành nên lối sống lạnh lùng, vô cảm, thiếu trách nhiệm theo kiểu “tiền trao, cháo múc”. Chính điều này tạo ra những thách thức không nhỏ trong tiến trình xây dựng đời sống văn hoá tinh thần của xã hội, cũng như cản trở việc xác lập và xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Qua phân tích thực trạng biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống có thể khái quát một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự biến đổi đó.

Nguyên nhân đầu tiên dẫn đến sự biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống chính là sự ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng và lối sống thực dụng, vốn đang dần trở thành mục tiêu sống của không ít người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Lối sống này thâm nhập vào đời sống xã hội Việt Nam qua nhiều con đường, như quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, giao lưu văn hóa, sự phát triển kinh tế thị trường, và sự xa rời các giá trị văn hóa truyền thống. Thực dụng quá mức, đề cao vật chất và lợi ích cá nhân đã khiến các mối quan hệ xã hội ngày càng bị thương mại hóa, làm suy giảm giá trị đạo đức và các quan hệ truyền thống tốt đẹp. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, nhân sinh quan của người Việt Nam qua các lễ hội truyền thống đang có những thay đổi tiêu cực đáng lo ngại. Lễ hội, vốn là không gian để tôn vinh các giá trị văn hóa, tâm linh và tinh thần đoàn kết cộng đồng, nay đang bị biến tướng bởi những tác động của lối sống thực dụng, chạy theo lợi ích cá nhân. Điều này dẫn đến việc xem nhẹ, thậm chí làm biến tướng các giá trị truyền thống cốt lõi trong nhân sinh quan của người Việt Nam, như lòng yêu nước, tự hào dân tộc, đoàn kết, bác ái, kính trọng, biết ơn, hay khát vọng cống hiến. Những giá

trị từng được tôn vinh qua lễ hội truyền thống đang dần mất đi ý nghĩa sâu sắc trong đời sống hiện đại.

Trong bối cảnh đất nước đang trong quá trình phát triển, sự phát triển kinh tế - xã hội đã kéo theo nhiều vấn đề tiêu cực không mong muốn như nạn tham nhũng, làm giàu bất chính, phân hóa giàu nghèo sâu sắc, bất bình đẳng gia tăng, và sự trâm trọng của các tệ nạn xã hội. Những vấn đề này không chỉ tác động mạnh mẽ đến tâm tư, tình cảm mà còn ảnh hưởng đến lối sống của con người, đặc biệt là tầng lớp yếu thế trong xã hội. Hệ quả là niềm tin bị suy giảm, ý chí và khát vọng vươn lên trong cuộc sống bị phai nhạt, dẫn đến tâm lý trông chờ vào may rủi, mê tín dị đoan, và sự thực dụng, vụ lợi cá nhân. Điều này còn tạo cơ hội cho những hành vi buôn thần bán thánh, lợi dụng niềm tin và sự thành kính của người khác trong sinh hoạt lễ hội để trục lợi cá nhân.

Bên cạnh đó, một nguyên nhân quan trọng khác là sự đứt gãy trong quá trình chuyển giao các giá trị nhân sinh quan từ truyền thống đến hiện đại. Các giá trị nhân sinh quan truyền thống không kịp thích nghi với những thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện đại, trong khi các giá trị mới vẫn đang trong giai đoạn hình thành, chưa được củng cố vững chắc. Điều này đã dẫn đến những lệch chuẩn và sự đảo lộn trong nhận thức, làm biến dạng các giá trị truyền thống trong các lễ hội. Chính sự mất cân bằng này đã góp phần làm thay đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam, đặc biệt là qua các lễ hội truyền thống.

Các thiết chế xã hội, các mô tế bào cơ bản như gia đình, làng xã không còn là môi trường giáo dục có hiệu quả các giá trị nhân sinh quan truyền thống. Mặt khác, gia đình, nhà trường, xã hội cũng không còn giữ vai trò quan trọng trong việc giám sát, uốn nắn, điều chỉnh hành vi lệch chuẩn của các cá nhân, thêm vào đó, khoảng cách thế hệ, sự rạn nứt trong các mối quan hệ giữa người với người, sự tiếp thu xô bồ không có chọn lọc văn hóa ngoại lai dẫn tới những ứng xử bất chấp cả chuẩn mực đạo lý lẫn chuẩn mực pháp lý. Đây cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến thực trạng sự biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống vừa phân tích ở trên.

3.1.3. Dự báo xu hướng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống trong thời gian tới

Dự báo sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống trong thời gian tới có thể thấy được qua một số xu hướng sau:

Thứ nhất, trong tương lai, nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống có thể sẽ ngày càng đa dạng hơn, với sự kết hợp giữa các giá trị truyền thống và hiện đại. Cùng với việc tiếp tục coi trọng và duy trì các giá trị nhân sinh quan truyền thống là việc tiếp biến những giá trị mới làm phong phú hơn nhân sinh quan tích cực, tiến bộ của người Việt Nam nói chung, nhân sinh quan của người Việt Nam trong lễ hội truyền thống nói riêng.

Thứ hai, với sự thay đổi mạnh mẽ của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là sau gần 40 năm đổi mới, những giá trị nhân sinh quan của của người Việt Nam nói chung, nhân sinh quan của người Việt Nam trong lễ hội truyền thống nói riêng sẽ tiếp tục thay đổi cùng với sự thay đổi những giá trị tích cực trong đời sống tinh thần, tư tưởng của người Việt Nam trong quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhân sinh quan tích cực, tiến bộ của những người cách mạng sẽ làm biến đổi tích cực nhân sinh quan của của người Việt Nam nói chung, nhân sinh quan của người Việt Nam trong lễ hội truyền thống nói riêng.

Thứ ba, công nghệ và truyền thông xã hội sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua các lễ hội truyền thống. Các lễ hội có thể được truyền tải qua các nền tảng kỹ thuật số, sẽ mở rộng phạm vi tiếp cận đến nhiều đối tượng hơn, bao gồm cả người Việt Nam ở nước ngoài và các thế hệ trẻ ít tiếp xúc với truyền thống. Tuy nhiên, điều này cũng có thể làm giảm đi sự kết nối trực tiếp và ý nghĩa sâu xa của các giá trị nhân sinh quan tích cực qua lễ hội truyền thống.

Thứ tư, với sự gia tăng của du lịch quốc tế và hội nhập toàn cầu, lễ hội truyền thống của Việt Nam có thể sẽ thu hút sự quan tâm nhiều hơn từ cộng đồng quốc tế. Điều này có thể mang lại cơ hội quảng bá những giá trị tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống ra thế giới, nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa trước sự ảnh hưởng của các yếu tố ngoại lai.

Thứ năm, việc giáo dục, định hình nhân sinh quan tích cực, tiến bộ của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống sẽ theo xu hướng tích cực của thời đại, bao gồm cả tính phổ biến và tính đặc thù, phù hợp với tính đa dạng, phong phú của xã hội hiện đại.

Nhìn chung, sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống trong thời gian tới sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như sự phát triển kinh tế - xã hội, tác động của công nghệ, quá trình toàn cầu hóa và vai trò của giáo dục văn hóa, đạo đức. Điều quan trọng là phải tìm cách cân bằng giữa việc bảo tồn giá trị nhân sinh quan truyền thống và thích ứng với những thay đổi của thời đại, để các giá trị tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống vẫn giữ được bảo lưu, giữ gìn và mang nhiều ý nghĩa trong xã hội Việt Nam hiện đại.

3.2. VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

3.2.1. Nhận thức về việc nội dung, phương thức bảo tồn, phát huy các giá trị của lễ hội truyền thống chưa thống nhất

Hiện nay vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị của lễ hội truyền thống ở Việt Nam đang gặp phải nhiều thách thức, trong đó có việc thiếu sự thống nhất về nhận thức và phương thức thực hiện. Điều này được thể hiện ở một số điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, chưa có sự thống nhất trong nhận thức về các giá trị của lễ hội truyền thống. Việc có được sự nhận thức đúng đắn, thống nhất của các cấp chính quyền, các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu và cộng đồng về nội dung, phương thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá mà lễ hội truyền thống mang lại là hết sức cần thiết và quan trọng trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, góp phần giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ hiểu về lịch sử văn hoá của dân tộc. Từ đó hướng về cội nguồn, bồi đắp thêm lòng yêu quê hương, đất nước, lòng tự tôn, tự hào dân tộc, tạo sự gắn kết trong cộng đồng thành sức mạnh to lớn cùng nhau xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên hiện nay các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý văn hóa, cộng đồng địa phương và các thế hệ khác nhau có những nhận thức khác nhau về các giá trị của lễ hội

truyền thống. Có những người xem lễ hội chủ yếu là sự kiện văn hóa mang tính tín ngưỡng, tâm linh, tôn giáo cần được bảo tồn nguyên vẹn ý nghĩa nguyên gốc vốn có của nó, mà không có sự chọn lọc, kế thừa và đổi mới các giá trị truyền thống cho phù hợp với điều kiện phát triển mới của thực tiễn cuộc sống, không có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Ngược lại có những người cho rằng lễ hội truyền thống cần được thay đổi để phù hợp với thời đại mới, với nhu cầu thực tiễn cuộc sống hôm nay, hướng tới mục đích chính là quảng bá du lịch và phát triển kinh tế địa phương mà ít quan tâm đến việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống mà lễ hội mang lại cho đời sống tinh thần của con người và xã hội. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của lễ hội truyền thống. Trong khi một số quan điểm nhấn mạnh việc bảo tồn nguyên trạng các lễ hội để giữ gìn bản sắc văn hóa, thì lại có những ý kiến cho rằng cần phải cải tiến, bổ sung các yếu tố mới để lễ hội hấp dẫn hơn đối với du khách và phù hợp với nhu cầu giải trí hiện đại.

Thứ hai, phương thức bảo tồn và phát huy các giá trị của lễ hội truyền thống chưa thực sự rõ ràng và thống nhất dẫn đến thiếu những hướng dẫn cụ thể. Hiện nay việc bảo tồn và phát huy các giá trị của lễ hội truyền thống phần lớn dựa vào sự nỗ lực tự phát của các cộng đồng địa phương và sự hỗ trợ từ phía các tổ chức văn hóa. Tuy nhiên không có một khung pháp lý hay hướng dẫn cụ thể, rõ ràng từ các cơ quan quản lý văn hóa về cách thức bảo tồn và phát huy các giá trị của lễ hội truyền thống. Bên cạnh đó sự đa dạng trong cách tiếp cận cũng là một vấn đề rất đáng quan tâm. Mỗi địa phương có cách thức tổ chức, quảng bá và bảo tồn các giá trị của lễ hội khác nhau, theo kiểu mạnh ai nấy làm, mỗi nơi làm một kiểu mà không có sự thống nhất trong cách làm. Điều này đôi khi dẫn đến sự hiểu không đúng hoặc làm sai lệch bản chất văn hóa của lễ hội. Ví dụ: một số nơi vì mục đích kinh doanh du lịch đã thay đổi hoặc lược bỏ các nghi thức truyền thống, khiến cho lễ hội có phần đơn điệu, nghèo nàn về nội dung và mất đi ý nghĩa gốc của nó.

Thứ ba, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của lễ hội truyền thống. Muốn cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của lễ hội truyền thống có hiệu quả trong đời sống văn

hoá tinh thần của xã hội đòi hỏi sự phối hợp của nhiều bên, bao gồm chính quyền địa phương, các nhà nghiên cứu văn hóa, cộng đồng dân cư và các tổ chức du lịch có liên quan. Tuy nhiên thực tế cho thấy, sự hợp tác này thường không được chặt chẽ, thiếu tính đồng bộ, dẫn đến nhiều lễ hội bị biến tướng phục vụ cho mục đích của ai đó hoặc không được bảo tồn đúng cách. Bên cạnh đó ở nhiều nơi, cộng đồng địa phương chưa thực sự ý thức được tầm quan trọng của việc bảo tồn các giá trị văn hoá mà lễ hội truyền thống mang lại. Việc này dẫn đến tình trạng các lễ hội bị mai một, hoặc chỉ được tổ chức qua loa mà không có sự đầu tư đúng mức về cả thời gian lẫn kinh phí.

Thứ tư, vai trò của truyền thông và giáo dục chưa thực sự hiệu quả. Việc giáo dục các giá trị của lễ hội truyền thống trong cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ, chưa được thực hiện một cách hiệu quả. Các trường học, các cơ sở văn hóa chưa có nội dung chương trình giảng dạy cụ thể về các giá trị văn hóa truyền thống. Mặt khác vấn đề truyền thông chưa thực sự đồng bộ, do đó vai trò của truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến các giá trị của lễ hội truyền thống chưa có tính hệ thống, hiệu quả mà còn mang tính rời rạc, thiếu chiến lược toàn diện và nhất quán. Trong khi đó, truyền thông lại đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của lễ hội.

Thứ năm, chưa có một chiến lược tổng thể, thống nhất về bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội truyền thống, bao gồm cả việc bảo tồn các giá trị gốc của lễ hội lẫn việc thúc đẩy các yếu tố mới để phù hợp với nhu cầu của thời đại. Do đó cần có sự thống nhất trong nhận thức và hành động từ các cấp quản lý nhà nước đến cộng đồng địa phương, từ đó tạo ra một cách tiếp cận hệ thống, đồng bộ và toàn diện trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị của lễ hội truyền thống.

Tóm lại việc chưa có nhận thức thống nhất về nội dung và phương thức bảo tồn và phát huy các giá trị của lễ hội truyền thống, đang đặt ra nhiều thách thức trong việc duy trì bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và giao lưu văn hoá hiện nay. Để giải quyết vấn đề này cần có sự đồng lòng, hợp tác của tất cả các bên liên quan, từ chính quyền các cấp, các ngành, đến cộng

đồng dân cư các địa phương, cùng với những chiến lược rõ ràng và hành động thiết thực, hiệu quả.

3.2.2. Nghiên cứu về những giá trị tích cực của lễ hội truyền thống chưa sâu sắc; hình thức giáo dục, tuyên truyền phù hợp để lan tỏa những giá trị nhân sinh quan tích cực của lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội chưa phong phú, sinh động

Việc chưa nghiên cứu sâu sắc về những giá trị tích cực của truyền thống, cũng như thiếu các hình thức giáo dục và tuyên truyền phù hợp để lan tỏa những giá trị nhân sinh quan tích cực của lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội, là một vấn đề đặt ra nhiều thách thức trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn truyền thống trong xây dựng đời sống văn hoá, tinh thần lành mạnh, tiến bộ ở nước ta hiện nay. Điều này được thể hiện qua một số vấn đề nổi bật sau đây:

Thứ nhất, thiếu các nghiên cứu chuyên sâu về những giá trị tích cực của lễ hội truyền thống. Nhiều lễ hội truyền thống chứa đựng những giá trị văn hóa, tinh thần và nhân sinh quan sâu sắc, như tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, lòng biết ơn tổ tiên, lòng biết ơn những người có công xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước, ông tổ làng, tổ nghề, tinh thần đoàn kết cộng đồng dân tộc, lòng khoan dung, bác ái yêu thương, sự tôn trọng thiên nhiên, triết lý sống hài hòa với môi trường. Tuy nhiên các nghiên cứu hiện tại chưa đi sâu phân tích và làm rõ những giá trị này để cộng đồng có thể nhận thức và áp dụng chúng trong đời sống hàng ngày. Bên cạnh đó các nghiên cứu về lễ hội truyền thống thường chỉ tập trung vào khía cạnh văn hóa, lịch sử, hoặc tín ngưỡng mà ít khi kết hợp với các lĩnh vực khác như xã hội học, tâm lý học, hay giáo dục. Điều này dẫn đến cái nhìn chưa toàn diện về tác động tích cực của lễ hội đối với nhân sinh quan và đời sống xã hội. Do đó cần thúc đẩy nghiên cứu liên ngành, khuyến khích và hỗ trợ các nghiên cứu liên ngành về các giá trị văn hoá của lễ hội truyền thống, tập trung vào việc phân tích và làm rõ các giá trị nhân sinh quan mà các lễ hội mang lại. Điều này giúp cung cấp cơ sở khoa học cho việc bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội, cũng như góp phần lan tỏa những giá trị nhân sinh quan tích cực của lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội.

Thứ hai, chưa có hình thức giáo dục, tuyên truyền phù hợp để lan tỏa những giá trị nhân sinh quan tích cực của lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội. Hiện nay nhiều người tham gia lễ hội thiếu hiểu biết về ý nghĩa thực sự của lễ hội và các nghi thức truyền thống. Việc chưa có chương trình giáo dục và tuyên truyền phù hợp làm cho người dân, đặc biệt là giới trẻ, không hiểu được giá trị văn hóa, nhân sinh quan tích cực của lễ hội. Một số người do thiếu hiểu biết hoặc bị ảnh hưởng bởi những thông tin sai lệch, cho rằng lễ hội chỉ là nơi để vui chơi, giải trí, hoặc cầu xin những điều may mắn, vật chất mà không nhận ra ý nghĩa sâu xa về tinh thần và văn hóa mà lễ hội mang lại.

Mặt khác vì chưa có hình thức giáo dục phù hợp, nên các chương trình giáo dục về những giá trị nhân sinh quan tích cực trong lễ hội truyền thống mang tính lý thuyết, thiếu sự kết nối với thực tế, mọi người dân và nhất là thế hệ trẻ không có nhiều cơ hội trải nghiệm, tìm hiểu sâu về các lễ hội thông qua các hoạt động thực tế, tham gia trực tiếp, hoặc qua các phương pháp giáo dục tương tác. Bên cạnh đó có rất ít tài liệu giáo dục, sách hướng dẫn hay các chương trình học chuyên biệt về lễ hội truyền thống và các giá trị nhân sinh quan mà chúng mang lại. Việc này khiến cho giáo viên, học sinh và cộng đồng khó có được một cách hiểu toàn diện và sâu sắc về các giá trị của nhân sinh quan tích cực mà lễ hội truyền thống mang lại. Do đó cần phải xây dựng các chương trình giáo dục gắn với thực tế, sử dụng các phương pháp giáo dục hiện đại như học tập dựa trên dự án, học tập trải nghiệm giúp mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ tiếp cận và hiểu sâu hơn về các giá trị nhân sinh quan tích cực của lễ hội truyền thống.

Các hình thức tuyên truyền về giá trị nhân sinh quan tích cực của lễ hội truyền thống thường thiếu tính sáng tạo và không hấp dẫn mọi tầng lớp nhân dân, nhất là giới trẻ. Thay vì sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại, mạng xã hội hay các kênh giải trí mà giới trẻ ưa thích, việc tuyên truyền vẫn chủ yếu dựa vào các phương thức truyền thống như bài phát biểu, sách báo, hoặc tờ rơi. Bên cạnh đó nhiều hoạt động tuyên truyền không nhắm đúng đối tượng cần truyền tải thông điệp, đặc biệt là giới trẻ. Thay vì tập trung vào cách giới thiệu giá trị nhân sinh quan của lễ hội truyền thống một cách sinh động và dễ hiểu, nhiều chiến dịch lại mang tính

giáo điều, khô khan. Do đó cần sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại, mạng xã hội, video, và các ứng dụng di động để tuyên truyền về giá trị nhân sinh quan tích cực của lễ hội truyền thống. Cần có những chiến dịch truyền thông sáng tạo, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là giới trẻ.

Thứ ba, chưa tận dụng hết tiềm năng của lễ hội trong giáo dục nhân sinh quan tích cực. Thiếu sự lồng ghép giá trị truyền thống trong các hoạt động cộng đồng. Các lễ hội truyền thống có tiềm năng lớn trong việc giáo dục nhân sinh quan tích cực thông qua các hoạt động cộng đồng, các nghi thức văn hóa, và các câu chuyện dân gian. Tuy nhiên việc lồng ghép các giá trị này vào các hoạt động xã hội, cộng đồng hiện đại vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, chưa khai thác được tiềm năng của công nghệ. Công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông, có thể là công cụ đắc lực để lan tỏa các giá trị truyền thống. Tuy nhiên việc áp dụng công nghệ vào việc giới thiệu, quảng bá và giáo dục về các giá trị nhân sinh quan tích cực của lễ hội truyền thống còn chưa được chú trọng. Do đó cần phải kết hợp lễ hội với các hoạt động xã hội hiện đại. Tích cực lồng ghép các giá trị nhân sinh quan tích cực của lễ hội truyền thống vào các hoạt động xã hội, giáo dục và cộng đồng, giúp chúng trở nên gần gũi và dễ áp dụng hơn trong đời sống hàng ngày.

Tóm lại, để bảo tồn và lan tỏa những giá trị nhân sinh quan tích cực của lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội, cần có sự kết hợp giữa nghiên cứu khoa học, giáo dục, tuyên truyền và thực hành cộng đồng. Chỉ khi có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan, chúng ta mới có thể bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống một cách bền vững và hiệu quả.

3.2.3. Công tác quản lý lễ hội còn nhiều bất cập làm nảy sinh những tiêu cực về nhân sinh quan trong lễ hội truyền thống

Công tác quản lý lễ hội truyền thống ở Việt Nam hiện nay đang gặp nhiều bất cập, dẫn đến những hậu quả tiêu cực không chỉ trong việc tổ chức lễ hội mà còn ảnh hưởng đến nhân sinh quan và giá trị văn hóa của cộng đồng.

Hiện nay mặc dù đã có một hệ thống văn bản quy định về công tác quản lý lễ hội. Nhưng nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý lễ hội từ cấp trung ương đến cấp cơ sở đôi khi còn lúng túng trong quản lý, điều hành các hoạt động tổ chức lễ hội. Bên

cạnh đó các văn bản hướng dẫn trong việc thực hiện tổ chức và quản lý lễ hội còn chậm và chông chéo, chính những người nắm quyền quản lý, điều hành tổ chức lễ hội còn chưa hiểu hết những giá trị và ý nghĩa lịch sử của lễ hội mà mình đang quản lý thì khó có thể phát huy hết bản sắc vốn có của lễ hội.

Từ thực tế đó nổi lên một số vấn đề liên quan đến những bất cập trong quản lý lễ hội và các tiêu cực mà chúng gây ra, làm nảy sinh những tiêu cực về nhân sinh quan trong lễ hội truyền thống. Và quan trọng hơn là, từ thực tế đó đã tác động làm thay đổi suy nghĩ, tâm tư, tình cảm, tư tưởng quan niệm của người tham gia lễ hội, từ đó hình thành trong họ sự nhận thức lệch lạc, tiêu cực về những giá trị tốt đẹp mà lễ hội truyền thống mang lại cho đời sống tinh thần của xã hội.

Thứ nhất, thương mại hóa và biến tướng lễ hội. Nhiều lễ hội truyền thống đã bị thương mại hóa quá mức, trở thành nơi để bán hàng, kiếm lợi nhuận thay vì tập trung vào các giá trị văn hóa và tâm linh. Các quầy hàng, dịch vụ vui chơi giải trí, và hoạt động thương mại xuất hiện tràn lan, làm mất đi không gian trang nghiêm và ý nghĩa thiêng liêng của lễ hội. Biến tướng nội dung lễ hội. Để thu hút nhiều du khách và tạo doanh thu, một số lễ hội đã thay đổi các nghi thức truyền thống, thêm vào các hoạt động mới không phù hợp với bản sắc lễ hội, làm mất đi giá trị gốc và tính xác thực của các lễ hội này.

Thứ hai, thiếu sự kiểm soát và quản lý hiệu quả. Quản lý lỏng lẻo và thiếu nhất quán. Nhiều lễ hội không được quản lý chặt chẽ, dẫn đến tình trạng hỗn loạn, chen lấn, trộm cắp, và mất an ninh trật tự. Sự lỏng lẻo trong quản lý còn khiến cho các lễ hội trở nên kém tổ chức, thiếu sự nhất quán trong thực hiện các nghi thức và làm giảm đi sự trang nghiêm vốn có của các sự kiện văn hóa này. Bên cạnh đó, thiếu sự kiểm tra và giám sát. Các cơ quan chức năng thường thiếu lực lượng hoặc không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra và giám sát các hoạt động diễn ra trong lễ hội. Điều này đã tạo điều kiện cho một số cá nhân đứng ra tổ chức lễ hội có cơ hội trục lợi từ các hoạt động trong quá trình tổ chức lễ hội, họ tự cho mình cái quyền được ban phát lộc thánh, dẫn đến cảnh xin cho, buôn thần bán thánh ngay trong việc thực hành lễ hội, cũng từ đây mà xuất hiện những trò chơi đồ đen, cờ bạc, may rủi, bói toán, gieo quẻ, mê tín dị đoan. Thiếu quy định trật tự rõ ràng, nghiêm túc, điều này

cũng dẫn đến hiện tượng xô đẩy, chen lấn, cướp giật lộc thánh, ... làm mất đi tính nghiêm trang, linh thiêng của lễ hội. Do đó cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng trong suốt quá trình tổ chức lễ hội, đảm bảo rằng các hoạt động diễn ra một cách trật tự, đúng quy định và không làm mất đi giá trị văn hóa của lễ hội.

Thứ ba, nảy sinh các tiêu cực về nhân sinh quan. Mất đi giá trị nhân văn và đạo đức. Sự thương mại hóa và quản lý yếu kém làm biến tướng lễ hội, khiến cho những giá trị nhân văn, đạo đức của lễ hội bị phai nhạt. Thay vì giáo dục về sự tôn trọng tổ tiên, tinh thần đoàn kết cộng đồng và lòng biết ơn những người có công xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước, làm giàu thêm tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, lòng bác ái, yêu thương, .. thì nhiều lễ hội hiện nay lại khuyến khích những hành vi tranh giành, ích kỷ và thiếu tôn trọng các giá trị văn hoá truyền thống. Bên cạnh đó các hoạt động lễ hội bị thương mại hóa có thể khuyến khích tâm lý vụ lợi, khi người tham gia đến lễ hội không phải để tìm hiểu và trải nghiệm văn hóa mà chỉ để cầu tài, cầu lộc, hoặc tham gia các hoạt động mang tính vụ lợi. Mê tín dị đoan, lợi dụng tâm linh để kiếm tiền cũng là một vấn đề nổi cộm trong các lễ hội hiện nay. Do đó cần tăng cường giáo dục và tuyên truyền về ý nghĩa văn hóa, nhân sinh quan của lễ hội truyền thống. Các hoạt động này nên được thực hiện liên tục và kết hợp với các phương tiện truyền thông hiện đại để nâng cao nhận thức của cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ.

Thứ tư, chưa có chính sách bảo tồn và phát huy rõ ràng. Các chính sách quản lý lễ hội thường thiếu tính chiến lược dài hạn, chỉ tập trung vào việc tổ chức sự kiện mà không chú trọng đến bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Điều này khiến cho lễ hội truyền thống dễ bị biến tướng, không duy trì được các giá trị văn hóa nguyên bản. Do đó cần xây dựng các chính sách quản lý lễ hội truyền thống rõ ràng, cụ thể, bao gồm cả việc bảo tồn giá trị văn hóa, kiểm soát thương mại hóa và đảm bảo an ninh trật tự. Các chính sách này cần được thực hiện một cách nghiêm túc và nhất quán. Bên cạnh đó việc bảo tồn và quản lý lễ hội cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan văn hóa, du lịch, và chính quyền địa phương. Tuy nhiên hiện tại sự phối hợp này còn lỏng lẻo, thiếu sự đồng bộ, dẫn đến việc quản lý lễ hội không hiệu quả

và để phát sinh tiêu cực. Do đó cần khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc bảo tồn và tổ chức lễ hội. Người dân cần được giáo dục và tham gia vào các hoạt động bảo tồn, để họ có thể tự hào về lễ hội truyền thống và có ý thức bảo vệ các giá trị văn hóa.

Tóm lại, để hạn chế những tiêu cực nhân sinh quan trong lễ hội truyền thống, cần có một sự cải cách toàn diện trong công tác quản lý, từ việc xây dựng chính sách rõ ràng đến giáo dục cộng đồng và tăng cường giám sát. Chỉ khi có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan và một chiến lược dài hạn, chúng ta mới có thể ngăn chặn hiệu quả những tiêu cực nhân sinh quan trong lễ hội truyền thống.

Do đó vấn đề đặt ra ở đây là cần phải sớm nghiên cứu, soạn thảo và ban hành bộ quy tắc quản lý và ứng xử trong tổ chức sinh hoạt lễ hội truyền thống thật sự khoa học và phù hợp với tinh thần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc, góp phần vào việc xây dựng và phát triển đất nước trong thời gian tới.

Những vấn đề đặt ra trên cho thấy sự cần thiết phải có những biện pháp để phát huy hiệu quả những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống nhằm góp phần xây dựng đời sống văn hoá, tinh thần, lành mạnh, tiến bộ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh hiện đại.

Tiểu kết chương 3

Trong chương này, nghiên cứu sinh tập trung bàn về một số vấn đề sau:

Thứ nhất, phân tích và làm rõ thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua một số lễ hội truyền thống tiêu biểu trên hai phương diện tích cực và tiêu cực với các nội dung: quan niệm về cuộc sống được biểu hiện ở các khía cạnh như: ý nghĩa, mục đích sống, sống ở đời và làm người; quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mong, hy vọng có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Sau khi phân tích thực trạng, nghiên cứu sinh khái quát một số nguyên nhân của thực trạng biến đổi tích cực và tiêu cực đó. Bên cạnh đó, sau khi phân tích sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, nghiên cứu sinh đưa ra dự báo sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ hai, sau khi khảo sát sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống trên hai phương diện tích cực, tiêu cực và nguyên nhân của thực trạng sự biến đổi đó, nghiên cứu sinh trình bày và phân tích vấn đề đặt ra từ thực trạng sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống như: nhận thức về việc nội dung, phương thức bảo tồn, phát huy các giá trị của lễ hội truyền thống chưa thống nhất; nghiên cứu về những giá trị tích cực của lễ hội truyền thống chưa sâu sắc; hình thức giáo dục, tuyên truyền phù hợp để lan tỏa những giá trị nhân sinh quan tích cực của lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội chưa phong phú, sinh động; Công tác quản lý lễ hội còn nhiều bất cập làm nảy sinh những tiêu cực về nhân sinh quan trong lễ hội truyền thống. Đây là những vấn đề cần tiếp tục nhận thức và giải quyết trong thời gian tới đòi hỏi cần phải có những định hướng và giải pháp khắc phục hiệu quả.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT HUY NHỮNG BIẾN ĐỔI TÍCH CỰC, HẠN CHẾ NHỮNG BIẾN ĐỔI TIÊU CỰC TRONG NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

4.1. QUAN ĐIỂM PHÁT HUY NHỮNG BIẾN ĐỔI TÍCH CỰC, HẠN CHẾ NHỮNG BIẾN ĐỔI TIÊU CỰC TRONG NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

4.1.1. Phát huy biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống phù hợp với hệ giá trị văn hoá, con người Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện đại, việc phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống không chỉ góp phần làm giàu thêm bản sắc dân tộc mà còn tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng con người Việt Nam phù hợp với hệ giá trị văn hóa hiện nay.

Xây dựng, phát triển văn hoá, con người có một vai trò hết sức quan trọng đối với mục tiêu phát triển và tiến bộ xã hội. Bởi lẽ, văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực nội sinh cho sự phát triển bền vững của đất nước. Và xây dựng, phát triển con người toàn diện về mọi mặt là nguồn lực quan trọng, là chủ thể của quá trình phát triển đó. Nhận thức được tầm quan trọng này, Đảng ta luôn chú trọng xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam để đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế và phát triển đất nước hiện nay. Đảng ta khẳng định:

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức và tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội[15; tr.710].

Văn hóa Việt Nam với những giá trị truyền thống lâu đời như lòng nhân ái, tình yêu gia đình, kính trên nhường dưới, hiếu học và tôn trọng người cao tuổi cần được giữ gìn và phát huy. Đồng thời cần tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa tiên bộ từ các quốc gia khác. Văn hóa mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa tập trung vào các giá trị như lao động sáng tạo, học tập suốt đời, đoàn kết, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng lẫn nhau. Việc xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đòi hỏi sự tham gia của mọi tầng lớp trong xã hội, từ gia đình, nhà trường, đến các tổ chức xã hội. Bên cạnh đó, phải đấu tranh chống lại những biểu hiện văn hóa tiêu cực như sự suy thoái đạo đức, lối sống thực dụng, hưởng thụ quá mức, hoặc các hành vi thiếu trách nhiệm với cộng đồng.

Vì vậy, việc phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống phải phù hợp với hệ giá trị văn hoá, con người Việt Nam hiện nay là phải làm sâu sắc thêm, làm giàu hơn và lan toả sâu rộng những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam trong đời sống xã hội như: tình yêu quê hương đất nước, ý chí tự lực, tự cường, lòng tự hào dân tộc, tình đoàn kết cộng đồng, dân tộc, lòng khoan dung, bác ái, yêu thương con người, sẻ chia, giúp đỡ lẫn nhau những lúc hoạn nạn. Đó còn là sự trân trọng, lòng biết ơn, tôn thờ, tưởng nhớ những người có công với đất nước, anh hùng dân tộc... thể hiện sâu sắc đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”; là ước mong, hy vọng có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc, thể hiện khát vọng sống, khát vọng vươn lên làm giàu cho cá nhân, gia đình, cộng đồng xã hội và quê hương, đất nước... phù hợp với những giá trị con người mới Việt Nam có nhân cách, phẩm hạnh đạo đức tốt, có tâm hồn đẹp, tư tưởng trong sáng, tiến bộ, lành mạnh, có lối sống nghĩa tình, hiếu thảo, có lòng nhân ái, khoan dung, lòng biết sâu sắc, có lối sống văn minh, hiện đại, có tinh thần cộng đồng và trách nhiệm xã hội, có tinh thần cầu thị, chăm chỉ lao động, sáng tạo, có ước mơ, hoài bão, thân lập thân..., trở thành nguồn lực quan trọng, là chủ thể thực hiện thành công khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng.

Việc phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống không chỉ giúp bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa

dân tộc cũng như xây dựng và hoàn thiện con người Việt Nam hiện nay mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của xã hội. Khi những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống được phát huy phù hợp với hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam là cơ sở để xây dựng những nhận thức mới, thích ứng với sự thay đổi, vận động liên tục của đời sống xã hội hiện đại.

4.1.2. Định hướng sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với những giá trị chung của nhân loại.

Định hướng sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ quan trọng, nhằm xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam vừa giữ được bản sắc dân tộc, vừa phù hợp với các giá trị chung của nhân loại. Nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống đóng vai trò như một cầu nối để gắn kết quá khứ với hiện tại, đồng thời định hướng tương lai cho sự phát triển của xã hội theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Định hướng sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình nhằm phát triển con người toàn diện, có phẩm chất và năng lực phù hợp với các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội. Điều này bao gồm việc xây dựng các hệ giá trị, chuẩn mực đạo đức và lối sống lành mạnh, tiến bộ, gắn với mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

Định hướng sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống theo định hướng xã hội chủ nghĩa cần tập trung vào các yếu tố: tinh thần yêu nước, đoàn kết dân tộc: nhấn mạnh lòng yêu nước, đoàn kết, gắn bó chặt chẽ giữa các cá nhân và cộng đồng, tương thân tương ái trong cộng đồng cần được tôn vinh và khuyến khích thông qua các nghi lễ và hoạt động của lễ hội. Đây là giá trị cốt lõi giúp người Việt Nam chung sức đồng lòng, bảo vệ và xây dựng đất nước. Do đó, cần khuyến khích mỗi cá nhân đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân, đấu tranh vì một xã hội công bằng, dân chủ, tiến bộ, văn minh và không còn áp bức, bóc lột. Nâng cao ý thức về trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, tôn trọng luật pháp và góp phần vào sự phát triển chung của xã hội. Điều này bao gồm việc tham

gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng, bảo vệ môi trường, và đấu tranh chống lại các tệ nạn xã hội. Tập trung vào việc phát triển con người Việt Nam toàn diện, bao gồm cả thể chất, trí tuệ, đạo đức và thẩm mỹ. Điều này đòi hỏi hệ thống giáo dục và các chính sách văn hóa phải được xây dựng sao cho phù hợp và thúc đẩy sự phát triển toàn diện cá nhân.

Định hướng sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Điều này đòi hỏi sự chung tay của toàn xã hội trong việc xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và phát triển con người Việt Nam toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

4.1.3. Phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống phải đảm bảo tính khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể, kế thừa, phát triển.

Để phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống, cần phải đảm bảo các nguyên tắc quan trọng như tính khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể, kế thừa và phát triển. Đây là những nguyên tắc cơ bản trong việc định hướng sự phát triển văn hóa, tạo ra sự hài hòa giữa giá trị truyền thống và hiện đại, cũng như giữ gìn và phát triển bản sắc dân tộc.

Nhìn một cách khách quan, toàn diện và lịch sử - cụ thể, nhân sinh quan truyền thống của người Việt Nam có một quá trình hình thành và phát triển khá phong phú cùng với sự cố kết của các cộng đồng dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Trong quá trình đó, vấn đề xây dựng, tiếp thu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong các lễ hội nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc luôn được người Việt Nam chú trọng.

Phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống trên cơ sở quan điểm khách quan phù hợp với truyền thống văn hoá và con người Việt Nam trong thời kỳ mới là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình xây dựng nền văn hoá

tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Do đó, một mặt cần phải tôn trọng những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống như: tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự tôn, tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết cộng đồng, tình yêu thương con người, lòng bác ái khoan dung, đùm bọc, sẻ chia, lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước, ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.. Đây là những giá trị văn hoá tốt đẹp được lưu giữ và trao truyền cho đến ngày nay. Khi điều kiện thực tiễn xã hội đã có những thay đổi lớn tác động vào tâm tư, tình cảm, suy nghĩ, cách sống, thái độ sống của con người hiện tại thì những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp mà lễ hội mang lại có tác dụng cổ vũ, định hướng, làm kim chỉ nam cho con người hành động để đạt được một đời sống tinh thần lành mạnh, hiện đại, văn minh. Bên cạnh đó cũng cần thấy rằng, khi phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam được thể hiện qua lễ hội truyền thống phù hợp với nhu cầu của đời sống hiện thực, thì cần chú trọng phát triển và làm giàu thêm giá trị và ý nghĩa mà nó mang lại. Tuy nhiên, trong quá trình bảo tồn và phát huy những biến đổi tích cực đó cũng cần phải cân nhắc, xem xét thật kỹ lưỡng trước khi triển khai trong thực tiễn đời sống xã hội để tránh khuynh hướng quá đề cao, thổi phồng các giá trị truyền thống dẫn đến tôn kém trong việc bảo tồn và phát huy, ảnh hưởng đến đời sống vật chất và tinh thần xã hội.

Mặt khác khi hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống như lối sống thực dụng, sùng bái đồng tiền, háo danh, ích kỷ, vụ lợi, lợi dụng sinh hoạt lễ hội để buôn thần bán thánh, thương mại hoá lễ hội qua mức..., thì cũng cần phải lưu ý rằng, sự biến đổi theo chiều hướng tiêu cực đó là một tất yếu khách quan do sự biến đổi các điều kiện sống, sinh hoạt của xã hội đã tác động đến tư tưởng, tình cảm, tâm lý làm thay đổi cách sống, lối sống, thái độ sống của con người. Do đó, để hạn chế mặt tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống cần phải giáo dục, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức để mọi người dân hạn chế một cách tối đa những biến đổi tiêu cực nhằm xây dựng đời sống tinh thần xã hội lành mạnh, nhân văn hướng đến Chân - Thiện - Mỹ.

Phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống cần phải quán triệt một cách hệ thống, đồng bộ và toàn diện trên mọi mặt của đời sống xã hội. Bởi lẽ những biến đổi tích cực và tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống đã hình thành quan niệm sống trong tâm thức của người dân, từ đó hình thành thái độ sống, lối sống thông qua các hoạt động, ứng xử của họ trong đời sống xã hội trên các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế, ... do đó sẽ ảnh hưởng đến đời sống toàn thể xã hội.

Mặt khác việc phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống cũng cần lưu ý đến những giá trị cốt lõi, cơ bản, chủ đạo trong nhân sinh quan của người Việt Nam, tránh phát huy dàn trải, không có trọng tâm, trọng điểm dẫn đến mất thời gian, tốn kém mà không hiệu quả. Việc phát huy và làm giàu những mặt, những giá trị cốt lõi đó sẽ có sự định hướng đúng đắn và hiệu quả trong xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh, tiến bộ.

Phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống phải đặt trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng vùng, miền, từng địa phương. Bởi lẽ Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, màu da, tôn giáo và nhiều vùng, miền khác nhau, do đó, các loại hình lễ hội truyền thống cũng rất đa dạng và phong phú, phản ánh phong tục, tập quán, đời sống tâm linh, tín ngưỡng của nhiều vùng, miền, tộc người khác nhau. Trong các vùng, miền khác nhau đó, trình độ nhận thức của người dân, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cũng rất khác nhau, sự khác nhau mọi mặt của đời sống xã hội tất yếu sẽ dẫn đến cách nghĩ, cách làm, lối sống của người dân ở các vùng, miền sẽ khác nhau. Vì vậy, cần phải nghiên cứu thật kỹ, thật cụ thể tâm lý, phong tục tập quán, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, miền, địa phương để phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực, một cách phù hợp và hiệu quả cho từng vùng, miền.

Mặt khác, việc phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống phải dựa trên

nguyên tắc kế thừa và phát triển. Bởi lẽ đây là một trong những nguyên tắc quan trọng trong việc phát huy, bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Hiện nay, đây là một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước Việt Nam, được đề cập trong nhiều văn bản quan trọng, đặc biệt từ Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII. Trong đó xây dựng nền văn hóa mà tính tiên tiến và bản sắc dân tộc được hòa quyện, gắn bó hữu cơ trong các yếu tố cấu thành của nền văn hóa, đảm bảo tính kế thừa và phát triển, vừa giữ gìn các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đảm bảo tính mở, tiếp thu tinh hoa của văn hóa nhân loại. Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc.

Để phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống có hiệu quả dựa trên nguyên tắc kế thừa và phát triển, cần phải kế thừa và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, làm mới các giá trị văn hoá truyền thống phù hợp với đời sống xã hội trong bối cảnh mới. Giữ gìn được bản sắc văn hoá dân tộc chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, tạo nên sức mạnh nội sinh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính bản sắc văn hoá là hồn cốt của một dân tộc, là sự đảm bảo cho dân tộc đó được trường tồn. Mặt khác, phải kế thừa những giá trị tinh hoa văn hoá của nhân loại để làm giàu và phát triển các giá trị nhân sinh quan tích cực của người Việt Nam lên một trình độ mới cao hơn, văn minh hơn, hiện đại hơn, góp phần quan trọng vào quá trình hội nhập và phát triển đất nước tránh nguy cơ tụt hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Quán triệt tốt nguyên tắc này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp hài hòa giữa kế thừa và phát triển, đảm bảo rằng những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống được duy trì và phát huy, đồng thời những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống được kiểm soát và hạn chế một cách tối đa.

Việc phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống đòi hỏi phải đảm bảo tính khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể, kế thừa và phát triển. Đây là quá trình vừa tôn vinh, bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc, vừa đổi mới và thích ứng với các yêu cầu của xã hội hiện đại. Chỉ khi đạt được sự cân bằng giữa kế thừa và phát triển, những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống mới thực sự góp phần vào việc xây dựng hệ giá trị văn hoá và con người Việt Nam thời kỳ mới.

4.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT HUY NHỮNG BIẾN ĐỔI TÍCH CỰC, HẠN CHẾ NHỮNG BIẾN ĐỔI TIÊU CỰC TRONG NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY QUA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

4.2.1. Nghiên cứu, xác định rõ những biến đổi tích cực và những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống

Nghiên cứu và xác định rõ những biến đổi tích cực và tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống là rất quan trọng, để hiểu được sự thay đổi trong tư tưởng và hành vi của cộng đồng. Lễ hội truyền thống không chỉ là các hoạt động văn hóa mà còn phương thức biểu hiện nhân sinh quan của cá nhân hoặc một cộng đồng người nhất định.

Việc nghiên cứu xác định rõ những biến đổi tích cực và tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, từ đó tuyên truyền, phổ biến, lan toả đến quảng đại quần chúng nhân dân có vai trò hết sức quan trọng trong việc phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực góp phần xây dựng đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, tiến bộ, văn minh là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Thứ nhất, cần phải nghiên cứu, khảo sát kỹ lưỡng để xác định rõ những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống.

Quan niệm về cuộc sống biểu hiện ở tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự tôn, tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết cộng đồng, tình yêu thương con người, sự đùm bọc, sẻ chia, lòng bác ái, khoan dung, trọng nghĩa tình... Thông qua sinh hoạt lễ hội truyền thống (các lễ hội đã được khảo sát ở chương 2 và chương 3 của luận

án) mà quan niệm về cuộc sống được chuyển tải vào trong đời sống thực tiễn bằng những hành động và việc làm cụ thể đáp ứng nhu cầu của đời sống nhân dân, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước giai đoạn hiện nay. Tình yêu quê hương, đất nước là phải đặt lợi ích của Tổ quốc lên trước hết, thực hiện được khát vọng phát triển đất nước. Để thực hiện được khát vọng phát triển đất nước, mọi người phải nêu cao trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với đất nước, con người đến với lễ hội luôn hướng về Tổ quốc, cầu cho quốc thái dân an, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam giàu truyền thống văn hoá tốt đẹp đến với bạn bè khắp năm châu. Thông qua lễ hội mà quan niệm về tình đoàn kết dân tộc được củng cố và phát huy, là sợi dây gắn kết cộng đồng bền chặt hơn, phát huy cao độ tinh thần khoan dung, bác ái yêu thương nhau giữa các cá nhân và cộng đồng dân tộc, tinh thần này đã góp phần rất lớn tạo nên các phong trào thiện nguyện rộng khắp mọi vùng miền đất nước, kịp thời giúp đỡ nhau trong những lúc hoạn nạn khó khăn.

Thông qua lễ hội truyền thống, quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn những người có công với đất nước, các anh hùng dân tộc, tổ làng, tổ nghề có điều kiện được phát huy mạnh mẽ. Có ý nghĩa giáo dục con người Việt Nam hôm nay, nhất là thế hệ trẻ lòng biết ơn sâu sắc các thế hệ ông cha đã dày công vun đắp, không tiếc xương máu để xây dựng, bảo vệ đất nước, từ đó, tạo ra sự gắn kết cộng đồng, phát huy mạnh mẽ khối đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Thông qua lễ hội truyền thống quan niệm về ước mong, hy vọng có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc có điều kiện để phát huy. Đó là khát vọng cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có ý chí vươn lên mạnh mẽ “thân lập thân”, luôn nỗ lực phấn đấu, cần cù trong lao động sản xuất, lấy sự thành đạt của cá nhân làm thước đo cho sự thành công trong cuộc sống. Với khát vọng sống phồn vinh đó đã hun đúc ở con người Việt Nam tính tự chủ, tự lực, tự cường làm giàu cho cá nhân, gia đình, quê hương, đất nước.

Trên đây là những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống. Những giá trị tốt đẹp này cần phải được tuyên truyền, lan toả đến mọi người dân Việt Nam để củng cố và phát huy mạnh mẽ trong xây dựng đời sống văn hoá, tinh thần xã hội hiện nay.

Để phát huy những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, việc nghiên cứu và khảo sát kỹ lưỡng là bước quan trọng giúp xác định rõ những tác động tích cực của lễ hội đối với nhân sinh quan trong bối cảnh xã hội hiện đại. Điều này không chỉ giúp bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống mà còn góp phần nâng cao ý thức cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội. Do đó, cần thực hiện:

Một là, cần tổ chức các nghiên cứu, khảo sát về tác động của lễ hội đối với nhân sinh quan của người tham gia. Các cuộc khảo sát này có thể bao gồm việc thu thập ý kiến của các tầng lớp dân cư, đặc biệt là giới trẻ, nhằm hiểu rõ cách thức lễ hội ảnh hưởng đến nhận thức, tư tưởng và lối sống của họ. Việc phân tích những yếu tố tích cực như sự kết nối cộng đồng, lòng biết ơn tổ tiên, và các giá trị tinh thần sẽ giúp làm nổi bật tầm quan trọng của lễ hội trong việc duy trì và phát huy nhân sinh quan tích cực.

Hai là, kết hợp với các chuyên gia nghiên cứu văn hóa và xã hội để phân tích các xu hướng biến đổi trong nhân sinh quan qua lễ hội. Các nghiên cứu này cần đi sâu vào việc làm rõ sự thay đổi trong nhận thức của người dân về các giá trị như lòng trung thành, tình yêu quê hương, và sự tôn trọng truyền thống. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu xem lễ hội có đang tạo ra một môi trường thuận lợi để người dân phát triển các phẩm chất tích cực như đoàn kết, sẻ chia và trách nhiệm xã hội hay không.

Ba là, khảo sát các yếu tố tác động đến sự biến đổi tích cực và tiêu cực trong việc tổ chức lễ hội, từ đó đề xuất các biện pháp khắc phục. Các nghiên cứu này có thể chỉ ra những yếu tố cần được điều chỉnh hoặc cải tiến, chẳng hạn như việc loại bỏ các nghi thức lệch lạc, giảm thiểu những hành vi tiêu cực như tham lam, phô trương, hoặc lạm dụng thương mại hóa lễ hội. Điều này giúp bảo vệ tính thiêng liêng và bản sắc văn hóa của lễ hội, đồng thời đảm bảo rằng những giá trị tích cực vẫn được bảo tồn và phát huy.

Bốn là, kết quả từ các nghiên cứu và khảo sát này sẽ là cơ sở để xây dựng các chương trình giáo dục và tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò của lễ hội trong việc hình thành nhân sinh quan tích cực. Các cơ quan chức năng cần phối hợp với các tổ chức văn hóa, giáo dục để triển khai các hoạt động

truyền thông, tổ chức các cuộc hội thảo, triển lãm về lễ hội truyền thống, từ đó thúc đẩy sự nhận thức đúng đắn và tích cực về giá trị của lễ hội trong cuộc sống hiện đại.

Việc nghiên cứu và khảo sát kỹ lưỡng là một giải pháp thiết yếu giúp xác định rõ những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt qua lễ hội truyền thống, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong xã hội đương đại.

Thứ hai, nghiên cứu, xác định rõ những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống.

Trong quan niệm về cuộc sống. Qua sinh hoạt lễ hội truyền thống không ít người có biểu hiện đặt lợi ích của cá nhân, phe nhóm lên trên lợi ích cộng đồng, quốc gia dân tộc. Quan niệm về sự gắn kết cộng đồng chặt chẽ cũng dẫn đến tình trạng núp kéo lẫn nhau, sinh ra thói đố kỵ, ganh ghét, chia bè, kết cánh thiếu sự hiệp thông trong xây dựng và phát triển cuộc sống.

Quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn những người có công với đất nước, các anh hùng dân tộc, tổ làng, tổ nghề. Trong quan niệm sống của nhiều người lợi dụng sự tôn thờ, tưởng nhớ người có công để trục lợi cá nhân, phe nhóm, mà thiếu đi sự thành kính, tôn thờ làm hoen ố những giá trị truyền thống tốt đẹp. Quan sát lễ hội chúng ta thấy đoàn người giẫm đạp lên nhau để cướp lộc thánh, làm mất đi sự tôn kính thần linh. Qua đó thể hiện quan niệm sống thực dụng, tham lam, háo danh ngay trong sinh hoạt lễ hội.

Quan niệm về ước mong, hy vọng có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc, đã xuất hiện lối sống thực dụng, chạy theo lợi ích vật chất, xem đồng tiền là mục đích sống cao nhất, lợi dụng sinh hoạt lễ hội để thỏa mãn tham vọng bất chính của cá nhân.

Những quan niệm sống vừa nêu trên thể hiện sự biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, cần phải được nhận diện kịp thời. Trên cơ sở đó tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân, để ngăn ngừa, khắc phục hiệu quả trong đời sống xã hội, hướng đến xây dựng một đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, tiến bộ, văn minh.

Nghiên cứu và nhận thức rõ những biến đổi tích cực và tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống là rất cần thiết để có

các biện pháp bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc một cách bền vững. Điều này đòi hỏi sự chung tay của toàn xã hội, từ các cơ quan quản lý, các nhà nghiên cứu văn hóa, cho đến cộng đồng dân cư và cá nhân mỗi người dân. Chỉ khi nào tất cả các thành phần trong xã hội cùng nhau gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và ngăn chặn các biến đổi tiêu cực, chúng ta mới có thể xây dựng một nhân sinh quan tiên bộ, lành mạnh cho người Việt Nam trong bối cảnh hiện đại.

Với những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, việc nghiên cứu và xác định rõ các yếu tố tiêu cực là rất quan trọng. Đây là cơ sở để có thể đưa ra những giải pháp hiệu quả nhằm khắc phục và điều chỉnh các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức lễ hội, đồng thời bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống một cách đúng đắn và bền vững. Do đó, cần thực hiện:

Một là, cần thực hiện các nghiên cứu, khảo sát về sự biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người tham gia lễ hội. Các cuộc khảo sát này cần tập trung vào việc tìm hiểu những tác động tiêu cực của lễ hội đối với hành vi và suy nghĩ của người dân, đặc biệt là các thế hệ trẻ. Điều này giúp xác định các vấn đề như sự vật chất hóa các nghi lễ, tâm lý cầu lợi, hoặc sự suy giảm lòng tôn kính đối với các giá trị tâm linh. Việc hiểu rõ các nguyên nhân gốc rễ của những thay đổi này sẽ giúp xác định được các giải pháp cụ thể.

Hai là, kết hợp với các chuyên gia nghiên cứu văn hóa và xã hội để phân tích các yếu tố tác động đến sự biến đổi tiêu cực trong lễ hội. Các chuyên gia có thể giúp chỉ ra những xu hướng tiêu cực đang nổi lên, chẳng hạn như việc lợi dụng lễ hội để cầu tài lộc, thăng quan tiến chức, hay hiện tượng phô trương, lãng phí trong tổ chức lễ hội. Những yếu tố này không chỉ làm mất đi tính linh thiêng của lễ hội mà còn phản ánh sự xuống cấp trong đạo đức xã hội.

Ba là, cần nghiên cứu các giải pháp giáo dục và tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về những tác hại của những hành vi tiêu cực trong lễ hội. Các chương trình này cần tập trung vào việc khôi phục lại giá trị tinh thần của lễ hội, nhấn mạnh vai trò của lễ hội trong việc nuôi dưỡng nhân cách, đạo đức và ý thức cộng đồng. Đồng thời, việc tuyên truyền về tầm quan trọng của việc bảo vệ sự thiêng liêng của lễ hội sẽ giúp hạn chế các hành vi lệch lạc.

Bốn là, cần có sự can thiệp của các cơ quan chức năng trong việc quản lý, giám sát các lễ hội truyền thống. Các cơ quan này cần thiết lập các quy định, hướng dẫn rõ ràng về việc tổ chức lễ hội, đặc biệt là các lễ hội lớn, để tránh tình trạng lạm dụng, thương mại hóa hoặc gây lãng phí. Sự giám sát chặt chẽ của nhà nước và các tổ chức xã hội sẽ giúp kiểm soát những hành vi sai lệch, đồng thời đảm bảo lễ hội luôn giữ được bản chất thiêng liêng và truyền thống của nó.

Kết quả từ các nghiên cứu và khảo sát này sẽ là cơ sở để đề xuất các giải pháp sửa đổi, cải tiến trong việc tổ chức lễ hội. Điều này sẽ giúp giảm thiểu các biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người tham gia lễ hội và hướng tới sự phát triển lành mạnh, bền vững của văn hóa lễ hội trong xã hội hiện đại.

Nghiên cứu và xác định rõ những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan qua lễ hội truyền thống là bước quan trọng để đưa ra các giải pháp hiệu quả nhằm bảo vệ giá trị văn hóa, đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực đối với xã hội.

4.2.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân về việc phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, cần có những chiến lược và giải pháp cụ thể, hiệu quả. Đây là một quá trình liên tục đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng.

Để nâng cao nhận thức cho người dân về những biến đổi tích cực và nhận diện để hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay thể hiện qua lễ hội truyền thống chúng ta cần chú ý một số vấn đề sau:

Một là, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay thể hiện qua lễ hội truyền thống.

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ hiểu rõ về giá trị của những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay thể hiện qua lễ hội truyền thống là những cái tốt, cái tiến bộ cần

phải được lưu giữ và phát huy mạnh mẽ trong đời sống của mỗi một cá nhân, cộng đồng, dân tộc, quốc gia.

Ngày xưa yêu nước là trung với vua, với bề trên thì bây giờ là phải “*trung với nước, hiếu với dân*” (Hồ Chí Minh), mỗi cá nhân tự lực phấn đấu, rèn luyện, học tập, cần cù lao động sáng tạo làm giàu cho bản thân, cho quê hương, đất nước, quảng bá hình ảnh quê hương, đất nước và con người Việt Nam đến với bạn bè trên thế giới. Ngày xưa yêu nước là ra trận đánh đuổi kẻ thù giành độc lập, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, mở rộng bờ cõi, cống hiến thật nhiều cho đất nước, thì ngày nay yêu nước còn là làm cho vị thế, uy tín của đất nước ngày càng cao trên trường quốc tế, hy sinh cống hiến cho lợi ích quốc gia, đặt lợi ích quốc gia lên trên hết và phải phù hợp với lợi ích quốc tế.

Ngày xưa trân trọng, biết ơn vua, những người có công với quê hương, đất nước, tổ nghề, ...thì ngày nay còn phải biết ơn các anh hùng liệt sĩ, các mẹ Việt Nam anh hùng, những người có công với cách mạng, gia đình chính sách, biết ơn người cao tuổi.

Cần tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của mỗi tầng lớp nhân dân có khát vọng phát triển đất nước, khát vọng thân lập thân, tôn trọng thành quả lao động, tinh thần đoàn kết, bác ái yêu thương nhau, tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường, phát huy cao độ lòng tự tôn dân tộc trong xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

Nhận thức và hiểu rõ những giá trị biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam vừa nêu trên, mọi người sẽ có cách thức và biện pháp để phát huy hiệu quả trong đời sống của họ, ở mỗi vị trí, địa vị, vai trò của từng người trong xã hội sẽ có cách làm phù hợp, lan toả những giá trị tốt đẹp đó trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần xây dựng đời sống văn hoá, tinh thần lành mạnh, tiến bộ trở thành động lực nội sinh để phát triển bền vững đất nước.

Hai là, tuyên truyền, giáo dục, định hướng để khắc phục những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam.

Cần phải đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho nhân dân hiểu rõ những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay thể hiện qua lễ hội truyền thống là những cái xấu, cái lạc hậu, cản trở đến

việc xây dựng đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, cản trở sự phát triển đất nước, làm phương hại đến đời sống cá nhân và cộng đồng cần phải hạn chế và khắc phục triệt để.

Cần phải hiểu rõ tư duy cục bộ, địa phương chủ nghĩa, kéo bè kết cánh, lợi ích nhóm, tình trạng tham nhũng, lãng phí, ... ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, làm cho đất nước suy yếu, trở thành lực cản lớn trên con đường phát triển đất nước. Do đó, cần phải nhận diện thật rõ và có biện pháp khắc phục ngay.

Sự trân trọng, lòng biết ơn đối với những người có công dựng nước và giữ nước, các mẹ Việt Nam anh hùng, các anh hùng liệt sĩ thể hiện qua những phong trào đền ơn, đáp nghĩa, ... nhưng cũng phải thiết thực, hiệu quả tránh việc đốt vàng mã tốn kém hàng chục, thậm chí cả trăm triệu đồng, vừa gây ô nhiễm môi trường, vừa lãng phí cho cá nhân, gia đình và xã hội.

Cần phải hạn chế, khắc phục lối sống thực dụng làm tha hóa con người, khơi dậy những ham muốn bản năng, như hành động cướp giật “lộc thánh” trong lễ hội, buôn thần, bán thánh ngay trong chốn linh thiêng, biến lễ hội thành nơi kinh doanh kiếm chác lợi lộc một cách thô lỗ làm mất đi những giá trị tốt đẹp của lễ hội truyền thống. Khi lối sống thực dụng trở thành mục đích duy nhất, tất yếu dẫn đến sự chiếm đoạt vật chất, bất chấp đạo lý và luật pháp. Lối sống thực dụng là cơ sở của sự chạy theo những tham vọng bất chính, những điều kiện và phương thức sống thiếu lành mạnh, thỏa mãn những nhu cầu vật chất tầm thường, làm suy thoái phẩm chất, đạo đức cán bộ và người dân. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn tới những tệ nạn xã hội hiện nay như: tư duy theo kiểu nhiệm kỳ, làm tròn vai, hay những hành vi tham nhũng, tham ô, hối lộ; bất chấp luật pháp, kỷ cương phép nước để thực hiện mục đích làm giàu, buôn bán trái phép; ma túy, mại dâm, ... làm xói mòn đạo đức con người Việt Nam.

Trong đời sống tâm linh, tín ngưỡng cần khắc phục quan niệm đi lễ phải mâm cao cỗ đầy thì thần thánh ban cho nhiều phước lộc, lời cầu nguyện mới linh nghiệm, hay quan niệm “trần sao âm vậy” dẫn đến đốt vàng mã khắp nơi gây ô nhiễm môi trường, lãng phí, tốn kém. Bên cạnh đó, cần khắc phục các hiện tượng mê tín dị đoan, xem bói, xóc quẻ, di cung, hoán số, bốc thăm may rủi, ... diễn ra tràn lan sinh

hoạt lễ hội truyền thống, tác động đến tư tưởng, tình cảm của con người dẫn đến thái độ, cách sống lệch chuẩn làm phương hại đến cộng đồng xã hội.

Việc đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống có vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn và khắc phục những cái xấu, cái lạc hậu tiến tới xây dựng một đời sống văn hoá, đạo đức lành mạnh và tiến bộ.

Để tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống một cách hiệu quả cần thực hiện các biện pháp sau đây:

Xây dựng nội dung tuyên truyền và giáo dục phù hợp.

Xác định rõ giá trị cốt lõi trong nhân sinh quan của người Việt Nam, tuyên truyền cần nhấn mạnh vào các giá trị văn hóa, lịch sử và nhân văn của nhân sinh quan người Việt nam qua lễ hội truyền thống, giúp người dân hiểu rõ và trân trọng ý nghĩa sâu xa của chúng. Các nội dung này phải dễ hiểu, gần gũi và phù hợp với từng đối tượng cụ thể, từ trẻ em đến người lớn tuổi.

Tập trung vào các giá trị tích cực, cần tuyên truyền sâu rộng về những giá trị tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống như tình yêu quê hương, đất nước, tinh thần đoàn kết, lòng khoan dung, bác ái, yêu thương, đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”, ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, khát vọng vươn lên làm giàu cho cá nhân, gia đình, quê hương, đất nước. Đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì và phát huy những giá trị này trong xã hội hiện đại.

Cảnh báo về các biến đổi tiêu cực, nội dung tuyên truyền cũng cần chỉ rõ những biến đổi tiêu cực có thể phát sinh từ việc tổ chức lễ hội như thương mại hóa, mê tín dị đoan và các hành vi thiếu văn hóa. Điều này giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng về những nguy cơ tiềm ẩn và khuyến khích họ tham gia vào việc ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực.

Sử dụng các phương tiện và hình thức tuyên truyền đa dạng.

Truyền thông đại chúng: sử dụng truyền hình, đài phát thanh, báo chí, và các nền tảng truyền thông xã hội như Facebook, YouTube, TikTok để truyền tải các

thông điệp tuyên truyền một cách rộng rãi và hiệu quả. Các chương trình, phóng sự, bài viết và video ngắn có thể giới thiệu về lịch sử, ý nghĩa và giá trị trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống mang lại.

Tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường học: đưa giáo dục văn hóa truyền thống vào chương trình giảng dạy trong các trường học từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông. Các hoạt động này có thể bao gồm việc tổ chức tham quan, học ngoại khóa tại các lễ hội, tổ chức các buổi thuyết trình, hội thảo và cuộc thi tìm hiểu về những giá trị tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống.

Tổ chức các buổi nói chuyện, hội thảo và tọa đàm cộng đồng: tổ chức các buổi nói chuyện, hội thảo với sự tham gia của các chuyên gia văn hóa, các nhà nghiên cứu và cộng đồng để thảo luận và trao đổi về ý nghĩa và giá trị tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống. Đây cũng là dịp để cộng đồng chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau về cách tổ chức và tham gia lễ hội một cách văn minh, an toàn.

Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội và cộng đồng: các tổ chức xã hội, hội phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên và các tổ chức phi chính phủ có thể đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức cho người dân. Những tổ chức này có thể thực hiện các chiến dịch truyền thông, tổ chức các sự kiện và hoạt động giáo dục nhằm thúc đẩy nhận thức và hành động tích cực trong cộng đồng.

Phát triển nội dung giáo dục và đào tạo chuyên sâu.

Xây dựng tài liệu giáo dục về những giá trị tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống: phát triển các tài liệu giáo dục chuyên sâu về những giá trị tích cực trong nhân sinh quan, bao gồm: sách giáo khoa, sách tham khảo, tài liệu số và các khóa học trực tuyến. Những tài liệu này cần được thiết kế một cách khoa học, dễ hiểu, có tính tương tác cao và phù hợp với các đối tượng học sinh, sinh viên và người dân.

Đào tạo cán bộ văn hóa và giáo viên: đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa, giáo viên về kiến thức và kỹ năng giảng dạy về những giá trị tích cực trong nhân

sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, giúp họ trở thành những người hướng dẫn, truyền đạt tốt nhất các giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh và cộng đồng.

Thúc đẩy nghiên cứu khoa học về những giá trị tích cực nhân sinh quan qua lễ hội truyền thống: khuyến khích các nhà nghiên cứu, học giả, sinh viên nghiên cứu về các lễ hội truyền thống, qua đó đóng góp những kiến thức và hiểu biết sâu sắc về văn hóa truyền thống và những biến đổi trong nhân sinh quan của người Việt Nam.

Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và phát huy vai trò của cá nhân.

Phát huy vai trò của người cao tuổi và các bậc lão làng: người cao tuổi và các bậc lão làng thường là những người có kiến thức sâu rộng về các giá trị văn hoá mà lễ hội truyền thống mang lại và là những nhân vật quan trọng trong việc giữ gìn, truyền bá văn hóa. Tạo điều kiện để họ tham gia vào quá trình giáo dục và truyền đạt các giá trị tích cực nhân sinh cho thế hệ trẻ.

Khuyến khích sự tham gia của thanh niên: thanh niên cần được khuyến khích tham gia tích cực vào các hoạt động bảo tồn và phát huy những giá trị tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống. Các chương trình tình nguyện, câu lạc bộ văn hóa và các hoạt động ngoại khóa có thể giúp thanh niên hiểu rõ hơn về văn hóa truyền thống và phát triển ý thức trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc.

Ba là, để công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân hiểu rõ những biến đổi tích cực và tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống, chúng ta cần tăng cường giáo dục ý thức pháp luật cho mọi thành viên trong xã hội.

Giáo dục ý thức pháp luật cho mọi thành viên trong xã hội là một nhiệm vụ có quan hệ khăng khít với việc xây dựng nhân sinh quan mới. Bởi lẽ, khả năng phát huy những biến đổi tích cực và khắc phục, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam không phải tự nhiên mà có, hay được thực hiện một cách tự động, mà cần phải đấu tranh với những biến đổi tiêu cực bằng hình thức pháp luật, buộc cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, lối sống của mình. Cho nên việc xây dựng nhân sinh quan mới là sự kết hợp một cách tổng

thể giáo dục và thi hành pháp luật. Nếu chỉ áp dụng thuần túy phương pháp giáo dục, tuyên truyền sẽ không thắng nổi sức mạnh những biến đổi tiêu cực như lối sống thực dụng, coi trọng đồng tiền bất chấp mọi đạo lý, giẫm đạp lên thuần phong mỹ tục, lối sống lạnh lùng theo kiểu “tiền trao cháo múc”, ... nếu không dựa vào những biện pháp pháp luật sẽ không tác động được đến ý thức công dân, đến lối suy nghĩ của con người trong quá trình xây dựng nhân sinh quan mới và đấu tranh với những hành vi đồi lạc.

Bên cạnh đó, việc coi trọng việc giữ gìn và phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống phải luôn đi liền với coi trọng quản lý đời sống xã hội bằng pháp luật. Bởi lẽ, pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội. Cùng với những giá trị văn hóa truyền thống, đạo đức, pháp luật luôn hướng con người tới hệ giá trị chân - thiện - mỹ, ngăn chặn cái ác, cái xấu (tiêu cực) làm lành mạnh hoá các quan hệ của con người trong xã hội. Do vậy, để giữ gìn và phát huy những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam, cần phải giáo dục ý thức pháp luật cho mọi tầng lớp nhân dân, giúp họ tránh được những hành vi phạm pháp, bất chấp tất cả để kiếm lợi nhuận từ sinh hoạt lễ hội truyền thống, để họ trở thành những công dân sống, làm việc theo pháp luật.

Cần làm cho hệ giá trị đạo đức của con người được bổ sung, hoàn thiện thông qua những giá trị biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam, tuyên truyền sâu rộng trong toàn xã hội và làm cho những giá trị tích cực này trở thành hệ giá trị định hướng trong nhận thức và hành động, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay chúng ta đang hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục nghiên cứu đưa các giá trị biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống vào trong chuẩn mực đạo đức của con người mới cũng như vào các văn bản pháp luật để pháp luật thực sự là công cụ hữu hiệu bảo vệ và phát huy giá trị đạo đức truyền thống.

Mặt khác, tiếp tục nâng cao công tác giáo dục những giá trị biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống cho người dân, nhất là thế hệ trẻ cần được thường xuyên, liên tục, bằng nhiều hình thức sinh động

khác nhau. Trong sinh hoạt lễ hội có thể lồng ghép các hoạt động như đón nhận danh hiệu làng văn hóa, gia đình văn hóa tiêu biểu, cũng có thể kết hợp với nhà trường để tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên tham gia vào trong sinh hoạt lễ hội truyền thống nhằm bồi đắp thêm tư tưởng, tình cảm, lối sống đẹp cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ hiện nay.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho người dân nhằm phát huy những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc, ý thức quốc gia, lòng tự tôn dân tộc, lối sống đề cao tính cộng đồng, tập thể của người Việt Nam thông qua các lễ hội truyền thống như, tinh thần coi trọng tình làng nghĩa xóm, đề cao tinh thần đoàn kết, hòa thuận, tương thân tương ái, không chấp nhận lối sống hờ hững, vô trách nhiệm. Lối sống cộng đồng này góp phần kìm hãm và hạn chế những biểu hiện của bệnh vô cảm, của sự cạnh tranh một cách ghê lạnh trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay, đồng thời tạo nên sức mạnh của sự thống nhất cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp tục phát huy những giá trị truyền thống quý báu trong nhân sinh quan của người Việt Nam được hình thành và hun đúc từ dòng chảy lịch sử ngàn đời của dân tộc Việt Nam thông qua các lễ hội truyền thống. Nhân sinh quan khoa học này thể hiện tinh thần quả quyết, tính kiên trì, nhẫn nại, lòng tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước cường thịnh.

Tiếp tục khơi dậy những tư tưởng như khát vọng phồn thịnh, ý chí vươn lên của dân tộc làm cho nhân sinh quan của người Việt Nam trở nên khoa học và cách mạng. Con người trở nên thực tế, có ý chí vươn lên, có khát vọng làm giàu một cách chính đáng, đưa đất nước phát triển sánh ngang với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Năm là, tiếp tục đẩy mạnh giáo dục truyền thống, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; phát huy tốt vai trò của biến đổi tích cực nhân sinh quan người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống để xây dựng một đời sống văn hoá lành mạnh.

Lễ hội truyền thống là phương thức thể hiện nhân sinh quan độc đáo riêng có của người Việt Nam, là không gian đề tôn vinh, tưởng nhớ một nhân vật (hay tập

thể nhân vật) có ảnh hưởng lớn trong lịch sử của cộng đồng dân tộc trải qua quá trình dựng nước và giữ nước. Do đó lễ hội truyền thống chính là hoạt động nhắc nhở chúng ta, những người đang hiện diện hôm nay luôn nhớ về tổ tiên, ông cha mình với lòng thành kính, trân trọng, biết ơn. Môi trường lễ hội truyền thống là nơi tốt nhất thể hiện nhân sinh quan của người Việt Nam, qua đó nhằm giáo dục văn hóa, lịch sử, lòng tự hào cho thế hệ trẻ, đồng thời tiếp thu các giá trị mới, làm cho văn hóa được tiếp biến, mở rộng, phù hợp với đời sống hiện đại.

Một mặt con người đến với lễ hội để thỏa mãn nhu cầu vui chơi, giải trí, để “nhập thân” vào văn hóa truyền thống dân tộc. Mặt khác khi hiểu được những giá trị tốt đẹp của văn hóa trong lễ hội truyền thống dân tộc sẽ làm biến đổi con người, giúp nâng cao nhận thức, thay đổi lối sống, hành vi ứng xử để cùng nhau xây dựng cộng đồng ngày càng tốt đẹp hơn. Chính điều này, lễ hội văn hóa truyền thống sẽ tạo ra môi trường lành mạnh và thuận lợi để cộng đồng dân cư đưa ra những cách thức nhằm định hướng đúng đắn cho hoạt động sống của mình để xây dựng một đời sống văn hoá, tinh thần tốt đẹp.

Lễ hội truyền thống chính là môi trường sinh động nhất để con người có thể bộc lộ, thẩm thấu, tiếp biến, làm phong phú, đẹp đẽ, giàu có thêm cho đời sống văn hóa.

Từ góc nhìn như vậy, nếu chúng ta quan tâm xây dựng môi trường văn hóa lễ hội lành mạnh, đảm bảo các lễ hội đều được diễn ra trên tinh thần phát huy những giá trị tốt đẹp, giữ gìn cái tinh túy, mang đậm đà bản sắc dân tộc, từ đó phát huy sự cổ động, tuyên truyền giáo dục cho nhân dân thì những giá trị tốt đẹp sẽ được phát huy, sự hiểu biết và tự hào về các giá trị truyền thống như: đoàn kết, tương thân tương ái, gắn kết yêu thương, ý chí vươn lên,...những giá trị này chính là nhân tố quan trọng để xây dựng một đời sống văn hoá tiến bộ, văn minh.

Phải đặt những giá trị biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội về nhiệm vụ, đầu tư kinh phí, trách nhiệm chính trị của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức xã hội và người dân; phát huy vai trò các phương tiện truyền thông đại chúng trong xây dựng, phát triển hệ giá trị biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống trong giai đoạn mới.

Sáu là, nâng cao vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục giá trị biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống cho thế hệ trẻ hôm nay.

Gia đình là môi trường quan trọng nhất trong quá trình giáo dục hình thành nhân cách con người, là nơi bảo tồn và phát huy tốt nhất hệ giá trị biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống. Một dân tộc muốn vững mạnh, muốn giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống của mình trước hết phải chăm lo xây dựng gia đình lành mạnh, trong đó giá trị biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống phải được chú trọng và quan tâm. Trong gia đình, các bậc ông bà, cha mẹ phải nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc truyền dạy, giáo dục và rèn giũa các giá trị biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống cho con, cháu. Bên cạnh đó, các bậc cha mẹ phải thực sự trở thành tấm gương cho con cái trong việc thực hiện, tôn trọng và tiếp thu các giá trị biến đổi tích cực đó.

Cùng với gia đình, giáo dục giá trị biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống truyền thống trong nhà trường và xã hội cũng rất quan trọng, góp phần đào tạo cho đất nước những con người có hiểu biết về hệ giá trị đích thực, có lập trường chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực đáp ứng với yêu cầu phát triển đất nước hiện nay và trong tương lai. Muốn vậy chúng ta cần tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh để giáo dục, tuyên truyền có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các lực lượng xã hội trong việc giáo dục thế hệ trẻ. Chú trọng kết hợp việc giáo dục đạo đức trong nhà trường với thực hành những giá trị biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống như tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết dân tộc, lòng bác ái, khoan dung, tình yêu thương con người, lòng biết ơn sâu sắc đối với những người có công với đất nước, anh hùng dân tộc, có ý chí, khát vọng vươn lên trong cuộc sống, thân lập thân....., gắn lý luận với thực tiễn. Giữa gia đình, nhà trường và xã hội phải có sự thống nhất về quan điểm, định hướng, nội dung trong giáo dục giá trị biến đổi tích cực trong

nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống; có sự phối hợp giúp đỡ của các cấp, các ngành một cách kịp thời và hiệu quả.

Đẩy mạnh tuyên truyền và giáo dục để nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân, về việc phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan qua lễ hội truyền thống là một nhiệm vụ quan trọng và cần thiết. Bằng cách triển khai các chiến lược và giải pháp hiệu quả, chúng ta có thể bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời xây dựng một cộng đồng văn hóa lành mạnh, tiến bộ và bền vững.

4.2.3. Xây dựng môi trường kinh tế, văn hoá, xã hội thuận lợi phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống

Xây dựng một môi trường kinh tế, văn hóa và xã hội thuận lợi để phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống là cần thiết để đảm bảo sự phát triển bền vững của văn hóa dân tộc và đời sống cộng đồng. Để đạt được mục tiêu này, cần có sự kết hợp đồng bộ giữa các chính sách kinh tế, văn hóa và xã hội, cùng với sự tham gia tích cực của mọi tầng lớp nhân dân.

Môi trường kinh tế, văn hoá, xã hội là nền tảng quan trọng cho việc xây dựng và phát triển mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, không những thế, nó còn là cơ sở để hình thành tâm tư, tình cảm, suy nghĩ, hành động của con người. Do đó để phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan người Việt Nam qua lễ hội truyền thống cần phải:

Một là, phát triển kinh tế nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân là điều hết sức quan trọng trong việc phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống. Kinh tế là nền tảng vật chất của đời sống xã hội, do đó phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân có vai trò hết sức quan trọng trong việc phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống. Bởi lẽ, khi đời sống vật chất được nâng cao, cuộc sống đầy đủ tiện nghi vật chất, không phải chật vật lo lắng vấn đề

com áo, gạo tiền, lúc này con người mới có điều kiện và nhu cầu hướng đến phát triển, hưởng thụ đời sống văn hoá tinh thần, các giá trị văn hoá, đạo đức, lối sống tích cực được phát huy. Trong điều kiện đời sống vật chất tốt, là môi trường thuận lợi cho con người phát huy tối đa các biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống như: thể hiện sâu sắc tình yêu quê hương, đất nước; tình đoàn kết dân tộc, gắn kết cộng đồng, bác ái yêu thương, đùm bọc, sẻ chia; phát triển và hưởng thụ các giá trị của đời sống tâm linh, tín ngưỡng; có điều kiện để thể hiện sự trân trọng, lòng biết ơn đối với người có công xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước, phát huy mạnh mẽ đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”; có điều kiện thuận lợi để thực hiện khát vọng vươn lên xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Khi đời sống vật chất được nâng cao, nhu cầu về đời sống vật chất đầy đủ, không còn là vấn đề cần phải quan tâm trong cuộc sống hàng ngày cũng là điều kiện quan trọng góp phần hạn chế tối đa những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, đó là quan niệm sống thực dụng, ích kỷ, vụ lợi cá nhân, lối sống thờ ơ, lạnh lùng theo kiểu “tiền trao cháo múc”, vì lợi ích vật chất mà làm mất đi tình đoàn kết, yêu thương nhau, góp phần khắc phục mê tín dị đoan, bói toán, xóc thẻ, bắt thăm may rủi, ...

Bên cạnh đó, cần phải xây dựng môi trường kinh tế lành mạnh, làm cho các quan hệ kinh tế trong đời sống xã hội thật minh bạch, công bằng, tiến bộ. Vì các quan hệ kinh tế của con người là cơ sở, nền tảng cho các quan hệ khác của họ, do đó, khi quan hệ kinh tế được lành mạnh hoá sẽ có vai trò điều chỉnh các quan hệ chính trị, đạo đức, văn hoá, tinh thần lành mạnh, tiến bộ, văn minh. Xây dựng môi trường kinh tế lành mạnh, góp phần hình thành nhân sinh quan tiến bộ, tích cực cho con người Việt Nam đó là quan niệm sống xem trọng lao động, trọng thành quả lao động, tôn trọng những giá trị vật chất có được do sức lao động không biết mệt mỏi tạo ra, hình thành đức tính cần cù, chăm chỉ lao động sáng tạo, dựa vào sức mình, tinh thần tự chủ, tự tôn, thân lập thân, cuộc sống con người tự làm nên chính bản thân mình. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, góp phần khắc phục nhân sinh quan tiêu cực đó là quan niệm sống thụ động, trông chờ, ỉ lại, cầu may, lối sống

thực dụng, tham lam, ích kỷ, lười lao động, thích hưởng thụ, bói toán, mê tín dị đoan, lợi dụng đời sống tâm linh, tín ngưỡng để buôn thần bán thánh...

Hai là, xây dựng môi trường văn hóa - xã hội thuận lợi phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống.

Con người vừa là chủ thể, vừa là sản phẩm của hoàn cảnh lịch sử - xã hội. Xã hội cũng chính là môi trường sống, sinh hoạt của con người. Do đó, môi trường xã hội có vai trò hết sức quan trọng, ảnh hưởng tới tư tưởng, tình cảm, quan niệm về cuộc sống và các hoạt động của con người. Nhân sinh quan của cá nhân hay của một cộng đồng người ảnh hưởng đến điều kiện sống, điều kiện sinh tồn của họ. Môi trường văn hoá - xã hội là cái khách quan bên ngoài tác động vào con người, vừa là sản phẩm do chính các hoạt động xã hội của con người tạo nên. Nó bao gồm những yếu tố vật chất và yếu tố tinh thần thể hiện qua các hệ thống tổ chức xã hội, các quan hệ xã hội.

Xây dựng môi trường văn hoá - xã hội là phải đẩy mạnh phong trào xây dựng nếp sống văn hoá, văn minh trong các cộng đồng làng, xã, thu hẹp khoảng cách giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa các khu vực có kinh tế phát triển nhanh với các khu vực kinh tế kém phát triển, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, chênh lệch mức sống giữa các tầng lớp nhân dân.

Trong xây dựng môi trường văn hoá - xã hội cần phải coi trọng việc bảo tồn và phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống như: quan niệm sống là phải yêu quê hương, đất nước, tinh thần đoàn kết cộng đồng, yêu thương đùm bọc, sẻ chia; sự trân trọng, lòng biết ơn những người có công với quê hương đất nước, anh hùng dân tộc; có ước mong, hy vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc, bình yên. Đặc biệt cần thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng, phát triển văn hoá và con người. Xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh, tiến bộ trong sinh hoạt lễ hội truyền thống. Hưởng ứng và tham gia tích cực các phong trào như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; phong trào “người tốt việc tốt”; “Uống nước nhớ nguồn”; “Đền ơn đáp nghĩa”; “Xoá đói giảm nghèo”; “Xây dựng gia đình văn

hoá, làng, xã, phường văn hoá”. Hạn chế tối đa và tiến tới xoá bỏ những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống như: lối sống thực dụng, tham lam, ích kỷ, vụ lợi cá nhân, biểu hiện qua nạn tham nhũng, buôn lậu, làm hàng giả, buôn thần bán thánh, mê tín dị đoan, bói toán, bốc thăm, xóc quẻ, dâng sao giải hạn...; lối sống thờ ơ, vô trách nhiệm, vô ơn, quay lưng lại với truyền thống, xem trọng đồng tiền mà coi thường đạo đức...

Xây dựng môi trường văn hoá xã hội lành mạnh, tiến bộ, văn minh sẽ có vai trò hình thành nhân sinh quan tiến bộ, tích cực. Do vậy, cần phải xây dựng hệ thống chuẩn mực đạo đức xã hội, xây dựng hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị con người tiến bộ, văn minh có vai trò ngăn ngừa, khắc phục quan niệm về đời sống lạc hậu, tiêu cực như: lối sống thực dụng, cục bộ, bè phái, ích kỷ vụ lợi cá nhân, tham vọng bất chính, mê tín dị đoan, dâng sao giải hạn, di cung hoán số trong đời sống xã hội hiện nay.

Bên cạnh đó cần phải tiếp tục phát triển mạnh mẽ hệ thống an sinh xã hội góp phần ngăn ngừa, khắc phục những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống. Khi đất nước mở cửa, hội nhập và phát triển đã làm cho nền kinh tế nước ta phát triển nhanh, sự phát triển của kinh tế đã thúc đẩy nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội phát triển theo, làm cho đời sống vật chất của nhân dân ngày càng tăng lên. Tuy nhiên bên cạnh đó, tình trạng phân hoá giàu nghèo ngày một gia tăng, một bộ phận nhân dân còn gặp rất nhiều khó khăn về đời sống vật chất (com ăn chưa đủ no, áo mặc chưa đủ ấm, thiếu điều kiện để tiếp cận các dịch vụ xã hội khác...). Sự nghèo khó về đời sống vật chất, bần cùng, bất lực trong cuộc sống dễ nảy sinh tâm lý trông chờ vào các lực lượng siêu nhiên bảo trợ, cứu giúp họ thoát khỏi sự khó khăn nghèo khổ của cuộc sống trần gian. Điều này dễ dẫn đến quan niệm sống cầu may, bốc thăm, xóc thẻ, bói toán, mê tín dị đoan gây ảnh hưởng đến đời sống văn hoá xã hội. Do đó, cần phải tiếp tục phát triển mạnh mẽ hệ thống an sinh xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói, giảm nghèo một cách hiệu quả, phúc lợi xã hội, đào tạo nghề, tạo việc làm cho người lao động, phát triển hệ thống các dịch vụ hướng đến tầng lớp yếu thế trong xã hội. Khi đời sống vật chất được đảm, con người mới có điều kiện trau dồi, phát triển và hưởng thụ những giá trị của đời sống tinh thần, con người tự tin vào sức mạnh của

bản thân mình, cuộc sống của con người do chính họ tạo nên bởi toàn bộ trí lực vốn có của mình thì con người sẽ thoát khỏi sự trông cậy vào các lực lượng siêu nhiên, thoát khỏi mê tín dị đoan để vươn lên tạo lập sự thành đạt cho cuộc đời của mình.

Xây dựng môi trường kinh tế, văn hóa và xã hội thuận lợi để phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống, đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa các chính sách và hoạt động cụ thể. Bằng cách này, chúng ta có thể đảm bảo rằng những giá trị tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống sẽ tiếp tục là một phần quan trọng của đời sống văn hóa - xã hội, góp phần làm phong phú thêm bản sắc dân tộc và phát triển đất nước một cách bền vững.

Một môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội thuận lợi để phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những tiêu cực trong nhân sinh quan qua lễ hội truyền thống cần phải có sự vào cuộc của tất cả các cấp, ngành và cộng đồng. Chỉ khi có sự đồng lòng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống, lễ hội mới có thể thực sự trở thành cầu nối tinh thần giữa quá khứ và tương lai, góp phần hình thành nhân sinh quan tích cực cho xã hội, cần thực hiện:

Thứ nhất, trong lĩnh vực kinh tế, cần tạo ra sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn giá trị văn hóa. Lễ hội truyền thống, mặc dù có tiềm năng lớn về phát triển du lịch và kinh tế, nhưng không thể để mục tiêu lợi nhuận chi phối quá mức, dẫn đến việc thương mại hóa các giá trị văn hóa. Chính quyền cần tăng cường các chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa lễ hội, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào việc phát triển sản phẩm du lịch văn hóa nhưng phải tuân thủ các quy chuẩn bảo tồn lễ hội. Đồng thời, cần có cơ chế giám sát và kiểm tra việc thu chi trong các lễ hội, ngăn ngừa hiện tượng lãng phí, lợi dụng lễ hội vì mục đích cá nhân.

Thứ hai, trong lĩnh vực văn hóa, việc giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị nhân văn và lịch sử của các lễ hội truyền thống là cực kỳ quan trọng. Các lễ hội cần được tổ chức theo đúng bản chất và mục đích ban đầu, tôn trọng nghi thức truyền thống, đồng thời loại bỏ các yếu tố mê tín dị đoan, những hành vi phản văn hóa, thậm chí cả những hiện tượng phô trương hay lợi dụng tín ngưỡng để trục

lợi. Cùng với đó, các cơ quan văn hóa, giáo dục cần đẩy mạnh tuyên truyền về ý nghĩa tâm linh và nhân văn của các lễ hội, giúp cộng đồng hiểu rõ về giá trị thực sự của những hoạt động này, từ đó hình thành nhân sinh quan lành mạnh, phù hợp với truyền thống.

Thứ ba, trong lĩnh vực xã hội, cần tạo dựng một môi trường xã hội lành mạnh và gắn kết, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào việc bảo vệ và phát huy giá trị lễ hội. Việc tổ chức lễ hội cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cộng đồng. Chính quyền địa phương phải có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và đảm bảo lễ hội được tổ chức đúng mục đích, tránh tình trạng biến tướng thành các sự kiện thương mại, phô trương. Đồng thời, cần tạo ra các cơ chế và chính sách để khuyến khích các sáng kiến cộng đồng, bảo vệ lễ hội không bị lợi dụng vào mục đích cá nhân, như tổ chức các cuộc thi, chương trình giáo dục về lễ hội cho thế hệ trẻ, nâng cao ý thức trách nhiệm đối với di sản văn hóa.

Ngoài ra, cần tăng cường công tác nghiên cứu và lưu giữ các giá trị văn hóa lễ hội qua các phương tiện truyền thông, đảm bảo các thế hệ mai sau có thể tiếp cận và trân trọng những giá trị này. Đồng thời, các hoạt động liên quan đến lễ hội cũng cần hướng tới sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, tránh tình trạng ô nhiễm, rác thải không kiểm soát trong các khu vực tổ chức lễ hội.

4.2.4. Cần phải kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, truyền thống và hiện đại trong phát huy những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống

Kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, truyền thống và hiện đại trong việc phát huy những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống là một cách tiếp cận quan trọng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh xã hội hiện đại. Để đạt được điều này, cần có một chiến lược linh hoạt và toàn diện, đảm bảo rằng các giá trị tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống được bảo tồn và phát triển phù hợp với nhịp sống và nhu cầu của thời đại.

Việc kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, truyền thống và hiện đại có vai trò quan trọng trong việc phát huy những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống. Để giải quyết tốt vấn đề này, cần phải:

Thứ nhất, trong bối cảnh hội nhập quốc tế đầy biến động đang diễn ra như hiện nay, lễ hội truyền thống với tư cách là nơi lưu giữ và trao truyền những giá trị tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam càng phải thể hiện ngày một rõ nét, cốt cách, khí phách hơn, góp phần để bảo vệ, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống mà không bị mất đi những giá trị cốt yếu trong xu thế hội nhập quốc tế. Để thực hiện điều này, trong bối cảnh mới, chúng ta cần tiếp cận các giá trị văn hoá của nhân loại để hiện đại hoá những giá trị tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay thể hiện qua lễ hội truyền thống, nhưng cũng cần phải giữ gìn, phát huy những hệ giá trị tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam thể hiện qua lễ hội truyền thống để không đánh mất hồn cốt của mình, đồng thời đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục các giá trị tích cực như tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự tôn, tự hào dân tộc, lòng biết ơn “uống nước nhớ nguồn”, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên xây dựng cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc, ... để hun đúc khí phách, cốt cách và tư chất con người Việt Nam trong ứng xử với xu thế giao lưu, hội nhập ngày càng sâu rộng.

Thứ hai, trong hội nhập quốc tế, chúng ta cần chủ động để sẵn sàng giao lưu, hội nhập, kế thừa, tiếp thu những giá trị văn hoá nhân loại với tư thế, tư chất và khí phách con người Việt Nam. Một nền văn hoá truyền thống lâu đời, có bản lĩnh, một hệ giá trị nhân sinh quan qua lễ hội truyền thống được hun đúc qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước trong xu thế giao lưu, hội nhập với các nền văn hoá khác. Tạo thế chủ động trong xây dựng một nền văn hoá truyền thống Việt Nam có ý nghĩa to lớn đối với việc giữ gìn giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống nói riêng và sự phát triển của văn hoá Việt Nam nói chung.

Thứ ba, trong việc phát huy những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống như: quan niệm về cuộc sống; quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn; quan niệm về ước mong, hy vọng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Cần phải phát huy trên cơ sở giữ nguyên giá trị truyền thống vốn có của các quan niệm đó, nhưng đồng thời phải bổ sung vào những mặt, những khía cạnh trong nội dung, thậm chí cả hình thức mới cho phù hợp với cuộc sống hiện đại, hoà nhịp với cuộc sống mới, mang hơi thở của thời đại, đặc biệt phù hợp với nhu

cầu xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Nhận thức được điều này, để tránh tình trạng vận dụng các giá trị đó một cách rập khuôn, giáo điều, cứng nhắc sẽ không phát huy được giá trị cũng như làm giàu thêm nội dung và hình thức của nó trong bối cảnh mới. Chẳng hạn, phát huy tình yêu quê hương, đất nước trong giai đoạn hiện nay không chỉ góp công, góp của, ra mặt trận đánh giặc để bảo vệ đất nước như trong truyền thống, mà yêu quê hương, đất nước hiện nay ngoài việc xây dựng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc còn phải xây dựng một nền kinh tế phát triển, độc lập, tự chủ; đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thù địch trên mặt trận tư tưởng, văn hoá; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch như “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ”; tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam giàu truyền thống văn hoá tốt đẹp đến bạn bè và nhân dân các nước trên thế giới; không ngừng nâng cao vị thế và uy tín Việt Nam trên trường quốc tế.

Thứ tư, phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Để làm được điều này, cần phát triển các không gian văn hóa, bảo tàng và trung tâm cộng đồng có thể tổ chức các hoạt động văn hóa truyền thống và hiện đại, tạo điều kiện cho sự giao thoa và tương tác giữa các thế hệ và các nền văn hóa. Các không gian này có thể được thiết kế để phục vụ đồng thời nhiều mục đích, từ việc bảo tồn và trưng bày các giá trị văn hóa truyền thống đến việc tổ chức các sự kiện nghệ thuật hiện đại, hội thảo và các hoạt động sáng tạo khác.

Hỗ trợ các nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, và cộng đồng sáng tạo thử nghiệm các cách tiếp cận mới trong nghiên cứu các giá trị nhân sinh quan tích cực trong lễ hội truyền thống, từ đó tạo ra những sản phẩm văn hóa mới mẻ mà vẫn giữ được tinh thần và giá trị truyền thống.

Khuyến khích sự tham gia của giới trẻ và các nhà sáng tạo trong quá trình đổi mới và phát triển lễ hội, giúp họ có cơ hội đóng góp ý tưởng và sáng kiến của mình vào việc bảo tồn và phát huy những giá trị tích cực nhân sinh quan trong lễ hội truyền thống.

Thứ năm, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và xã hội. Phát huy vai trò của cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị nhân sinh quan tích cực

trong lễ hội truyền thống. Khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương trong việc tổ chức, quản lý và phát triển lễ hội truyền thống, từ đó tạo nên một môi trường văn hóa đa dạng, phong phú và bền vững. Cộng đồng cần được trao quyền và hỗ trợ để tự quản lý và bảo vệ các giá trị văn hóa của mình, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm và lòng tự hào về di sản văn hóa.

Kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, truyền thống và hiện đại trong việc phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống là một quá trình đòi hỏi sự cân nhắc kỹ lưỡng và sự linh hoạt trong cách tiếp cận. Bằng cách bảo tồn, phát huy những giá trị nhân sinh quan tích cực, tiến bộ đồng thời mở rộng không gian sáng tạo và đổi mới, chúng ta có thể đảm bảo rằng các lễ hội truyền thống không chỉ giữ được bản sắc văn hóa mà còn phát triển mạnh mẽ và phù hợp với thời đại, góp phần xây dựng một xã hội văn hóa đa dạng, tiến bộ và bền vững.

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc phát huy những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống trong đời sống sinh hoạt văn hóa tinh thần của người Việt Nam hiện nay, chúng ta sẽ có cách ứng xử thận trọng, phù hợp để làm giàu thêm giá trị và ý nghĩa văn hoá truyền thống của dân tộc, góp phần hình thành, giáo dục đạo đức, nhân cách, ứng xử, kiến thức văn hóa lịch sử cho người dân, nhất là thế hệ trẻ. Đây cũng là một hoạt động thiết thực nhằm cụ thể hóa các mục tiêu của Chiến lược văn hóa quốc gia tầm nhìn đến năm 2030 mà Đảng và Chính phủ đã đề ra.

Kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, truyền thống và hiện đại trong việc phát huy những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống là một giải pháp quan trọng giúp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh xã hội hiện đại. Để làm được điều này, cần có những giải pháp cụ thể, hợp lý, vừa bảo vệ được bản sắc văn hóa dân tộc, vừa đáp ứng được nhu cầu phát triển và hội nhập của xã hội.

Kế thừa các giá trị cốt lõi của lễ hội truyền thống là yếu tố quan trọng nhất trong việc duy trì và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Lễ hội là nơi thể hiện đậm nét các giá trị tinh thần, tâm linh và lịch sử của dân tộc. Do đó, cần tiếp tục gìn giữ

và phát huy những nghi thức, phong tục truyền thống, giúp thế hệ trẻ hiểu và tôn trọng những giá trị này. Các hoạt động như tế lễ, cầu an, cầu phúc cần được tổ chức nghiêm túc, tạo không gian trang nghiêm, thể hiện lòng thành kính đối với tổ tiên và thần thánh, nhằm củng cố nhân sinh quan, giúp con người tìm thấy sự an lạc và định hướng cuộc sống.

Đổi mới phương thức tổ chức lễ hội là một yếu tố quan trọng để thích ứng với xu thế phát triển của xã hội hiện đại. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tổ chức và quảng bá lễ hội là cần thiết để kết nối cộng đồng và du khách quốc tế. Những công cụ như website, ứng dụng di động, hay truyền hình trực tuyến có thể giúp lễ hội tiếp cận đối tượng rộng lớn hơn, từ đó nâng cao hiệu quả trong việc bảo tồn và giới thiệu các giá trị văn hóa truyền thống. Ngoài ra, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật hiện đại như biểu diễn âm nhạc, múa, triển lãm tranh, và các sản phẩm thủ công truyền thống có thể được kết hợp để làm phong phú thêm không gian lễ hội, vừa bảo tồn nét đẹp truyền thống, vừa tạo nên sự hấp dẫn cho công chúng.

Nâng cao ý thức cộng đồng về lễ hội và bảo vệ môi trường. Việc tổ chức lễ hội phải chú trọng đến yếu tố bảo vệ môi trường và giảm thiểu lãng phí. Lễ hội không chỉ là sự kiện văn hóa, mà còn là dịp để cộng đồng thể hiện sự gắn kết, chia sẻ, và xây dựng một xã hội văn minh. Cần có những biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các hành vi tiêu cực như lợi dụng lễ hội để trục lợi, tham nhũng, hoặc gây lãng phí tài nguyên.

Kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, truyền thống và hiện đại trong lễ hội truyền thống không chỉ giúp bảo tồn những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc, mà còn giúp người Việt Nam phát huy được nhân sinh quan tích cực trong cuộc sống, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển xã hội trong tương lai.

Tiểu kết chương 4

Trong chương này, nghiên cứu sinh đã nêu ra ba nhóm quan điểm nhằm phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống góp phần xây dựng đời sống văn hoá, tinh thần cho người Việt Nam hiện nay bao gồm: phát huy biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống phù hợp với hệ giá trị văn hoá, con người Việt Nam; Định hướng sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với những giá trị chung của nhân loại. Phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống phải đảm bảo tính khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể, kế thừa, phát triển.

Từ những thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống và những vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi nhân sinh quan ở chương 3 của luận án. Nghiên cứu sinh đã đề xuất 4 giải pháp nhằm phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống. Đó là: nghiên cứu, xác định rõ những biến đổi tích cực và những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống; xây dựng môi trường kinh tế, văn hoá, xã hội thuận lợi phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống; cần phải kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, truyền thống và hiện đại trong phát huy những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu nhân sinh quan người Việt Nam được biểu hiện qua lễ hội truyền thống có vai trò rất quan trọng trong việc phát hiện, tìm ra những quan niệm sống, lòng biết ơn, những ước mong, hy vọng trong cuộc sống của con người ẩn chứa sau những nghi thức tế lễ và sinh hoạt văn hoá mà cha ông người Việt Nam đã tạo dựng và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, để góp phần làm giàu thêm kho tàng tri thức triết học Việt Nam. Bởi lẽ, “nếu xét ở bình diện phổ thông quần chúng thì nghiên cứu triết lý dân gian còn quan trọng hơn cả nghiên cứu triết lý bác học, triết học, bởi lẽ từ đây rất có thể chúng ta lại tìm ra, phát hiện được cái mạch ngầm sâu thẳm của dân tộc mà tư tưởng bác học chỉ là sự thể hiện bề nổi, bên ngoài”[28; tr.26].

Trong phạm vi nghiên cứu, luận án đã tập trung làm rõ các nội dung sau đây:

Thứ nhất, nhân sinh quan là hệ thống những quan niệm của con người về mục đích, ý nghĩa, lý tưởng sống, phản ánh điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt của mỗi con người và cộng đồng người ở những giai đoạn lịch sử nhất định. Nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống là những quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mong, hy vọng có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc, phản ánh mối quan hệ của người Việt Nam trong các môi quan hệ: lao động - sản xuất, môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội, gia đình, dòng tộc, họ hàng, ... nhân sinh quan người Việt Nam được thể hiện một cách độc đáo qua kho tàng lễ hội truyền thống.

Thứ hai, bước vào thời kỳ hội nhập và phát triển, lễ hội truyền thống được khôi phục và phát triển mạnh mẽ, quá trình phát triển đó cũng kéo theo sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống biểu hiện trên hai phương diện tích cực và tiêu cực qua các nội dung: quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về những ước mong, hy vọng có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc.

Thứ ba, từ những thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống và những vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi ở chương 3 của luận án, nghiên cứu sinh đưa ra 3 quan điểm định hướng. Đó là: phát huy biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống

phù hợp với hệ giá trị văn hoá, con người Việt Nam; định hướng sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với những giá trị chung của nhân loại; phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống phải đảm bảo tính khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể, kế thừa, phát triển. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh đề xuất 4 giải pháp nhằm phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống góp phần xây dựng đời sống văn hoá, tinh thần cho người Việt Nam hiện nay. Đó là: nghiên cứu, xác định rõ những biến đổi tích cực và những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống; xây dựng môi trường kinh tế, văn hoá, xã hội thuận lợi phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống; cần phải kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, truyền thống và hiện đại trong phát huy những biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống.

Thiết nghĩ rằng, nếu quán triệt tốt các giải pháp đề xuất ở trên sẽ phát huy tốt những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống một cách hiệu quả, góp phần xây dựng đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, tiến bộ, văn minh trở thành nội lực quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ
CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Phan Văn Thám (2023), “Những vấn đề nhân sinh quan của người Việt qua lễ hội Đền Gióng và lễ hội Đền Tổng Trân - giá trị tích cực và hạn chế. Năm xuất bản 2023”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 7 (196), ISSN 0868 - 3247.
2. Phan Văn Thám (2024), “Nhân sinh quan truyền thống của người Việt Nam qua các tín ngưỡng thờ Mẫu, Phồn thực - giá trị tích cực và hạn chế”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 2 (199), ISSN 0868 - 3247.
3. Phan Văn Thám (2024), “Lễ hội truyền thống và sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt hiện nay”, *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn/>.
4. Phan Văn Thám (2024), “Biến đổi giá trị nhân sinh người Việt Nam thể hiện qua sinh hoạt lễ hội truyền thống”, *Tạp chí Giáo dục & xã hội*, số Đặc biệt, tháng 5 (kì 2).
5. Phan Văn Thám (2024), “Sự biến đổi nhân sinh quan người Việt qua một số lễ hội truyền thống và vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*, số 174, ISSN 1859 - 3437.
6. Phan Văn Thám (2024), “Đời sống tâm linh, tín ngưỡng của người Việt Nam qua lễ hội truyền thống và sự biến đổi của nó”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 6 (203), ISSN 0868 - 3247.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Chí Bền (2012), “Phục dựng các lễ hội truyền thống ở Việt Nam, bảo tồn hay “sáng tạo từ truyền thống”, *Tạp chí Văn hoá học*, (4), Hà Nội.
2. Nguyễn Chí Bền (2013), *Lễ hội cổ truyền của người Việt - cấu trúc và thành tố*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Lê Kiến Cầu (ch.b), Chu Quý (dịch) (2008), *Triết lý nhân sinh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Choi Horim (2012), “*Chính trị văn hóa của lễ hội làng ở Hà Nội. Dưới góc nhìn của một chuyên gia nghiên cứu người nước ngoài về lễ hội làng ở Hà Nội*”, *Hội thảo khoa học quốc tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*, Hà Nội.
5. Nguyễn Trọng Chuẩn, Phạm Văn Đức và Hồ Sĩ Quý (Đồng chủ biên) (2001), *Tìm hiểu giá trị văn hóa truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Trọng Chuẩn (Chủ biên) (2006), *Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam, Tập 1 (Từ đầu công nguyên đến thời Trần và thời Hồ)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. D.J. Kalupahana (2007), *Nhân quả - triết lý trung tâm Phật giáo*, Nxb, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Kim Dân (2007), *Triết lý nhân sinh trong cuộc sống*. Nxb Thanh Hoá.
9. Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Lễ hội cộng đồng - truyền thống và biến đổi*, Nxb. Đại học quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, HN, tr. 161.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.29.
15. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2019): *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, phần I, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.710.
16. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
17. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
18. Lê Tâm Đắc (2014), “Một số đặc điểm của thờ cúng Sơn Tinh - Tản viên ở miền Bắc”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (12) (138), Hà Nội.
19. Đặng Quang Định (2017), Sự biến đổi nhân sinh quan của cư dân đồng bằng Sông Hồng thể hiện qua các lễ hội truyền thống, *Tạp chí Lý Luận Chính trị*, (2), Hà Nội.
20. Cao Huy Đình (2009), *Người anh hùng làng Dóng, trong Lễ hội Thánh Gióng*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
21. Đỗ Hương Giang (2009), “Vấn đề nhân sinh quan trong triết học Phật giáo thời Trần”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, 11(135), Hà Nội.
22. Nguyễn Tất Giáp, Đỗ Văn Quân (2022): *Thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững gắn với khuyến khích làm giàu theo pháp luật*. <https://tuyengiao.vn/nguyen-cuu/ly-luan/thuc-hien-chinh-sach-giam-ngheo-ben-vung-gan-voi-khuyen-khich-lam-giau-theo-phap-luat>
23. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Phạm Minh Hạc, Thái Duy Tuyên (Chủ biên) (2012), *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
25. Thuận Hải (Biên soạn) (2007), *Bản sắc văn hóa lễ hội: văn hóa dân gian đặc sắc qua những lễ hội dân gian trong năm*, Nxb. Giao thông Vận tải, Hà Nội.
26. Nguyễn Thị Thúy Hằng (2015), *Ảnh hưởng của nhân sinh quan Phật giáo đến đời sống tinh thần cư dân đồng bằng sông Hồng hiện nay*, Luận án tiến sỹ, Hà Nội.

27. Nguyễn Văn Hậu (1999), “Biểu tượng phồn thực trong lễ hội nông nghiệp cổ truyền ở Việt Nam và các nước Đông Nam Á”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (183) Hà Nội.
28. Nguyễn Hùng Hậu (2010), *Đại cương lịch sử triết học Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đỗ Lan Hiền (2012), “Minh triết Việt qua dòng văn hóa dân gian”, *Tạp chí Triết học*, 8(255) Hà Nội.
30. Đỗ Lan Hiền, Phùng Thị An Na (2012), “Tín ngưỡng thờ Nữ thần ở Việt Nam từ góc nhìn “bình đẳng giới”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (8), Hà Nội.
31. Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng Thành Hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
32. Vũ Thị Hoa (1997), *Lễ hội cầu mùa của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
33. Hồ Hoàng Hoa (1998), *Lễ hội, một nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
34. Nguyễn Ngọc Hoà (Chủ biên) (2014), *Sự biến đổi những giá trị xã hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay*. Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
35. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 3, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
36. Nguyễn Văn Huyền (1992), “Từ những hình tượng nam nữ yêu nhau trên thạp Đào Thịnh, nghĩ về ước vọng phồn thực lâu đời của nhân dân ta”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, (2), Hà Nội.
37. Hyung Yu Park (2012), “Tương lai cho các lễ hội truyền thống: những thực hành văn hóa được địa phương hóa kết hợp toàn cầu hóa trong sự phát triển của du lịch toàn cầu”, *Hội thảo khoa học quốc tế*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hà Nội.
38. Đinh Gia Khánh (1992), “Tục thờ Mẫu và những truyền thống văn hóa dân gian ở Việt Nam”, *Tạp chí Văn học*, (5), Hà Nội.

39. Đinh Gia Khánh (2000), “Hội lễ dân gian và sự phản ánh những truyền thống của dân tộc”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, (2), Hà Nội.
40. Đinh Gia Khánh (1985), *Ý nghĩa xã hội và văn hoá của hội lễ dân gian*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
41. Đinh Gia Khánh, Lê Hữu Tầng (Chủ biên) (1993), *Lễ hội dân gian trong đời sống xã hội hiện tại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
42. Vũ Ngọc Khánh, Ngô Đức Thịnh (1990), *Tứ bất tử*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
43. Vũ Ngọc Khánh (2004), *Lễ hội trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
44. Vũ Ngọc Khánh (2007), *Nghiên cứu văn hoá cổ truyền Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
45. Lê Văn Kỳ (2002), *Lễ hội nông nghiệp Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
46. Hoàng Thúc Lân (Chủ biên) (2017), *Triết lý nhân sinh trong tục ngữ, ca dao Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
47. Nguyễn Quang Lê (1999), *Khảo sát thực trạng văn hóa lễ hội truyền thống của người Việt ở đồng bằng Bắc bộ trong xã hội hiện nay*, Viện nghiên cứu văn hóa dân gian, Hà Nội.
48. Thu Linh (1982), “Hội - Một hình thức sinh hoạt văn hoá truyền thống”, *Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật*, Hà Nội.
49. Thu Linh - Đặng Văn Long (1984), *Lễ hội truyền thống và hiện đại*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
50. Nguyễn Thu Linh, Phan Văn Tú (2004), *Quản lý lễ hội cổ truyền: thực trạng và giải pháp*, *Báo cáo tổng quan đề tài khoa học cấp Bộ*, Bộ Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
51. Từ Thị Loan (2012), "Một số mô hình tổ chức quản lý Lễ hội truyền thống", *Tạp chí Văn học nghệ thuật*, số 340.
52. Nguyễn Đức Lữ (Chủ biên) (2007), *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
53. Hoàng Lương (2011), “*Lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam khu vực phía Bắc*”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

54. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 18, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội,.
60. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 40, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Matsushita Kōnosuke (2017), *Mạn đàm nhân sinh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
63. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
64. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
65. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 10, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
66. Trần Bình Minh (2000), *Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á (so sánh với các lễ hội ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ)*, Nxb. Văn hóa thông tin.
67. Vương Mông (2009), *Triết học nhân sinh của tôi*, Nxb. Hội nhà văn.
68. Phùng Thị An Na (2015), *Nhân sinh quan của người Việt qua Folklore Việt Nam*, Luận án tiến sĩ triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
69. Nguyễn Tri Nguyên (2004): Bản chất và đặc trưng tín ngưỡng dân gian, Tạp chí Di sản văn hoá, số 7, tr.23.
70. Nguyễn Tri Nguyên (2006): Văn hoá - Tiếp cận từ lý luận và thực tiễn, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội.
71. Nhiều tác giả (2000), *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
72. Nhiều tác giả (2014), *Lễ hội cộng đồng: Truyền thống và biến đổi*. Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
73. Phạm Lan Oanh, Nguyễn Hoàng (2014), *Hướng dẫn quản lý, tổ chức lễ hội truyền thống ở cơ sở*. Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Bá Trung Phụ (2009), Lễ hội Rija - Tín ngưỡng phồn thực của người Chăm ở Trung Bộ, *Tạp chí nghiên cứu tôn giáo*, số 7&8.

75. Nguyễn Thế Phúc, Ngô Văn Trân (2016), *Triết học tôn giáo với những vấn đề nhân sinh quan: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
76. Đỗ Lan Phương (2010), *Tục thờ Chủ Đổng Tử*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
77. Phạm Thị Thanh Quy (2009), *Quản lý lễ hội cổ truyền hiện nay*, Nxb Lao động, Hà Nội.
78. Phạm Cao Quý (2016), “*Sự biến đổi trong lễ hội truyền thống*”, *Tạp chí Di sản văn hoá*, số 1(54), Hà Nội.
79. Trần Đăng Sinh (2002), *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc bộ hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Trần Hữu Sơn, Trần Thuỳ Dương (2021), Xu hướng biến đổi của lễ hội truyền thống hiện nay. *Tạp chí công sản điện tử*, ngày 30 tháng 05 năm 2021.
81. Minh Tân, Thanh Nghi và Xuân Lâm(1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Thanh Hóa, tr.947.
82. Tạ Ngọc Tấn, Vũ Trọng Lâm (2024), *Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
83. Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám thống kê*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
84. Vũ Anh Tú (2008), “*Tín ngưỡng phồn thực Việt Nam trong dòng chảy văn hóa Đông Nam Á qua các lễ hội nông nghiệp*”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, (9).
85. Vũ Anh Tú (2010), *Tín ngưỡng phồn thực trong lễ hội dân gian người Việt ở Châu Thổ Bắc Bộ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Lê Thị Nhân Tuyết (1976), *Nghiên cứu hội làng ở Việt Nam (II): Các loại hội làng trước cách mạng*, *Tạp chí Dân tộc học*, (2).
87. Từ điển triết học (1975), Nxb Tiên Bộ, Mát - xơ - va.
88. Bùi Quang Thanh (2010), *Hội Gióng ở đền Phù Đổng*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
89. Hoàng Mạnh Thắng, Cù Thị Thuý Lan, Nguyễn Thị Hải Bình, Nguyễn Giao Linh, Nguyễn Thị Thuý (2016), *Một số lễ hội truyền thống tiêu biểu của Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

90. Trần Ngọc Thêm (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
91. Bùi Thiết (1993), *Từ điển lễ hội Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
92. Nguyễn Tất Thịnh (2011), *Hành trình nhân sinh quan: Phản tỉnh trên đường trải nghiệm*. Nxb. Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
93. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (1990), *Quan niệm về Folklore*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
94. Ngô Đức Thịnh (1993), “Những giá trị văn hoá của hội cổ truyền và nhu cầu của xã hội hiện đại”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá nghệ thuật*, số 1, tr. 34-37.
95. Ngô Đức Thịnh (2001), “Những giá trị của lễ hội cổ truyền trong đời sống xã hội hiện nay”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (3).
96. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
97. Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
98. Ngô Đức Thịnh (2009), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Tập I, Nxb. Tôn giáo, HN
99. Ngô Đức Thịnh (2009), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Tập II, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
100. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2014), *Giá trị văn hoá Việt Nam - Truyền thống và biến đổi*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
101. Ngô Đức Thịnh (2018), *Tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền Việt Nam*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
102. Đỗ Lai Thúy (1994), “Tín ngưỡng phồn thực nhìn từ góc độ văn hóa lịch sử”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, 122(8).
103. Trung Thị Thu Thủy (2010), Lễ hội truyền thống - Bức tranh đời sống tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, *Tạp chí nghiên cứu tôn giáo*, số 2.
104. Nguyễn Tài Thư (Chủ biên) (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
105. Nguyễn Thế Trắc (2008), *Mạn đàm nhân sinh*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
106. Lưu Minh Trị (2004), *Danh thắng, di tích và lễ hội truyền thống Việt Nam*, tập 1, 2, Nxb. Hà Nội.

107. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
108. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
109. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (1994), *Lễ hội dân gian trong đời sống xã hội hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, HN.
110. Tạ Chí Đại Trường (2014), *Thần, Người và Đất Việt*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
111. Văn phòng Trung ương Đảng (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương khóa XI*, HN, tr.47.
112. Quốc Văn (2010), *36 lễ hội Thăng Long*, Hà Nội, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
113. Viện Văn hóa dân gian (1992), *Lễ hội cổ truyền*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
114. Viện Ngôn ngữ học (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.
115. Viện Văn hoá nghệ thuật Việt Nam (2009), *Lễ hội Thánh Gióng*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
116. Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam (2012), *Bảo tồn và phát huy lễ hội cổ truyền trong xã hội Việt Nam đương đại (Trùng hợp hội Gióng)*, Nxb. Văn hóa thông tin.
117. Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý (2015), *Lễ hội Việt Nam*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
118. Trần Quốc Vượng (1996), “*Nguyên lý mẹ của nền văn hóa Việt Nam*”, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, (12).
119. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1999), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.1239.
120. <https://chaudoc.angiang.gov.vn/wps/portal/Home/trang-chu/cdp-xem/sa-tintucsukien/sa-vanhoathethaodulich/e3dd907b-e534-4328-b41b>.
121. <https://dangcongsan.vn/18/04/2024>.
122. <https://giadinh.bvhttdl.gov.vn/thuc-trang-bao-luc-gia-dinh-voi-nguoi-cao-tuoi-hien-nay/>. Truy cập ngày 19/10/2024.
123. <https://laodong.vn/van-hoa/dot-hang-nghin-ti-vao-vang-ma-moi-nam-cuc-van-hoa-ra-chi-dao-654957.ldo>, 28/01/2019.

124. <https://laodong.vn/thoi-su/hoan-thien-chinh-sach-nang-cao-muc-song-cho-nguoi-co-cong>, 23/07/2024.
125. : <https://lehoi.com.vn/trang-chu>
126. <http://mattran.org.vn/hoat-dong/265-ty-dong-ung-ho-va-dang-ky-ung-ho-dong-bao-cac-tinh-mien-trung-35149.html>, 27/10/2020.
127. <http://mattran.org.vn/hoat-dong/so-tien-ung-ho-dong-bao-bi-thiet-hai-boi-con-bao-so-3-len-toi-1628-ty-dong-57166.html>, 21/09/2024.
128. <https://nhandan.vn/> 29/04/2017.
129. <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/tin-tuc/tong-so-tien-ung-ho-phong-chong-dich-covid-19-da-dat-hon-21-188-8-ty-dong-676272>, 03/11/2021.
130. <http://tapchiquptd.vn/vi/quan-triet-thuc-hien-nghi-quyet/toan-quan-tiep-tuc-day-manh-nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-den-on-dap-nghia-theo-tinh-than-ng/18968.html>, 26/07/2022.
131. <http://tapchinongnghiep.vn/nong-thon-moi/nam-2023-ca-nuoc-co-khoang-6370-xa-dat-chuan-nong-thon-moi>, 02/01/2024.
132. <https://toquoc.vn/lam-gi-de-ngan-chan-va-day-lui-su-xuong-cap-dao-duc-hien-nay-20210624165126898.htm>. Truy cập 20/10/2024.
133. (<https://tuoitre.vn/16/04/2016>).
134. <https://tuoitre.vn/13/04/2023>.
135. <https://thanhvien.vn/29/4/2023>.
136. <https://ubkttw.vn/danh-muc/tin-tuc-thoi-su/hoi-nghi-toan-quoc-tong-ket-10-nam-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-giai-doan-2012-2022.html>, 30/06/2022.
137. <https://vov.vn/tin-nong/tinh-trang-nguoi-than-trong-gia-dinh-giet-nhau-van-xay-ra-nhieu-1068225.vov>, 07/07/2020.
138. <https://vov.vn/chinh-tri/thu-tuong-bao-dam-nguoi-co-cong-va-gia-dinh-co-muc-song-tu-trung-binh-kha-post1034361.vov>, 22/07/2023.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Diện tích, dân số và mật độ dân số năm phân theo vùng

(Tính đến hết ngày 1/12/2023)

STT	Cả nước/khu vực	Dân số trung bình (Nghìn người)	Diện tích (Km ²)	Mật độ dân số (Người/km ²)
1	Cả nước	100309,2	331344,8	303
2	Đồng bằng sông hồng	23732,4	21278,6	1115
3	Trung du và miền núi phía Bắc	13162,4	95184,1	138
4	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	20768,7	95860,8	217
5	Tây Nguyên	6163,6	54548,3	113
6	Đông Nam Bộ	19018,8	23551,4	808
7	Đồng bằng sông Cửu Long	17463,3	40921,7	427

Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2023 [84; tr.103 - 104]

Phụ lục 2

Số di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh

Đơn vị: Di tích

Phân loại	2019	2020	2021	2022	2023
Di tích quốc gia	3498	3560	3590	3589	3620
Di tích quốc gia đặc biệt	82	88	88	96	130
Di tích được UNESCO công nhận di sản thế giới		8	8	8	8

Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2023 [84; tr.994].

Phụ lục 3

Bảng 2.1: Thống kê lễ hội ở Việt Nam

Đơn vị: nghìn

Lễ hội	11.124	100%
Lễ hội truyền thống	10.354	93,07%
Lễ hội văn hoá	687	6,2%
Lễ hội làng nghề	79	0,7%
Lễ hội du nhập từ nước ngoài	4	0,03%

Nguồn: <https://lehoi.com.vn/trang-chu> [126].

Phụ lục 4

Số lượng khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam (2022-2023)

Đơn vị: nghìn lượt người

Phân theo vùng lãnh thổ	2022	2023
	3661,2	12602,4
Châu Á	2307	9.781,2
Châu Âu	427,8	1.459,2
Châu Mỹ	369,3	903,8
Châu Úc	156,1	428,1
Châu Phi	401	30,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2023 [84; tr.750].

Phụ lục 5
Số lượt khách về dự lễ Giỗ Tổ Hùng Vương (2016-2024)

Đơn vị: triệu lượt khách

Năm	2016	2017	2018	2019	2022	2023	2024
Lượt khách	7	8	3	4,5	1	8	3

*Nguồn: <https://tuoitre.vn/16/04/2016>; <https://nhandan.vn/29/04/2017>;
<https://thanhvien.vn/29/4/2023>; <https://tuoitre.vn/13/04/2023>;
<https://dangcongsan.vn/18/04/2024> [134; 129; 136; 135; 122].*

Phụ lục 6
Tỉ lệ hộ nghèo của cả nước (2019-2023)

Đơn vị: %

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Hộ nghèo	5,7	4,8	4,4	4,2	3,4

Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2023 [84; tr. 1025].

Phụ lục 7**Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành cả nước và phân theo vùng (2019 - 2023)***Đơn vị: nghìn đồng*

Thu nhập bình quân 1 người/1 tháng	2019	2020	2021	2022	2023
Cả nước	4.295	4.250	4.205	4.673	4.962
Đồng bằng sông Hồng	5.191	5.084	5.026	5.586	5.981
Trung du và miền núi phía Bắc	2.640	2.745	2.838	3.170	3.438
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	3.331	3.405	3.493	3.967	4.264
Tây Nguyên	3.095	2.817	2.856	3.282	3.566
Đông Nam Bộ	6.280	6.024	5.794	6.334	6.520
Đồng bằng sông Cửu Long	3.886	3.874	3.713	4.077	4.371

*Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2023 [84; tr.995].***Phụ lục 8****Hệ số chênh lệch về thu nhập bình quân 1 người/1 tháng giữa nhóm hộ giàu nhất và nhóm hộ nghèo nhất lần lượt tăng lên qua 11 lần khảo sát mức sống (2002, 2004, 2006, 2008, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2020, 2022)***Đơn vị: lần*

Năm	2002	2004	2006	2008	2010	2012	2014	2016	2018	2020	2022
Lần	8,1	8,3	8,4	8,9	9,2	9,4	9,7	9,8	10,0	8,0	7,6

Nguồn: Nguyễn Tất Giáp, Đỗ Văn Quân (2022) [22].

Phụ lục 10

Thống kê lễ hội, nơi diễn ra lễ hội, thời gian diễn ra lễ hội, nhân vật thờ cúng, trò diễn trong lễ hội truyền thống

STT	TÊN LỄ HỘI	NƠI DIỄN RA LỄ HỘI	THỜI GIAN DIỄN RA LỄ HỘI	NHÂN VẬT THỜ CÚNG	TRÒ DIỄN
1	Lễ hội đền Hùng	Tỉnh Phú Thọ	Mùng 10 tháng Ba âm lịch	Các vua Hùng (18 đời vua Hùng)	- Tế lễ - Thi rước kiệu - Múa hát xoan - Chàm thau - Đâm đuống (Ngoài ra các trò diễn rước chúa gái không nằm trong lễ nhưng quan trọng và liên quan đến hội đền Hùng)
2	Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc	Thành phố Hà Nội	Hội Gióng ở đền Phù Đổng: từ mùng 7 đến 9 tháng Tư âm lịch; Hội Gióng ở đền Sóc: từ mùng 6 đến 8 tháng Giêng âm lịch	Thánh Gióng	- Đền Phù Đổng (ngày 9 tháng Tư) + Tế lớn ở đền + Lễ diễn lại trận đánh

STT	TÊN LỄ HỘI	NƠI DIỄN RA LỄ HỘI	THỜI GIAN DIỄN RA LỄ HỘI	NHÂN VẬT THỜ CÚNG	TRÒ DIỄN
3	Lễ hội đèn Trần	Tỉnh Nam Định	Từ mùng 1 đến 30/8 âm lịch(các hoạt động lễ hội chủ yếu diễn ra từ ngày 10-20/8 âm lịch)	Các vua Trần cùng các quan lại có công phù tá nhà Trần	- Rước kiệu - Tế lễ - Dâng hương
4	Lễ hội Phủ Dầy	Tỉnh Nam Định	Từ mùng 1 đến 10 tháng Ba âm lịch	Mẫu Tam phủ của người Việt	- Nghi lễ rước Thánh Mẫu từ phủ chính lên chùa Côi - Hội kéo chữ
5	Lễ hội đền Bà Chúa Kho	Tỉnh Bắc Ninh	Từ ngày 14 tháng Giêng	Bà Chúa Kho	- Dâng lễ vật cúng Bà Chúa Kho - Tiến lễ các ban thờ trong khu vực đền
6	Lễ hội Trò Trám	Tỉnh Phú Thọ	Từ ngày 11, 12 tháng Giêng	Linh vật Nở - Nường	- Tục rước vật linh (rước “Nở Nường” - Tục rước lúa thần - Diễn trò “Tứ dân chi nghiệp” (Sĩ, Nông, Công, Thương)

STT	TÊN LỄ HỘI	NƠI DIỄN RA LỄ HỘI	THỜI GIAN DIỄN RA LỄ HỘI	NHÂN VẬT THỜ CÚNG	TRÒ DIỄN
7	Lễ hội Cầu Ngư	Các tỉnh ven biển Trung Bộ và Nam Bộ	Thường diễn ra từ tháng Giêng đến tháng Ba âm lịch	Cá Ông (có nơi gọi là Nghinh Ông, có nơi gọi là Ông Nam Hải)	<ul style="list-style-type: none"> - Lễ Rước Sắc - Lễ Nghinh Ông (lễ Nghinh thủy triều) - Trò diễn Hò Bá Trạo - Lễ Tinh Sanh - Lễ Tế Chánh - Thứ lễ và Tôn vương (tùy thuộc phong tục tập quán mỗi nơi mà có sự khác biệt đôi chút về nghi lễ).
8	Lễ hội Bà Chúa Xứ	Tỉnh An Giang	Từ đêm 23 đến ngày 27 tháng Tư âm lịch	Thờ Bà Chúa Xứ	<ul style="list-style-type: none"> - Lễ phục hiện rước tượng Bà - Lễ tắm Bà - Lễ thỉnh sắc thân - Lễ túc yết - Lễ xây châu - Lễ chánh tế - Lễ hồi sắc

Nguồn: <https://lehoi.com.vn/trang-chu> [126].